

BIỂU SỐ 01

BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn HĐND tỉnh Yên Bái đã giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn HĐND tỉnh Lào Cai (cũ) đã giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Lào Cai			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ		Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ		Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	
1	2	3	4	5=3-4	6	7	8=6-7	9=3+6	10=4+7	11=5+8	12
	TỔNG VỐN	29.472.232	29.142.586	329.646	31.111.819	31.044.173	67.646	60.584.051	60.186.759	397.292	
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	11.216.449	11.216.449		12.582.341	12.582.341		23.798.790	23.798.790		
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	5.469.480	5.469.480		5.491.917	5.491.917		10.961.397	10.961.397		Chi tiết tại Biểu số 02, 03
2	Vốn nước ngoài	1.614.372	1.614.372		1.113.653	1.113.653		2.728.025	2.728.025		Chi tiết tại các Biểu số 04, 05
3	Vốn các chương trình mục tiêu quốc gia	2.553.193	2.553.193		3.558.181	3.558.181		6.111.374	6.111.374		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.384.658	1.384.658		1.028.580	1.028.580		2.413.238	2.413.238		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	499.635	499.635		454.300	454.300		953.935	953.935		
-	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	668.900	668.900		2.075.301	2.075.301		2.744.201	2.744.201		
4	Vốn chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	277.000	277.000		226.000	226.000		503.000	503.000		Chi tiết tại Biểu số 06, 07
5	Vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu	1.302.404	1.302.404		2.192.590	2.192.590		3.494.994	3.494.994		Chi tiết tại Biểu số 08, 09
II	VỐN NGÂN SÁCH TỈNH	18.255.783	17.926.137	329.646	18.105.100	18.087.454	17.646	36.360.883	36.013.591	347.292	Chi tiết tại Biểu số 10, 11, 12
1	Nguồn ngân sách tập trung	2.985.000	2.985.000		3.605.100	3.605.100		6.590.100	6.590.100		
	Trong đó điều chỉnh từ ngân sách cấp huyện về ngân sách cấp tỉnh	459.736									
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất	10.317.795	9.988.149	329.646	8.200.000	8.200.000		18.517.795	18.188.149	329.646	
	Trong đó điều chỉnh từ ngân sách cấp huyện về ngân sách cấp tỉnh	5.518.755	5.518.755								
3	Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết	207.000	207.000		170.000	152.354	17.646	377.000	359.354	17.646	
4	Vốn từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	315.065	315.065					315.065	315.065		

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư công trung hạn HĐND tỉnh Yên Bái đã giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn HĐND tỉnh Lào Cai (cũ) đã giao			Kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Lào Cai			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		
			Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ		Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ		Đã phân bổ	Còn lại chưa phân bổ	
5	Nguồn tăng thu thuế, phí, thu khác, tiết kiệm chi và các nguồn vốn hợp pháp khác ngân sách tỉnh (tiền thuê đất trả tiền một lần, tăng thu, kết dư, tiết kiệm chi, dự phòng...)	4.430.923	4.430.923		4.730.000	4.730.000		9.160.923	9.160.923		
	Trong đó điều chỉnh từ ngân sách cấp huyện về ngân sách cấp tỉnh	640.649	640.649								
7	Nguồn thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông và khắc phục môi trường				1.400.000	1.400.000		1.400.000	1.400.000		
III	NGUỒN VỐN XÃ HỘI HOÁ				424.378	374.378	50.000	424.378	374.378	50.000	Chi tiết tại Biểu số 13
1	Đóng góp của các doanh nghiệp thủy điện nộp vào ngân sách tỉnh				15.490	15.490		15.490	15.490		
2	Đóng góp của Tập đoàn than khoáng sản - TKV nộp vào ngân sách tỉnh				160.000	110.000	50.000	160.000	110.000	50.000	
3	Nguồn thu đóng góp từ Quỹ cứu trợ tỉnh				248.888	248.888		248.888	248.888		

BIỂU SỐ 02

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSTW THEO NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ				18.276.857	10.741.673	6.048.204	4.107.723	5.469.480	
A	THEO TIÊU CHÍ ĐỊNH MỨC CHO CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC				16.246.857	9.256.673	6.048.204	4.107.723	3.984.480	
a	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2020				7.038.648	2.907.958	3.462.441	2.382.599	187.331	
1	Cầu Trái Hút	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	1896/QĐ-UBND ngày 30/10/2007; 561/QĐ-UBND ngày 26/4/2010	164.024	78.947	116.251	68.946	47.305	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường Trung tâm Km 5 - Trung tâm thị trấn Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	455/QĐ-UBND ngày 29/10/2004; 264/QĐ-UBND ngày 23/8/2005; 503/QĐ-UBND ngày 02/11/2006; 1283/QĐ-UBND ngày 03/9/2009; 778/QĐ-UBND ngày 03/7/2013	429.330	192.857	383.335	192.857	38.802	
3	Đường tránh ngập thành phố Yên Bái, đoạn nối trung tâm Km5 với Quốc lộ 32C	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	1555/QĐ-UBND ngày 06/10/2008; 911/QĐ-UBND ngày 28/6/2011; 1280/QĐ-UBND ngày 13/8/2016	995.784	580.500	967.665	564.500	16.000	
4	Đường Yên Bái - Khe Sang (đoạn Yên Bái - Trái Hút)	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	941/QĐ-UBND ngày 30/6/2011; 1939/QĐ-UBND ngày 31/12/2012	523.736	263.455	333.326	254.455	9.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
5	Đường, đê chống ngập và phục vụ cứu hộ, cứu nạn Yên Bái - Trấn Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	780/QĐ-UBND ngày 13/7/2012	786.865	786.865			943	
6	Đường từ xã Nậm Khắt, huyện Mường Chải đến xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu	UBND huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	285/QĐUBND ngày 01/3/2011	350.000	350.000			5.000	
7	Đường tránh ngập huyện Văn Chấn	UBND huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	395/QĐ-UBND ngày 29/3/2011	145.770	125.000			2.500	
8	Đường trung tâm cụm xã Khao Mang, huyện Mường Chải	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	534/QĐ-SKHĐT ngày 02/11/2009	476	471			433	
9	Đường khu trung tâm cụm xã Bản Mù, huyện Trạm Tấu	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	535/QĐ-SKHĐT ngày 02/11/2009; 478/QĐ-SKHĐT ngày 31/12/2010	2.665	2.665			1.361	
10	Đường khu trung tâm cụm xã Lang Thíp, huyện Văn Yên	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	578/QĐ-SKHĐT ngày 20/11/2009	1.336	1.221	900	900	264	
11	Đường khu trung tâm cụm xã Minh Tiến, huyện Lục Yên	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	536/QĐ-SKHĐT ngày 03/11/2009	1.211	1.101	600	600	501	
12	Đường khu trung tâm cụm xã Yên Thành, huyện Yên Bình	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	537/QĐ-SKHĐT ngày 03/11/2009	3.583	3.336	2.499	2.499	837	
13	Kè chống sạt lở Khu di tích lịch sử đền Đông Cuông, huyện Văn Yên	UBND huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	284/QĐ-UBND ngày 28/02/2011	50.305	45.000	35.100	35.000	10.000	
14	Kè chống sạt lở xã Sơn A, huyện Văn Chấn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	471/QĐ-UBND ngày 08/4/2010; 1994/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	79.658	45.428	53.592	30.428	15.000	
15	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, sửa chữa đập, hồ thủy lợi Từ Hiếu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	1473/QĐ-UBND ngày 09/11/2012	48.236	48.236	20.000	20.000	10.000	
16	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, sửa chữa hồ Đầm Hậu, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	1349/QĐ-UBND ngày 25/10/2012	40.270	40.270			12.988	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
17	Nhà khuyến nông trung tâm cụm xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	608/QĐ-SKHĐT ngày 08/12/2009	1.518	1.488	1.100	1.100	328	
18	Nhà khuyến nông trung tâm cụm xã Vân Hội, huyện Trấn Yên	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	607/QĐ-SKHĐT ngày 08/12/2009	1.737	1.579	1.200	1.200	379	
19	San tạo mặt bằng + kê đá trung tâm cụm xã Phình Hồ, huyện Trạm Tấu	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	611/QĐ-SKHĐT ngày 08/12/2009	691	657			541	
20	Xây rãnh thoát nước, tường rào chợ trung tâm cụm xã Lang Thíp, huyện Văn Yên	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	610/QĐ-SKHĐT ngày 08/12/2009	361	361			328	
21	Xây kè đá đường vào 2 đầu cầu treo + hệ thống thoát nước trung tâm cụm xã Minh Tiến, huyện Lục Yên	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	612/QĐ-SKHĐT ngày 08/12/2009	1.255	1.141	700	700	441	
22	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía bắc	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	1029/QĐ-BNN-KH ngày 19/5/2011; 2881/QĐ-BNN-KH ngày 13/11/2012	182.161	23.021	179.000	21.821	1.200	
23	Dự án nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm nông nghiệp và phát triển khí sinh học (Qseap-YB)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	3662/QĐ-BNN-HTQT ngày 20/11/2008; 2174/QĐ-BNN-KH ngày 20/9/2011; 2183/QĐ-UBND ngày 31/12/2011; 865/QĐ-UBND ngày 16/6/2014	96.783	12.675	87.044	12.175	500	
24	Nâng cấp chợ trung tâm cụm xã Vân Hội, huyện Trấn Yên	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	609/QĐ-SKHĐT ngày 08/12/2009	498	453			453	
25	Trạm y tế trung tâm cụm xã Yên Thành, huyện Yên Bình	Ban Dân tộc	Tỉnh Lào Cai	459/QĐ-SKHĐT ngày 28/10/2009; 477/QĐ-SKHĐT ngày 31/12/2010	934	934			929	
26	Dự án đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Tỉnh Lào Cai	1024/QĐ-UBND ngày 16/8/2007; 1116/QĐ-UBND ngày 15/7/2010; 555/QĐ-UBND ngày 21/4/2011	2.009.339	167.000	221.956	166.999	7.475	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
27	Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2152/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 678/QĐ-UBND ngày 24/4/2017; 860/QĐ-TTg ngày 13/7/2018; 184/QĐ-UBND ngày 31/01/2019	1.120.121	133.297	1.058.173	1.008.419	3.823	
b	Các dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				5.293.767	3.422.840	2.585.763	1.725.124	1.424.565	
1	Cầu Tuần Quán	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	1688/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; 282/QĐ-UBND ngày 25/02/2015; 1352/QĐ-UBND ngày 07/7/2016; 1121/QĐ-UBND ngày 21/6/2017; 390/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	722.634	335.584	640.924	322.284	13.300	
2	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014 - 2025	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	1571/QĐ-UBND ngày 14/10/2011; 1910/QĐ-UBND ngày 22/10/2014; 1202/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	526.600	95.000	92.600	45.000	50.000	
3	Dự án di chuyển khẩn cấp, bố trí dân cư vùng thiên tai lũ ống, lũ quét trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	1287/QĐ-UBND ngày 25/6/2020	14.990	14.990	7.500	7.500	6.190	
4	Kè chống sạt lở bờ sông Hồng (đoạn qua khu vực Tuần Quán), thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1286/QĐ-UBND ngày 25/6/2020; 3292/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	140.000	112.588	20.000		92.588	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
5	Đường nối Quốc lộ 32, Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai (IC12)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1035/QĐ-UBND ngày 13/6/2019; 1574/QĐ-UBND ngày 27/7/2020; 3290/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 1924/QĐ-UBND ngày 08/9/2021; 3000/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	375.628	185.752	123.012		178.752	
6	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trạm Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1206/QĐ-UBND ngày 16/6/2020; 148/QĐ-UBND ngày 15/7/2020; 3291/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 855/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	260.000	200.000	64.000	50.000	150.000	
7	Đường nối Quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trạm Tấu), tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1412/QĐ-UBND ngày 09/7/2020; 1464/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	438.085	350.000	47.563		318.000	
8	Đường nối Quốc lộ 32C với Quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1351/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; 3294/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 1882/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	425.000	280.000	33.812		276.000	
9	Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1520/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	412.000	280.000	13.122		277.000	
10	Đầu tư xây dựng công trình cầu Cỏ Phức	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2305/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1881/QĐ-UBND ngày 25/9/2019; 1224/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	330.000	170.134	230.574	106.399	46.135	
11	Đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	1009/QĐ-UBND ngày 29/3/2017; 2625/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	930.000	690.000	808.100	689.400	600	
12	Dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Yên Bái"	UBND thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2002/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	718.830	708.792	504.556	504.541	16.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
c	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025				3.194.442	2.425.875			2.296.949	
1	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3447/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 1013/QĐ-UBND ngày 29/5/2024; 2123/QĐ-UBND ngày 28/10/2024; 1104/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	639.642	569.875			569.875	
2	Đường nối Tỉnh lộ 163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 558/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	200.000	150.000			150.000	
3	Kè chống sạt lở một số điểm suối Ngòi Thia và suối Ngòi Hút, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	500/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	300.000	200.000			102.074	
4	Cầu Giời Phiên, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	257/QĐ-UBND ngày 08/02/2021; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1412/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	650.000	550.000			519.000	
5	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 1964/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	180.000	100.000			100.000	
6	Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1779/QĐ-UBND ngày 19/8/2021; 1767/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; 1704/QĐ-UBND ngày 21/9/2023; 361/QĐ-UBND ngày 08/3/2024; 240/QĐ-UBND ngày 13/02/2025	362.800	250.000			250.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư/Quyết định đầu tư điều chỉnh, bổ sung		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
7	Cải tạo đường nối Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2570/QĐ-UBND ngày 22/11/2021; 1704/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	304.000	226.000			226.000	
8	Đường nối Quốc lộ 32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3138/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 2970/QĐ-UBND ngày 29/12/2021; 1685/QĐ-UBND ngày 28/9/2022; 22/NQ-HĐND ngày 08/7/2023; 16/NQ-HĐND ngày 19/4/2024; 599/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	558.000	380.000			380.000	
d	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025				720.000	500.000			75.635	
1	Kè chống sạt lở và phát triển cơ sở hạ tầng hai bờ sông Hồng, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	227/QĐ-UBND ngày 05/02/2024	370.000	250.000			75.635	
2	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 21/NQ-HĐND ngày 08/7/2023	350.000	250.000				
B	VỐN NSTW THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM, DỰ ÁN CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG				2.030.000	1.485.000			1.485.000	
a	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025				2.030.000	1.485.000			1.485.000	
1	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1721/QĐ-UBND ngày 13/8/2021; 1863/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	2.030.000	1.485.000			1.485.000	

BIỂU SỐ 03

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSTW THEO NGÀNH, LĨNH VỰC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ					27.913.830	9.974.974			5.491.917	
I	Danh mục dự án quan trọng điểm có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội			1		1.490.000	1.145.034			1.145.034	
1	Cầu biên giới qua Sông Hồng tại xã Bản Vược và hạ tầng kết nối	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh	1.490.000	1.145.034			1.145.034	
II	Danh mục dự án vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực					26.423.830	8.829.940			4.346.883	
2.1	Giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp			1		65.000	58.500			58.500	
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>			2021-2025							
1	Trường Cao đẳng Lào Cai, hạng mục nhà lớp học kết hợp văn phòng làm việc khoa Văn hóa - Nghệ thuật, nhà ký túc xá và hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		65.000	58.500			58.500	
2.2	Y tế dân số			6		1.304.722	1.084.722			1.124.722	
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>			2021-2025							
1	Dự án Bệnh viện đa khoa huyện Mường Khương	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	06/NQ-HĐND ngày 12/6/2020	219.722	209.722			209.722	
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>			2021-2025							
2	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai 4686, ngày 31/12/2022	200.000	170.000			190.000	
3	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai;	235.000	150.000			150.000	
4	Bệnh viện đa khoa huyện Bát Xát	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai; 4284 ngày 09/12/2021	200.000	180.000			180.000	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
5	Xây mới Bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai giai đoạn 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 04 ngày 09/4/2021 của HĐND tỉnh; QĐ số 2572 ngày 21/7/2021	250.000	225.000			225.000	
6	Xây mới Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh	200.000	150.000			170.000	
2.3	Giao thông			12		15.154.357	3.925.314			1.955.944	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>			2021-2025							
1	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài thành phố Lào Cai (thuộc Khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường)	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		873.161	310.971			123.000	
2	Đường Kết nối ga Phố Mới (Lào Cai) - Ga Bảo Hà, huyện Văn Yên (Yên Bái) và Trung tâm huyện Văn Bàn - Văn Yên (Yên Bái) giai đoạn I	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban quản lý dự án ODA tỉnh)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		815.492	730.000			100.000	
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2023</i>										
3	Dự án Đường nối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến thị trấn Sa Pa theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	2193,15/7/2015; 3020,28/9/2018	2.518.000	450.000			266.000	
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023</i>										
4	Cầu Phú Thịnh nối Quốc lộ 4E với khu đô thị Vạn Hòa, thành phố Lào Cai	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	08NQ HĐND 10/7/2020; NQ số 41/NQ/HĐND ngày 04/12/2020	450.000	200.000			254.000	
5	Cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai	Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	08, 10/7/2019; 3678,31/10/2019; 952, 10/4/2020; NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai	258.194	150.000			150.000	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Bản Xèo - Dền Sáng - Y Tý, huyện Bát Xát	Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh; NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai	200.000	180.000			180.000	
7	Đường kết nối Tỉnh lộ 151 (Võ Lao, Văn Bàn) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (tại xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh; NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai	115.000	72.000			72.000	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
8	Đường Tả Cù Ty, huyện Bắc Hà đi UBND xã Bản Ngòi, huyện Sín Mần, tỉnh Hà Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh; 991 ngày 26/3/2021	90.000	72.000			72.000	
9	Cải tạo, nâng cấp các tuyến tỉnh lộ 154 và 160 kết nối huyện Mường Khương và huyện Bắc Hà	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai	180.000	162.000			162.000	
10	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường kết nối từ cầu Làng Giàng đến QL70	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; NQ số 04/NQ/HĐND ngày 09/4/2021	255.000	229.500			229.500	
11	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Vạn Hòa - Yên Bái đến đường Làng Giàng - Quốc lộ 70	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 04 ngày 09/4/2021 của HĐND tỉnh; 1829,31/5/2021	97.000	87.300			87.300	
12	Xây dựng Cảng Hàng Không Sa Pa, tỉnh Lào Cai theo hình thức đối tác công tư (PPP)	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 211/TT-UBND 29/10/2020; NQ số 04/NQ/HĐND ngày 09/4/2021	6.948.845	600.000			167.295	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025										
13	Cải tạo nâng cấp đường Y Tý - A Lù - A Mú Sung, huyện Bát Xát (JICA VI)	Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		2654/QĐ-UBND ngày 26/8/2009	50.795	34.648			844	
14	Dự án Nâng cấp đường tỉnh lộ các tỉnh MNPB tỉnh Lào Cai (vốn ADB)	Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		1219/QĐ-TTg ngày 06/9/2012	502.299	392.000			16.500	
15	Cải tạo và nâng cấp đường tỉnh lộ 153 đoạn Bắc Hà - Lũng Phình, huyện Bắc Hà (JICA VI)	Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		416/QĐ-UBND ngày 23/03/2011	69.791	27.699			7.000	
16	PT các đô thị loại vừa - Tiểu DA thành phố Lào Cai (bao gồm cả tiểu DA hỗ trợ kỹ thuật PPTAF (vốn WB), trong đó:	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Lào Cai và Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai		Quyết định số 2916/QĐ-UBND ngày	1.527.380	210.196			66.275	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
17	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các dự án đường cứu hộ cứu nạn, trong đó:	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Bát Xát + huyện Mường Khương và thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		3725/UBND ngày 15/12/2010; 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2011	203.400	17.000			2.230	
2.4	Y tế					316.600	43.200			13.000	
	Dự án nhóm A, nhóm B, Nhóm C										
	Dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01/01/20215 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020										
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025										
1	Cung cấp trang thiết bị y tế BV đa khoa tỉnh Lào Cai	Sở Y tế	Tỉnh Lào Cai		2697-10/10/2011	316.600	43.200			13.000	
2.5	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội					1.075.585	189.605			160.001	
	Dự án nhóm A, nhóm B, Nhóm C										
	Dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01/01/20215 mà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020										
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025										
1	Khu hành chính mới Cam đường,	các chủ đầu tư	Tỉnh Lào Cai		3454-28/12/2005; 2154-24/8/2012; 515-6/03/2006; 3622-1/12/2008; 1720-20/06/2008; 1706-6/7/2011	1.075.585	189.605			160.001	
2.6	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật					1.008.458	61.121			5.658	
	Dự án nhóm A, nhóm B, Nhóm C										

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
	Dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01/01/20215 mnà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020										
	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</i>										
1	Dự án giảm nghèo các tỉnh MNPB - tiểu DA tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai		199, 21/02/2014; 1077, 22/4/2014	1.008.458	61.121			5.658	
2.7	Thông tin					268.783	232.439			10.593	
	Dự án nhóm A, nhóm B, Nhóm C										
	Dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01/01/20215 mnà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020										
	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</i>										
1	Mở rộng vùng phủ sóng và tăng cường năm lực Đài PTTH Lào Cai (bao gồm cả hợp phần kỹ thuật + thiết bị) trong đó:	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		số: 2446 ngày 04/9/2008; số 3999 ngày 26/11/2009; số 924 ngày 20/4/2011; số 1835 ngày 02/8/2007	268.783	232.439			10.593	
2.8	Du lịch			1		80.000	72.000			72.000	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023			2021-2025							
1	Đầu tư xây dựng phân khu du lịch Y Tý (huyện Bát Xát), thuộc khu du lịch Quốc gia Sa Pa	Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh	80.000	72.000			72.000	
2.9	Xã hội			1		45.000	40.500			40.500	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023			2021-2025							
1	Nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Lào Cai	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh	45.000	40.500			40.500	
2.10	Thu hồi các khoản vốn ứng trước					797.838	797.838			203.217	
1	Kè bảo vệ nhà máy nước, phường Lào Cai	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		97.280	97.280			10.926	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
2	Kè biên giới sông hồng đoạn thôn Tân An, xã Cốc Mỹ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		82.817	82.817			31.617	
3	Kè biên giới sông hồng khu vực thôn An Quang, xã Quang Kim	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		162.034	162.034			39.613	
4	Kè biên giới sông Nậm Thi bảo vệ QL4D phường Lào Cai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		99.000	99.000			20.837	
5	Kè sông Nậm Thi khu vực thôn K8, xã Bản phiet	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		37.254	37.254			14.517	
6	Kè sông Hồng khu vực thôn 2 xã Bản Vược	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		116.178	116.178			24.837	
7	Kè biên giới sông Hồng khu vực cửa khẩu Bản Vược	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		98.446	98.446			35.824	
8	Kè biên giới sông Hồng khu vực thôn Hải Khê, xã Bản Qua, huyện Bát Xát	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		104.829	104.829			25.046	
2.11	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi			4		3.270.571	1.824.311			510.464	
	<i>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</i>			2021-2025							
1	Dự án bố trí dân cư Biên giới thôn Choán Ván - Sả Hồ, thị trấn Mường Khương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		55.163	44.000			3.330	
2	Kè 2 bên suối khu trung tâm xã Bản Hồ, huyện Sa Pa (bảo vệ dân cư), nạo vét lòng suối	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		25.000	25.000			17.500	
3	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, sạt lở đất thôn Móng Sến 1, 2, xã Trung Chải, huyện Sa Pa	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi cục Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		30.000	30.000			20.000	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
4	Kè Sông Hồng, di dân tái định cư khu vực Cánh Chén, xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai (đoạn từ cầu Phố Mới đến xã Vạn Hòa)	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban quản lý dự án ODA tỉnh)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		949.629	427.208			180.000	
	Dự án đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư trước ngày 01/01/20215 mnà không được bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020										
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025										
5	CSHT nông thôn và du lịch tỉnh Lào Cai (vốn AFD)	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai		1412, 23/4/2014; 4012, 25/6/2014	844.718	128.170			24.000	
6	Kè biên giới sông Hồng đoạn thôn Tân Giang, xã Cốc Mỳ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		55-29/11/2010	82.817	82.817			31.572	
7	Kè biên giới sông Hồng khu vực thôn An Quang, xã Quang Kim	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		57-29/11/2010	162.034	162.034			39.417	
8	Kè bảo vệ nhà máy nước, phường Lào Cai	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		54,29/11/2010; 3592,06/12/2012	97.280	97.280			10.926	
9	Kè biên giới sông Nậm Thi bảo vệ QL4Đ phường Lào Cai	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		350-18/2/2011	99.000	99.000			20.836	
10	Kè sông Nậm Thi khu vực thôn K8, xã Bản Phiệt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		352-18/2/2011	37.254	37.254			14.517	
11	Kè biên giới sông Hồng đoạn thôn 2, xã Bản Vược	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		353-18/2/2011	118.311	118.311			29.841	
12	Kè biên giới sông Hồng khu vực cửa khẩu xã Bản Vược	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		354-18/2/2011	98.446	98.446			35.789	

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
13	Kè biên giới sông Hồng khu vực thôn Hải Khê xã Bán Qua huyện Bát Xát (60/TTg-NC ngày 24/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Xây dựng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		87-30/8/2011	104.829	104.829			24.997	
14	Phát triển CSHT nông thôn bền vững các tỉnh MNPB (ADB)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		Số: 1893/QĐ-UBND ngày 31/7/2012; Số: 1992/QĐ-UBND ngày 14/8/2012; số 458/QĐ-UBND ngày 11/2/2015 Số : 3513/QĐ-UBND ngày 3/12/2012; Số: 2302/QĐ-UBND	206.515	47.766			2.145	
15	Kè Sông Nậm Thi từ cầu Hồ Kiều đến Nhà máy nước	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		QĐ 1676 ngày 27/8/2001; 1852 ngày 04/6/2004	12.756	12.756			98	
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ Na Đầy, huyện Mường Khương (Sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa)	Chi cục Thủy lợi tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		582/QĐ-UBND, 06/3/2014	14.996	14.996			13.892	
17	Nâng cấp hồ chứa nước, hệ thống công trình thủy lợi Hóa Chư Phung (Sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa)	Chi cục Thủy lợi tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		583/QĐ-UBND, 06/3/2014	9.487	9.487			8.694	
18	Kè biên giới sông hồng đoạn Tùng Sáng 1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		56-28/9/2009	71.398	55.673			4.466	
19	Kè biên giới sông hồng đoạn Trịnh Tường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		53-28/9/2009	64.143	49.953			2.676	
20	Kè biên giới sông hồng thượng lưu Lục Cầu 2 (đoạn Quang Kim)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		54-28/9/2009	104.221	102.085			17.703	
21	Hoàn chỉnh kè Lục Cầu (nối kè Lục Cầu với kè hạ lưu Lục Cầu)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		55-28/9/2009	82.574	77.246			8.065	
2.8	Khu công nghiệp			2		170.000	153.000			20.000	
1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025			2021-2025							

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: nguồn vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
2	Hệ thống xử lý nước thải KCN Tăng Loong - giai đoạn 2	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban quản lý dự án ODA tỉnh)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		170.000	153.000			20.000	
2.9	Hỗ trợ đối ứng ODA			4		2.866.916	347.390			172.284	
1	DA phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Công (GMS) lần thứ 2- tiểu DA đô thị Sa Pa tỉnh Lào Cai	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban quản lý dự án ODA tỉnh)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		939.471	126.820			80.058	
2	Dự án phát triển các đô thị loại vừa Việt Nam - Tiểu dự án Thành phố Lào Cai - Khoản vay bổ sung - AF (Vốn WB)	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban quản lý dự án ODA tỉnh)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		821.245	81.357			14.826	
3	Dự án ĐTNCCS hạ tầng nông thôn huyện Bắc Hà (vốn vay Quỹ Cô ốt)	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban quản lý dự án ODA tỉnh)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		433.913	69.213			7.400	
4	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban quản lý dự án ODA tỉnh)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		672.287	70.000			70.000	

BIỂU SỐ 04

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

VỐN NƯỚC NGOÀI

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh								Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2020						Kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
					Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:		
							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài				Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền việt)	Vay lại (từ nguồn bội chi NSDP)	
							Tổng số	Trong đó:		Quy đổi ra tiền việt				Tổng số	NSDP	Tổng số	Trong đó:					
								NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó: Cấp phát	Vay lại					Trong đó: Cấp phát từ	Vay lại				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ					6.032.512	1.637.415	221.558	1.415.857	4.395.097	3.900.987	494.110	2.348.478	460.754	314.881	1.887.724	1.829.835	57.889	2.956.038	1.614.372	315.065	
I	Các dự án giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước					472.000	190.968		190.968	281.032	281.032		249.371	36.713	36.713	212.658	212.658		82.500			
I.1	Các dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025					472.000	190.968		190.968	281.032	281.032		249.371	36.713	36.713	212.658	212.658		82.500			
I.1.1	Nông lâm nghiệp					472.000	190.968		190.968	281.032	281.032		249.371	36.713	36.713	212.658	212.658		82.500			
1	Đê chống ngập sông Hồng khu vực xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	T. Lào Cai	2016-2022	48/TT.HĐND ngày 30/3/2018; 2254/QĐ-UBND 29/10/2018	472.000	190.968		190.968	281.032	281.032		249.371	36.713	36.713	212.658	212.658		82.500			
II	Các dự án giải ngân không theo cơ chế tài chính trong nước					5.560.512	1.446.447	221.558	1.224.889	4.114.065	3.619.955	494.110	2.099.107	424.041	278.168	1.675.066	1.617.177	57.889	2.873.538	1.614.372	315.065	
II.1	Các dự án chuyển tiếp, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025					5.058.412	1.353.697	221.558	1.132.139	3.704.715	3.250.775	453.940	2.099.107	424.041	278.168	1.675.066	1.617.177	57.889	2.686.285	1.427.119	315.065	
II.1.1	Nông lâm nghiệp					667.221	59.974		59.974	607.247	559.183	48.064	511.998	211.819	211.819	300.179	280.029	20.150	336.244	158.881	6.227	
1	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tại 21 tỉnh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	T. Lào Cai	2016-2022	3622/QĐ-BNN-HTQT ngày 07/9/2015; 1642/QĐ-UBND ngày 09/8/2016; 3012/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/7/2016	218.936	19.285		19.285	199.651	183.686	15.965	152.198			152.198	143.635	8.563	30.512	16.157	29	
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	T. Lào Cai	2017-2023	1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016; 930/QĐ-TTg 30/5/2016; QĐ 2019/QĐ-UBND ngày 7/9/20106; QĐ 3000/QĐ-UBND ngày 29/11/2019; 3046/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	143.635	24.714		24.714	118.921	107.029	11.892	36.014	2.489	2.489	33.525	29.950	3.575	159.473	68.934	2.609	
3	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Yên Bái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	T. Lào Cai	2017-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 9/11/2015; QĐ 2020 ngày 28/9/2018	304.650	15.975		15.975	288.675	268.468	20.207	323.786	209.330	209.330	114.456	106.444	8.012	146.259	73.790	3.589	
II.1.2	Kết cấu hạ tầng giao thông					3.056.378	1.097.358	90.342	1.007.016	1.959.020	1.604.082	354.938	585.274	105.147	27.387	480.127	442.388	37.739	2.042.376	1.093.881	258.198	
1	Dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Yên Bái"	UBND thành phố Yên Bái	T. Lào Cai	2015-2022	2002/QĐ-UBND ngày 30/10/2014; QĐ số 976/QĐ-TTg ngày 21/6/2021	718.831	100.380	90.342	10.038	618.451	575.159	43.292	539.940	77.775	15	462.165	429.814	32.351	179.924	77.532	29.448	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc quyết định đầu tư điều chỉnh							Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2020						Kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú		
					Số quyết định	Trong đó:						Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài				Tổng số	Vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW (tính theo tiền việt)		Vay lại (từ nguồn bội chi NSDP)	
							Tổng số	Trong đó:		Quy đổi ra tiền việt			Tổng số	NSDP	Tổng số	Trong đó:							
								NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó: Cấp phát					Vay lại	Trong đó: Cấp phát từ						Vay lại
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	T. Lào Cai	2020-2026	724/QĐ-TTg, 28/4/2016; QĐ 3154/QĐ-UBND 05/12/2017; 14/NQ-HĐND ngày 19/4/2024	913.901	461.279		461.279	452.622	407.360	45.262	11.928	11.928	11.928			643.449	407.360	24.465			
3	Dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái"	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	T. Lào Cai	2019-2025	289/QĐ-TTg ngày 18/3/2019; 466/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; QĐ 26/QĐ-TTg ngày 06/01/2020; QĐ 400/QĐ-UBND ngày 3/3/2020; 1314/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.423.646	535.699		535.699	887.947	621.563	266.384	33.406	15.444	15.444	17.962	12.574	5.388	1.219.003	608.989	204.286		
II.1.3	Văn hóa y tế giáo dục					1.334.813	196.365	131.216	65.149	1.138.448	1.087.510	50.938	1.001.835	107.075	38.962	894.760	894.760		307.665	174.357	50.639		
1	Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng	T. Lào Cai	2011-2021	2152/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; QĐ 678/QĐ-UBND ngày 24/4/2017; QĐ 860/QĐ-TTg ngày 13/7/2018	1.083.056	145.796	131.216	14.580	937.260	937.260		1.000.294	106.527	38.414	893.767	893.767		57.846	25.100			
2	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho Trung tâm y tế huyện Lục Yên và 08 phòng khám đa khoa khu vực, tỉnh Yên Bái	Sở Y tế	T. Lào Cai	2013-2023	1904/QĐ-TTg ngày 16/10/2013 ; 2793/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014; 609/QĐ-TTg ngày 26/4/2021; 965/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	38.095	6.700		6.700	31.395	31.395		1.541	548	548	993	993		39.554	30.402			
3	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến cơ sở"	Sở Y tế	T. Lào Cai	2020-2024	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; Số 1700/QĐ-TTg ngày 28/11/2019; QĐ 574/QĐ-UBND, ngày 04/04/2019, QĐ 126/QĐ-UBND ngày 17/01/2020	213.662	43.869		43.869	169.793	118.855	50.938							210.265	118.855	50.639		
II.2	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025, dự kiến hoàn thành sau giai đoạn 2021-2025					502.100	92.750		92.750	409.350	369.180	40.170							187.253	187.253			
1	Dự án Phát triển Nông thôn Thích ứng với Thiên tai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	T. Lào Cai	2024-2029	1593/QĐ-TTg ngày 23/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ	494.450	92.750		92.750	401.700	361.530	40.170							180.000	180.000			
2	Dự án Phát triển nông nghiệp bền vững và giảm nghèo thông qua quản lý tốt hơn nguồn nước tại xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	UBND huyện Văn Chấn	T. Lào Cai	2024-2025	1631/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	7.650				7.650	7.650								7.253	7.253			

BIỂU SỐ 05

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN NƯỚC NGOÀI

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư									Kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBT							Tổng số	Trong đó:		
								Trong đó:				Tinh bằng nguyên tệ (nghìn USD)	Quy đổi ra tiền Việt					
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
								Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:					
									NSTW	NSDP			đưa vào cân đối NSTW	Vay lại				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ						6.817.857	1.721.363	374.609	548.954		5.024.493	3.036.073	1.988.420	1.285.937	172.284	1.113.653	
a	Tài nguyên						127.663	20.849		20.849		106.814	85.451	21.363	37.241		37.241	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																	
(1)	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Lào Cai - VILG Lào Cai (WB)	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai	WB	23/12/2016	2023	1236/QĐ-BTNMT ngày 30/5/2016; 2993/QĐ-UBND ngày 12/9/2016; QĐ 4706/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	127.663	20.849		20.849	4.618,78 USD	106.814	85.451	21.363	37.241		37.241	
b	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						892.587	251.427	70.000	181.427		641.160	405.590	235.570	269.896	70.000	199.896	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																	
(1)	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (vốn WB)	Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Lào Cai	WB	10/3/2016	2022	1415/QĐ-TTg, 20/8/2015; 3606/QĐ-BNN-HTQT, 04/9/2015; 3102/QĐ-UBND, 21/7/2016; 3731/QĐ-UBND, 04/8/2016; 1476/QĐ-BNN-HTQT, 06/4/2021	220.300	18.280		18.280	8.977.000 USD	202.020	186.020	16.000	24.062		24.062	
-	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025																	
	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025																	
(2)	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai JICA	Ban QLDA ODA và ĐTXD tỉnh Lào Cai	JICA			QĐ số 1624/QĐ-TTg ngày 27/12/2022	672.287	233.147	70.000	163.147	28.927.000 USD	439.140	219.570	219.570	245.834	70.000	175.834	
c	Cấp nước, thoát nước						177.545	16.670		16.670		160.875	136.744	24.131	65.317		65.317	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư								Kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		
								Trong đó:									
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						
								Tổng số	Trong đó:		Tinh bằng nguyên tệ (nghìn USD)	Quy đổi ra tiền Việt					
									NSTW	NSDP		Tổng số	đưa vào cân đối NSTW		Vay lại		
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																
(1)	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (vốn WB8)	Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh Lào Cai	WB	08/4/2016	2023	1858/QĐ-TTg ngày 02/11/2015; 4638/QĐ-BNN ngày 09/11/2015; 2978/QĐ-UBND, 25/9/2018; 3018/QĐ-UBND, 02/12/2022	177.545	16.670		16.670	7.150.000 USD	160.875	136.744	24.131	65.317		65.317
d	Giao thông						4.561.505	1.189.881	244.083	147.998		3.299.624	1.953.283	1.346.341	753.230	87.458	665.772
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																
(1)	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương - LRAMP (vốn WB)	Sở Giao thông Vận tải tỉnh Lào Cai	WB	04/7/2016	2023	3154/QĐ-UBND ngày 07/5/2015; 2403/QĐ-UBND ngày 09/6/2015; 1114/QĐ-TTg, 24/07/2020 , QĐ số 46/QĐ-TTg, 13/01/2022; QĐ số 462/QĐ-BGTVT, 07/4/2023	508.320	74.000		74.000	22.330.000 USD	434.320	330.356	103.964	189.043		189.043
(2)	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2 – Tiểu dự án đô thị Sa Pa, tỉnh Lào Cai (vốn ADB)	Ban QLDA ODA và ĐTXD tỉnh Lào Cai	ADB	21/03/2016	2024	1593/QĐ-TTg ngày 14/9/2015; 3148/QĐ-UBND ngày 17/9/2015; 4535/QĐ-UBND ngày 20/10/2017; 1799/QĐ-UBND ngày 20/6/2019; 3647/QĐ-UBND, 12/10/2021; 1137/QĐ-UBND, 01/6/2022; 28/QĐ-UBND ngày 9/1/2023	949.472	208.156	174.870	33.286	34.060.000 USD	741.316	528.534	212.782	365.358	80.058	285.300
(3)	Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn huyện Bắc Hà (vốn KUWAIT)	Ban QLDA ODA và ĐTXD tỉnh Lào Cai	KUWA IT			734/QĐ-TTg ngày 29/4/2016; 3495/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1070/QĐ-UBND ngày 05/4/2021	433.913	109.925	69.213	40.712	14.000.000 USD	323.988	194.393	129.595	7.400	7.400	
-	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư																
(1)	Dự án Phát triển hạ tầng và đô thị bền vững tỉnh Lào Cai, vay vốn ADB	Ban QLDA ODA và ĐTXD tỉnh Lào Cai	ADB			1040/QT-TTg ngày 12/9/2023	2.669.800	797.800			75.000.000 USD	1.800.000	900.000	900.000	191.429		191.429
e	Du lịch						250.142	53.175		53.175		196.967	196.967		45.223		45.223
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhà tài trợ	Ngày ký hiệp định	Thời gian kết thúc	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư								Kế hoạch trung hạn vốn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:			
								Trong đó:										
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
								Tổng số	Trong đó:		Tính bằng nguyên tệ (nghìn USD)	Quy đổi ra tiền Việt						
									NSTW	NSDP		Tổng số	đưa vào cân đối NSTW		Vay lại			
(1)	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) - Tiểu dự án tỉnh Lào Cai (Vốn ADB)	Sở Du lịch tỉnh Lào Cai	ADB	25/11/2014	2021	280/QĐ-TTg ngày 20/02/2014; 1469/QĐ-BVHTTDL ngày 16/5/2014; 2889/QĐ-UBND ngày 10/10/2014; 4012/QĐ-UBND ngày 15/9/2017; 2695/QĐ-UBND ngày 31/8/2018; 2113/QĐ-UBND ngày 15/7/2019	250.142	53.175		53.175	7.429.000 USD	196.967	196.967		45.223	45.223		
f	Công trình công cộng tại các đô thị						808.415	189.361	60.526	128.835	27.000.000 USD	619.053	258.038	361.015	115.030	14.826	100.204	
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025																	
(1)	Dự án Phát triển các đô thị loại vừa – Tiểu dự án thành phố Lào Cai- khoản vay bổ sung AF (vốn vay WB)	Ban QLDA ODA và ĐTXD tỉnh Lào Cai	WB	15/12/2017	2022	351/QĐ-TTg, 21/3/2017; 955/QĐ-UBND, 27/3/2017; 956/QĐ-UBND, 27/3/2017; 3429/QĐ-UBND, 18/10/2019; 3436/QĐ-UBND, 21/10/2019; 2459/QĐ-UBND, 30/7/2020; 2610/QĐ-UBND, 11/8/2020; 935/QĐ-UBND, 6/5/2022; 934/QĐ-UBND, 6/5/2022; 1093/QĐ-UBND, 27/5/2022; 955/QĐ-UBND, 24/4/2023	808.415	189.361	60.526	128.835	27.000.000 USD	619.053	258.038	361.015	115.030	14.826	100.204	

BIỂU SỐ 06

**BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ				292.000	277.000	277.000	
1	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội tỉnh Yên Bái	Sở Nội vụ	Tỉnh Lào Cai	1033/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	90.000	90.000	90.000	
2	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1480/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; 397/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	41.000	40.000	40.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 07 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	396/QĐ-UBND ngày 27/3/2023; 2520/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	161.000	147.000	147.000	

BIỂU SỐ 07**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH***Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai**Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	CHỦ ĐẦU TƯ/ DANH MỤC DỰ ÁN	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng	Trong đó: NSTW		
1	2	2	3	5	6	7	9	10
	TỔNG SỐ				286.000	226.000	226.000	
	Dự án nhóm B							
1	Dự án đầu tư ngành, nghề trọng điểm đến năm 2025 của Trường Cao đẳng Lào Cai	Trường Cao đẳng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	NQ07,19/06/2022	70.000	70.000	70.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế huyện si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	NQ36,14/11/2022	85.000	55.000	55.000	
3	Dự án đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	NQ36,14/11/2022	75.000	45.000	45.000	
4	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 09 bệnh viện đa khoa tuyến huyện, tỉnh Lào Cai	Sở Y tế	Tỉnh Lào Cai	NQ36,14/11/2022	56.000	56.000	56.000	

BIỂU SỐ 08

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ				1.964.236	1.534.947	1.302.404	
1	Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	818/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; 375/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	220.000	80.000	80.000	
2	Kè chống sạt lở một số điểm suối Ngòi Thia và suối Ngòi Hút, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	500/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	300.000	200.000	40.000	
3	Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở phần hữu ngạn sông Hồng khu vực xã Quy Mông, huyện Trấn Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	972/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	35.000	30.000	30.000	
4	Di dân khẩn cấp thôn Hàm Rồng và thôn Ngọn Ngòi, xã Bạch Hà, huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	885/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	55.000	50.000	50.000	
5	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Khao Mang	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	680/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	35.000	33.000	33.000	
6	Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở và chỉnh trị suối Nậm Kim khu vực xã Hồ Bốn, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	151/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	130.000	115.000	90.800	
7	Khắc phục khẩn cấp cụm công trình thủy lợi xã Khao Mang	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	451/QĐ-UBND ngày 27/3/2024	7.000	6.200	6.610	
8	Khắc phục khẩn cấp cụm công trình thủy lợi xã Hồ Bốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	669/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	6.600	6.000	5.610	
9	Cầu qua suối Nậm Kim nối Quốc lộ 32 đi bản Đề Sủa, xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải (khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	677/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	14.000	11.000	11.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
10	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Hồ Bốn	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	678/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	24.000	20.000	18.620	
11	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Lao Chải	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	679/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	57.000	40.300	38.300	
12	Khắc phục khẩn cấp cụm công trình thủy lợi xã Lao Chải	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	681/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	29.000	26.500	26.060	
13	Di dân tái định cư thôn Sài Lương 2, xã An Lương, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	479/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	15.000	13.000	13.000	
14	Di dân tái định cư thôn Sài Lương, xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	539/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	10.000	10.000	9.000	
15	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	544/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	4.800	4.800	4.800	
16	Di dân khẩn cấp thôn Suối Lóp, thôn Kang Ký, xã Suối Giàng, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	674/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	43.000	43.000	41.500	
17	Di dân khẩn cấp thôn Nà Nọi, xã Sùng Đô, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	676/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	17.000	17.000	16.000	
18	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	483/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	13.000	12.000	12.000	
19	Dự án di dân, tái định cư tập trung các hộ bị thiệt hại do thiên tai tại xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	417/QĐ-UBND ngày 10/3/2025	23.394	23.394	21.100	
20	Dự án di dân, tái định cư tập trung các hộ bị thiệt hại do thiên tai tại xã Tân Phượng, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	508/QĐ-UBND ngày 18/3/2025	18.000	18.000	16.000	
21	Khắc phục khẩn cấp đường Tân Lĩnh - Tân Lập - Phan Thanh (ĐH 92), huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	634/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	11.000	11.000	10.000	
22	Khắc phục khẩn cấp đường Tân Lĩnh - Minh Chuẩn (ĐH 93)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	641/QĐ-UBND ngày 31/3/2025	40.000	40.000	38.500	
23	Khắc phục khẩn cấp đường liên xã Cầm Ân - Mông Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	2789/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	8.000	7.000	7.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
24	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	484/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	10.000	10.000	9.500	
25	Khắc phục khẩn cấp đường từ Ủy ban nhân dân xã Văn Lãng (cũ) đi các xã Thịnh Hưng, xã Đại Phạm	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	573/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	25.000	25.000	23.000	
26	Khắc phục khẩn cấp Trung tâm Y tế huyện Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	92/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	8.500	8.000	8.000	
27	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	564/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	6.500	6.500	6.000	
28	Khắc phục khẩn cấp đường Quy Mông - Kiên Thành, huyện Trấn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	477/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	100.000	100.000	93.000	
29	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Trấn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	924/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	8.000	8.000	7.500	
30	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	819/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	10.000	10.000	10.000	
31	Di dân khẩn cấp xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	1062/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	40.000	40.000	37.000	
32	Di dân khẩn cấp xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	1061/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	40.000	40.000	37.000	
33	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	183/QĐ-UBND ngày 03/02/2025	6.500	5.500	5.500	
34	Khắc phục khẩn cấp Trạm bơm điện Bái Dương	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	473/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	9.800	9.000	9.000	
35	Khắc phục khẩn cấp đường Thanh Niên và các tuyến nhánh	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	560/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	65.000	57.000	57.000	
36	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	563/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	6.000	6.000	5.500	
37	Khắc phục khẩn cấp thủy lợi Phai Mòn, xã Thạch Lương	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	50/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	9.500	4.000	9.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
38	Khắc phục khẩn cấp các đoạn kè xung yếu trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	49/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	12.000	4.400	10.000	
39	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	387/QĐ-UBND ngày 11/3/2025	3.600	3.600	3.500	
40	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	229/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	4.700	4.200	4.200	
41	Di dân khẩn cấp bản Háng Bla A, xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	478/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	25.000	25.000	22.404	
42	Khắc phục khẩn cấp đường Tân Đồng - Cẩm Ân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	926/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	65.600	65.600	64.500	
43	Cầu Khe Trầu thôn Đá Đen, xã An Lương	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	938/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	17.413	17.413	16.500	
44	Khắc phục khẩn cấp kè Đại Kại xã Tân Lĩnh, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	921/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	16.977	16.977	15.500	
45	Khắc phục khẩn cấp đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1105/QĐ-UBND ngày 26/5/2025	35.000	35.000	33.000	
46	Khắc phục khẩn cấp đường Mai Sơn - Lâm Thượng - Tân Phượng (ĐH.96)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1165/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	35.000	35.000	32.000	
47	Khắc phục khẩn cấp đường xã Vĩnh Kiên đi xã Bạch Hà	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1223/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	15.093	15.093	12.900	
48	Khắc phục khẩn cấp đường Đại Sơn - Tân Hợp, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	5678/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	5.500	2.500	2.500	
49	Khắc phục đường Nhược Mộ Bản Tát xã Châu Quế Hạ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	5680/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	2.771	2.600	2.600	
50	Khắc phục Cầu đoạn đường chính đi vào khu nhà ông Cẩm Văn Vĩnh, thôn Liên Hiệp xã Ngòi A	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	5679/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	2.283	2.200	2.200	
51	Khắc phục khẩn cấp cầu thôn 6 xã Phong Dụ Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	5852/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	3.165	3.000	3.000	
52	Khắc phục Cầu thôn Làng Bang xã Đại Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	5677/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	2.765	2.700	2.700	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
53	Khắc phục Ngập tràn thôn Cầu Có xã Đông Cuông	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	5851/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	2.373	2.300	2.300	
54	Khắc phục ngập xã Lâm Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	5854/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	2.756	2.700	2.700	
55	Đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc từ các lâm trường, công ty nông, lâm nghiệp, công ty chè trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	1193/QĐ-UBND ngày 09/6/2025	58.886	41.220	40.000	
56	Dự án đo đạc, lập bản đồ địa chính đối với đất đai có nguồn gốc từ 04 công ty lâm nghiệp trả về địa phương	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	1706/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	33.260	20.000	20.000	
57	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2539/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 423/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	44.500	22.250	18.000	
58	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Yên Bái (giai đoạn II)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1049/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	75.000	40.000	40.000	
59	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động của Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	117/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	40.000	25.000	16.000	

BIỂU SỐ 09
BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán					Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số	Trong đó: NSTW	NS tỉnh	Cấp huyện, xã bố trí, huy động cộng đồng		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng					245.700	234.000		11.700	2.192.590	
A	Vốn thực hiện xây dựng 05 cụm công trình cấp nước sạch cho các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai (Quyết định 1333/QĐ-TTg ngày 10/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	1				245.700	234.000		11.700	234.000	
1	Xây dựng hệ thống cấp nước sạch các xã trên địa bàn huyện Si Ma Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	60, 14/12/2023	245.700	234.000		11.700	234.000	
B	Vốn bổ sung có mục tiêu									1.958.590	
I	Vốn chuyển nguồn năm trước sang									321.590	
(1)	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 cho một số địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở (Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ)									250.000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán					Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số	Trong đó: NSTW	NS tỉnh	Cấp huyện, xã bố trí, huy động cộng đồng		
(2)	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 để thực hiện dự án đầu tư (Quyết định số 123/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	1				50.000	50.000			11.590	
1	Kè bảo vệ khu vực mố 85(2) xã Y Tý, huyện Bát Xát	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2024	01,04/12/2020; 28b, 21/01/2021	50.000	50.000			11.590	
(3)	Hỗ trợ kinh phí để thực hiện Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh (Quyết định số 1284/QĐ-TTg ngày 25/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					29.550		20.000	9.550	20.000	
*	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện					29.550		20.000	9.550	20.000	
*	Huyện Bảo Yên	1				29.550		20.000	9.550	20.000	
1	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất; đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai			29.550		20.000	9.550	20.000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số	Trong đó: NSTW	NS tỉnh			Cấp huyện, xã bố trí, huy động cộng đồng
(4)	Nguồn vốn dự phòng Ngân sách Trung ương năm 2022 hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 (Quyết định số 1661/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ)	14				60.350	40.000	15.000	5.350	40.000	
*	Lĩnh vực giao thông	11				50.900	31.300	15.000	4.600	31.300	
1	Đường tỉnh	1				35.000	17.600	15.000	2.400	17.600	
1.1	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình trên tuyến đường tỉnh 158 (đoạn Km60-Km67), huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	1997, 14/8/2023	35.000	17.600	15.000	2.400	17.600	
2	Đường huyện, xã	10				15.900	13.700		2.200	13.700	
2.1	Sửa chữa đường Nội thôn Tả Van Dáy I, xã Tả Van, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	UBND Thị Xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2024		1.200	1.050		150	1.050	
2.2	Sửa chữa đường Ky Quan San, Đường Tả Pờ Hồ xã Mường Hum	UBND Huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	4186, 15/8/2023	1.200	1.050		150	1.050	
2.3	Sửa chữa đường Nậm Giang 2 đi Suối Thầu 3 xã Nậm Chạc	UBND Huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	4185, 15/8/2023	1.500	1.300		200	1.300	
2.4	Sửa chữa đường giao thông Mù Tráng Phìn – Tả Văn Chư (Bắc Hà)	UBND Huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	61, 14/8/2023	3.500	3.000		500	3.000	
2.5	Sửa chữa đường các tuyến đường GTNT xã Nàn Sán (Đường Đội 1 - Sàng Chải 1; Đội 1 - Sàng Chải 3; Sàng Chải 4 đi Lũng Choáng - Kha Phàng)	UBND Huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	60, 14/8/2023	1.500	1.300		200	1.300	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán					Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số	Trong đó: NSTW	NS tỉnh	Cấp huyện, xã bố trí, huy động cộng đồng		
2.6	Sửa chữa đường trục thôn Phéc Bùng xã Bản Phố	UBND Huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	391, 14/8/2023	1.000	850		150	850	
2.7	Sửa chữa đường trục thôn Trung La- Bản Phố 1- Háng Dê xã Bản Phố	UBND Huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	392, 14/8/2023	1.000	850		150	850	
2.8	Sửa chữa đường giao thông nông thôn (Làng Giàng - Ít Nộc) xã Làng Giàng	UBND Huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	130, 14/8/2023	3.500	3.000		500	3.000	
2.9	Sửa chữa đường Nậm Trang, xã Nậm Mả	UBND Huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	128, 14/8/2023	1.000	850		150	850	
2.10	Xây dựng Kè ta luy dương chống sạt lở đường vào xóm Phìn Hồ	UBND Thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2024		500	450		50	450	
*	Lĩnh vực thủy lợi	3				9.450	8.700		750	8.700	
1	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Ta Kô xã Liêm Phú, Khánh Yên Hạ	UBND Huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	129, 14/8/2023	5.550	5.000		550	5.000	
2	Sửa chữa thủy lợi Ngòi Mả (kênh tả + kênh hữu) xã Võ Lao, Nậm Mả	UBND Huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	127, 14/8/2023	1.700	1.700			1.700	
3	Sửa chữa thủy lợi thôn Hồng Ngải xã Y Tý	UBND Huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	4187, 15/8/2023	2.200	2.000		200	2.000	
II	Vốn dự bị động viên	1				62.000	62.000			50.000	
1	Doanh trại kho K10	Bộ CHQS tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	402 ngày 28/9/2022	62.000	62.000			50.000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán					Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số	Trong đó: NSTW	NS tỉnh	Cấp huyện, xã bố trí, huy động cộng đồng		
III	Vốn bổ sung năm 2024: Hỗ trợ kinh phí từ nguồn NSTW để thực hiện các dự án kè biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc tại các khu vực sạt lở, sụt lún cấp bách (Quyết định số 132/QĐ-TTg ngày 01/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ)	2								177.000	
1	Kè bảo vệ biên giới Sông chảy mốc 171(2)+6933m đến mốc 171(2)+7238m xã Sín chải SMC	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai							42.000	
2	Kè bảo vệ sông biên giới KV mốc 106+1806m đến mốc 106+4188m xã Bản Phiệt bản lầu MK LC	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	512, 23/11/2021; 62, 21/02/2024; 85, 12/02/2025	135.000	135.000			135.000	
IV	Vốn bổ sung năm 2024 chuyển nguồn năm 2025									910.000	
1	Nguồn dự phòng NSTW năm 2024 hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 và mưa lũ sau bão (Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ)									800.000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
					Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số	Trong đó: NSTW	NS tỉnh			Cấp huyện, xã bố trí, huy động cộng đồng
2	Hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW năm 2024 để thực hiện dự án một số Kè trên địa bàn tỉnh Lào Cai (Quyết định số 180/QĐ-TTg ngày 26/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ)									70.000	
	Dự án Kè chống sụt lún mốc 93(2) kè BV mốc 93+6.900 đến93+8.200 xã Nậm Chạc huyện Bát Xát	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai							70.000	
3	Nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu thực hiện đề án tăng cường lý đất đai					56.833	40.000		16.833	40.000	
*	Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện					56.833	40.000		16.833	40.000	
(1)	Thị xã Sa Pa					21.840	18.000		3.840	18.000	
	Xác định ranh giới, cắm mốc, lập hồ sơ ranh giới sử dụng diện tích đất rừng do UBND cấp xã, cộng đồng dân cư quản lý sử dụng; đo vẽ bản đồ địa chính; kê khai đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đối với đất đai có nguồn gốc từ nông lâm trường quốc doanh trên địa bàn thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai		Tỉnh Lào Cai			21.840	18.000		3.840	18.000	
(2)	Huyện Bảo Thắng					34.993	22.000		12.993	22.000	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm thực hiện	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư/quyết toán					Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số QĐ phê duyệt	Tổng mức đầu tư					
						Tổng số	Trong đó: NSTW	NS tỉnh	Cấp huyện, xã bố trí, huy động cộng đồng		
	Xác định ranh giới, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính đất đai có nguồn gốc từ nông lâm trường quốc doanh trên địa bàn huyện huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai		Tỉnh Lào Cai			34.993	22.000		12.993	22.000	
V	Vốn bổ sung có mục tiêu khác từ trung ương									500.000	

BIỂU SỐ 10
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
						Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ				33.056.900	3.436.159	13.775.029	14.400.662	18.255.783	
A	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP GIAI ĐOẠN 2016-2020				9.208.522		4.595.591	4.612.931	1.159.019	
1	Đường đến trung tâm xã Làng Nhì	Ban QDLA huyện Trại Tấu	Tỉnh Lào Cai	124/QĐ-UBND ngày 25/01/2019; 2051/QĐ-UBND ngày 11/9/2020	22.990		14.500	8.490	8.490	
2	Đường Bản Mù - Làng Nhì, xã Bản Mù, xã Làng Nhì	Ban QDLA huyện Trại Tấu	Tỉnh Lào Cai	1990/QĐ-UBND ngày 08/09/2020	19.490		14.320	5.170	5.170	
3	Đầu tư xây dựng công trình cầu Cỏ Phúc	Ban QDLA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2305/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 1881/QĐ-UBND ngày 25/9/2019; 1224/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	330.000		170.134	159.866	976	
4	Đường nối quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1009/QĐ-UBND ngày 29/3/2017; 2625/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	930.000		690.000	240.000	54.120	
5	Cầu Tuần Quán	Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1688/QĐ-UBND ngày 31/10/2011; 282/QĐ-UBND ngày 25/02/2015; 1352/QĐ-UBND Ngày 07/7/2016; 1121/QĐ-UBND ngày 21/6/2017; 390/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	722.634		361.893	360.741	12.000	
6	Đường nối Quốc lộ 32, Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai (IC12)	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1035/QĐ-UBND ngày 13/6/2019; 1574/QĐ-UBND ngày 27/7/2020; 1924/QĐ-UBND ngày 08/9/2021; 3000/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 35/NQ-HĐND ngày 19/10/2022; 1882/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	375.628		185.752	189.876	46.111	
7	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Trại Tấu (Yên Bái) - Bắc Yên (Sơn La)	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1206/QĐ-UBND ngày 16/6/2020; 855/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	260.000		200.000	60.000	28.000	
8	Đường nối quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với Tỉnh lộ 174 (huyện Trại Tấu), tỉnh Yên Bái	Ban QDLA các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1412/QĐ-UBND ngày 09/7/2020; 3288/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1464/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	438.085		350.000	88.085	3	
9	Đường nối quốc lộ 32C với quốc lộ 37 và đường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban QDLA các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1351/QĐ-UBND ngày 03/7/2020; 3294/QĐ-UBND ngày 23/12/2020; 1882/QĐ-UBND ngày 19/10/2022; 571/QĐ-UBND ngày 19/4/2023; 428/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	425.000		280.000	145.000	55.500	
10	Đường nối Quốc lộ 37, Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, tỉnh Yên Bái	Ban QDLA các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1520/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 43/QĐ-UBND ngày 10/01/2024	412.000		280.000	132.000	15.000	
11	Đường Lâm Giang - Lang Thíp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1745/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 1265/QĐ-UBND ngày 01/8/2022; 467/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	71.649			71.649	56.000	
12	Cầu Trần Phú, thị trấn nông trường Trần Phú	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	901/QĐ-UBND ngày 08/5/2020; 621/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	24.050			24.050	24.751	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Đầu tư xây dựng công trình cầu Ngòi Tháp, đường Âu Lâu - Đông An (ĐT.166), thuộc lý trình Km 21+600m	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2542/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	28.600			28.600	4.634	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Vân Hội - Quân Khê, huyện Trấn Yên	Ban QDLA huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	478/QĐ-UBND ngày 16/3/2020	20.000			20.000	7.294	
15	Đường nối Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	606/QĐ-UBND ngày 31/3/2016; 387/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	359.740		87.709	272.031	94.000	
16	Dự án đầu tư xây dựng đường lâm nghiệp tỉnh Yên Bái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	581/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	89.630		55.718	33.912	9.488	
17	Đường Mai Sơn - Lâm Thượng, huyện Lục Yên	Ban QDLA huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	2543/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1096/QĐ-UBND ngày 03/6/2021	38.000			38.000	8.681	
18	Đường nội thị thị tứ Cẩm Ân, huyện Yên Bình	Ban QDLA huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	2527/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2541/QĐ-UBND ngày 17/11/2021	23.000			23.000	1.001	
19	Đường Bán Mù đi Làng Nhì (đoạn từ Km6 đi Giàng La Pán), xã Làng Nhì, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái	Ban QDLA huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	Số 1991/QĐ-UBND ngày 08/09/2020	27.818		13.226	14.592	11.013	
20	Đường tránh ngập thành phố Yên Bái, đoạn Trung tâm Km 5 - Quốc lộ 32C	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	1555/QĐ-UBND ngày 06/10/2008; 911/QĐ-UBND ngày 28/6/2011; 1280/QĐ-UBND ngày 13/8/2016	996.324		580.500	415.824	327	
21	Dự án đầu tư xây dựng cầu Bách Lãm kết nối Quốc lộ 37 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	248/QĐ-UBND ngày 19/02/2016	512.036		244.536	267.500	665	
22	Nhà bảo tàng tỉnh Yên Bái	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1913/QĐ-UBND ngày 16/12/2008; 783/QĐ-UBND ngày 04/6/2009; 1744/QĐ-UBND ngày 14/11/2011; 1592/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	89.519		36.463	53.056	513	
23	Hạ tầng kỹ thuật công viên Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2801/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 1732/QĐ-UBND ngày 20/9/2017; 1099/QĐ-UBND ngày 25/6/2019; 1215/QĐ-UBND ngày 17/06/2020	100.000			100.000	19.920	
24	Chợ Bến Đò, thành phố Yên Bái	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2287/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 164/QĐ-UBND ngày 22/01/2020; 2159/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	37.500			37.500	15.806	
25	Chợ trung tâm huyện Mù Cang Chải	Ban QDLA huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	2275/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 2009/QĐ-UBND ngày 08/9/2020	35.529			35.529	5.000	
26	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	920/QĐ-UBND ngày 11/5/2020	25.000		18.000	7.000	6.757	
27	Dự án chỉnh trị tổng thể khu vực Ngòi Thia	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	27/QĐ-UBND Ngày 09/01/2018; 532/QĐ-UBND ngày 28/3/2019	600.000		544.400	55.600	16.892	
28	Kè chống sạt lở khu dân cư thôn Nhược xã Châu Quế Hạ	Ủy ban nhân dân huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	18/QĐ-UBND ngày 18/3/2012; 2052/QĐ-UBND ngày 11/9/2020	30.000		10.000	20.000	9.000	
29	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái	Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2945/QĐ-UBND ngày 27/11/2019; 3173/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	9.000			9.000	3.957	
30	Nhà hợp khối gắn với Chính trang đô thị thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QDLA huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	1191/QĐ-UBND ngày 05/7/2019; 1647/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	50.000			50.000	7.500	
31	Trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Yên Bái	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2540/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 781/QĐ-UBND ngày 07/5/2021	29.800			29.800	7.728	
32	Hội trường, nhà làm việc Huyện ủy huyện Trạm Tấu	Ban QDLA huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	2288/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 1310/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	27.966			27.966	8.432	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
33	Lắp đặt hệ thống truyền hình trực tuyến tại Tòa án nhân dân cấp huyện với tòa án nhân dân cấp tỉnh Yên Bái	Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2807/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	2.686			2.686	2.631	
34	Di chuyển, cải tạo sửa chữa một số trụ sở làm việc cơ quan tỉnh Yên Bái (Đợt 4)	Ban QDLA tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1377/QĐ-UBND ngày 07/7/2020	13.438			13.438	4.633	
35	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái (Hạng mục: Hạ tầng khuôn viên; nhà ăn, bếp Sở chỉ huy)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2634/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 2049/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	4.891			4.891	3.568	
36	Trụ sở làm việc Công an xã (theo đề án điều động Công an Chính quy đảm nhiệm Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019-2021)	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2019; 331/QĐ-UBND ngày 01/3/2021	31.180			31.180	2.055	
37	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2539/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 423/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	44.500		22.250	22.250	19.667	
38	Sở chỉ huy cơ bản của tỉnh Yên Bái (Mật danh AY-01)	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2283/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 225/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	48.094			48.094	5.535	
39	Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Yên Bái	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3156/QĐ-BCA-H41 ngày 25/6/2018	127.600		63.800	63.800	6.000	
40	Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	4233/QĐ-BQP ngày 10/7/2017	25.000		10.000	15.000	35	
41	Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014 - 2025	Sở Công Thương tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1571/QĐ-UBND ngày 14/10/2011; 1910/QĐ-UBND ngày 22/10/2014; 1202/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	526.600		95.000	431.600	330.000	
42	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Khu, cụm công nghiệp	Ban QDLA huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	2026/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 20/NQ-HĐND ngày 04/7/2020; 17/NQ-HĐND ngày 06/7/2022	220.000			220.000	100.000	
43	Di dân thôn Bản Cại, xã Thạch Lương, huyện Văn Chấn	Ban QDLA huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	3203/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	12.000			12.000	2.915	
44	Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái (hạng mục: xử lý nước thải và hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp)	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3295/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 1861/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 334/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	159.500		75.000	84.500	27.277	
45	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng khu công nghiệp Âu Lâu, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1371/QĐ-UBND ngày 11/7/2016	433.161			433.161	37.000	
46	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018-2020 - EU tài trợ	Sở Công Thương tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3337/QĐ-BTC 17/9/2018; 1651/QĐ-TTg 27/10/2017; 1910/QĐ-UBND ngày 22/10/2014.	82.300		70.000	12.300	11.300	
47	Hạ tầng cụm công nghiệp Yên Thế, huyện Lục Yên	Ban QDLA huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	2059/QĐ-UBND ngày 09/9/2016; 2906/QĐ-UBND ngày 25/11/2019	65.000			65.000	14.880	
48	Di chuyển khẩn cấp, bố trí dân cư vùng thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	1378/QĐ-UBND ngày 02/8/2019; 1597/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	16.639		10.000	6.639	1.754	
49	Xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện Đề án phát triển kinh tế xã hội dân tộc Phù Lá, xã Châu Quế Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016	Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	988/QĐ-UBND ngày 20/5/2020	13.370		10.051	3.319	3.079	
50	Hạ tầng điểm du lịch dù lượn xã Cao Phạ	Ban QDLA huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	2274/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 770/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	13.600			13.600	1.300	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương			Ngân sách địa phương
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
51	Tiểu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng Hạ tầng đô thị phía Nam thành phố Yên Bái	UBND thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2803/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	42.000			42.000	538	
52	Hạ tầng kỹ thuật và chỉnh trang hành lang đường nối cầu Tuần Quán với đường Âu Cơ	Ban QDLA các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	965/QĐ-UBND ngày 15/5/2020	30.000			30.000	14.369	
53	Dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng tại các điểm định canh, định cư tập trung giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 2085/QĐ-TTg ngày 31/10/2016	Ban Dân tộc tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1110/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	31.500		30.354	1.146	312	
54	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đường Tân Nguyên - Phan Thanh - An Phú (đoạn Minh Tiến - An Phú), huyện Lục Yên	Ban QDLA huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	1508/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 2069/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	16.700			16.700	6.700	
55	Di dân xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	1805/QĐ-UBND ngày 29/10/2010; 458/QĐ-UBND ngày 02/4/2015; 3658/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	12.485		12.485		24	
56	Di dân xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ủy ban nhân dân huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	1991/QĐ-UBND ngày 30/10/2014; 1863/QĐ-UBND ngày 28/9/2015; 3312/QĐ-UBND ngày 06/12/2016; 3317/QĐ-UBND ngày 11/12/2017; 200/QĐ-UBND ngày 22/02/2018	18.000		18.000		28	
57	Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng	Ban Quản lý khu bảo tồn loài sinh vật cảnh huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai		6.000			6.000	1	
58	Các dự án thuộc Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học giai đoạn 2017 - 2020 huyện Mù Cang Chải	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	1744/QĐ-UBND ngày 22/9/2017	51.290		41.500	9.790	169	
59	Bổ trí vốn cho công tác quyết toán các dự án hoàn thành		Tỉnh Lào Cai						720	
60	Bổ trí hoàn trả các dự án thủy lợi sử dụng NSTW		Tỉnh Lào Cai						17.800	
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2021-2025				23.848.378	3.436.159	9.179.438	9.787.731	17.096.764	
I	CÁC DỰ ÁN LÔNG GHÉP SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG				5.126.442		3.897.875	1.228.567	538.800	
1	Đường nối Quốc lộ 32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC14)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3138/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 2970/QĐ-UBND ngày 29/12/2021; 1685/QĐ-UBND ngày 28/9/2022; 22/NQ-HĐND ngày 08/7/2023	558.000		380.000	178.000	158.000	
2	Cầu Giời Phien, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	257/QĐ-UBND ngày 08/02/2021; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	650.000		550.000	100.000	80.000	
3	Đường nối Quốc lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3447/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 1013/QĐ-UBND ngày 29/5/2024; 2123/QĐ-UBND ngày 28/10/2024; 140/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	639.642		569.875	69.767	23.000	
4	Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 1779/QĐ-UBND ngày 19/8/2021; 28/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; 1767/QĐ-UBND ngày 07/10/2022; 1704/QĐ-UBND ngày 21/9/2023; 72/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	362.800		250.000	112.800	82.800	
5	Đường nối Tỉnh lộ 163 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	558/QĐ-UBND ngày 31/3/2021; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	200.000		150.000	50.000	50.000	
6	Cải tạo đường nối Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2570/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	304.000		226.000	78.000	63.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 1721/QĐ-UBND ngày 13/8/2021; 1863/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	2.030.000		1.485.000	545.000	5.000	
8	Đường nối Quốc lộ 70, Quốc lộ 32C, Quốc lộ 37 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020; 02/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 1964/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	180.000		100.000	80.000	62.000	
9	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1480/QĐ-UBND ngày 26/8/2022; 397/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	41.000		40.000	1.000	1.000	
10	Dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 07 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	28/NQ-HĐND ngày 31/8/2022; 396/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	161.000		147.000	14.000	14.000	
II	CÁC DỰ ÁN LỒNG GHÉP SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI				6.457.482	3.436.159	131.222	1.445.051	799.767	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	1236/QĐ-BTNMT 30/5/2016; 930/QĐ-TTg 30/5/2016; QĐ 2019/QĐ-UBND ngày 7/9/20106; QĐ 3000/QĐ-UBND ngày 29/11/2019	168.358	118.921		24.719	16.500	
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Yên Bái	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 9/11/2015; QĐ 2020 ngày 28/9/2018	320.625	288.675		15.975	10.269	
3	Đê chống ngập sông Hồng khu vực xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	48/TT.HĐND ngày 30/3/2018; 2254/QĐ-UBND 29/10/2018; 18/NQ-HĐND ngày 08/7/2023	662.968	281.032		190.968	82.500	
4	Dự án Thành lập ngạch thương mại bình đẳng cho sản phẩm chè Suối Giàng huyện Văn Chấn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	28/QĐ-UBND ngày 09/01/2018	4.250	4.250			500	
5	Chương trình hỗ trợ rừng và trang trại giai đoạn II của FAO tại Yên Bái	Hội nông dân	Tỉnh Lào Cai	1149/UBND-NLN ngày 10/5/2019	5.520	5.520			400	
6	Dự án quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2 (Kfw8)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	3084/BNN-HTQT ngày 10/7/2014	146.294	87.754		29.270	8.496	
7	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai - Tiểu dự án tỉnh Yên Bái (JICA)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2512/QĐ-UBND ngày 06/12/2024	587.200	401.700		92.750	1.000	
8	Dự án "Chương trình đô thị miền núi phía Bắc - thành phố Yên Bái"	Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2002/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	728.868	618.450	90.342	10.038	2.264	
9	Dự án "Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án thành phố Yên Bái"	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	289/QĐ-TTg ngày 18/3/2019; 466/QĐ-UBND ngày 21/3/2019; QĐ 26/QĐ-TTG ngày 06/01/2020; QĐ 400/QĐ-UBND ngày 3/3/2020	1.959.345	887.947		535.699	510.000	
10	Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông liên vùng hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện nghèo tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	724/QĐ-TTg 28/4/2016; QĐ 3154/QĐ-UBND 05/12/2017	1.375.180	452.622		461.279	120.000	
11	Dự án "Hỗ trợ y học từ xa (Telemedicine) tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức với một số bệnh viện địa phương	Sở Y tế	Tỉnh Lào Cai	100/QĐ-TTg ngày 21/01/2015; 1630/QĐ-BYT ngày 05/5/2015	66.538	48.100		9.219	650	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Dự án trung học cơ sở vùng khó khăn nhất, giai đoạn 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2178/QĐ-BGDDT ngày 23/6/2014; 556/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 557/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 558/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 559/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 560/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 561/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 752/QĐ-UBND ngày 04/5/2019; QĐ 1076, 1077, 1078/QĐ-UBND ngày 2/6/2020	55.752		40.880	7.436	3.036	
13	Dự án Chương trình Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	QĐ1534/QĐ-TTg 03/8/2016; 2681/QĐ-BGDDT 04/8/2016; 1665/QĐ-UBND ngày 10/8/2016; 2635/QĐ-UBND ngày 07/12/2018; QĐ 1814/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	74.258	40.000		17.129	12.000	
14	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải cho Bệnh viện đa khoa huyện Lục Yên và 08 phòng khám đa khoa khu vực - tỉnh Yên Bái	Sở Y tế	Tỉnh Lào Cai	1904/QĐ-TTg ngày 16/10/2013 ; 2793/QĐ-UBND, ngày 31/12/2014; 609/QĐ-TTg ngày 26/4/2021	44.795	31.395		6.700	6.152	
15	Dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến cơ sở"	Sở Y tế	Tỉnh Lào Cai	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019; Số 1700/QĐ-TTg ngày 28/11/2019; QĐ 574/QĐ-UBND, ngày 04/04/2019, QĐ 126/QĐ-UBND ngày 17/01/2020	257.531	169.793		43.869	26.000	
III	CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH				12.264.454		5.150.341	7.114.113	5.273.359	
1	Đường nối Tỉnh lộ 172 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	3073/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 304/QĐ-UBND ngày 04/3/2022; 2107/QĐ-UBND ngày 09/11/2022; 884/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	70.000			70.000	35.000	
2	Công trình thoát nước trên tuyến đường trung tâm xã Kiên Thành đi thôn Đồng Ruộng, xã Kiên Thành, huyện Trấn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	5.000			5.000	3.500	
3	Trung tâm Văn hóa, thể thao thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	274/QĐ-UBND ngày 09/02/2021; 1966/QĐ-UBND ngày 31/10/2022; 512/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	37.620			37.620	13.810	
4	Đường Trung tâm phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	3169/QĐ-UBND ngày 14/12/2020; 2100/QĐ-UBND ngày 27/9/2021; 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	114.500			114.500	64.500	
5	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	176/QĐ-UBND ngày 01/02/202; 409/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	3.500			3.500	3.500	
6	Hồ điều hòa kết hợp tiểu công viên tại phường Cầu Thia, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	933/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 422/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; 1212/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	55.000			55.000	45.000	
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	479/QĐ-UBND ngày 23/3/2021	950			950	950	
8	Đường Trung tâm xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	90/QĐ-UBND ngày 21/01/2022; 520/QĐ-UBND ngày 04/4/2022	17.000			17.000	16.211	
9	Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	3170/QĐ-UBND ngày 14/12/2020; 1839/QĐ-UBND ngày 27/8/2021; 833/QĐ-UBND ngày 27/5/2022; 335/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	33.900			33.900	12.163	
10	Đường nối đường Nguyễn Tất Thành với Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	2999/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 236/QĐ-UBND ngày 24/02/2022; 411/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	21.000			21.000	12.600	
11	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	561/QĐ-UBND ngày 31/3/2021; 70/QĐ-UBND ngày 20/01/2022; 340/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	9.900			9.900	6.900	
12	Khắc phục khẩn cấp cầu Khe Cọ xã Tân Nguyên	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	66/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	1.500			1.500	1.500	
13	Cổng hợp thôn Đức Tiến, xã Yên Bình, huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	463/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	4.000			4.000	4.000	
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã Làng Nhì, huyện Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	3129/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	12.000			12.000	9.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
		Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Đường Trạm Tàu - Xà Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tàu	Tỉnh Lào Cai	3185/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	60.000			60.000	60.000	
16	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Trạm Tàu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tàu	Tỉnh Lào Cai	643/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	8.800			8.800	5.982	
17	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Trạm Tàu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tàu	Tỉnh Lào Cai	485/QĐ-UBND ngày 06/4/2023	12.400			12.400	12.400	
18	Nâng cấp đường Liễu Đô - Minh Tiến - An Phú (đoạn Liễu Đô - Vĩnh Lạc - Minh Tiến)	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	3072/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	45.000			45.000	22.500	
19	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	647/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	7.000			7.000	5.863	
20	Khắc phục khẩn cấp cầu Khéo Lặng, xã Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	927/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	1.000			1.000	1.000	
21	Khắc phục khẩn cấp cầu thôn Yên Thượng, xã Minh Xuân, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	928/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	1.500			1.500	1.500	
22	Cải tạo, nâng cấp Đường Tân Lĩnh - Tân Lập - Phan Thanh gắn với phát triển du lịch, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	1516/QĐ-UBND ngày 26/7/2021; 1226/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	112.000			112.000	63.400	
23	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước đường tổ dân phố 7 thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	2.400			2.400	2.400	
24	Sửa chữa, nâng cấp đường Xuân Ái - Viễn Sơn - Yên Phú - Yên Hợp, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	3128/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	75.000			75.000	31.500	
25	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	641/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	9.000			9.000	6.500	
26	Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	642/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; 2775/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	31.000			31.000	15.500	
27	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Bắc Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	509/QĐ-UBND ngày 07/4/2023; 2198/QĐ-UBND ngày 24/11/2023; 2040/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	50.000			50.000	50.000	
28	Nâng cấp đường vành đai thị trấn Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020; 68/NQ-HĐND ngày 07/12/2021; 527/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	148.000			148.000	128.000	
29	Đường đến trung tâm xã Chế Tạo	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	3076/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	35.000			35.000	24.154	
30	Sửa chữa nhà làm việc Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	236/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	4.500			4.500	3.500	
31	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	176/QĐ-UBND ngày 01/02/2021; 395/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	3.500			3.500	3.500	
32	Xử lý sạt lở kết hợp với chỉnh trị dòng suối Nậm Kim khu vực thị trấn Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	413/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	4.900			4.900	4.800	
33	Cải tạo, sửa chữa nhà khách Suối Mơ, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022; 285/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	4.500			4.500	4.500	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
34	Tu bổ di tích lịch sử Bến Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 2279/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	15.000			15.000	7.500	Điều chỉnh tên dự án từ "Khu di tích lịch sử bến phà Âu Lâu, thành phố Yên Bái"
35	Cầu qua suối Ngòi Lâu, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3075/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	30.000			30.000	10.000	
36	Chợ trung tâm km4 thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3131/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	15.000			15.000	7.500	
37	Xây dựng khu tái định cư tập trung trên địa bàn xã Giới Phiên thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1836/QĐ-UBND ngày 14/10/2022; 1703/QĐ-UBND ngày 22/8/2024	55.000			55.000	55.000	
38	Xây dựng khu tái định cư tập trung trên địa bàn phường Yên Ninh thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1835/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	75.000			75.000	71.250	
39	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	176/QĐ-UBND ngày 01/02/2021	5.000			5.000	4.662	
40	Đường đến trung tâm xã Suối Quyền	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	3186/QĐ-UBND ngày 15/12/2020; 1814/QĐ-UBND ngày 11/10/2022; 146/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	28.700			28.700	9.850	
41	Xây dựng nương nội đồng thôn Ao Sen, xã Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.300			2.300	1.000	
42	Cải tạo, nâng cấp đường Nghĩa Tâm - Trung Sơn, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	91/QĐ-UBND ngày 21/01/2022; 1053/QĐ-UBND ngày 04/7/2022	79.000			79.000	55.300	
43	Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020; 832/QĐ-UBND ngày 25/5/2023; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2024; 185/QĐ-UBND ngày 04/02/2025	410.000			410.000	410.000	
44	Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2656/QĐ-UBND ngày 27/12/2022; 2561/QĐ-UBND ngày 13/12/2024; 1229/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	425.000			425.000	425.000	
45	Đường nối Quốc lộ 70 với đường Nguyễn Tất Thành	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 3168/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	60.000			60.000	950	
46	Cải tạo đường liên xã Yên Bình - Bạch Hà - Vũ Linh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 2361/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 200/QĐ-UBND ngày 16/02/2022	79.980			79.980	79.980	
47	Đường Lục Yên (Yên Bái) - Bảo Yên (Lào Cai)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3125/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 2362/QĐ-UBND ngày 29/10/2021; 190/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	65.990			65.990	65.990	
48	Xây dựng trụ sở các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	591/QĐ-UBND ngày 08/4/2021; 192/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	20.800			20.800	18.300	
49	Đường Sơn Lương - Nậm Mười - Sùng Đô, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020; 01/NQ-HĐND ngày 19/4/2021; 818/QĐ-UBND ngày 26/5/2022; 375/QĐ-UBND ngày 21/3/2023	220.000			220.000	140.000	
50	Di chuyển, cải tạo sửa chữa một số trụ sở làm việc cơ quan tỉnh Yên Bái (Đợt 5)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	526/QĐ-UBND ngày 06/4/2022; 2529/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; 37/QĐ-UBND ngày 11/01/2023; 2274/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	11.360			11.360	11.360	
51	Đường trục chính cụm công nghiệp Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	01/NQ-HĐND ngày 30/3/2022; 898/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	173.000			173.000	164.350	
52	Cầu Tô Mậu, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 112/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	115.000			115.000	70.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
53	Cải tạo, nâng cấp đường Yên Thế - Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình và huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2967/QĐ-UBND ngày 28/12/2021; 04/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	292.000			292.000	264.283	
54	Cầu vượt đường sắt khu vực xã An Bình, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3184/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	100.000			100.000	90.000	
55	Cải tạo, nâng cấp đường Văn Chấn (Yên Bái) - Yên Lập (Phủ Thọ)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3124/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 3134/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 1656/QĐ-UBND ngày 06/8/2021	130.000			130.000	115.000	
56	Cầu Ngòi Viên, Ngòi Cầu, Ngòi Còng, đường Âu Lâu - Đông An (ĐT. 166)	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3123/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	75.000			75.000	40.000	
57	Cải tạo, nâng cấp doanh trại Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3088/QĐ-UBND ngày 08/12/2020; 755/QĐ-UBND ngày 13/5/2022	18.100			18.100	13.860	
58	Đường quốc phòng dân sinh và hạ tầng hàng rào Ban Chỉ huy quân sự thành phố Yên Bái	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3172/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 2871/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	10.000			10.000	8.774	
59	Cải tạo cơ sở hạ tầng doanh trại Trung đoàn 121 (trường quân sự Ấp Bắc cũ)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3008/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	7.794			7.794	7.100	
60	Kè chống sạt lở cơ quan Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3059/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 2857/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	5.100			5.100	2.500	
61	Khắc phục khẩn cấp kè chống sạt lở doanh trại trung đoàn 121	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	640/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	5.000			5.000	2.202	
62	Cải tạo, sửa chữa khẩn cấp Trung đoàn 121 thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2278/QĐ-UBND ngày 20/10/2021; 2872/QĐ-UBND ngày 17/12/2021	9.485			9.485	687	
63	Sở Chỉ huy giá định trong khu vực phòng thủ tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	154/QĐ-UBND ngày 30/9/2022; 44/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	44.800			44.800	44.800	
64	Cải tạo, sửa chữa Ban Chỉ huy quân sự huyện Văn Yên	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	4.000			4.000	4.000	
65	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Yên Bái (giai đoạn II)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1049/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	75.000		37.000	38.000	38.000	
66	Cải tạo, sửa chữa nhà Hội trường Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	674/QĐ-UBND ngày 04/5/2023; 654/QĐ-UBND ngày 08/4/2024	14.728			14.728	14.728	
67	Trụ sở làm việc công an xã theo đề án điều động công an chính quy đảm nhiệm các chức danh Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3003/QĐ-UBND ngày 02/12/2020; 1785/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	112.000			112.000	56.450	
68	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Công an huyện Trấn Yên và Công an huyện Yên Bình	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	639/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; 2531/QĐ-UBND ngày 12/12/2022; 1595/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	16.497			16.497	13.497	
69	Trụ sở công an các phường trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 844/QĐ-UBND ngày 27/5/2022	30.000			30.000	13.782	
70	Xây dựng, cải tạo cơ sở làm việc Công an huyện Lục Yên thuộc Công an tỉnh Yên Bái	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	7739/QĐ-BCA-H02 ngày 28/9/2021	75.500		54.500	21.000	14.287	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
						Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
71	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao hiệu quả đài truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3187/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	40.800			40.800	38.014	
72	Đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số cho cơ quan nhà nước tỉnh Yên Bái	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3179/QĐ-UBND ngày 14/12/2020; 983/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	20.000			20.000	20.000	
73	Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp phía Nam tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	887/QĐ-UBND ngày 09/6/2022; 74/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	250.000			250.000	180.000	
74	Cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh Yên Bái	Trường Chính trị tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2999/QĐ-UBND ngày 02/12/2020	4.300			4.300	4.243	
75	Sửa chữa, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Báo Yên Bái	Báo Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3140/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 177/QĐ-UBND ngày 11/02/2022	3.260			3.260	3.260	
76	Xây dựng, sửa chữa trạm rada 62 Yên Bái	Trung đoàn 293	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 35/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	4.000			4.000	4.000	
77	Cải tạo trụ sở làm việc, nhà bếp ăn và khuôn viên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020; 1017/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	145.000			145.000	145.000	
78	Hội trường, nhà làm việc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái	Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3134/QĐ-UBND ngày 11/12/2020; 966/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 76/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	49.980			49.980	49.980	
79	Trụ sở Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020; 04/NQ-HĐND ngày 12/4/2023	250.000			250.000	119.500	Điều chỉnh chủ đầu tư từ "Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Yên Bái"
80	Cải tạo, sửa chữa Hội Nhà báo tỉnh Yên Bái	Hội nhà báo tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	603/QĐ-UBND ngày 08/4/2021	550			550	542	
81	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Tỉnh Lào Cai	536/QĐ-UBND ngày 29/3/2021; 219/QĐ-UBND ngày 22/2/2022; 686/QĐ-UBND 28/4/2022	5.200			5.200	4.645	
82	Kè chống sạt lở trụ sở kho lưu trữ tỉnh Yên Bái	Sở Nội vụ	Tỉnh Lào Cai	484/QĐ-UBND ngày 06/4/2023; 968/QĐ-UBND ngày 09/6/2023	900			900	900	
83	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Hội Chữ thập đỏ tỉnh Yên Bái	Hội chữ thập đỏ tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	484/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	800			800	787	
84	Trạm kiểm lâm địa bàn xã Chế Tạo, huyện Mù Cang Chải	Chi cục Kiểm lâm	Tỉnh Lào Cai	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	1.500			1.500	1.500	
85	Trạm kiểm lâm trung tâm thuộc Hạt Kiểm lâm Trạm Tấu - Nghĩa Lộ	Chi cục Kiểm lâm	Tỉnh Lào Cai	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	1.500			1.500	1.500	
86	Trạm Kiểm lâm Km14 thuộc Hạt Kiểm lâm Trạm Tấu - Nghĩa Lộ và nhà tạm trú, chòi canh bảo vệ rừng thuộc Ban Quản lý rừng Trạm Tấu	Chi cục Kiểm lâm tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	457/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; 1078/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	3.800			3.800	3.800	
87	Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	865/QĐ-UBND ngày 30/5/2023; 2419/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	4.900			4.900	4.900	
88	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Chi cục Thủy lợi và Hội Cựu chiến binh tỉnh Yên Bái	Chi cục Thủy lợi tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	903/QĐ-UBND ngày 02/6/2023; 1970/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 (CTĐT)	7.200			7.200	7.200	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
89	Sửa chữa tài sản và đầu tư trang thiết bị cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	475/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	2.000			2.000	2.000	
90	Hội trường trung tâm huyện Trấn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	30.000			30.000	15.000	
91	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Trấn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	176/QĐ-UBND ngày 01/02/2021; 594/QĐ-UBND ngày 21/4/2023; 1219/QĐ-UBND ngày 12/6/2024	15.990			15.990	10.000	
92	Đường Cẩm Ân (huyện Yên Bình) - Tân Đồng (huyện Trấn Yên)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	20.000			20.000	10.000	
93	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Y tế	Sở Y tế tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1291/QĐ-UBND ngày 19/7/2023; 1651/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	8.320			8.320	8.320	
94	Cải tạo sân vận động Thanh niên tỉnh Yên Bái	Trung tâm huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh	Tỉnh Lào Cai	1382/QĐ-UBND ngày 03/8/2023; 823/QĐ-UBND ngày 26/4/2024	4.650			4.650	4.650	
95	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị cho Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an tỉnh Yên Bái	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	447/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	15.000			15.000	14.950	
96	Mua sắm trang thiết bị phục vụ yêu cầu công tác cho lực lượng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	01/NQ-HĐND ngày 19/4/2021	55.000			55.000	55.000	
97	Đầu tư trang thiết bị cho lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020	60.000			60.000	30.000	
98	Cải tạo, sửa chữa bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	176/QĐ-UBND ngày 01/02/2021 (CTĐT)	8.000			8.000	8.000	
99	Đường tránh thị trấn Yên Thế (đoạn cụm công nghiệp Yên Thế - Tỉnh lộ 170)	Ban QLDA ĐTXD huyện Lục Yên	Tỉnh Lào Cai	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020; 12/NQ-HĐND ngày 22/6/2022	90.000			90.000	54.000	
100	Cầu Ngòi Hút, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022; 2252/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	14.500			14.500	8.400	
101	Mở rộng công viên Yên Hòa, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	934/QĐ-UBND ngày 25/5/2021	110.000			110.000	5.000	
102	Cầu Đại Phác, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	497/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	78.000			78.000	75.600	
103	Nút giao IC15 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	54/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	250.000			250.000	50.000	
104	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025	Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	176/QĐ-UBND ngày 01/02/2021; 2806/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 (CTĐT)	28.415			28.415	28.415	
105	Đầu tư, lắp đặt trang thiết bị phục vụ tổ chức phiên tòa xét xử trực tuyến và đối thoại trực tuyến của Tòa án các cấp	Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	510/QĐ-UBND ngày 07/4/2023	12.500			12.500	12.500	
106	Kè chống sạt lở một số điểm suối Ngòi Thia và suối Ngòi Hút, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	500/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 3086/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	300.000		264.541	35.459	35.459	
107	Trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	1111/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 (CTĐT)	14.000			14.000	14.000	
108	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Minh Quân	Ban quản lý các khu công nghiệp	Tỉnh Lào Cai	1112/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 (CTĐT)	75.000			75.000	75.000	
109	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Tài chính	Sở Tài chính	Tỉnh Lào Cai	1113/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 (CTĐT)	18.500			18.500	5.000	
110	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Yên Bái	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Tỉnh Lào Cai	1114/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 (CTĐT)	25.000			25.000	25.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
111	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị khu bảo chế được liệu phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1115/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 (CTĐT)	3.000			3.000	3.000	
112	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh để bố trí Trụ sở làm việc của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	1116/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 (CTĐT)	3.500			3.500	3.500	
113	Trường TH&THCS Mông Sơn (Điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	3.400			3.400	2.210	
114	Trường TH&THCS Mông Sơn (Phân hiệu tiểu học)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	6.600			6.600	4.290	
115	Trường TH&THCS Phú Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	8.000			8.000	5.200	
116	Trường TH&THCS Vĩnh Kiên	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	13.000			13.000	6.825	
117	Trường TH&THCS Cầm Ân	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	6.600			6.600	4.290	
118	Trường mầm non Cầm Ân	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	6.700			6.700	3.380	
119	Trường TH&THCS Vũ Linh	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	11.500			11.500	6.825	
120	Trường mầm non Vũ Linh	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	4.300			4.300	2.795	
121	Trường TH Bảo Ái (phân hiệu Ngòi Bang)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	4.800			4.800	2.470	
122	Trường TH&THCS Xuân Long (Điểm chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	9.700			9.700	6.175	
123	Mở rộng trường TH&THCS Mỹ Gia	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	4.700			4.700	3.055	
124	Trường TH&THCS Bạch Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	10.500			10.500	6.825	
125	Trường TH&THCS Đại Minh (phân hiệu THCS)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	8.000			8.000	4.290	
126	Trường TH&THCS Hán Đà	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	11.000			11.000	6.825	
127	Chợ xã Mông Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	1.500			1.500	975	
128	Chợ xã Cầm Ân	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	12.500			12.500	4.290	
129	Chợ thị trấn Thác Bà	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	9.500			9.500	6.110	
130	Cấp nước sạch tập trung xã Phú Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	2.800			2.800	1.495	
131	Cấp nước sạch tập trung xã Đại Đồng	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	4.600			4.600	2.990	
132	Cấp nước sạch tập trung xã Thịnh Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	4.500			4.500	2.925	
133	Xây dựng lò đốt rác tập trung khu vực Quốc lộ 70, huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 (CTĐT)	13.200			13.200	6.240	
134	Doanh trại Đại đội C20, Đại đội 27 và đơn vị trực thuộc	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	176/QĐ-UBND ngày 01/02/2021; 1099/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 (CTĐT)	14.500			14.500	14.500	
135	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	462/QĐ-UBND ngày 04/4/2023; 1109/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	5.250			5.250	5.250	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
	Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
136	Đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà và bổ sung hoàn thiện nội thất, trang thiết bị công trình Nhà thi đấu thể dục - thể thao của Liên đoàn Lao động tỉnh Yên Bái (giai đoạn 2)	Liên đoàn Lao động tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	5302/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	23.500		18.500	5.000	5.000	
137	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cẩm Ân	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	3.400			3.400	1.820	
138	Cải tạo, sửa chữa cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Ngòi Vồ, xã Tân Hương	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	1.800			1.800	1.170	
139	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Vũ Linh	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	4.500			4.500	1.950	
140	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Bảo Ái	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	4.300			4.300	2.795	
141	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	2.800			2.800	1.820	
142	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cẩm Nhân	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	4.800			4.800	3.120	
143	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phúc An	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	4.200			4.200	2.730	
144	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Xuân Long	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1481/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	5.300			5.300	3.445	
145	Lò đốt CTRSH liên huyện Trấn Yên - Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	406/QĐ-UBND ngày 19/3/2024; 1805/QĐ-UBND ngày 04/9/2024	8.000			8.000	8.000	
146	Cầu qua suối Nậm Kim nối Quốc lộ 32 đi bản Đề Sủa, xã Lao Chải, huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Chải	Tỉnh Lào Cai	677/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	14.000		11.000	3.000	5.369	
147	Cải tạo hang Thẩm Công xây dựng Sở Chỉ huy trong căn cứ chiến đấu huyện Văn Chấn (Mật danh AVC-01)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	193/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 (CTĐT)	35.000			35.000	35.000	
148	Mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Văn Chấn	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	6401/QĐ-BCA-H02 ngày 19/9/2023	110.000		83.500	26.500	15.000	
149	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Vĩnh Kiên, huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	735/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 (CTĐT); 1707/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	9.600			9.600	4.600	
150	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	735/QĐ-UBND ngày 10/5/2022 (CTĐT); 1813/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	9.600			9.600	4.600	
151	Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt cụm xã An Thịnh, Đại Phác, Đại Sơn, Mỏ Vàng, Yên Hợp, Yên Phú, Xuân Ái, Viễn Sơn, Nà Hẩu, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	194/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	23.000			23.000	18.000	
152	Cải tạo, sửa chữa Thư viện tỉnh Yên Bái	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tỉnh Lào Cai	955/QĐ-UBND ngày 21/5/2024	13.000			13.000	13.000	
153	Trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã (đợt 2)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	974/QĐ-UBND ngày 24/5/2024; 1235/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	44.200			44.200	44.200	
154	Xây dựng trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Yên Bình và Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng	Chi cục Kiểm lâm	Tỉnh Lào Cai	976/QĐ-UBND ngày 24/5/2024	7.700			7.700	7.700	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
						Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
155	Nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 2D đi Ủy ban nhân dân xã Văn Lăng (cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1302/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	25.000			25.000	15.000	
156	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Đào tạo lái xe mô tô tỉnh Yên Bái	Trung tâm Đào tạo lái xe mô tô tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2356/QĐ-UBND ngày 25/11/2024; 1011/QĐ-UBND ngày 14/5/2025	5.500			5.500	4.900	
157	Cải tạo, sửa chữa sân vận động huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	1308/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	1.500			1.500	1.500	
158	Nhà thi đấu đa năng huyện Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	1329/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	30.000			30.000	23.904	
159	Trường tiểu học và THCS số 2 Hồng Ca	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	1330/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	19.700			19.700	19.700	
160	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hưng Khánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	1330/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	19.900			19.900	19.900	
161	Xây dựng chợ trung tâm huyện đạt chuẩn hạng II	Ban QLDA ĐTXD huyện Trấn Yên	Tỉnh Lào Cai	1330/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	20.000			20.000	14.500	
162	Sửa chữa trụ sở làm việc tạm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	Tỉnh Lào Cai	1331/QĐ-UBND ngày 26/6/2024	995			995	995	
163	Hạ tầng kỹ thuật đường hầm Sờ Chi huy cơ bản (AY-01)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	106/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	4.000			4.000	4.000	
164	Nhà làm việc các phòng, ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện Yên Bình	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Bình	Tỉnh Lào Cai	1382/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	35.000			35.000	35.000	
165	Cấp điện thôn Khay Đạo, xã Lâm Giang, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	1380/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	6.500			6.500	4.550	
166	Cải tạo, sửa chữa chợ Đông Cuông, chợ Yên Thái, chợ Yên Phú, chợ An Bình và chợ Mậu A	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	1381/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	7.000			7.000	4.500	
167	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Yên Hợp, huyện Văn Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	1364/QĐ-UBND ngày 01/7/2024	50.000			50.000	45.000	
168	Nâng cấp mặt đường Âu Cơ, đoạn Km5+300 - Km10+500, thành phố Yên Bái và huyện Trấn Yên	Sở Giao thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	1904/QĐ-UBND ngày 24/9/2024	60.000			60.000	60.000	
169	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km0+00 - Km4+400 đường Yên Bái - Khe Sang (đường Yên Ninh)	Sở Giao thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	893/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	31.100			31.100	16.500	
170	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km3+750 - Km7+200 đường từ nút giao IC12 đi Vân Hội	Sở Giao thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	878/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	19.700			19.700	5.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
						Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
171	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km4+300 - Km5+800, Km7+400 - Km8+100, Km8+600 - Km10+00, Km13+300 - Km14+100, Km15+00 - Km17+600, Km17+900 - Km18+50, Km18+800 - Km20+500 đường An Bình - An Giang	Sở Giao thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	882/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	46.200			46.200	5.000	
172	Trụ sở làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã (đợt 3)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	94/NQ-HĐND ngày 24/10/2024	86.000			86.000	20.000	
173	Mua sắm trang thiết bị làm việc của Ban Chỉ huy quân sự cấp xã	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2061/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	6.000			6.000	6.000	
174	Xử lý an toàn giao thông đường nối Quốc lộ 32C với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Sở Giao thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	2209/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	4.000			4.000	4.000	
175	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2465/QĐ-UBND ngày 03/12/2024	4.900			4.900	4.900	
176	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động của Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Yên Bái	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	117/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	40.000		25.000	15.000	15.000	
177	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Công an tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2190/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	14.000			14.000	5.000	
178	Trường mầm non Hoa Hồng, xã Nậm Cỏ, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	2203/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	23.000			23.000	10.000	
179	Khu xử lý rác thải thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã Nghĩa Lộ	Tỉnh Lào Cai	2165/QĐ-UBND ngày 05/10/2021	34.400			34.400	16.400	
180	Xây dựng kè chống sạt lở Trung đội thông tin 18	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	3189/QĐ-UBND ngày 15/12/2020	11.940			11.940	11.940	
181	Đường vào cụm công nghiệp Đông An, xã Đông An, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Yên	Tỉnh Lào Cai	2795/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	29.500			29.500	16.500	
182	Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Âu Lâu, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Tỉnh Lào Cai	169/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 (CTĐT)	50.000			50.000	20.000	
183	Hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Minh Quân	Ban Quản lý các khu công nghiệp	Tỉnh Lào Cai	170/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 (CTĐT)	55.000			55.000	25.000	
184	Khắc phục khẩn cấp Trường mầm non Đồng Khê, xã Đồng Khê, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Tỉnh Lào Cai	371/QĐ-UBND ngày 05/3/2025 (CTĐT)	15.000			15.000	15.000	
185	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở Mỏ Dề	Ban QLDA ĐTXD huyện Mù Cang Chải	Tỉnh Lào Cai	632/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 (CTĐT)	39.000			39.000	15.000	
186	Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn, huyện Trấn Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	832/QĐ-UBND ngày 21/4/2025 (CTĐT)	39.000			39.000	20.000	
187	Sửa chữa, bổ sung hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2514/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 (CTĐT)	29.000			29.000	20.000	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
						Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
188	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km35+600 - Km40+350, Km40+850 - Km41+500 đường Yên Bái - Khe Sang (ĐT.163), tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2514/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 (CTĐT)	39.700			39.700	25.000	
189	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km1+100 - Km3+420 và sửa chữa hệ thống thoát nước tại lý trình Km11+100, Km11+500, Km12+200 đường Yên Thế - Vĩnh Kiên (ĐT.170), tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2514/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 (CTĐT)	17.900			17.900	15.000	
190	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km8+800 - Km11+00 đường Văn Chấn - Trạm Tấu (ĐT.174), tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2514/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 (CTĐT)	22.700			22.700	20.000	
191	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông đoạn Km13+00 - Km15+420 đường Khánh Hòa - Minh Xuân (ĐT.171), tỉnh Yên Bái	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2514/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 (CTĐT)	16.300			16.300	15.000	
192	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Lao Chải	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	679/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	57.000		40.300	16.700	11.700	
193	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Hồ Bốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	678/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	24.000		20.000	4.000	2.611	
194	Khắc phục khẩn cấp cụm công trình thủy lợi xã Hồ Bốn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	669/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	6.600		6.000	600	170	
195	Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, di chuyển hạ tầng kỹ thuật phục vụ thi công xây dựng Dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đoạn qua địa bàn tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	2259/UBND-XD ngày 23/5/2025	4.590.000		4.590.000		200.000	
196	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Túc Đán, xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	Tỉnh Lào Cai	826/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	24.000			24.000	15.000	
197	Trường Chính trị tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Yên Bái	Tỉnh Lào Cai	51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020; 2542/QĐ-UBND ngày 10/4/2024	150.000			150.000	4.000	
IV	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới								82.290	
1	Huyện Yên Bình								48.000	
2	Huyện Văn Yên								25.000	
3	Huyện Trạm Tấu								9.290	
V	Bố trí vốn hỗ trợ đầu tư xây dựng trụ sở xã								162.738	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm đầu tư	Nghị quyết/Quyết định chủ trương đầu tư; Quyết định đầu tư, Quyết định điều chỉnh, bổ sung					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó:				
						Vốn nước ngoài	Vốn ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
VI	Đổi ứng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025								229.385	
VII	Chuẩn bị đầu tư các chương trình, dự án ODA, NGO								3.000	
VIII	Bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn								431.000	
IX	Bố trí thực hiện các Đề án giáo dục giai đoạn 2021-2025 và các dự án giáo dục khác								356.013	
X	Bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ lập quy hoạch								115.147	
XI	Bố trí vốn thực hiện đề án nâng cao năng lực khám, chữa bệnh và đẩy mạnh tự chủ tài chính trong các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025; đề án đổi mới và nâng cao chất lượng y tế dự phòng, y tế cơ sở tỉnh yên Bái giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030								50.000	
XII	Bố trí vốn thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp đường bộ								100.000	
XIII	Bố trí vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư								10.000	
XIV	Các dự án khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai								80.000	
XV	Vốn điều chỉnh từ cấp huyện về cấp tỉnh								6.619.140	
XVI	Trả nợ các khoản vay của ngân sách địa phương								84.959	
XVII	Chi đầu tư phát triển quỹ đất								999.020	
XVIII	Bố trí 10% tiền sử dụng đất trích, đo đạc, lập bản đồ địa chính thu hồi đất								380.000	
XIX	Bố trí từ nguồn bội chi ngân sách địa phương cho các dự án vay lại (ODA)								392.500	
XX	Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định								60.000	
XXI	Dự phòng các nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp bách và các nhiệm vụ khác (bao gồm các dự án điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, đổi ứng các dự án bộ công an, bộ quốc phòng, các dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi, v tế...)								329.646	

BIỂU SỐ 11

BIỂU CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHUYỂN VỀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG CỘNG			14.107.009	2.273.024	3.524.969	7.826.128	473.766	934.774	6.619.140	
A	HUYỆN TRẦN YÊN			1.396.452	85.919	276.844	920.639	113.050	100.641	649.113	
I	CHƯƠNG TRÌNH			112.128	84.128	0	27.999	0	0	22.430	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Trần Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện		23.932	12.431	0	11.501	0	0	9.298	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Trần Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện		88.196	71.698	0	16.498	0	0	13.132	
II	NHIỆM VỤ			46.905	0	4.105	42.800	0	800	42.021	
1	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Trần Yên	Phòng TN&MT	112/QĐ-UBND ngày 25/01/2022	3.276		1.324	1.952		800	1.176	
2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022, huyện Trần Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3677/QĐ-UBND ngày 24/9/2021	1.253			1.253			1.253	
3	Công tác thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Trần Yên năm 2021	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5003/QĐ-UBND ngày 16/12/2021	100			100			100	
4	Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Trần Yên năm 2021	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1064/QĐ-UBND ngày 26/4/2021	2.944			2.944			2.944	
5	Quy hoạch chung xây dựng xã Việt Thành	UBND xã	1086/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	212			212			211	
6	Quy hoạch chung xây dựng xã Đào Thịnh	UBND xã	1090/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	212			212			211	
7	Quy hoạch chung xây dựng xã Nga Quán	UBND xã	1087/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	212			212			211	
8	Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Quán	UBND xã	1089/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	212			212			211	
9	Quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Hưng	UBND xã	1091/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	275			275			275	
10	Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Đồng	UBND xã	1088/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	212			212			211	
11	Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Quân	UBND xã	4082/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	212			212			211	
12	Quy hoạch chung xây dựng xã Hòa Cuồng	UBND xã	4083/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	212			212			211	
13	Quy hoạch chung xây dựng xã Cường Thịnh	UBND xã	4084/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	212			212			211	
14	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hai đầu cầu Cỏ Phúc (địa phận thị trấn Cỏ Phúc), huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trần Yên	2344/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	1.017			1.017			1.329	
15	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023, huyện Trần Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2619/QĐ-UBND ngày 03/8/2022	1.310			1.310			1.310	
16	Công tác thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Trần Yên 6 tháng đầu năm 2022	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2608/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	100			100			100	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện									
17	Quy hoạch chung xây dựng xã Y Can, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2935/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	254			254			104	
18	Quy hoạch chung xây dựng xã Quy Mông, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2932/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	265			265			115	
19	Quy hoạch chung xây dựng xã Việt Cường, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2933/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	252			252			101	
20	Quy hoạch chung xây dựng xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2934/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	245			245			95	
21	Quy hoạch chung xây dựng xã Kiên Thành, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2931/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	245			245			95	
22	Quy hoạch chung xây dựng xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2937/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	302			302			151	
23	Quy hoạch chung xây dựng xã Hồng Ca, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2930/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	281			281			131	
24	Quy hoạch chung xây dựng xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên đến năm 2030	UBND xã	2936/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	245			245			95	
25	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1796/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	569			569			1.137	
26	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3194/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	425			425			491	
27	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Việt Cường, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3196/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	493			493			534	
28	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Quy Mông, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3193/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	410			410			441	
29	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Kiên Thành, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3195/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	385			385			420	
30	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3200/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	638			638			745	
31	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3199/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	405			405			468	
32	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Nga Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3198/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	333			333			382	
33	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Việt Thành, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3197/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	441			441			475	
34	Thù lao dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất các quỹ đất trên địa bàn huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4436/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	125			125			125	
35	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3214/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	509			509			434	
36	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3213/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	440			440			374	
37	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trung tâm xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã	3246/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	495			495			420	
38	Công tác thống kê đất đai huyện Trấn Yên năm 2022	Phòng Tài nguyên và Môi trường	712/QĐ-UBND ngày 22/3/2023	92			92			92	
39	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Hòa Cường, huyện Trấn Yên	UBND xã	1685/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	549			549			470	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
40	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên	UBND xã	1686/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	524			524			448	
41	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên	UBND xã	1687/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	518			518			443	
42	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Tân Đồng, huyện Trấn Yên	UBND xã	1688/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	459			459			392	
43	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên	UBND xã	1689/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	357			357			304	
44	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên	UBND xã	1690/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	512			512			437	
45	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Hồng Ca, huyện Trấn Yên	UBND xã	1691/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	371			371			316	
46	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Hòa Cường, huyện Trấn Yên	UBND xã	1042/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	139			139			140	
47	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Việt Cường, huyện Trấn Yên	UBND xã	1043/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	147			147			147	
48	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Y Can, huyện Trấn Yên	UBND xã	1044/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	165			165			165	
49	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Kiên Thành, huyện Trấn Yên	UBND xã	1045/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	147			147			147	
50	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Nga Quán, huyện Trấn Yên	UBND xã	1046/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	131			131			131	
51	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên	UBND xã	1047/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	147			147			147	
52	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên	UBND xã	1048/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	131			131			131	
53	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Cường Thịnh, huyện Trấn Yên	UBND xã	1049/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	107			107			107	
54	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Minh Quán, huyện Trấn Yên	UBND xã	1050/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	96			96			96	
55	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Tân Đồng, huyện Trấn Yên	UBND xã	1051/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	147			147			147	
56	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Hồng Ca, huyện Trấn Yên	UBND xã	1052/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	131			131			131	
57	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên	UBND xã	1053/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	147			147			147	
58	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên	UBND xã	1054/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	107			107			107	
59	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Vân Hội, huyện Trấn Yên	UBND xã	1055/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	107			107			107	
60	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Nút giao IC 13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2710/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	76			76			76	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
61	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Khu công nghiệp Minh Quân (hạng mục: Nhà máy sản xuất đồ gỗ nội thất cao cấp và viên nén Hà Yên)	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2709/QĐ-UBND ngày 03/8/2023	39			39			39	
62	Duyệt dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ khi Nhà nước giao đất tái định cư tại công trình: Xây dựng khu tái định cư để phục vụ dự án công trình chiến đấu, công trình C31 khu vực Sân bay Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2724/QĐ-UBND ngày 04/8/2023	21			21			21	
63	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Cấp điện nông thôn từ lưới quốc gia tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014-2025	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2826/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	47			47			47	
64	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Chinh trang khu dân cư nông thôn. Địa điểm: Thôn 1, xã Minh Quán, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2875/QĐ-UBND ngày 16/8/2023	37			37			37	
65	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ khi Nhà nước giao đất tái định cư: Khu tái định cư số 1 công trình đường nối tỉnh lộ 163 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai thuộc dự án Nút giao cao tốc Nội Bài - Lào Cai (đợt 1)	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3021/QĐ-UBND ngày 30/8/2023	23			23			23	
66	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình Thu hồi vùng ảnh hưởng do thi công công trình đường ngã tư Bệnh viện đi cầu Nghĩa Phương và công trình quỹ đất dân cư hai bên đường từ ngã tư Bệnh viện đi cầu Nghĩa Phương, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3246/QĐ-UBND ngày 13/9/2023	42			42			42	
67	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Xây dựng khu đô thị mới đường Âu Cơ huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái - Bổ sung khu tái định cư thuộc thôn Bình Trà, xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3317/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	21			21			21	
68	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024, huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2966/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	1.562			1.562			1.562	
69	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất công trình: Chinh trang khu dân cư nông thôn (khu 1) tại thôn Quyết Tiến, xã Y Can, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3571/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	28			28			28	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân	Vốn ngân					
				sách	sách tỉnh	sách huyện					
70	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất công trình: Tiểu dự án giải phóng mặt bằng khu, cụm công nghiệp huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4248/QĐ-UBND ngày 09/10/2023	134			134			134	
71	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Trấn Yên năm 2023	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4613/QĐ-UBND ngày 01/11/2023	71			71			71	
72	Dự toán kinh phí tư vấn xác định giá đất cụ thể làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất công trình: Chính trang khu dân cư nông thôn (khu 2) tại thôn Thắng Lợi, xã Y Can, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4695/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	37			37			37	
73	Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hai bên cầu Cỏ Phức (địa phận thị trấn Cỏ Phức), huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5377/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	176			176			176	
74	Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hai bên cầu Cỏ Phức (địa phận thị trấn Cỏ Phức), huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1600/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	224			224			224	
75	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị mới Vân Hội, huyện Trấn Yên	UBND xã	2932/QĐ-UBND ngày 01/8/2024	400			400			400	
76	Quy hoạch chi tiết trung tâm đô thị mới Vân Hội, huyện Trấn Yên	UBND xã	3189/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	1.193			1.193			1.190	
77	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình: Dự án chỉnh trang khu dân cư thôn 4, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2322/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	54			54			54	
78	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình: Chính trang khu dân cư thôn Thắng Lợi, xã Y Can (giai đoạn 2)	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2323/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	34			34			34	
79	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình: Xây dựng thí điểm mô hình trung tâm thu mua cung ứng nông sản an toàn cấp huyện	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2324/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	38			38			38	
80	Tư vấn xác định giá đất cụ thể làm giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất tại dự án: Chính trang khu dân cư nông thôn tại thôn 7, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2973/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	13			13			13	
81	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình: Khai thác khoáng sản, hành lang an toàn và lâm bãi thải tại mỏ sắt phía Bắc núi 300, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2943/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	67			67			67	
82	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng chợ trung tâm huyện đạt chuẩn hạng II	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3206/QĐ-UBND ngày 05/9/2024	59			59			59	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
83	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Dự án mở rộng, phát triển sản xuất và mở rộng vàng đai của nhà máy Z183/Tổng cục công nghiệp Quốc phòng	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3474/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	172			172			172	
84	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất công trình: Đường dây và trạm biến áp 110KV Bảo Hưng. Địa điểm: xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3706/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	21			21			21	
85	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hai bên đầu cầu Cồ Phúc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	521/QĐ-UBND ngày 13/3/2019	1.288			1.288			1.287	
86	Quy hoạch chi tiết hai đầu cầu Cồ Phúc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4111/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	1.570			1.570			1.542	
87	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Cồ Phúc, huyện Trấn Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2449/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	663		331	331			479	
88	Chương trình phát triển đô thị xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2450/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	519		260	260			396	
89	Chương trình phát triển đô thị xã Bảo Đáp, huyện Trấn Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2451/QĐ-UBND ngày 08/11/2021	465		233	233			352	
90	Đề án đề nghị công nhận thị trấn Cồ Phúc và vùng phụ cận đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	4717/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	527			527			792	
91	Quy hoạch chung xây dựng xã Bảo Đáp, huyện Trấn Yên đến năm 2035	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1467/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	2.029		1.015	1.015			981	
92	Quy hoạch chung xây dựng xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên đến năm 2035	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1421/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	1.247		624	624			599	
93	Quy hoạch chung xây dựng xã Vân Hội, huyện Trấn Yên đến năm 2035	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1426/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	638		319	319			305	
94	Đề án đề nghị công nhận xã Bảo Đáp, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2893/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	527			527			518	
95	Đề án đề nghị công nhận xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2892/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	527			527			518	
96	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/5.000 hai đầu cầu Cồ Phúc (địa phận xã Y Can), huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	5015/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	110			110			110	
97	Đề án đề nghị công nhận thị trấn Cồ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái là đô thị loại IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1773/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	1.549			1.549			1.531	
98	Dự toán công tác thống kê đất đai năm 2023	Phòng Tài nguyên và Môi trường	690/QĐ-UBND ngày 22/3/2024	93			93			93	
99	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất xã Y Can, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2978/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	469			469			469	
100	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 cấp huyện, cấp xã huyện Trấn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3128/QĐ-UBND ngày 29/8/2024	3.029			3.029			3.029	
101	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Phòng Tài nguyên và Môi trường	180/QĐ-UBND ngày 15/8/2024	2.033			2.033			2.033	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
102	Tư vấn xác định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Khu công nghiệp Minh Quân (Hạng mục: nhà máy sản xuất đánh bóng sỏi nhân tạo và nghiền bột đá CaCo3)	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3012/QĐ-UBND ngày 02/8/2024	76			76			151	
III	DỰ ÁN			1.237.419	1.791	272.739	849.840	113.050	99.841	575.278	
III.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			591.729	1.791	79.798	414.720	95.420	47.330	338.945	
1	Đường Việt Thành - Đào Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2899/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	3.084			3.084		1.500	1.401	
2	Đường Minh Quán - Hòa Cường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2900/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	6.908			6.908		2.922	3.477	
3	Trường mầm non Đào Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2253/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	2.500			2.500		1.300	1.050	
4	Hội trường xã Nga Quán	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3364/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	2.900			2.900		1.000	1.881	
5	Quỹ đất dân cư hai bên đường từ ngã tư Bệnh viện đi Cầu Nghĩa Phương	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	973/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	36.000			36.000		28.773	506	
6	Chinh trang đô thị Tò dân phố số 2, thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1878/QĐ-UBND ngày 19/6/2019	14.720			14.720		8.786	8.631	
7	Chinh trang khu dân cư thôn Khe Nhài xã Tân Đồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3953/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.600			4.600		1.113	3.280	
8	Sân thể thao xã Việt Cường	UBND xã Việt Cường	80/QĐ-UBND ngày 21/8/2019	2.985	1.791		1.194		1.936	54	
9	Trụ sở xã Quy Mông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3912/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.000		500	1.500			1.467	
10	Trụ sở xã Bảo Hưng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1096/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	3.321		500	2.821			2.457	
11	Trường tiểu học và trung học cơ sở Minh Quán	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3914/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.850		2.425	2.425			2.327	
12	Trường mầm non Vân Hội	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3915/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.570		2.285	2.285			2.104	
13	Trường mầm non Quy Mông, xã Quy Mông, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	685/QĐ-UBND ngày 20/4/2021	12.993		6.497	6.497			6.367	
14	Trường tiểu học và trung học cơ sở Tân Đồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3916/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.350		2.675	2.675			2.074	
15	Trường tiểu học và trung học cơ sở Hòa Cường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3917/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.770		1.885	1.885			1.762	
16	Trường tiểu học Hưng Khánh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3918/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.000		1.000	1.000			700	
17	Cầu Ngòi Cựu xã Hòa Cường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3939/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.900			4.900			4.265	
18	Công trình thoát nước thôn Khe Sấu xã Đào Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3920/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.000			5.000			4.981	
19	Cầu thôn Đức Thịnh xã Hưng Khánh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3921/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500			1.500			1.419	
20	Cầu Yên Bình - Khang Chính xã Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3924/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.000			2.000			1.234	
21	Công trình thoát nước thôn Đồng Chuối xã Cường Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3929/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.000			1.000			745	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện										
22	Công trình thoát nước thôn Đồng Lân xã Cường Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3930/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.000			2.000			1.919	
23	Công trình thoát nước thôn Đồng Phay xã Kiên Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3928/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500			1.500			1.374	
24	Kè chống sạt lở tuyến đường tránh ngập từ thôn Trung Nam đi thôn Đồng Đình xã Hồng Ca	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3923/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	300			300			300	
25	Công trình thoát nước thôn Bến Đình xã Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3922/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.000			2.000			2.410	
26	Cầu thôn Lương Tầm xã Lương Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2624/QĐ-UBND ngày 2/7/2021	5.787			5.787			5.505	
27	Trường mầm non Hoa Hồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4688/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020	14.950			14.950			14.661	
28	Trường Mầm non Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3926/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.500			3.500			3.425	
29	Trường Tiểu học và trung học cơ sở Bảo Hưng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3927/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.930			2.930			2.773	
30	Chỉnh trang khu vực trung tâm văn hóa thể thao ngoài trời thị trấn Cô Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1893/QĐ-UBND ngày 14/6/2021	4.297			4.297			4.243	
31	Chỉnh trang khu dân cư thôn 4, xã Hòa Cuông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3932/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.200			3.200			3.375	
32	Chỉnh trang khu dân cư thôn Khe Léch xã Hưng Khánh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3934/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.000			3.000			1.889	
33	Chỉnh trang khu dân cư thôn 3A xã Việt Cường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3935/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	10.800			10.800			10.638	
34	Chỉnh trang khu dân cư Tổ dân phố số 3 (Nhà xe Lê Quý Đôn cũ) thị trấn Cô Phúc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3937/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	500			500			150	
35	Chỉnh trang khối nhà làm việc cơ quan Cấp ủy và Chính quyền + đoàn thể huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	43/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	2.603			2.603			2.602	
36	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn (Địa điểm: Thôn Làng Qua, xã Báo Đáp) huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3119/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	14.990			14.990			14.388	
37	Chỉnh trang khu dân cư thôn 5 Cây Sy, xã Vân Hội, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3305/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	14.850			14.850			14.603	
38	Khắc phục, xử lý sạt lở đường Báo Đáp - Tân Đồng - Cẩm Ân (đoạn Km8+450), huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	/QĐ-UBND ngày 6/2021	530			530			527	
39	Đường thôn 7A, 7B xã Việt Cường	UBND xã Việt Cường	1984/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	580			580			454	
40	Cải tạo, sửa chữa hành lang vỉa hè + rãnh thoát nước đường trung tâm xã Bảo Hưng	UBND xã Bảo HƯng	2014/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	520			520			495	
41	Nâng cấp hệ thống ống cấp nước sinh hoạt tuyến đường Sông Thao, thị trấn Cô Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3920/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	1.300			1.300			1.276	
42	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2460/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	3.490			3.490			3.878	
43	Khắc phục, xử lý sạt lở đường Quy Mông - Kiên Thành - Y Can (đoạn km13+700 và đoạn km22+500), huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2340/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	225			225			217	
44	Kè chống sạt lở Công an huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4959/QĐ-UBND ngày 14/12/2021	2.000			2.000			2.472	
45	Cải tạo, sửa chữa cầu Khe Dâu xã Hòa Cuông	UBND xã Hòa Cuông	4356/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	300			300			300	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
46	Cầu thôn Khe Năm xã Hưng Khánh	UBND xã Hưng Khánh	4357/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	800			800			1.085	
47	Công trình thoát nước trên tuyến đường trung tâm xã Kiên Thành đi thôn Đồng Ruộng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	700/QĐ-UBND ngày 17/3/2022	4.761		3.332	1.428			640	
48	Trụ sở xã Việt Cường, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	454/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	3.000		1.500	1.500			1.254	
49	Trường Mầm non Hưng Khánh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	718/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	7.000		4.200	2.800			2.580	
50	Trường Mầm non Hoa Hồng thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	717/QĐ-UBND ngày 18/3/2022	7.500		4.500	3.000			2.501	
51	Cụm công trình thủy lợi xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	453/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	1.750		1.050	700			601	
52	Đường trung tâm xã Bảo Hưng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5224/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.700			2.700			2.622	
53	Công trình thoát nước đường Vân Hội - Quân Khê	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5506/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	3.000			3.000			2.929	
54	Kè chống sạt lở đường Hưng Khánh - Hồng Ca (đoạn thôn Bán Cọ xã Hồng Ca)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1900/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	423			423			394	
55	Kè chống sạt lở đường thôn Làng Gặt xã Bảo Đáp	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5508/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	1.000			1.000			881	
56	Công trình thoát nước thôn Liên Hợp xã Hồng Ca	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5504/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	1.192			1.192			968	
57	Cầu thôn Núi Vi đi thôn Lương An xã Hưng Khánh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5514/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	2.000			2.000			1.625	
58	Công trình thoát nước thôn Đồng Đất xã Tân Đồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5509/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	3.566			3.566			3.598	
59	Công trình thoát nước thôn Sài Lương xã Tân Đồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5510/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	6.500			6.500			6.273	
60	Chỉnh trang đường trục chính trung tâm xã Bảo Đáp	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5513/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	4.874			4.874			4.890	
61	Xây dựng công trình thoát nước xã Hưng Khánh đi xã Hưng Thịnh huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5512/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	3.500			3.500			3.372	
62	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường công trình thoát nước đường nối TL166 - ngã ba Minh An, xã Y Can	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5515/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	3.000			3.000			2.548	
63	Trường TH&THCS Việt Thành (cấp mầm non)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5099/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	1.100			1.100			1.099	
64	Trường mầm non Bảo Hưng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5098/QĐ-UBND ngày 20/12/2021	2.000			2.000			1.968	
65	Trường TH&THCS Minh Quân	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5522/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	2.920			2.920			2.837	
66	Trường TH&THCS Việt Cường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5519/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	3.500			3.500			3.288	
67	Trường TH&THCS Việt Thành (cấp tiểu học)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5523/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	4.000			4.000			3.583	
68	Công trình thoát nước thôn Khe Tỏi xã Kiên Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5511/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	3.488			3.488			3.821	
69	Trường TH&THCS Minh Quán	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5518/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	734			734			693	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
70	Trường mầm non Y Can	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5517/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	6.000			6.000			5.742	
71	Chính trang khu dân cư nông thôn (địa điểm thôn Khe Lếch xã Hưng Khánh), huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2728/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	5.340			5.340			4.274	
72	Trường mầm non Việt Hồng (điểm trường Bản Phạ)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5516/QĐ-UBND ngày 28/12/20/21	2.000			2.000			1.970	
73	Trường TH&THCS Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2563/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	3.000			3.000			2.764	
74	Trường TH&THCS số 1 Lương Thịnh (điểm trường tiểu học)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2562/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	4.324			4.324			4.302	
75	Xây dựng khối nhà làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3995/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	8.003			8.003			6.689	
76	Hệ thống rãnh thoát nước trung tâm xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên	UBND xã	Số 3825/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	660			660			659	
77	Công trình thoát nước thôn Ngọn Đồng xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	Số 3826/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	311			311			311	
78	Hành lang vỉa hè đường trung tâm xã Việt Cường, huyện Trấn Yên	UBND xã	Số 3827/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	600			600			599	
79	Xây dựng khu vệ sinh cho học sinh Trường THPT Lê Quý Đôn, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3048/QĐ-UBND ngày 05/9/2022	820			820			770	
80	Sửa chữa nhà làm việc Văn phòng HĐND-UBND và các cơ quan chuyên môn huyện Trấn Yên		4255/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1.200			1.200			1.200	
81	Trụ sở xã Lương Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1653/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	4.500		2.700	1.800			1.668	
82	Thủy lợi Thái Thủy xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1320/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	1.133		720	413			308	
83	Thủy lợi Khe Phai xã Tân Đồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1457/QĐ-UBND ngày 8/5/2023	1.200		720	480			355	
84	Trường TH&THCS số 2 Lương Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1654/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	3.500		2.100	1.400			1.210	
85	Trường TH&THCS Hòa Cường (xây dựng tại cấp mầm non)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1655/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	3.000		1.800	1.200			1.111	
86	Trường mầm non Tân Đồng, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1493/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	9.800		5.880	3.920			3.630	
87	Chính trang nhà làm việc Huyện ủy và Khối đoàn thể huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	753/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	1.111			1.111			1.180	
88	Công trình thoát nước thôn Yên Thuận	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1104/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	1.200			1.200			1.001	
89	Cầu xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1103/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	1.803			1.803			2.101	
90	Công trình thoát nước thôn Hiến Dương, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1319/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	2.797			2.797			2.410	
91	Chính trang khu dân cư nông thôn (khu 1, địa điểm thôn Quyết Tiến, xã Y Can), huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3273/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	5.411			5.411			5.817	
92	Đường thôn Bản Chao, xã Việt Hồng (Đường vào đình Làng Dọc) huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1619/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	2.410			2.410			2.248	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
93	Đường Cổ Phúc - Hòa Cường, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2200/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	2.000			2.000			1.958	
94	Đường thôn Hồng Lâu xã Hồng Ca (đường vào trường mầm non Hồng Ca), huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2182/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	1.059			1.059			1.059	
95	Chinh trang khuôn viên UBND huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1916/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	3.000			3.000			3.148	
96	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2205/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	3.000			3.000			3.263	
97	Nâng cấp, sửa chữa đường từ trung tâm xã đi thôn 7A, 7B xã Việt Cường, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2261/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	5.667			5.667			5.293	
98	Trường mầm non Hồng Ca (điểm trường thôn Hồng Lâu), xã Hồng Ca	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2700/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	10.000			10.000			9.494	
99	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2761/QĐ-UBND ngày 8/8/2023	800			800			766	
100	Trường TH&THCS Cường Thịnh (cấp tiểu học), huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2896/QĐ-UBND ngày 21/8/2022	800			800			783	
101	Trường TH&THCS Hưng Thịnh (điểm chính), huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2894/QĐ-UBND ngày 21/8/2022	1.182			1.182			1.047	
102	Hàng lang vỉa hè đường trung tâm xã Việt Cường, huyện Trấn Yên	UBND xã	2179/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	427			427			427	
103	Công trình thoát nước thôn 9 xã Việt Cường, huyện Trấn Yên	UBND xã	Số 2918/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	980			980			957	
104	Chinh trang khu dân cư nông thôn (địa điểm: thôn 1 xã Minh Quán	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3452/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	4.500			4.500			5.273	
105	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3547/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	2.500			2.500			2.398	
106	Đường trục chính trung tâm xã Minh Quán, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2697/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	7.693			7.693			7.522	
107	Nâng cấp, cải tạo Trường THCS Hưng Khánh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2895/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	2.610			2.610			2.386	
108	Trường mầm non Y Can, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4326/QĐ-UBND ngày 16/10/2023	3.198			3.198			3.048	
109	Xây dựng hạng mục phụ trợ Trường mầm non Hưng Khánh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2527/QĐ-UBND ngày 17/7/2023	600			600			600	
110	Cống thoát nước thôn Đồng Song xã Kiên Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2698/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	944			944			853	
111	Cống thoát nước tổ dân phố số 4, thị trấn Cổ Phúc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2701/QĐ-UBND ngày 02/8/2023	695			695			650	
112	Cầu xã Báo Đáp, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3180/QĐ-UBND ngày 14/12/2020	20.000		10.000	10.000			178	
113	Đường trung tâm xã Báo Hưng (Đoạn UBND xã đến Trường TH&THCS Báo Hưng), huyện Trấn Yên	UBND xã Báo Hưng	5182/QĐ-UBND ngày 14/12/2023	695			695			695	
114	Công trình thoát nước thôn Khe Cá, xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3328/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	1.200			1.200			1.155	
115	Trường TH&THCS Minh Quân, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4719/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	924			924			896	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
116	Hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	632/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	920			920			836	
117	Cải tạo, sửa chữa khuôn viên Ủy ban nhân dân xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5164/QĐ-UBND ngày 12/12/2023	784			784			777	
118	Cống thoát nước Bản Phạ xã Việt Hồng, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4963/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	389			389			388	
119	Cầu thôn Đát Quang xã Hưng Khánh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	477/QĐ-UBND ngày 28/12/2023	644			644			644	
120	Đề án phát triển GTNT năm 2021 huyện Trấn Yên	UBND xã		39.428		5.179	8.743	25.506		8.743	
121	Đề án phát triển GTNT năm 2022 huyện Trấn Yên	UBND xã		40.507		5.350	8.239	26.918		8.239	
122	Đề án phát triển GTNT năm 2023 huyện Trấn Yên	UBND xã		39.132		8.000	6.062	25.071		6.062	
123	Đề án phát triển GTNT năm 2024 huyện Trấn Yên	UBND xã		27.919		5.000	4.993	17.926		4.993	
III.2	Dự án hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán			284.739	0	148.601	136.138	0	52.511	51.654	
1	Nhà thi đấu đa năng trung tâm huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3251/QĐ-UBND ngày 18/12/2020	28.149		12.000	16.149		25.000	572	
2	Chinh trang khu dân cư nông thôn thôn Thắng Lợi xã Y Can	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4381/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	45.000			45.000		3.000	9.672	
3	Chinh trang đô thị tổ dân phố số 1 thị trấn Cỏ Phúc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	4382/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	22.000			22.000			261	
4	Đường vành đai thị trấn Cỏ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	342/QĐ-UBND ngày 30/08/2010	92.301		92.001	300		24.511	300	
5	Đường nối Tỉnh lộ 172 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3073/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	70.000		35.000	35.000			24.343	
6	Xử lý khắc phục ảnh hưởng do mưa bão tuyến đường trục thôn Đông Bưởi và hệ thống rãnh dọc tuyến đường trung tâm xã Bảo Đáp, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2924/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	815			815			815	
7	Thu hồi vùng ảnh hưởng do thi công công trình Đường từ ngã tư Bệnh viện đi cầu Nghĩa Phương và công trình Quỹ đất dân cư hai bên đường từ ngã tư bệnh viện đi cầu Nghĩa Phương, thị trấn Cỏ Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	814/QĐ-UBND ngày 31/3/2023	5.000			5.000			2.928	
8	Nâng cấp, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật thị trấn Cỏ Phúc, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	256/QĐ-UBND ngày 26/01/2024	700			700			674	
9	Cải tạo, nâng cấp Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Cỏ Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3578/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	1.794			1.794			1.929	
10	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	594/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	14.990		9.000	5.990			6.920	
11	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên UBND xã Y Can, huyện Trấn Yên	UBND xã Y Can	191/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	690		600	90			90	
12	Hệ thống thoát nước trung tâm xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3830/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	1.300			1.300			1.150	
13	Công trình thoát nước thôn Kim Bình, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3831/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	2.000			2.000			2.000	
III.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			360.951	0	44.340	298.982	17.630	0	184.678	
1	Chinh trang khu dân cư nông thôn (địa điểm: khu 2, thôn thắng lợi xã Y Can), huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3451/QĐ-UBND ngày 22/9/2023	33.000			33.000			32.961	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
2	Cụm công trình thủy lợi xã Kiên Thành, xã Lương Thịnh, xã Việt Hồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3067/QĐ-UBND ngày 21/8/2024	4.400		2.640	1.760			1.760	
3	Trường THCS Báo Đáp, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3269/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	3.000		1.800	1.200			1.200	
4	Trường mầm non Cường Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3271/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	3.500		2.100	1.400			1.400	
5	Trường mầm non Hoa Sen xã Báo Đáp	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3267/QĐ-UBND ngày 17/9/2024	2.500		1.500	1.000			1.000	
6	Trường tiểu học và trung học cơ sở Việt Hồng (điểm bản Din), xã Việt Hồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3499/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	3.000		1.800	1.200			1.200	
7	Trunng tâm Hội nghị huyện Trấn yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	1426/QĐ-UBND ngày 10/7/2024	44.500		15.000	29.500			19.500	
8	Xây dựng chợ trung tâm huyện đạt chuẩn hạng II, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	2440/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	20.000		14.500	5.500			5.500	
9	Chỉnh trang tuyến đường Phạm Văn Đồng, thị trấn Cổ Phúc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	616/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	7.000			7.000			6.531	
10	Cầu thôn Tân Việt xã Quy Mông, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	614/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	5.000			5.000			5.000	
11	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn (khu 3, địa điểm thôn Thắng Lợi, xã Y Can), huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	889/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	17.240			17.240			17.212	
12	Cải tạo, nâng cấp đường TL166 - Minh An (đoạn 2) xã Y Can, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	470/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	5.000			5.000			5.000	
13	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Thắng Lợi, xã Y Can (giai đoạn 2), huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3612/QĐ-UBND ngày 29/10/2024	13.031			13.031			13.031	
14	Cải tạo, nâng cấp đường Báo Đáp-Tân Đồng, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3829/QĐ-UBND ngày 15/11/2024	6.000			6.000			6.000	
15	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn 4, xã Đào Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	3053/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	6.000			6.000			6.000	
16	Cầu Khe Ngang thôn Phương Đạo 2, xã Lương Thịnh, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5401/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	1.700			1.700			1.700	
17	Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý nước sinh hoạt thị trấn Cổ Phúc, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5375/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	6.000			6.000			3.000	
18	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Y Can (Địa điểm: thôn Hồng Tiến), huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	5376/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	3.000			3.000			3.000	
19	Đường từ trung tâm xã đi thôn Bản Cọ, xã Hồng Ca	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	484/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	5.500			5.500			1.650	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện										
20	Công trình thoát nước thôn Bán Khun, xã Hồng Ca	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	507/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	4.000			4.000			1.200	
21	Công trình thoát nước thôn Khe Tiến, xã Hồng Ca	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	508/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	5.000			5.000			1.500	
22	Công trình thoát nước thôn Kim Bình (Đoạn nhà Bà Nhân), xã Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	509/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	3.000			3.000			1.000	
23	Công trình thoát nước thôn Khang Chính - Yên Bình xã Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	510/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	3.150			3.150			1.000	
24	Công thoát nước đập 90 Ngòi Mon thôn Minh Phú, xã Vân Hội	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	511/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	1.200			1.200			360	
25	Đường trung tâm xã Vân Hội (thôn 8 Minh Phú)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	512/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	5.000			5.000			1.500	
26	Nâng cấp, sửa chữa đường từ trung tâm xã đi thôn 7A, 7B xã Việt Cường (Đoạn 2)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	513/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	6.000			6.000			1.000	
27	Cầu thôn Đồng Cát (Cầu ông Thúy), xã Kiên Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	514/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	2.000			2.000			600	
28	Cải tạo, nâng cấp đường TL166 - Minh An (đoạn 3), xã Y Can, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	515/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	6.000			6.000			1.000	
29	Đường đi Hang Dơi, xã Việt Hồng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	516/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	5.000			5.000			500	
30	Trường TH&THCS Việt Cường	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	517/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	3.500			3.500			200	
31	Trường TH&THCS Hưng Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	518/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	3.500			3.500			200	
32	Trường MN Quy Mông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	519/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	5.500			5.500			400	
33	Trường Mầm non Y Can (Điểm trường thôn Minh An)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	520/QĐ-UBND ngày 28/02/2025	2.000			2.000			200	
34	Đường đến trung tâm xã Cường Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	750/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	19.000			19.000			13.311	
35	Đường Cỏ Phúc - Hòa Cuông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	751/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	7.300			7.300			2.211	
36	Đường thôn Đồng Cát, xã Kiên Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	752/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	15.000			15.000			2.500	
37	Chính trang đô thị thị trấn Cỏ Phúc khu B: Địa điểm Tổ dân phố số 1, thị trấn Cỏ Phúc,	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	747/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	46.000			46.000			17.550	
38	Xây dựng khu trung chuyển Trung tâm thu mua-cung ứng nông sản an toàn cấp huyện, huyện Trấn Yên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên	753/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	2.500			2.500			1.500	
39	Đề án phát triển GTNT năm 2025	UBND xã		26.930		5.000	4.301	17.630		4.301	
IV	Vốn 10% sử dụng đất chưa phân bổ									9.384	
B	HUYỆN YÊN BÌNH			1.532.267	289.539	358.290	918.026	3.451	103.946	641.703	
I	CHƯƠNG TRÌNH			346.451	277.081	24.479	44.891	0	0	36.114	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân	Vốn ngân					
				trung ương	sách tỉnh	sách huyện					
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Yên Bình			159.291	131.203	8.290	19.798	0	0	15.864	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Yên Bình			187.160	145.878	16.189	25.093	0	0	20.250	
II	NHIỆM VỤ			24.169	0	4.507	56.700	0	1.000	50.254	
1	Chi cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai từ tiền sử dụng đất	Phòng Tài nguyên và Môi trường					36.539			36.539	
2	Chi ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội	Ngân hàng Chính sách chi nhánh huyện					500			500	
3	Quy hoạch thị tứ xã Cẩm Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	601/QĐ-UBND ngày 14/12/2016	761			761		654	107	
4	Quy hoạch chung thị trấn Thác Bà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	2076/QĐ-UBND ngày 03/11/2014	1.299			1.299		296	1.003	
5	Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch phân khu cụm Công nghiệp Thịnh Hưng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	QĐ số 25/QĐ-UBND	858			858		50	808	
7	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình đến năm 2035. Tỷ lệ 1/5000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1422/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	1.174		587	587		0	587	
8	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình đến năm 2035. Tỷ lệ 1/5000	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1423/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	692		346	346		0	346	
9	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình đến năm 2040	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Số 37/QĐ-UBND ngày 09/01/2025	1.885		943	943		0	26	
10	Quy hoạch chung đô thị Yên Bình đến năm 2050, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Số 211/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	2.778		1.389	1.389		0	43	
11	Thực hiện nhiệm vụ Quy hoạch (điều chỉnh quy hoạch các xã NTM; quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm các xã; quy hoạch khu đô thị....)	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị		12.236			12.236		0	9.052	
12	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 2753/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	521		261	261		0	261	
13	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 2754/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	1.041		521	521		0	521	
14	Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 2755/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	380		190	190		0	190	
15	Chương trình phát triển đô thị xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 2752/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	542		271	271		0	271	
III	DỰ ÁN			1.161.648	12.458	329.304	816.435	3.451	102.946	555.336	
III.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			731.529	12.458	230.654	484.966	3.451	93.147	354.025	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
1	Xử lý khẩn cấp cống Góc Sung thôn Hán Đà 2 xã Hán Đà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	283/QĐ-UBND ngày 02/10/2020	395			395		100	295	
2	Khắc phục khẩn cấp sạt lở Đường vào di tích Đền Mẫu Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (2020)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	282/QĐ-UBND ngày 02/10/2020	400			400		215	185	
3	Đường giao thông tổ 1 + Đường vào trường THCS Thác Bà, thị trấn Thác Bà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	312/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	669			669		140	529	
4	Đường đèo Kéo Sa xã Tích Cốc	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	317/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	621			621		200	421	
5	Xử lý, khắc phục khẩn cấp công trình đường lên Đền Mẫu Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	106/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	772			772		0	772	
6	Chỉnh trang đô thị tổ nhân dân số 6 (Hạng mục: Đường nối đường Nội thị trấn Yên Bình với đường vành đai thị trấn Yên Bình)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	473/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	2.337			2.337		0	2.337	
7	Đường nối nhà máy xi măng Yên Bình đến Cảng Hương Lý, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	QĐ số 2289/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 93/QĐ-UBND ngày 14/01/2020	50.528		24.000	26.528		32.636	17.892	
8	Đường vào UBND xã Tân Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 320/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	280	145		135		145	135	
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 7C (đoạn địa phận huyện Yên Bình), huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 463/QĐ-UBND ngày 05/11/2021	4.221			797	3.424	0	797	
10	Đề án phát triển giao thông nông thôn	UBND các xã, thị trấn								38.195	
11	Trường mầm non xã Hán Đà (hạng mục nhà lớp học 02 phòng học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	304/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.514			1.514		269	1.245	
12	Trường TH và THCS xã Xuân Long (Phân hiệu tiểu học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	306/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.873			1.873		300	1.573	
13	Trường TH và THCS xã Xuân Long (Phân hiệu THCS)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	307/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.165			2.165		300	1.865	
14	Trường Mầm non xã Vũ Linh (hạng mục nhà hành chính quản trị)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	310/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	875			875		180	695	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
15	Trường TH và THCS xã Cẩm Nhân (Phân hiệu tiểu học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	313/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	958			958		100	858	
16	Trường TH và THCS xã Cẩm Nhân (Phân hiệu THCS)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	314/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.187			2.187		300	1.887	
17	Mở rộng trường Mầm non xã Yên Thành, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	116/QĐ-UBND huyện ngày 14/7/2022	987			987		0	987	
18	Trường TH và THCS xã Đại Đồng (hạng mục mở rộng quỹ đất)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1495/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	1.600			1.600		0	1.138	
19	Hệ thống PCCP các trường mầm non (Tân Nguyên, Thác Bà, Xuân Long, Bảo Ái)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	271/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	546			546		0	546	
20	Khắc phục khẩn cấp sạt lở Trường mầm non Vũ Linh, huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	01/QĐ-UBND ngày 04/01/2024	180			180		0	180	
21	Trường mầm non thị trấn Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	QĐ số 993/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 (DCBS)	14.812		7.450	7.362		11.160	3.652	
22	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Vĩnh Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 312/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.796		2.700	91	5	2.700	96	
23	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Vũ Linh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.929	4.455		469	5	4.455	474	
24	Trường mầm non xã Vũ Linh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 317/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.306	3.150		151	5	3.150	156	
25	Trường mầm non xã Mông Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 318/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.660	1.620		35	5	1.620	40	
26	Trường mầm non xã Bảo Ái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	321/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.255		2.250	2.005		2.250	2.005	
27	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS xã Yên Thành	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	322/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.786	900		886		900	886	
28	Trường TH&THCS xã Đại Đồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	5.772		3.460	2.312		2.990	2.312	
29	Trường mầm non Tân Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	121/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	5.450		2.725	2.725		0	2.686	
30	Trường mầm non xã Bảo Ái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	122/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	10.970		5.485	5.485		0	5.404	
31	Trường mầm non xã Đại Minh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	123/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	4.100		2.050	2.050		0	2.000	
32	Trường TH&THCS Thác Bà (Điểm trường chính)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	124/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	5.530		2.765	2.765		0	2.843	
33	Trường TH&THCS Thác Bà (Phân hiệu tiểu học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	342/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	2.910		1.455	1.455		0	1.410	
34	Trường mầm non Thác Bà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	349/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	6.600		3.300	3.300		0	3.294	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện									
35	Trường TH&THCS số 2 Cẩm Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	348/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	4.200		2.100	2.100		0	2.058	
36	Trường TH&THCS xã Xuân Long (Điểm chính)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	335/QĐ-UBND ngày 17/11/2020; 128/QĐ-UBND ngày 17/05/2021	2.950		1.475	1.475		0	1.473	
37	Trường mầm non xã Xuân Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	336/QĐ-UBND ngày 17/11/2020; 127/QĐ-UBND ngày 17/05/2021	4.650		2.325	2.325		0	2.269	
38	Trường Trung học cơ sở thị trấn Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	332/QĐ-UBND ngày 16/11/2020; 316 ngày 24/9/2021	3.500		1.750	1.750		0	1.724	
39	Trường mầm non xã Tân Hương	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	317 ngày 24/9/2021	2.000		1.000	1.000		0	986	
40	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	337/QĐ-UBND ngày 17/11/2020; 126/QĐ-UBND ngày 17/05/2021	5.590		2.795	2.795		0	2.778	
41	Trường TH&THCS Phúc Ninh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	341/QĐ-UBND ngày 19/11/2020; 55/QĐ-UBND ngày 24/03/2021	9.500		4.750	4.750		0	4.723	
42	Trường TH&THCS Mông Sơn (Phân hiệu tiểu học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	355/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	4.000		2.000	2.000		0	1.947	
43	Trường trung học cơ sở xã Bảo Ái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	324/QĐ-UBND ngày 6/11/2020; 54/QĐ-UBND ngày 22/03/2021	6.500		3.250	3.250		0	3.245	
44	Trường trung học cơ sở xã Mỹ Gia (đầu tư cho 3 cấp học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	52/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	9.000		4.500	4.500		0	4.482	
45	Trường MN Cẩm Nhân (Điểm trường chính)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	64/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	6.500		3.250	3.250		0	3.229	
46	Trường TH&THCS số 1 Cẩm Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	65/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	3.500		1.750	1.750		0	1.744	
47	Trường MN Cẩm Nhân (Phân hiệu thôn Kéo Xa)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	66/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	4.000		2.000	2.000		0	1.993	
48	TH&THCS xã Xuân Lai (Điểm chính THCS)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	60/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	6.500		3.250	3.250		0	3.242	
49	TH&THCS xã Xuân Lai (Phân hiệu tiểu học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	61/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	4.000		2.000	2.000		0	1.998	
50	MN xã Xuân Lai	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	62/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	5.700		2.850	2.850		0	2.803	
51	TH&THCS xã Phúc An (Điểm trường chính THCS)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	23/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	7.500		4.500	3.000		0	2.815	
52	Trường TH xã Bảo Ái (Điểm trường chính)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	24/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	6.500		3.840	2.660		0	2.446	
53	Trường MN Bạch Hà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	7.500		4.500	3.000		0	3.000	
54	Trường TH&THCS Mông Sơn (Điểm chính)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	3.400		2.210	1.190		0	1.180	
55	Trường TH&THCS Mông Sơn (Phân hiệu tiểu học)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	6.600		4.290	2.310		0	2.265	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện									
56	Trường TH&THCS Cẩm Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	6.400		4.290	2.110		0	2.070	
57	Trường mầm non Cẩm Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	6.760		3.380	3.380		0	3.284	
58	Trường mầm non Vũ Linh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	4.300		2.795	1.505		0	1.477	
59	Trường TH Bảo Ái (phân hiệu Ngòi Bang)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	4.940		2.470	2.470		0	2.036	
60	Trường TH&THCS Xuân Long (Điểm chính)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	9.500		6.175	3.325		0	3.106	
61	Mở rộng Trường TH&THCS Mỹ Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	5.000		3.055	1.945		0	1.496	
62	Trường TH&THCS Bạch Hà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	10.500		6.825	3.675		0	3.675	
63	Trường TH&THCS Đại Minh (phân hiệu THCS)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	7.800		4.290	3.510		0	3.353	
64	Trường TH&THCS Hán Đà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	10.800		6.825	3.975		0	3.970	
65	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Ngọc Chấn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện		347			347		0	347	
66	Kè chống sạt lở công an huyện	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	247/QĐ-UBND ngày 25/8/2020	2.667			2.667		2.400	267	
67	Nhà làm việc khối đoàn thể, công an, quân sự xã Cẩm Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	315/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.966			2.966		700	2.266	
68	Trụ sở xã Đại Đồng (Hạng mục Hội trường + nhà công an)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	308/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.396			3.396		600	2.796	
69	Trụ sở xã Tân Hương (Hạng mục Hội trường + nhà công an)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.333			3.333		800	2.533	
70	Nhà làm việc công an xã Ngọc Chấn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	320/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	796			796		300	496	
71	Nhà làm việc công an xã Hán Đà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	321/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	800			800		400	400	
72	Nhà làm việc công an xã Phúc Ninh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	322/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	795			795		300	495	
73	Nhà làm việc công an xã Mỹ Gia	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	323/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	775			775		300	475	
74	Nhà làm việc công an xã Bạch Hà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	324/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	793			793		400	393	
75	Nhà làm việc công an xã Vĩnh Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	325/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.138			1.138		300	838	
76	Sân vận động xã Đại Minh (giai đoạn 2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	16/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	2.800			2.800		2.743	57	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện									
77	Sửa chữa Hội trường Nhà văn hóa và các phòng chuyên môn huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	209/QĐ-UBND ngày 8/6/2020	4.937			4.937		4.257	680	
78	Sân vận động xã Xuân Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	305/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.272			1.272		498	774	
79	Sân vận động xã Vũ Linh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	311/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.325			1.325		568	757	
80	Nâng cấp cải tạo sân vận động các xã: Cẩm Nhân, Mỹ Gia, Bảo Ái, Phúc Ninh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	233/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; 292/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	384			384		0	384	
81	Nâng cấp cải tạo sân vận động các xã: Xuân Lai, Yên Thành, Tân Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	232/QĐ-UBND ngày 26/5/2021; 291/QĐ-UBND ngày 12/8/2021	396			396		0	396	
82	Nhà văn hóa xã Vũ Linh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 315/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.195		3.150	40	5	3.150	45	
83	Sân Vận động xã Tân Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	309/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	1.679	988		689	2	1.522	157	
84	Nhà Văn hóa xã Mỹ Gia (Nhà làm việc đoàn thể + hội trường nhà văn hóa)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	67/QĐ-UBND ngày 12/4/2021	3.830		1.625	2.205		0	2.113	
85	Cải tạo sửa chữa Trụ sở xã Phú Thịnh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.970			3.970		600	3.370	
86	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND và HĐND huyện và một số phòng ban chuyên môn huyện	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	318/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	5.258			5.258		0	5.258	
87	Trụ sở xã Tân Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	305/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.793		1.000	1.793		1.000	1.793	
88	Trụ sở xã Yên Thành	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	304/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.476		1.000	1.476		1.000	1.476	
89	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	561/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	9.900		9.900	0		0		
90	Trụ sở xã Xuân Lai	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	330/QĐ-UBND ngày 13/11/2020	3.943		1.000	2.943		0	2.943	
91	Trụ sở xã Phúc An	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	334/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	4.828		1.500	3.328		0	3.328	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
92	Trụ sở xã Phúc An (Nhà văn hóa kết hợp nhà đoàn thể)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	25/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	4.828		2.475	2.353		0	2.353	
93	Trụ sở xã Tân Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	5.888		3.840	2.048		0	2.212	
94	Trụ sở xã Mông Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	7.460		4.500	2.960		0	2.960	
95	Trụ sở xã Xuân Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1299/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	6.500		3.900	2.600		0	2.100	
96	Trụ sở thị trấn Thác Bà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1299/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	6.500		3.900	2.600		0	2.100	
97	Cấp nước sinh hoạt tại cụm công nghiệp Thịnh Hưng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	231/QĐ-UBND ngày 21/8/2029	4.970		4.499	471		4.499	471	
98	Thủy lợi phai Ông Chi, xã Bảo Ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 26/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	2.406		1.500	906		0	906	
99	Thủy lợi Tuần Quế, xã Xuân Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	955		600	355		0	355	
100	Cụm công trình thủy lợi xã Phúc An	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 27/4/2023	1.245		900	345		0	345	
101	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phú Thịnh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	2.800		1.495	1.305		0	1.305	
102	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Cẩm Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	233/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	3.400		1.820	1.580		0	1.100	
103	Cải tạo, sửa chữa cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Ngòi Vồ xã Tân Hương	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	234/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	1.800		1.170	630		0	536	
104	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Vũ Linh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	235/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	4.500		1.950	2.550		0	2.550	
105	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Bảo Ái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	236/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	4.300		2.795	1.505		0	1.340	
106	Cấp nước sạch tập trung xã Xuân Lai	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	237/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	2.800		1.820	980		0	1.337	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
107	Cấp nước sinh hoạt tập xã Cẩm Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	238/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	4.800		3.120	1.680		0	1.081	
108	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Phúc An	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	239/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	4.200		2.730	1.470		0	1.383	
109	Cấp nước sạch sinh hoạt tập trung xã Xuân Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	240/QĐ-UBND ngày 29/8/2023	5.300		3.445	1.855		0	1.741	
110	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Đại Đồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	4.600		2.990	1.610		0	1.078	
111	Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thịnh Hưng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	4.500		2.925	1.575		0	1.422	
112	Chợ xã Mông Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	1.377		975	402		0	402	
113	Chinh trang khu vực vườn hoa trung tâm thị trấn Yên Bình tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	346/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	4.843			4.843		1.500	3.343	
114	Khắc phục, khẩn cấp sạt lở kè đá, tường rào khuôn viên trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Hương, huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1267/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	300			300		0	300	
115	Mở rộng khuôn viên trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã để xây dựng nhà làm việc của công an, quân sự xã, làm nhà thi đấu đa năng và mở rộng sân vận động xã Mông Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	421/UBND-TCKH ngày 06/5/2021	853			853		0	853	
116	Trang trí Khu trung tâm quảng trường thị trấn Yên Bình	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	13/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	570			570		0	570	
117	Cải tạo, sửa chữa, lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng, công chào khu vực thị trấn Yên Bình	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	14/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	1.027			1.027		0	1.027	
118	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống điện trang trí chiếu sáng khu vực trung tâm thị trấn Yên Bình	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	15/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	870			870		0	870	
119	Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng (thành phố Yên Bái)- Quốc lộ 70(Km32+250m)	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	16/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	1.074			1.074		0	1.074	
120	Cải tạo, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng trục đường Đại Đồng (Đoạn từ Km29+350m - Km 32+250m QL70)	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	17/QĐ-UBND ngày 22/01/2021	951			951		0	951	
121	Chợ xã Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 266/QĐ-UBND ngày 15/6/2021	2.976			2.976		0	2.976	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
122	Xây dựng khu thu gom rác thải tập trung xã Cẩm Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 277/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	1.000			1.000		0	1.000	
123	Sửa chữa cải tạo nghĩa trang liệt sỹ trên địa bàn huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 228/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	408			408		0	408	
124	Sửa chữa nhà làm việc Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ phát triển nông nghiệp và Hạt kiểm lâm huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 52/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	798			798		0	798	
125	Chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị trung tâm thị trấn Yên Bình và thị trấn Thác Bà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 08/QĐ-UBND ngày 22/2/2024	13.000			13.000		0	13.000	
126	Đề án chuyển đổi số huyện Yên Bình giai đoạn 2021-2025	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện		8.789			8.789		0	1.736	
127	Chỉnh trang khu vực trung tâm thị trấn Yên Bình đón xuân Ất Tỵ 2025	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 337/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	3.000			3.000		0	2.665	
128	Dự án Cải tạo, sửa chữa công trào thị trấn Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Số 21/QĐ-UBND ngày 21/2/2025	1.100			1.100		0	1.078	
129	Chi phí quỹ đất thôn Ngòi Khang Bảo Ái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	2.700			2.700		0	2.224	
130	Phát triển quỹ đất thôn Cát Lem (Chợ xã) xã Đại Minh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	720/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	3.489			3.489		0	110	
131	Thôn Liên Hiệp (giáp nhà máy may) Thịnh Hưng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 14/02/2019	7.994			7.994		0	3.861	
132	Quỹ đất dân cư thôn Trung tâm (giáp chợ mới) xã Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	14.990			14.990		0	11.694	
133	Dự án phát triển quỹ đất dân cư thôn Nà Tà xã Xuân Long	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 184/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	2.200			2.200		0	643	
134	Thôn 3 Chặng Vĩnh Kiên (giáp nhà VH thôn)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 28/5/2019	1.800			1.800		0	59	
135	Quỹ đất 8A, 8B (giai đoạn 1)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 04/7/2016	33.000			33.000		0	1.294	
136	Tổ 6 thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình (đợt 2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 04/8/2019	5.568			5.568		0	5.568	
137	Tổ dân phố 7, tổ dân phố 8, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (đợt 2)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	14.990			14.990		0	5.134	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
138	Quyđất dân cư đô thị tổ 8A, 8B, tổ 11 thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	25.000			25.000		0	6.244	
139	Trung tâm Phát triển đất: KP phá dỡ trạm thu hồi giống cây trồng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 26/6/2019	32			32		0	32	
140	KP xác định giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ tái định cư	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 26/6/2019	556			556		0	556	
141	Chi phí quỹ đất tổ 6 dọc đường nội thị	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 26/6/2019	14.990			14.990		0	5.687	
142	Chi phí quỹ đất tổ 7 (khu B trường MN Bình Minh)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	14.000			14.000		0	8.048	
143	Tổ 6 thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 23/7/2019	240			240		0	240	
144	Tổ 6 (giáp UBTT Yên Bình), thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình,	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	9.600			9.600		0	1.656	
145	Tổ 6 (giáp trường MN TT Yên Bình), thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình,	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	10.300			10.300		0	1.617	
146	Tổ 6 (giáp sân vận động) thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình,	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 26/6/2019	14.990			14.990		0	438	
147	Tổ chức hoạt động đấu giá	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện		707			707		0	707	
148	Ban QLDA: KP trả nợ vốn vay quỹ PTĐ	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện		10.701			10.701		0	10.701	
149	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Mỏ Quan, xã Xuân Long, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 17/6/2022; Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	8.500			8.500		0	7.196	
150	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Phạ 2 xã Cẩm Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	5.000			5.000		0	4.379	
151	Chỉnh trang đô thị (quỹ đất thu hồi trường THCS thị trấn Thác Bà) thị trấn Thác Bà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	650			650		0	515	
152	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Làng Mấy, xã Vũ Linh (đối diện trường Mầm non), huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	2.800			2.800		0	1.725	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện									
153	San tạo mặt bằng và mở rộng chợ trung tâm xã Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	2621/QĐ-UBND tỉnh ngày 6/12/2018	1.680	1.200		480		1.200	480	
III.2	Dự án hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán			268.819	0	73.250	195.569	0	9.799	153.724	
1	Đường nối đường Nguyễn Tất Thành với Trung tâm y tế huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	2999/QĐ-UBND ngày 30/12/2021; 236/QĐ-UBND ngày 24/02/2022	21.000		12.600	8.400		0	7.578	
2	Đường nội thị thị tứ Cẩm Ân xã Cẩm Ân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	2527/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.293		10.800	9.493		9.799	9.493	
3	Trường TH&THCS Tân Hương (điểm chính)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	978/QĐ-UBND ngày 12/6/2023	11.500		6.900	4.600		0	4.560	
4	Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân, thị trấn Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	9.500		5.700	3.800		0	3.670	
5	Trường TH&THCS Phú Thịnh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	7.800		5.200	2.600		0	2.571	
6	Trường TH&THCS Vĩnh Kiên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	13.650		6.825	6.825		0	6.175	
7	Trường TH&THCS Vũ Linh	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	12.000		6.825	5.175		0	4.642	
8	Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	3170/QĐ-UBND ngày 14/12/2020; 1839/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	33.900		18.400	15.500		0	15.500	
9	Phát triển quỹ đất thôn Trung Tâm, xã Bảo Ái, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái (Khu số 1, xây dựng khu dân cư nông thôn mới)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 11/8/2020; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	14.900			14.900		0	9.651	
10	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Hợp Nhất xã Thịnh Hưng (quỹ đất đồi 52), huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	25.000			25.000		0	21.464	
11	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Đồng Tâm, xã Phúc An, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	270/QĐ-UBND ngày 25/6/2021; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	12.500			12.500		0	14.167	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
12	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Đồng Tâm, xã Phúc An (Giáp trường mầm non), huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 08/9/2022	12.000			12.000		0	4.338	
13	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Phai Thao, thôn Gò Chùa, xã Bạch Hà, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 15/7/2021; Quyết định số 461/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	14.900			14.900		0	9.925	
14	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Tân Phong, xã Tân Nguyên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 03/12/2021; Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 13/3/2023	3.500			3.500		0	2.850	
15	Chỉnh trang đô thị (quỹ đất dọc đường nối 2 nhà máy xi măng-khu 1) - chi phí trồng rừng thay thế	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2021; Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	5.800			5.800		0	4.860	
16	Chỉnh trang đô thị tại tổ 6 thị trấn Yên Bình (đối diện khu số 1) huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 17/5/2022	14.999			14.999		0	12.151	
17	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Làng Lạnh xã Cẩm Nhân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	7.000			7.000		0	4.233	
18	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Trung Tâm (Qua UB 100m) xã Xuân Lai	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	4.000			4.000		0	3.400	
19	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Phạ 2, xã Cẩm Nhân năm 2024	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	6.500			6.500		0	4.980	
20	Kinh phí trồng rừng thay thế khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Quỹ đất dân cư thôn An Lạc 3, xã Hán Đà - thôn Đình Lâm, xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	115/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	77			77		0	77	
21	Xây dựng khu dân cư nông thôn Thu hồi chợ cũ xã Yên Bình, thôn Trung Tâm	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	1.000			1.000		0	453	
22	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Hợp Nhất xã Thịnh Hưng (gần cầu Hoàng Thi)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	15.000			15.000		0	6.186	
23	Xây dựng khu dân nông thôn mới thôn Phạ 1 (thu hồi chợ cũ xã Cẩm Nhân)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 10/12/2024	2.000			2.000		0	800	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
III.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			114.300	0	25.400	88.900	0	0	47.039	
1	Nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 2D đi Ủy ban nhân dân xã Văn Lãng (cũ)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	1302/QĐ-UBND ngày 19/6/2024	25.000		15.000	10.000		0	5.000	
2	Chợ thị trấn Thác Bà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	9.500		6.110	3.390		0	3.390	
3	Chợ xã Cầm Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 1106/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	14.800		4.290	10.510		0	9.180	
5	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Quỹ đất đường Hoàng Thi)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	5.000			5.000		0	3.800	
6	Dự án Chinh trang đô thị tổ 8 thị trấn Yên Bình (giáp chợ mới thị trấn Yên Bình)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 19/3/2023	30.000			30.000		0	12.944	
7	Dự án Chinh trang đô thị tổ 8 thị trấn Yên Bình (giáp đường nội thị thị trấn Yên Bình)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/3/2023	30.000			30.000		0	12.725	
III.4	Dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư			47.000	0	0	47.000	0	0	548	
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới thôn Trung Tâm, Núi Nỳ xã Mông Sơn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	7.000			7.000		0	48	
2	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Cầm Ân (giáp chợ mới)	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện	Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 20/2/2024	40.000			40.000		0	500	
IV	Số vốn còn lại chưa phân bổ										
C	HUYỆN VĂN YÊN			2.208.491	386.619	468.689	1.150.448	202.735	0	941.944	
I	CHƯƠNG TRÌNH			476.333	349.186	25.392	101.755	0	0	103.801	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Văn Yên			281.947	213.144	13.000	55.803	0	0	58.218	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Văn Yên			194.386	136.042	12.392	45.952	0	0	45.583	
II	NHIỆM VỤ			32.731	2.525	8.411	21.795	0	0	22.475	
1	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường làm Chủ đầu tư	3236/QĐ-UBND ngày 09/8/2022 của UBND huyện Văn Yên	1.100			1.100		0	1.100	
2	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường làm Chủ đầu tư	1798/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh Yên Bái	604			604		0	604	
3	Thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2022 cấp xã, cấp huyện trên địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường làm Chủ đầu tư	5562/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	246			246		0	246	
4	Dự toán kinh phí thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2023 cấp xã, cấp huyện trên địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường làm Chủ đầu tư	207/QĐ-UBND ngày 12/01/2024	290			290		0	290	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
5	Thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2021 cấp xã, cấp huyện trên địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Văn Yên	3789/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	246			246		0	246	
6	Mua sắm máy tính bàn phục vụ triển khai các ứng dụng chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn huyện Văn Yên	Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Văn Yên	5038/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	487			487		0	487	
7	Mua sắm máy tính bảng phục vụ triển khai các ứng dụng chuyển đổi số cấp huyện	Văn phòng Huyện uỷ Văn Yên	3528/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND huyện	942			942		0	942	
8	Mở rộng mô hình truyền thanh thông minh thuộc Đề án chuyển đổi số huyện Văn Yên giai đoạn 2021-2025	Phòng Văn hoá và Thông tin huyện Văn Yên	4226/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	350			350		0	350	
9	Quy hoạch chung thị trấn Mậu A và vùng phụ cận đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	BQL dự án ĐTXD huyện	1284 ngày 03/8/2022	3.767		1.857	1.910		0	1.910	
10	Quy hoạch chung xây dựng xã An Thịnh, huyện Văn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	BQL dự án ĐTXD huyện	1446 ngày 26/8/2023	2.028		1.014	1.014		0	1.014	
11	Quy hoạch chung xây dựng xã An Bình, huyện Văn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	BQL dự án ĐTXD huyện	1424 ngày 19/8/2022	864		432	432		0	432	
12	Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Ái, huyện Văn Yên đến năm 2035. Tỉ lệ 1/5000	BQL dự án ĐTXD huyện	1427 ngày 19/8/2022	770		385	385		0	385	
13	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Tỉ lệ 1/25000	BQL dự án ĐTXD huyện	2440/QĐ-UBND ngày 09/12/2022	1.896		1.800	96		0	96	
14	Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thái đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	2269/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	345	150		195		0	195	
15	Quy hoạch chung xây dựng xã Đông Cuông đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	5173/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	460			460		0	440	
16	Quy hoạch chung xây dựng xã Đại Phác đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	2272/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	257			257		0	257	
17	Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Dụ Hạ đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	2274/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	256			256		0	204	
18	Quy hoạch chung xây dựng xã Đại Sơn đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	2268/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	257			257		0	257	
19	Quy hoạch chung xây dựng xã Xuân Tầm đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	4888/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	406	150		256		0	204	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
20	Quy hoạch chung xây dựng xã Châu Quế Hạ đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	3043/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện	348	150		198		0	198	
21	Quy hoạch chung xây dựng xã Châu Quế Thượng đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	2996/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND huyện	262	150		112		0	112	
22	Quy hoạch chung xây dựng xã Phong Dụ Thượng đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	3046/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện	332	150		182		0	182	
23	Quy hoạch chung xây dựng xã Lâm Giang đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	3044/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	348	150		198		0	198	
24	Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Phú đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	3047/QĐ-UBND ngày 05/8/2022	285	150		135		0	135	
25	Quy hoạch chung xây dựng xã Mỏ Vàng đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	3045/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND huyện	284	150		134		0	134	
26	Quy hoạch chung xây dựng xã Nà Hẩu đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	2995/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND huyện	237	125		112		0	111	
27	Quy hoạch chung xây dựng xã Ngòi A đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	98/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	273	150		123		0	123	
28	Quy hoạch chung xây dựng xã Mậu Đông đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	102/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	289	150		139		0	138	
29	Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Hợp đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	4634/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	257	150		107		0	107	
30	Quy hoạch chung xây dựng xã Đông An đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	99/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	320	150		170		0	170	
31	Quy hoạch chung xây dựng xã Viễn Sơn đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	897/QĐ-UBND ngày 4/5/2023	247	150		97		0	97	
32	Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Hợp đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	97/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	286	150		136		0	136	
33	Quy hoạch chung xây dựng xã Quang Minh đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	896/QĐ-UBND ngày 4/5/2023	247	150		97		0	97	
34	Quy hoạch chung xây dựng xã Lang Thíp đến năm 2030. Tỷ lệ 1/5000	UBND xã	2997/QĐ-UBND ngày 02/8/2022 của UBND huyện	323	150		173		0	173	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
35	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Yên Hợp. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	5012/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	493			493		0	493	
36	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Đại Phác. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	827/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	391			391		0	391	
37	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Xuân Ái. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	95/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	484			484		0	484	
38	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Yên Thái. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	2507/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện	484			484		0	484	
39	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Đông Cuông. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	2508/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện	484			484		0	484	
40	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Xuân Tâm. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	2509/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện	484			484		0	484	
41	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Phong Dụ Hạ. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	2506/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 của UBND huyện	484			484		0	484	
42	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Yên Phú tỷ lệ 1/500	UBND xã	3791/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 của UBND huyện	485			485		0	971	
43	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Tân Hợp. Tỷ lệ 1/500	UBND xã	2042/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	400			400		0	790	
44	Đề án đề nghị công nhận TT Mậu A đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1489/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh	527			527		0	527	
45	Đề án đề nghị công nhận xã An Thịnh, huyện Văn Yên đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	974/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	524			524		0	524	
46	Đề án đề nghị công nhận TT Mậu A đạt tiêu chí đô thị loại IV	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1012/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	1.347		673	674		0	674	
47	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Đại Phác, huyện Văn Yên	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	253/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	72			72		0	72	
48	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Tân Hợp, huyện Văn Yên	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	254/QĐ-UBND ngày 20/02/2023	72			72		0	72	
49	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Mậu A	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1134/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	450			450		0	448	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
50	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị An Thịnh	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1135/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	408			408		0	408	
51	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Yên Phú	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	758/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	99			99		0	99	
52	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Đông An	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	755/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	99			99		0	99	
53	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Yên Thái	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	756/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	91			91		0	91	
54	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Phong Dụ Hạ	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	757/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	91			91		0	91	
55	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Xuân Tầm, huyện Văn Yên	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	4571/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	92			92		0	90	
56	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Mậu Đông, huyện Văn Yên	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	4572/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	92			92		0	90	
57	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	4573/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	92			92		0	90	
58	Cắm mốc giới ngoài thực địa cụm công nghiệp Bắc Văn Yên.	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1132/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	128			128		0	128	
59	Cắm mốc giới ngoài thực địa cụm công nghiệp Đông An	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1133/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	169			169		0	141	
60	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Mậu A giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1486/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh	672		336	336		0	321	
61	Chương trình phát triển đô thị xã An Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1487/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh	408		204	204		0	197	
62	Chương trình phát triển đô thị xã An Thịnh giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1488/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh	550		275	275		0	264	
63	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Văn Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2084/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	2.649		1.435	1.214		0	1.214	
III	DỰ ÁN			1.699.427	34.908	434.886	1.026.898	202.735	0	815.668	
III.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			967.007	24.908	199.117	576.978	166.005	0	396.477	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện									
1	Cải tạo nâng cấp đường Trần quốc Toản (đoạn ngã tư Bưu điện đi đường Hồng Hà)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	109/QĐ-UBND ngày 21/2/2019	2.500			2.500		0	721	
2	Gia cố rãnh rọc đường Phong Dụ Hạ đi Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1561/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.000			2.000		0	700	
3	Gia cố thượng lưu kè chống sạt lở khu di tích lịch sử đền Đồng Cuông, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	861/QĐ-UBND ngày 31/12/2019	500			500		0	415	
4	Đường Phong Dụ Hạ, huyện Văn Yên, Tỉnh Yên Bái đi Nậm Tha, huyện Văn Bàn, Tỉnh Lào Cai	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	477/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	15.000			15.000		0	4.629	
5	Xây dựng rãnh thoát nước đường Võ Thị Sáu (đoạn từ cổng trường Võ Thị Sáu đến ngã 3 đường Hồng Hà), thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	676/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.450			1.450		0	910	
6	Nâng cấp mặt đường Lương Thế Vinh (đoạn ngã 3 đường Lý Thường Kiệt đến ngã 3 đường Tuệ Tĩnh)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	688/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	1.380			1.380		0	780	
7	Nâng cấp mặt đường H44 đi Lâm Trường (đoạn ngã 3 gốc sò đến ngã 3 Lương thực cũ), thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	685/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	1.610			1.610		0	739	
8	Nâng cấp mặt đường Triệu Tài Lộc, TT Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	686/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	1.495			1.495		0	838	
9	Nâng cấp mặt đường Kho Bạc đến Kiểm Lâm đi ngã 3 đường Tuệ Tĩnh, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	689/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	1.150			1.150		0	413	
10	Cải tạo, nâng cấp đường Chu Văn An, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	441/QĐ-UBND ngày 10/2020	1.700			1.700		0	1.418	
11	Nâng cấp cải tạo đường Nguyễn Khuyến (đoạn trường chính trị đi Trần Quốc Toản) thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	452/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	1.774			1.774		0	417	
12	Xây dựng nhà bếp, nhà kho trường mầm non thị trấn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	663/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.200			1.200		0	480	
13	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Mô Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	291/QĐ-UBND ngày 24/2/2020	6.756			6.756		0	2.745	
14	Trường TH&THCS Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	85/QĐ-UBND ngày 17/3/2020	4.838			4.838		0	969	
15	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	38/QĐ-UBND ngày 05/3/2020	4.063			4.063		0	29	
16	Trường tiểu học An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	159/QĐ-UBND ngày 24/3/2020	2.500			2.500		0	994	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
17	Trường TH&THCS Đông An (điểm trường thôn Toàn An)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	54/QĐ-UBND ngày 11/3/2020	2.254			2.254		0	653	
18	Trường TH&THCS Mậu Đông, xã Mậu Đông, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	262/QĐ-UBND ngày 06/5/2020	2.528			2.528		0	2.028	
19	Trường TH&THCS Quang Minh, xã Quang Minh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	265/QĐ-UBND ngày 12/5/2020	4.990			4.990		0	4.550	
20	Trường MN Mậu Đông, xã Mậu Đông huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	395/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	2.978			2.978		0	2.297	
21	Trường mầm non Mậu Đông, xã Mậu Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	50/QĐ-BQL ngày 04/02/2021	2.865	2.819		46		0	46	
22	Trường mầm non Ngòi A, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	640/QĐ-UBND ngày 25/12/2020	1.867	1.800		67		0	23	
23	Trường TH&THCS Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	50/QĐ-UBND ngày 11/03/2020	2.073	1.793		280		0	146	
24	Trường mầm non Tân Hợp, xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	637/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	2.996	2.860		136		0	47	
25	Trường TH&THCS Quang Minh, xã Quang Minh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	639/QĐ-UBND ngày 21/12/2020	2.446	2.250		196		0	191	
26	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 4, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	656/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	350			350		0	2	
27	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 2, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	658/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	600			600		0	429	
28	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố 10, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	660/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	650			650		0	63	
29	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 8 TT Mậu A, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	654/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	690			690		0	53	
30	Nhà văn hóa thôn Cầu Vải xã Mậu Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	707/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	700			202	498	0	202	
31	Nhà văn hóa thôn Cầu Khai xã Mậu Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	708/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	600			105	495	0	105	
32	Nhà văn hóa thôn Cầu A xã Mậu Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	709/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	600			100	500	0	100	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
33	Nhà văn hóa thôn Cầu Qoạch xã Mậu Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	710/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	700			171	529	0	171	
34	Nhà văn hóa thôn khe Ván xã Quang Minh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	711/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	700			103	597	0	103	
35	Nhà văn hóa thôn Quê Ngoài, xã Yên Thái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	669/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	600			105	495	0	105	
36	Nhà làm việc UBND xã Nà Hẩu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	724/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	650			650		0	276	
37	Trụ sở Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	652/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.500			2.500		0	837	
38	Trụ sở xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	683/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.500			2.500		0	1.047	
39	Trụ sở xã Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	57/QĐ-UBND ngày 20/3/2020	2.500			2.500		0	1.500	
40	Cải tạo phòng làm việc trụ sở huyện ủy - UBND huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2896/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	3.420			3.420		0	888	
41	Cải tạo, nâng cấp mở rộng bếp ăn UBND huyện	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	94/QĐ-UBND ngày 17/3/2000	2.982			2.982		0	210	
42	Khu xử lý rác thải cụm xã (địa điểm tại xã Đông Cuông) huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	724/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.500			3.500		0	500	
43	Xây dựng khu tái định cư thôn 9, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1557/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.400			8.400		0	878	
44	Khu dân cư mới đường Trần Phú, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	33/QĐ-UBND ngày 28/02/2020	13.315			13.315		0	11.416	
45	Xây dựng khu dân cư mới tại thôn Hồng Phong, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (khu đất cạnh doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Văn Yên)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	563/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	8.466			8.466		0	7.666	
46	XD khu dân cư nông thôn tại thôn Gốc Quên xã Đông Cuông H Văn Yên T Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	394/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	7.371			7.371		0	3.997	
47	Khu dân cư mới phía tây cầu Mậu A (thuộc địa bàn xã An Thịnh)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	790/QĐ-UBND ngày 19/4/2021	57.546			57.546		0	7.893	
48	Công trình thủy lợi khe Phầy (phai nương khu Tài Quyền, Phai nương Gốc Đa, phai nương Đát Giường) xã Đại Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	378/QĐ-UBND ngày 30/6/2020	376			376		0	376	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
49	Trường TH và THCH Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	545/QĐ-UBND ngày 14/8/2019	200			200		0	200	
50	Trường mầm non Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	545/QĐ-UBND ngày 14/8/2019	1.500			1.500		0	1.500	
51	Đường giao thông nông thôn xã Xuân Tầm	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	554a/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	534			534		0	534	
52	Xây dựng công trình thoát nước đường Phong Dụ Hạ đi Nậm Tha	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1451/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	2.500			2.500		0	1.935	
53	Cải tạo cống thoát nước đường Lý Tự Trọng (vị trí khu công B Chợ Mậu A)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	487a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.301			1.301		0	1.301	
54	Cải tạo nâng cấp đường Kim Đồng (đoạn từ Ngã tư Lâm Trường nối đường Hồng Hà), thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	476/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.109			3.109		0	3.109	
55	Cải tạo nâng cấp đường thôn Yên Tiên, xã Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1450/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	1.200			840	360	0	840	
56	Đường thôn Khe Bảnh, xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3274/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	800			800		0	800	
57	Đường Nhược Mộ đi ngã 3 Bàn Tát, xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3273/QĐ-UBND ngày 12/8/2022	912			912		0	912	
58	Trường MN Đại Sơn, xã Đại Sơn (điểm lẻ thôn Làng Bang, thôn Đá Đứng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3660/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	2.000			2.000		0	1.568	
59	Trường mầm non thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1447/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	3.500			3.500		0	3.464	
60	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1448/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	3.600			3.600		0	3.505	
61	Trường THCS thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1461/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	14.000			14.000		0	13.864	
62	Sửa chữa Trường PTDTNT THCS Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	513/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	800			800		0	800	
63	Cải tạo nâng cấp trường mầm non Châu Quế Thượng (hạng mục nhà bếp, kho và 01 phòng học)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1449/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	550			550		0	550	
64	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 5, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	39/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	650			490	160	0	490	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
65	Nhà sinh hoạt cộng đồng tổ dân phố số 7, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	496/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	650			490	160	0	490	
66	Nhà văn hóa tổ dân phố số 11, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	489a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	700			490	210	0	490	
67	Xây dựng nhà văn hóa thôn Làng Quạch, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	484/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	779			649	130	0	649	
68	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đoàn Kết, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	485/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			649	101	0	649	
69	Xây dựng nhà văn hóa thôn Trung Tâm, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	486/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			649	101	0	649	
70	Xây dựng nhà văn hóa thôn Liên Hiệp, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	491a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			645	105	0	645	
71	Xây dựng nhà Văn hóa thôn Ghềnh Ngai, xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	776/QĐ-BQL ngày 25/6/2021	750			520	230	0	520	
72	Xây dựng nhà Văn hóa thôn Khe Dệt, xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	480/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			640	110	0	640	
73	Xây dựng nhà Văn hóa thôn Gốc Gạo, xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	481/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			636	114	0	636	
74	Xây dựng nhà Văn hóa thôn Đá Bia, xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	479/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			639	111	0	639	
75	Xây dựng nhà Văn hóa thôn Làng Cầu, xã Tân hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	774/QĐ-BQL ngày 25/6/2021	750			479	271	0	479	
76	Xây dựng nhà Văn hóa thôn Hạnh Phúc, xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2795/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	750			642	108	0	642	
77	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Khe Dứa, xã Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	493a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			650	100	0	650	
78	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Tháp Con, xã Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	492/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			646	104	0	646	
79	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Khe Quế, xã Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	491/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			650	100	0	650	
80	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Khe Lợ, xã Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	490a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			650	100	0	650	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
81	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Tháp Cái, xã Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	493/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	750			650	100	0	650	
82	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Ngòi Lèn, xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2240/QĐ-BQL ngày 9/12/2024	900			900	0	0	900	
83	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Ao Ếch, xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	495a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	700			700	0	0	700	
84	Xây dựng nhà Văn Hóa thôn Khe Sán, xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	494a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	700			700	0	0	700	
85	Cải tạo, mở rộng nhà văn hóa thôn Đồng Tâm, xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	584/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	250			250	0	0	250	
86	Nhà văn hóa thôn Thác Cái, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2895/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	654			458	196	0	458	
87	Nhà văn hóa thôn Sân Bay, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2897/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	718			490	228	0	490	
88	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Giang, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3061/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	668			534	134	0	534	
89	Nhà văn hóa thôn Trung tâm, xã Đại Phác	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3062/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	721			490	231	0	490	
90	Nhà văn hóa thôn Sắt Ngọt, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3063/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	647			453	194	0	453	
91	Nhà văn hóa thôn Làng Chạng, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3064/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	695			556	139	0	556	
92	Nhà văn hóa thôn Quyết Tiến, xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3065/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	661			463	198	0	463	
93	Nhà văn hóa thôn Tân An, xã Đại Phác	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3066/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	657			490	167	0	490	
94	Nhà văn hóa thôn Yên Thịnh, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3067/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	711			490	221	0	490	
95	Nhà văn hóa thôn Bùn Đạo, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3068/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	680			544	136	0	544	
96	Nhà văn hóa thôn Gốc Nhội, xã Yên Thái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3070/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	656			459	197	0	459	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện										
97	Nhà văn hóa thôn Khe Lép, xã Xuân Tầm	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3075/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	677			542	135	0	542	
98	Nhà văn hóa thôn Trung Tâm, xã Xuân Tầm	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3076/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	674			539	135	0	539	
99	Nhà văn hóa thôn Làng Cang, xã Phong Dụ Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3077/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	747			560	187	0	560	
100	Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết, xã Đại Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3078/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	727			490	237	0	490	
101	Nhà văn hóa thôn Bàn Tát, xã Nà Hẩu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3079/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	686			560	126	0	560	
102	Nhà văn hóa thôn Hạ Lý, xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3080/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	660			528	132	0	528	
103	Nhà văn hóa thôn Khe Kia, xã Phong Dụ Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3081/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	684			547	137	0	547	
104	Nhà văn hóa thôn Đại An, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3107/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	832			490	342	0	490	
105	Nhà văn hóa thôn Giản Dầu xã Mỏ Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3108/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	665			532	133	0	532	
106	Sửa chữa, nâng cấp NVH thôn Vầu Sơn, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	492a/QĐ-UBND ngày 31/10/2020	250			250	0	0	250	
107	Nhà văn hóa Bàn Tát xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3735/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	700			630	70	0	630	
108	Nhà văn hóa thôn Nhược xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3759/QĐ-UBND ngày 16/9/2022	700			630	70	0	630	
109	Nhà văn hóa thôn Pha Trạc xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3804/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	700			630	70	0	630	
110	Nhà Văn Hóa Cao Sơn, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3719/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	800			720	80	0	720	
111	Nhà Văn Hóa Khe Mạg, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3716/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	800			720	80	0	720	
112	Nhà Văn Hóa Khe Dệt, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3715/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	800			620	180	0	620	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
113	Nhà Văn Hóa Khe Táu, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3722/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	800			620	180	0	620	
114	Nhà văn hóa thôn Làng Than, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3714/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	800			664	136	0	664	
115	Nhà văn hóa thôn Bo, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3711/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	700			630	70	0	630	
116	Nhà văn hóa thôn Nghĩa Dũng, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3736/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	700			630	70	0	630	
117	Nhà văn hoá thôn Gốc Quên, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4665/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	700			525	175	0	525	
118	Nhà văn hoá thôn Trung Tâm, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4378/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	700			595	105	0	595	
119	Nhà văn hóa thôn Thọ Lâm và Sửa chữa, nâng cấp di tích nơi diễn ra hội nghị thành lập huyện Văn Yên tại xã Lâm Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4374/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	1.000			850	150	0	850	
120	Nhà văn hóa Phát xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3785/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	700			630	70	0	630	
121	Nhà văn hóa thôn Tiền Phong, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4095/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	700			630	70	0	630	
122	Nhà văn hóa thôn Ly, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4092/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	700			630	70	0	630	
123	Nhà văn hóa thôn Làng Đam, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4096/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	700			630	70	0	630	
124	Nhà văn hóa thôn Thíp Đạo, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4094/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	700			630	70	0	630	
125	Nhà văn hoá thôn Cầu Khai, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3710/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	700			490	210	0	490	
126	Nhà văn hoá thôn Bến Đền, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3712/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	700			490	210	0	490	
127	Nhà văn hoá thôn Khe Châm, xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3707/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	700			490	210	0	490	
128	Nhà văn hoá thôn Yên Tiên, xã Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3708/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	700			490	210	0	490	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
129	Cải tạo nâng cấp sân vận động Trung tâm huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	474/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	500			500		0	500	
130	Sân vận động xã Viễn Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	199/QĐ-BQLngày 25/3/2021	740			740		0	740	
131	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y Tế xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	502a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	62			62		0	62	
132	Thuỷ lợi khe Tấu, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1452/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	4.000			4.000		0	4.000	
133	Sửa chữa nâng cấp phòng làm việc các cơ quan chuyên môn huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	488a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500			1.500		0	1.457	
134	Cải tạo nhà làm việc khối đoàn thể huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1453/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	2.328			2.328		0	2.243	
135	Công trình phụ trợ trung tâm chính trị huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1456/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	3.000			3.000		0	3.000	
136	Nhà làm việc huyện ủy huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2705/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	8.800			8.800		0	8.798	
137	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Huyện ủy - UBND huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1460/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	3.708			3.708		0	3.503	
138	Duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng (Nhà làm việc công, trường lớp học trên địa bàn huyện)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1458/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	5.000			5.000		0	4.818	
139	Xây dựng cơ sở hạ tầng trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3074/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	500			500		0	478	
140	Cải tạo nâng cấp phòng khách, nhà khách huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5618 ngày 23/12/2022	1.464			1.464		0	1.452	
141	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1134/QĐ-BQL ngày 05/10/2021	270			270		0	270	
142	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Tân Thịnh xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	414/QĐ-UBND ngày 06/8/2020	8.014			8.014		0	7.514	
143	Xây dựng khu dân cư đô thị Tổ dân phố số 7, (Trường mầm non cũ)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	474a/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	335			335		0	335	
144	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Phú Sơn (Cạnh nhà thờ) xã Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3342/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	8.000			8.000		0	3.855	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
145	Xây dựng và lắp đặt các hạng mục phụ trợ công viên trung tâm huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	473/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.022			1.022		0	1.022	
146	Chợ xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1133/QĐ-BQL ngày 05/10/2021	270			270		0	270	
147	Chợ trung tâm xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4621/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	2.000			2.000		0	1.988	
148	Lắp đặt đèn trang trí đảo tam giác khu nút giao IC 14	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1770/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	810			810		0	810	
149	Dự án xây dựng khu dân cư đô thị mới (Khu vực trường THPT Chu Văn An), thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2315/QĐ-UBND ngày 13/5/2024	14.800			14.800		0	12.785	
150	Nhà ăn tập thể UBND xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên	UBND xã Châu Quế Hạ	182/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	230			230		0	200	
151	Chỉnh trang khuôn viên UBND xã Viễn Sơn, huyện Văn Yên	UBND xã Viễn Sơn	448/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	229			229		0	163	
152	cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của UBND xã Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	153/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	95			95		0	95	
153	Nhà đa năng xã An Bình, huyện Văn Yên	UBND xã An Bình	100/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	890		500	390		0	390	
154	Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng bởi thiên tai đêm ngày 01/8/2021 và kinh phí hỗ trợ mua vật liệu chính đồ sắn bê tông sản trường mầm non thôn Thượng Sơn xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên	UBND xã Phong Dụ Thượng	130//QĐ-UBND ngày 11/11/2021	92			92		0	92	
155	Sửa chữa trường mầm non Xuân Ái xã Xuân Ái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Hạng mục: San tạo mặt bằng + kê đá.	UBND xã Xuân Ái	556/QĐ-UBND ngày 12/11/2021	489			489		0	489	
156	Sửa chữa trường mầm non xã Phong Dụ Thượng (điểm Thượng Sơn). Hạng mục: Sửa chữa nhà lớp học + Xây mới nhà vệ sinh, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên	UBND xã Phong Dụ Thượng	4810/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	242			242		0	242	
157	Ngầm tràn qua suối Quế, xã Yên Thái	UBND xã Yên Thái	374/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	596			596		0	95	
158	Nhà đa năng, nhà vệ sinh UBND xã Mậu Đông	UBND xã Mậu Đông	1372/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	765		500	265		0	265	
159	Nhà đa năng, bếp ăn UBND xã Ngòi A, huyện Văn Yên	UBND xã Ngòi A	66a/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	785		500	285		0	285	
160	Xây dựng nhà sản truyền thống, xã Tân Hợp	UBND xã Tân Hợp	1250/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	1.000		500	500		0	500	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
161	Đường thôn Khe Bành, xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2041/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	1.750			1.750		0	1.750	
162	Ngầm Trần Khe Măng xã An Bình	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1358/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	1.500			1.500		0	1.500	
163	Nâng cấp các tuyến đường nội thị, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	769/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	4.000			4.000		0	3.875	
164	Xử lý sạt lở đường Yên Phú - Viễn Sơn, (đoạn mô đất hiểm)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	744/QĐ-UBND ngày 12/4/2023	1.325			1.325		0	1.235	
165	Cải tạo nâng cấp đường trung tâm xã Yên Thái đi thôn Trạng, xã Yên Thái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	984/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	1.000			700	300	0	700	
166	Trường THCS thị trấn (Khu A) thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	771/QĐ-UBND ngày 18/4/2023	1.344			1.344		0	1.344	
167	Trường mầm non Tân Hợp (thôn Góc Gạo), xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1090/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	3.500			3.500		0	3.499	
168	Sửa chữa, cải tạo trường THCS Yên Thái, xã Yên Thái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1091/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	450			450		0	450	
169	Trường mầm non Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2043/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	9.800			9.800		0	9.900	
170	Trường TH&THCS Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1148/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	4.995			4.995		0	4.995	
171	Trường mầm non Ngòi A, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1151/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	2.000			2.000		0	2.000	
172	Nhà văn hóa Thôn Tân Thịnh, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	141/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	800			560	240	0	560	
173	Nhà văn hóa Thôn Làng Chẹo, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	142/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	800			560	240	0	560	
174	Nhà văn hóa Thôn An Phú, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	203/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	800			560	240	0	582	
175	Nhà văn hóa Thôn Khe Cò, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5840/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	800			560	240	0	560	
176	Nhà văn hóa Thôn Làng Lớn, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	204/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	800			560	240	0	560	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
177	Sân vận động xã Mỏ Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1145/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	2.500			2.500		0	2.500	
178	Trụ sở làm việc xã Đại Phác, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5601/QĐ-UBND ngày 22/12/2022; 2170 ngày 26/4/2024	5.080			5.080		0	5.043	
179	Sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng, điện trang trí phụ vụ các ngày lễ lớn trên địa bàn thị trấn Mậu A năm 2023	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2887/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	135			135		0	135	
180	Chợ xã Đại Phác	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	900/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	550			550		0	550	
181	Chợ xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	901/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	200			200		0	200	
182	Xây dựng khu đô thị mới tổ dân phố số 10, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1374/QĐ-UBND ngày 06/6/2023	30.000			30.000		0	358	
183	Cầu Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2331/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	5.669			5.669		0	4.669	
184	Cầu (khu trường học) thôn Làng Mới, xã Đại Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	959/QĐ-UBND ngày 13/3/2024	4.990			4.990		0	4.990	
185	Ngầm tràn (khu đội 7, đội 8) thôn khe Phầy, xã Đại Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2079/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	2.000			2.000		0	1.360	
186	Ngầm tràn thôn Đá Đứng, xã Đại Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2080/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	2.000			2.000		0	1.510	
187	Đường thôn Trạng, xã Yên Thái, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	332/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	600			600		0	508	
188	Kiên cố hoá kênh mương nội đồng (Thôn Thác Cái, khu vực Đồng Bông) xã Viễn Sơn, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	978/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	2.000			2.000		0	2.000	
189	Kiên cố hoá kênh mương nội đồng thôn Khe Mạg, xã Phong Dụ Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	977/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	3.500			3.500		0	3.500	
190	Xây dựng, lắp đặt thang máy nhà làm việc 5 tầng, trụ sở Công an huyện Văn Yên	Công an huyện Văn Yên	2973/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	1.000			500	500	0	500	
191	Chỉnh trang đô thị thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1137/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	1.300			1.300		0	1.300	
192	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Trường mầm non Mỏ Vàng xã Mỏ Vàng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5360/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	800			800		0	800	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
193	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng xây dựng khu tái định cư tổ dân phố số 2 thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5361/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.500			1.500		0	1.500	
194	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng xây dựng mới sân vận động xã Phong Dụ Hạ, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5362/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	1.099			1.099		0	1.099	
195	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đường thôn Ao Ếch đi trung tâm xã Châu Quế Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5363/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	720			720		0	720	
196	Xây dựng lắp đặt biển quảng cáo địa danh huyện Văn Yên, bên tuyến đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, thuộc địa phận xã Yên Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	6110/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	1.550			1.550		0	1.550	
197	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Đồng Tâm (Từ nhà Trung Duy đến chân dốc Mỡ), xã An Thịnh, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5276/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	8.000			8.000		0	2.700	
198	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng Đầu tư xây dựng chợ trung tâm và chợ dân sinh, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4948/QĐ - UBND ngày 31/10/2024	14.982			14.982		0	14.479	
199	Khu thương mại dịch vụ Tổ dân phố 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5429/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	100			100		0	100	
200	Lắp đặt hộ lan đường bộ tại các vị trí cong cua đèo dốc trên tuyến đường Đại Sơn - Nà Hẩu và các hạng mục cần thiết để đảm bảo an toàn giao thông tại các điểm đen về tai nạn giao thông thuộc huyện Văn Yên	Ban quản lý DA ĐTXD huyện Văn Yên	4776/QĐ-UBND ngày 17/10/2024	2.500			508	1.992	0	508	
201	Đường xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	675/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.400	1.176	504	720		0	300	
202	Đường thôn Minh Khai, xã Quang Minh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	666/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.800	882	378	540		0	200	
203	Đường xã Châu quế hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	692/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	3.090	2.085		1.005		0	791	
204	Đường xã Nà Hẩu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	668/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	3.090	2.085		1.005		0	334	
205	Cầu dân sinh thôn Cầu A, xã Mậu Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	470/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	1.055	800		255		0	255	
206	Cầu treo thôn Khe Ngõa, xã Mô Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	56/QĐ-UBND ngày 12/3/2020	5.989	4.858		1.131		0	899	
207	Xử lý cấp bách, cải tạo dòng chảy phòng, chống lũ và đường liên thôn khu tái định cư thôn Bán Lũng đi thôn Khe Det, xã Phong Dụ Thượng huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	390/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	4.020		2.500	1.520		0	1.520	
208	Trường mầm non Ngòi A, xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	06/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	2.000		1.002	998		0	998	
209	Trường TH&THCS Mậu Đông, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	264/QĐ-UBND ngày 11/5/2020	3.500		2.852	648		0	648	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
210	Trường mầm non thị trấn (điểm trường khu phố 3) thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	04/QĐ-UBND ngày 9/1/2020	3.731		2.199	1.532		0	144	
211	Trường mầm non Lang Thíp, xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	621/QĐ-UBND ngày15 10/2019	1.000		815	185		0	185	
212	Trường tiểu học Lang Thíp xã Lang Thíp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	159/QĐ-UBND ngày 11/3/2019	5.095		3.025	2.070		0	46	
213	Trường mầm non Phong Dụ Hạ (điểm trường thôn Lắc Mường), xã Phong Dụ Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	160/QĐ-UBND ngày 11/3/2019	1.600		814	786		0	48	
214	Trường tiểu học và trung học cơ sở Nà Hẩu (bậc mầm non), xã Nà Hẩu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	35/QĐ-UBND ngày 2/3/2020	2.763		2.105	658		0	118	
215	Nhà văn hóa thôn Vĩnh Lâm, xã Lâm Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3747/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	700		500	200		0	197	
216	Sân vận động trung tâm xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	674/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.500	1.500		1.000		0	452	
217	Trụ sở xã Xuân Tầm, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	199/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	2.500		500	2.000		0	178	
218	Trường mầm non Lâm Giang (Điểm trường thôn Phúc Linh)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	497/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.120		2.560	2.560		0	2.560	
219	Trường mầm non Đông Cuông (Điểm chính thôn Trung Tầm)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	498/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.960		3.980	3.980		0	2.498	
220	Trường mầm non Viễn Sơn (Điểm chính thôn Khe Dứa)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	641 ngày 13/4/2021	4.658		2.329	2.329		0	2.203	
221	Trường mầm non Tân Hợp (Điểm trường thôn Gốc Gạo)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	500/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.650		2.825	2.825		0	2.705	
222	Trường tiểu học và trung học cơ sở Viễn Sơn (xây cho cấp tiểu học)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	501/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.450		3.225	3.225		0	2.751	
223	Trường mầm non Đại Sơn (Điểm trường thôn Làng Mới)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	502/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.070		2.535	2.535		0	1.871	
224	Trường phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Đại Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	503/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.000		3.000	3.000		0	2.008	
225	Trường tiểu học và trung học cơ sở Phong Dụ Hạ (Điểm trường thôn Lắc Mường)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	504/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.920		3.460	3.460		0	2.857	
226	Trường mầm non Xuân Tầm (điểm chính thôn Khe Chung)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	505/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.710		1.855	1.855		0	1.708	
227	Trường PT dân tộc bán trú TH&THCS Xuân Tầm	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	506/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.170		1.085	1.085		0	1.009	
228	Trường mầm non Châu Quế Hạ (Điểm chính thôn Ngọc Châu) xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	507/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.060		3.530	3.530		0	2.970	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
229	Trường tiểu học thị trấn Mậu A (Điểm trường tổ dân phố 7)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	511/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.680		3.840	3.840		0	3.635	
230	Trường tiểu học Xuân Ái (Điểm trường thôn Trung Tâm)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	508/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.750		2.375	2.375		0	731	
231	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Tân Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	751/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	5.200		2.600	2.600		0	1.566	
232	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	561/QĐ-BQL ngày 13/5/2021	4.000		2.000	2.000		0	1.372	
233	Trường mầm non Phong Dụ Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	753/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	7.964		3.982	3.982		0	2.842	
234	Trụ sở xã Lâm Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	510/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.350		500	850		0	834	
235	Trụ sở xã Phong Dụ Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2770/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND Tỉnh	3.000		1.500	1.500		0	1.075	
236	Trụ sở xã Nà Hẩu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2770/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND Tỉnh	3.500		1.750	1.750		0	1.682	
237	Thủy lợi khe Lép 2, xã Xuân Tầm	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1335/QĐ-UBND ngày 08/3/2022	2.500		1.500	1.000		0	1.271	
238	Trụ sở xã Đông Cuông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1545/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	6.000		3.000	3.000		0	3.000	
239	Đề án phát triển giao thông nông thôn huyện Văn Yên	UBND các xã		335.253	0	126.492	58.869	149.892	0	58.321	
III.2	Dự án hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán			564.260	10.000	202.089	315.441	36.730	0	265.803	
1	Nâng cấp, cải tạo đường đến trung tâm xã Đại Phác	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3983/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	4.990			4.990		0	4.653	
2	Xây dựng khu dân cư đô thị mới (tổ dân phố số 3), thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	6127/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	7.410			7.410		0	7.408	
3	Nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1457/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	15.190			15.190		0	15.190	
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Nghĩa Dũng (cạnh trường mầm non) xã Lang Thíp, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1211/QĐ-BQL ngày 10/8/2022	4.378			4.378		0	3.378	
5	Nhà văn hóa Thôn Đồng Tâm, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	70/QĐ-UBND ngày 10/01/2023	800			560	240	0	560	
6	Nhà văn hóa Thôn Công Trào, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	768QĐ-UBND ngày 10/01/2023	800			560	240	0	560	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
7	Xây dựng nhà làm việc các phòng ban UBND huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1028/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	8.500			8.500		0	8.500	
8	Xây dựng trụ sở làm việc xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1035/QĐ-UBND ngày 23/5/2023	4.990			4.990		0	4.903	
9	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Phòng Giáo dục và Đào tạo	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1093/QĐ-UBND ngày 26/5/2023	3.900			3.900		0	3.400	
10	Duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng (Nhà làm việc, trường lớp học trên địa bàn huyện)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2011 ngày 03/7/2023	5.000			5.000		0	4.999	
11	Cải tạo Trung tâm hội nghị huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3580/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	28.700			28.700		0	28.700	
12	Nhà hội trường trụ sở UBND xã Lang Thíp, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1622/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	2.497			2.497		0	2.497	
13	Sửa chữa nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ khác Huyện ủy Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1138/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	11.100			11.100		0	11.100	
14	Xây dựng khu đô thị mới tổ dân phố số 8 (Đường Thanh Niên giai đoạn 2), thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2810/QĐ-UBND ngày 08/9/2023	6.000			6.000		0	6.000	
15	Cầu qua Ngòi Bực, thuộc thôn An Phú, xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3390/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	800			800		0	800	
16	Cầu qua suối Trạng, thuộc thôn Trạng, xã Yên Thái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3389/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	892			892		0	892	
17	Cải tạo, nâng cấp nhà khách Huyện ủy Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	439a/QĐ-UBND ngày 21/01/2025	6.000			6.000		0	5.900	
18	Đường thôn Làng Bang xã Đại Sơn, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2964/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	2.000			2.000		0	2.000	
19	Đường bê tông thôn Nghĩa Dũng, xã Lang Thíp, huyện Văn Yên	UBND xã Lang Thíp	4386/QĐ-UBND ngày 16/9/2024	161			116	45	0	116	
20	Chỉnh trang đô thị năm 2024 trên địa bàn thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Văn Yên	4633/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	436			436		0	436	
21	Cải tạo sửa chữa các hạng mục phụ Trường PTDT nội trú THCS huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	347/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	230			230		0	222	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
22	Kè chắn đất và rãnh trường mầm non Nà Hầu, xã Nà Hầu, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4055/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	300			300		0	300	
23	Nhà văn hoá thôn Nghĩa Lạc, xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3042/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	910			560	350	0	560	
24	Nhà văn hoá thôn Trung Tâm, xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3040/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	800			560	240	0	560	
25	Nhà văn hoá thôn Đoàn Kết, xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3043/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	800			560	240	0	560	
26	Nhà văn hóa thôn Sông Hồng, xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3065/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	800			560	240	0	560	
27	Nhà văn hóa thôn Ngòi Viễn, xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3041/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	800			560	240	0	560	
28	Nhà văn hóa thôn Yên Thành, xã Yên Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2895/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	800			560	240	0	560	
29	Nhà văn hóa thôn Thống Nhất, xã Yên Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2896/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	250			175	75	0	560	
30	Nhà văn hoá thôn Phố Nhoi, xã Yên Thái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2897/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	800			560	240	0	560	
31	Nhà văn hoá thôn Khe Bón, xã Yên Thái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2898/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	800			560	240	0	560	
32	Nhà văn hoá tổ dân phố số 3, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4238/QĐ-UBND ngày 10/10/2023	1.160			690	470	0	690	
33	Nhà văn hoá tổ dân phố số 9, thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3028/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	1.100			630	470	0	630	
34	Nhà văn hóa thôn Ngòi Cài, xã Lâm Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2888/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	990			650	340	0	650	
35	Nhà văn hóa thôn Khe Bút, xã Lâm Giang	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2886/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	800			560	240	0	560	
36	Nhà văn hóa thôn Trung Tâm, xã Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2949/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	800			560	240	0	560	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
37	Nhà Văn hóa trung tâm xã Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2044/QĐ-UBND ngày 06/7/2023	2.500			2.500	0	0	2.500	
38	Nhà văn hoá thôn Toàn An, xã Đông An	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1014/QĐ-UBND ngày 18/5/2023	800			480	320	0	480	
39	Nhà văn hoá thôn Ba Khuy, xã Nà Hầu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	892/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	800			560	240	0	560	
40	Nhà văn hóa thôn Thác Tiên, xã Mô Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	772/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	800			560	240	0	265	
41	Nhà văn hóa thôn Khe Lóng 2, xã Mô Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	775/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	800			560	240	0	45	
42	Nhà văn hóa thôn Khe Lóng 3, xã Mô Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	774/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	800			560	240	0	45	
43	Nhà văn hóa thôn Trung Tâm, xã Mô Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	773/QĐ-UBND ngày 23/02/2024	800			560	240	0	276	
44	Nhà văn hoá thôn Phú Sơn xã Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	893/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	800			560	240	0	560	
45	Nhà văn hoá thôn Yên Sơn xã Yên Phú	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	838/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	800			560	240	0	274	
46	Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hoá xã An Thịnh, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4480/QĐ-UBND ngày 26/9/2024	2.500			2.500		0	2.800	
47	Xây dựng hàng rào trụ sở UBND huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1147/QĐ-UBND ngày 03/04/2024	400			400		0	400	
48	Cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ sở Ủy ban nhân dân xã và Chợ trung tâm xã Lang Thíp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	465/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	690			690		0	690	
49	Xây dựng kho lưu trữ UBND huyện	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	6152/QĐ-UBND ngày 27/12/2024	5.000			5.000		0	4.753	
50	Xây dựng nhà làm việc HĐND - UBND huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	460a/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	19.990			19.990		0	19.990	
51	Cải tạo nâng cấp sân, kè hồ trụ sở HĐND-UBND huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4634/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	5.000			5.000		0	5.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
52	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 3 tầng trụ sở UBND xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	81/QĐ-UBND ngày 07/01/2025	600			600		0	133	
53	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đoạn tuyến đường Trần Phú thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5359 ngày 29/11/2023; 4054 ngày 19/8/2024	1.242			1.242		0	1.242	
54	Xây dựng khu dân cư đô thị mới (Quỹ đất Trung tâm Dịch vụ, Hỗ trợ phát triển nông nghiệp huyện Văn Yên), thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5074/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	30			30		0	30	
55	Xây dựng khu dân cư đô thị mới (Quỹ đất Trung tâm Dân số - KHHGD (cũ)) thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5075/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	30			30		0	30	
56	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Quỹ đất Trường Mầm Non Lâm Giang (Điểm khu thôn 6 cũ), xã Lâm Giang, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4819/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	72			72		0	72	
57	Chợ Yên Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4996/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	500			500		0	486	
58	Khu điều trị dã chiến COVID-19 trung tâm Y tế huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	5762/QĐ-UBND ngày 8/12/2021	373			373		0	373	
59	Cải tạo, nâng cấp công viên cây xanh trước trụ sở Huyện uỷ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4552/QĐ-UBND ngày 01/10/2024	10.000			10.000		0	917	
60	Sửa chữa, nâng cấp, duy tu các hạng mục công cộng trung tâm huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	317/QĐ-UBND ngày 13/01/2025 (Chủ trương)	700			700		0	650	
61	Xây dựng cầu giao thông tại thôn Bùn Đạo - Hang Gấu, xã Lang Thíp, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1873/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	4.339			339	4.000	0	339	
62	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho thôn Tháp Cái - Tháp Con, xã Viễn Sơn, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1874/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	1.053			53	1.000	0	53	
63	Nâng cấp đường vành đai phía đông thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	357/QĐ-UBND ngày 02/5/2018	19.910		6.500	13.410		0	5.670	
64	Đường Đông An đi Châu Quế Thượng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2751/QĐ-UBND ngày 14/11/2019	85.000		59.500	25.500		0	1.086	
65	Sửa chữa , nâng cấp đường Xuân Ái - Yên Hợp - Yên Phú - Viễn Sơn, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	3128/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	75.000		37.500	37.500		0	36.000	
66	Cầu Ngòi Hút, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2252/QĐ-UBND ngày 17/11/2022 của UBND tỉnh	14.500		8.400	6.100		0	4.029	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
67	Kè chống sạt lở khu dân cư thôn Nhược xã Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2364/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	29.794	10.000	18.097	1.697		0	1.697	
68	Trường phổ thông dân tộc bán trú THCS Phong Dụ Thượng (Điểm trường thôn Làng Trạng)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2763/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	12.400		6.200	6.200		0	6.200	
69	Trường mầm non xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	755/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	8.200		4.100	4.100		0	3.996	
70	Trường tiểu học và trung học cơ sở xã Châu Quế Thượng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	754/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	8.094		3.820	4.274		0	4.274	
71	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Đại Sơn	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	585/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	13.100		7.860	5.240		0	5.240	
72	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Châu Quế Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	586/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	8.500		5.100	3.400		0	3.266	
73	Trung tâm văn hóa thể thao huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2775/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	31.000		15.500	15.500		0	14.600	
74	Trường mầm non Mô Vàng	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1689/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	9.300		5.580	3.720		0	3.720	
75	Trường mầm non Nà Hấu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1070/QĐ-UBND ngày 24/5/2023; 4957/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	6.700		4.020	2.680		0	2.680	
76	Thủy lợi phai gốc Táo, xã Phong Dụ Hạ	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1072/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	1.100		660	440		0	440	
77	Cụm công trình thủy lợi xã Lang Thíp, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1073/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	1.500		900	600		0	600	
78	Đề án phát triển giao thông nông thôn năm 2025 huyện Văn Yên			52.059	0	18.352	8.367	25.340	0	8.698	
III.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			168.160	0	33.680	134.480	0	0	153.387	
1	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Đại An xã An Thịnh	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4329/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	68.000			68.000		0	68.000	
2	Công trình nước sinh hoạt thôn 4 cũ (thôn Trung Tâm), xã Nà Hấu	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4996/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	2.800			2.800		0	2.800	
3	Công trình nước sạch xã Ngòi A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4996/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	3.500			3.500		0	3.500	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
4	Công trình nước sạch sinh hoạt xã Châu Quế Hạ, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	591/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	5.000			5.000		0	5.000	
5	Cải tạo nâng cấp hệ thống nước sạch sinh hoạt xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	466/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	4.908			4.908		0	4.908	
6	Công trình nước sạch sinh hoạt thôn Quyết Hùng xã Xuân Ái	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	971/QĐ-UBND ngày 15/3/2024	4.853			4.853		0	4.853	
7	Trường tiểu học thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	782/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	1.500			1.500		0	1.500	
8	Trường PTDT nội trú THCS huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1006/QĐ-UBND ngày 21/3/2024	5.000			5.000		0	5.000	
9	Trường TH&THCS Mậu Đông	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	781/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	2.000			2.000		0	1.954	
10	Trường Mầm non Lâm Giang (Điểm chính trung tâm)	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	987/QĐ-UBND ngày 16/5/2023	4.999			4.999		0	5.323	
11	Trường mầm non thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	2554/QĐ-UBND ngày 22/8/2023; 3387/QĐ-UBND ngày 05/7/2024	8.700			8.700		0	8.700	
12	Cải tạo nâng cấp hành lang đường giao thông nội thị thị trấn Mậu A	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1152/QĐ-UBND ngày 03/4/2024	5.500			5.500		0	5.160	
13	Cụm công trình thủy lợi xã Châu Quế Hạ, xã Nà Hẩu, xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1234/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh Yên Bái	5.900		3.540	2.360		0	2.360	
14	Trường Tiểu học An Thịnh, xã An Thịnh, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4158/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	7.100		4.260	2.840		0	2.840	
15	Trường Tiểu học Yên Thái, xã Yên Thái, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4157/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	6.000		3.600	2.400		0	2.400	
16	Cải tạo, sửa chữa chợ Đông Cuông, chợ Yên Thái, chợ Yên Phú, chợ An Bình và chợ Mậu A, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1381/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của UBND tỉnh	7.000		4.500	2.500		0	2.500	
17	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Đông An (điểm trường thôn Đức An), xã Đông An, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1404/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh	3.000		2.100	900		0	900	
18	Trường tiểu học và Trung học cơ sở Đông An (điểm trường chính), xã Đông An, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1404/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh	6.000		4.200	1.800		0	1.800	
19	Trường mầm non Yên Hợp, xã Yên Hợp	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	1404/QĐ-UBND ngày 05/7/2024 của UBND tỉnh	9.900		6.930	2.970		0	2.970	
20	Cấp điện thôn Khay Đạo, xã Lâm Giang, huyện Văn Yên	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên	4155/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	6.500		4.550	1.950		0	1.950	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
21	Cấp bổ sung vốn điều lệ cho các quỹ ngoài ngân sách; ủy thác qua ngân hàng chính sách	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên		0					0	1.150	
22	Chưa phân bổ chi tiết	Ban Quản lý dự án ĐTXD huyện Văn Yên		0					0	17.820	
D	THỊ XÃ NGHĨA LỘ			1.058.543	110.507	275.230	672.806	0	65.065	571.870	
I	CHƯƠNG TRÌNH			109.735	88.534	4.400	16.801	0	0	4.298	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã		65.868	56.190	4.400	5.278			2.488	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã		43.867	32.344		11.523			1.810	
II	DỰ ÁN			948.808	21.973	270.830	656.005	0	65.065	567.572	
II.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			405.678	18.473	92.500	294.705	0	65.065	271.207	
1	Di chuyển khẩn cấp, bố trí dân cư vùng thiên tai lũ ống, lũ quét trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã		14.990	14.990				7.500		
2	Trụ sở xã Phúc Sơn	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND Tỉnh	4.500		1.000	3.500		0	2.773	
3	Trụ sở xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND Tỉnh	4.000		1.000	3.000		0	3.000	
4	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng, thị xã nghĩa lộ (GD2)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND Tỉnh	11.000		5.500	5.500		7.500	5.500	
5	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng (tiểu học)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND Tỉnh	14.000		7.000	7.000		0	7.000	
6	Trường MN Hoa Huệ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	7.200		3.000	4.200		0	4.200	
7	Trường MN Sơn A	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	5.500		2.750	2.750		0	2.750	
8	Trường MN Thanh Lương	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	5.700		2.400	3.300		0	3.300	
9	Trường tiểu học Kim Đồng	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	8.800		4.400	4.400		0	4.400	
10	Trường mầm non Hoa Phượng	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	5.000		2.500	2.500		0	2.500	
11	Đường Trường MN Hoa Lan, Pú Trạng (thông từ chân dốc Hoa kiều lối đường Phạm Quang Thâm)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	16.030			16.030		14.903	1.100	
13	Xây dựng khu dân cư đô thị và trụ sở cơ quan tổ 15,16,23,24 - GD.2	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	5.900			5.900		155	5.900	
14	Trung tâm văn hóa thể thao xã Nghĩa Phúc	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	4.500	3.483		1.017		3.483	1.017	
15	Trường mầm Non hoa Lan, phường Pú Trạng (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	13.000			13.000		12.718	13.000	
16	Trường TH & THCS Thạch Lương	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	6.800		4.080	2.720		6.339	2.720	
17	Trường mầm non xã Phúc Sơn	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	5.500		3.300	2.200		4.814	2.200	
18	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc Thị ủy, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	1.200			1.200		1.015	1.200	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
19	Trường Mầm non Bán Cỏ, xã Thạch Lương	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	300			300		289	300	
20	Trường Mầm non xã Sơn A, thị xã Nghĩa Lộ.	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	2.750			2.750		901	2.750	
22	Mở rộng trường THCS Tô Hiệu (Hạng mục: Sân thể thao và các hạng mục phụ trợ)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	4.500			4.500		158	4.500	
24	Tu sửa, tôn tạo khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	5.000			5.000		606	5.000	
25	Sửa chữa khu Khu di tích Căng và đồn Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	1.200			1.200		682	1.200	
26	Trường THCS xã Phù Nham	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	5.700			5.700		4.003	5.700	
27	Khôi phục, tôn tạo tu bổ di tích danh thắng Nậm Tộc Tắc	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	1.300			1.300		0	1.300	
28	Khôi phục, tôn tạo tu bổ di tích lịch sử thành Viêng Công	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	700			700		0	700	
29	Trụ sở xã Hạnh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thị xã	301 - 14/03/2022	3.500		1.750	1.750		0	1.750	
30	Trụ sở xã Nghĩa An	Ban QLDA ĐTXD thị xã	300 - 14/03/2022	5.000		2.500	2.500		0	2.500	
33	Trường TH&THCS Thanh Lương (cấp tiểu học)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	624 - 18/04/2022	4.500		2.250	2.250		0	2.250	
34	Trường MN Hạnh Sơn, xã Hạnh Sơn, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	624 - 18/04/2022	10.100		6.060	4.040		0	4.040	
35	Trường TH&THCS Nguyễn Quang Bích, phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD thị xã	624 - 18/04/2022	10.600		6.360	4.240		0	4.240	
36	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Thị ủy thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	1.300			1.300		0	1.300	
37	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-HĐND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	1.200			1.200		0	1.200	
38	TrườngTHCS xã Phù Nham (GD 2)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	5.700			5.700		0	5.700	
39	Sửa chữa nhà làm việc Khối MTTQ và các đoàn thể CTXH	Ban QLDA ĐTXD thị xã		2.500			2.500		0	2.500	
40	Trường THCS xã Phúc Sơn, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	5.600			5.600		0	5.600	
41	Trung tâm văn hóa Phường Cầu Thia	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND Tỉnh	4.998			4.998		0	4.998	
42	Xây dựng khu dân cư nông thôn Á Hạ, xã Nghĩa Phúc (giáp trạm trộn bê tông), thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1970/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	7.000			7.000		0	7.000	
43	Xây dựng khu dân cư nông thôn Bán Xa, xã Nghĩa Lợi (sau UBND xã), thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	Quyết định số 01/QĐ-HĐND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã Nghĩa Lộ	4.998			4.998		0	4.998	
44	Mở rộng đường vào trường TH&THCS Lý Tự Trọng, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	2.300			2.300		0	2.300	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
45	Mở rộng, nâng cấp đường lên trường TH&THCS xã Sơn A	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	800			800		0	800	
46	Điện chiếu sáng đô thị từ cây xăng Phù Nham đi dốc thái lảo, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	1.050			1.050		0	1.050	
47	Trung tâm văn hóa – thể thao xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	5.600			5.600		0	5.600	
48	Trường TH Phù Nham (điểm lẻ Phù Ninh), thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 484/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	10.500			10.500		0	10.500	
49	Trụ sở xã Nghĩa phúc	Ban QLDA ĐTXD thị xã	584/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	6.500		3.900	2.600			2.600	
50	Trường MN Phù Nham, xã phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 485/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	12.000		7.200	4.800			4.800	
52	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Cấp ủy và Chính Quyền thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1618/QĐ-UBND ngày 18/10/2023	12.500			12.500			12.500	
53	Sửa chữa, cải tạo khu tường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 3218/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND thị xã	2.000			2.000			2.000	
54	Sửa chữa, cải tạo trụ sở các cơ quan thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 3218/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND thị xã	2.000			2.000			2.000	
55	Nhà văn hóa Tổ 3, phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 3218/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND thị xã	800			800			800	
56	Hệ thống điện chiếu sáng đường phía sau Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Lợi (từ ngã tư UBND đến Khu dân cư bản Xa), xã Nghĩa Lợi	Ban QLDA ĐTXD thị xã	218/QĐ-UBND ngày 9/3/2023	800			800			800	
57	Cấp nước sinh hoạt cụm dân cư xã Sơn A (Thôn Bản Vần; Thôn Ao Luông; Bản Đoàn Kết)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1960/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	1.520			1.520			1.520	
58	Cấp nước sinh hoạt tổ Tông Co 1 phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD thị xã	219/QĐ-UBND ngày 9/3/2023	760			760			760	
59	Cấp nước sinh hoạt cụm dân cư phường Pú Trạng (Tổ Bản Ten; tổ Bản Nóng)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1962/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	1.520			1.520			1.520	
60	Sửa chữa đài truyền thanh - truyền hình (cũ) để sử dụng làm Trung tâm phục vụ hành chính công thị xã, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1969/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	4.000			4.000		0	4.000	
61	Xây dựng trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD thị xã	343/QĐ-UBND ngày 30/3/2023	5.000			5.000		0	5.000	
62	Xây mới kè chống sạt lở, tường bao; mua sắm trang thiết bị hội trường Ban chỉ huy Quân sự thị xã	Ban QLDA ĐTXD thị xã	220/QĐ-UBND ngày 9/3/2023	2.000			2.000		0	2.000	
63	Sửa chữa, cải tạo trường THCS Hạnh Sơn, xã Hạnh Sơn	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1966/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	700			700		0	700	
64	Xây dựng hệ thống chữa cháy ngoài nhà Trường Mầm non Hoa Lan, phường Pú Trạng	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1967/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	650			650		0	650	
65	Sửa chữa, nâng cấp Khu tường niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1968/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	5.000			5.000		0	5.000	
66	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thị xã	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1963/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	2.500			2.500			2.500	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
69	Trụ sở xã Nghĩa Lộ (nhà làm việc HĐND-UBND xã)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	586/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	6.000		3.000	3.000			3.000	
70	Trụ sở xã Phù Nham (nhà làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	7.000		4.200	2.800			2.800	
71	Trụ sở xã Sơn A (hội trường lớn của UBND xã)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	5.000		3.000	2.000			2.000	
72	Trường TH&THCS xã Thanh Lương (tiểu học)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	4.500		2.250	2.250			2.250	
73	Trường THCS xã Phúc Sơn	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	5.600			5.600			5.600	
74	TH&THCS Nghĩa Lộ (Xây mới 10 phòng học)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 01/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã	10.000		6.000	4.000			4.000	
75	TH&THCS Nguyễn Quang Bích (điểm trường tiểu học)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	585/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	6.000		3.600	2.400			2.400	
81	Vốn đối ứng từ ngân sách thị xã thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng các xã theo Quyết định phê duyệt của Tỉnh	Ban QLDA ĐTXD thị xã		9.123			9.123			1.282	
82	Đề án công nhận đô thị loại 4	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 905/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	1.599			1.599			1.599	
83	Lập Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1264/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	1.390			1.390			1.390	
84	Dự án cấp nước sinh hoạt cụm dân cư xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ (thôn Pá Láng, bản Pùn, bản Bay)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	316/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	4.500			4.500			4.500	
87	Dự án cải tạo hệ thống chiếu sáng ngõ hẻm và chiếu sáng giao thông nông thôn xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	617/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	6.000			6.000			6.000	
88	Lắp dựng màn hình LED đa dụng	Ban QLDA ĐTXD thị xã	618/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	1.700			1.700			1.700	
89	Xây dựng tuyến phố đi bộ gắn với hoạt động kinh tế đêm	Ban QLDA ĐTXD thị xã	982/QĐ-UBND ngày 14/5/2024	14.000			14.000			14.000	
97	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Thị ủy thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	QĐ 419/QĐ-UBND ngày 1/4/2021 của UBND thị xã Nghĩa Lộ	1.300			1.300			1.300	
100	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (khu vực Bệnh viện thị xã Nghĩa Lộ)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	714/QĐ-UBND ngày 9/6/2022	14.900			14.900			14.900	
101	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1111/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	4.500	0	3.500	1.000			1.000	
II.2	Dự án hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán			192.870	0	93.410	99.460	0	0	97.374	
1	Đường trung tâm Phường Tân An	Ban QLDA ĐTXD thị xã	2100 - 27/9/2021	115.000		65.000	50.000		0	50.000	
2	Trung tâm văn hóa- thể thao thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	422 - 25/03/2022	37.620		18.810	18.810		0	18.810	
3	Xây dựng khu dân cư nông thôn mật đường tỉnh lộ 174, xã Hạnh Sơn (dọc 2 bên đường tỉnh lộ và đường vào SVD xã), thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 7/6/2023	11.350			11.350		0	11.299	
4	Xây dựng khu dân cư Bản Lè - Phán Thượng (đối diện Tôn Hoa Sen, đường tránh QL 32), thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	Quyết định số 01/QĐ-HĐND ngày 12/4/2021 của HĐND thị xã Nghĩa Lộ	10.000			10.000			7.965	
5	Lắp dựng màn hình Led đa dụng	Ban QLDA ĐTXD thị xã	618/QĐ-UBND ngày 11/3/2024	1.700			1.700			1.700	
7	Tu sửa cấp thiết di tích lịch sử, văn hóa Quốc gia Căng và Đồn thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	829/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	1.200			1.200		0	1.200	
9	Trường TH&THCS Nguyễn Quang Bích (tiểu học) - 072	Ban QLDA ĐTXD thị xã	585/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	6.000		3.600	2.400			2.400	
10	Trường TH&THCS Nghĩa Lộ, xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ -072	Ban QLDA ĐTXD thị xã	585/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	10.000		6.000	4.000			4.000	
II.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			350.260	3.500	84.920	261.840	0	0	198.991	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
1	Xây dựng khu dân cư đô thị - khu tổ 1, phường Trung Tâm (sau trường Tô Hiệu), thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	784 ngày 4/6/2021; 1995 ngày 16/9/2024	6.500			6.500		0	6.500	
2	Mở rộng UBND xã, trạm y tế, trường MN Hoa Mai xã Nghĩa Phúc	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1790/QĐ-UBND ngày 5/8/2024	2.700			2.700			2.000	
3	Xây dựng khu dân cư đô thị Bản Lè (sau trường Nguyễn Trãi), phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	709/QĐ-UBND ngày 9/6/2022	4.500			4.500			4.500	
4	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới (Khu vực bệnh viện thị xã Nghĩa Lộ), Xã Nghĩa Phúc, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	714/QĐ-UBND ngày 9/6/2022	14.500			14.500			14.500	
5	Xây dựng khu dân cư Bản Lè - Phán Thượng (đối diện Tôn hoa sen, đường tránh quốc lộ 32) - giai đoạn 2	Ban QLDA ĐTXD thị xã	2444/QDD-UBND ngày 11/11/2024	25.500			25.500			23.534	
6	Khu xử lý rác thải thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	16.400		16.400				0	
7	Trụ sở xã Phù Nham, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	7.000		4.200	2.800			2.800	
8	Trụ sở xã Sơn A, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	5.000		3.000	2.000			2.000	
9	Trường THCS Tô Hiệu, phường Trung Tâm, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	14.900		8.940	5.960			5.960	
10	Trường Mầm non Phúc Sơn, xã Phúc Sơn, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	5.500		3.300	2.200			2.200	
11	Trường TH&THCS Thạch Lương, xã Thạch Lương, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1255/UBND-XD ngày 22/4/2024	6.800		4.080	2.720			2.720	
14	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã		3.600	3.500	0	100			100	
15	Hồ điều hòa kết hợp tiểu công viên tại phường Cầu Thia, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	422 - 25/03/2022	55.000		45.000	10.000			10.000	
16	Chỉnh trang đô thị khu dân cư số 2 (khu vực KS Mường Lò), phường Tân an, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	1031/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	27.600			27.600			12.923	
18	Khuôn viên cây xanh tại xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	923/QĐ-UBND ngày 29/4/2024	7.000			7.000			7.000	
19	Đất cây xanh công cộng (công viên, vườn hoa, sân chơi công cộng....)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	925/QĐ-UBND ngày 29/4/2024	7.000			7.000			7.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
20	Trường MN Hoa Sen xã Nghĩa Lợi, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	265/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	4.500			4.500			2.350	
21	Đường trục thôn Sả Rèn, xã Nghĩa Lợi	Ban QLDA ĐTXD thị xã	266/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	9.000			9.000			2.500	
22	Xây mới nhà văn hóa một số thôn, bản trên địa bàn xã Nghĩa Lợi	Ban QLDA ĐTXD thị xã	268/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	1.500			1.500			1.500	
23	Xây mới nhà văn hóa một số thôn, bản trên địa bàn xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	269/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	2.000			2.000			2.000	
24	Đường từ Chao Hạ 1 đi Bàn Xa, xã Nghĩa Lợi	Ban QLDA ĐTXD thị xã	267/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	17.000			17.000			7.000	
25	Công viên cây xanh xã Thanh Lương	Ban QLDA ĐTXD thị xã	271/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	10.000			10.000			10.000	
26	Đường từ Quốc Lộ 32 đi trạm y tế xã Nghĩa Lộ, thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	344/QĐ-UBND ngày 9/3/2025	10.000			10.000			3.500	
27	Đường từ Sả Rèn nối với đường tránh QL 32, xã Nghĩa Lợi	Ban QLDA ĐTXD thị xã	273/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	22.500			22.500			11.934	
28	Đường từ Quốc Lộ 32 đi UBND xã Thanh Lương (giáp trường TH&THCS Thanh Lương, xã Thanh Lương, thị xã Nghĩa Lộ)	Ban QLDA ĐTXD thị xã	403/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	26.800			26.800			26.800	
29	Kiên cố hóa một số tuyến kè, mương thoát nước thải trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ	Ban QLDA ĐTXD thị xã	264/QĐ-UBND ngày 27/2/2025	5.460			5.460			5.460	
30	Nâng cấp mở rộng đường từ QL 32 đến Ao Luông, xã Sơn A	Ban QLDA ĐTXD thị xã	396/QĐ-UBND ngày 14/3/2025	32.000			32.000			22.210	
E	HUYỆN TRẠM TẤU			826.006	449.262	184.525	149.692	42.527	8.616	148.608	
I	CHƯƠNG TRÌNH			529.794	449.262	48.484	32.049	0	0	20.226	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Trạm Tấu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng		279.664	216.293	41.657	21.714			12.200	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững huyện Trạm Tấu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng		228.980	215.444	6.751	6.786			4.951	
3	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Trạm Tấu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng		21.150	17.525	76	3.549			3.075	
II	NHIỆM VỤ			5.779	0	946	4.833	0	0	5.446	
1	Đặt hàng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Trạm Tấu năm 2021	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	1277/QĐ-UBND Ngày 17/9/2021	486			486		0	101	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
2	Thông kê đất đai cấp xã, cấp huyện năm 2021	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	1451/QĐ-UBND Ngày 05/11/2021	199			199		0	199	
3	Lập kế hoạch SDD năm 2022 huyện Tràm Tầu	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	568/QĐ-UBND Ngày 18/6/2021	368			368		0	368	
4	Thông kê đất đai năm 2022	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	1756/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	114			114		0	114	
5	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tràm Tầu	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	999/QĐ-UBND ngày 02/8/2022	646			646		0	646	
6	Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	1091/QĐ-UBND ngày 27/9/2023	646			646		0	646	
7	Thông kê đất đai năm 2023	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	07/QĐ-UBND ngày 05/1/2024	120			120		0	120	
8	Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tràm Tầu giai đoạn 2014-2034	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	QĐ số 1750/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	147			147		0	147	
9	Lập đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Tràm Tầu, huyện Tràm Tầu, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2014-2034	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1484/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND huyện	164			164		0	164	
10	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn Tràm Tầu, huyện Tràm Tầu giai đoạn 2016-2025	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1519/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của UBND huyện	113			113		0	113	
11	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Tràm Tầu	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	732/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	1.596		765	831		0	1.600	
12	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	732/QĐ-UBND ngày 24/6/2024	652		181	471		0	700	
14	Lập Đề án đề nghị công nhận thị trấn Tràm Tầu đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1343/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND huyện	527			527		0	527	
III	DỰ ÁN			290.433	0	135.096	112.811	42.527	8.616	105.595	
III.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			164.425	0	57.366	64.533	42.527	8.616	55.428	
1	Quy đất ở đô thị khu III, tuyến đường Tràm Tầu - Bắc Yên, thị trấn Tràm Tầu, huyện Tràm Tầu, tỉnh Yên Bái	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tràm Tầu	QĐ số 3102/QĐ-UBND ngày 22/11/2016	8.303			8.303		0	2.194	
2	Dự án phát triển quỹ đất tổ dân phố số 1, thị trấn Tràm Tầu, huyện Tràm Tầu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tràm Tầu	QĐ số 1341/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	6.500			6.500		1.500	4.526	
3	Sửa chữa trụ sở Kho bạc (cũ) huyện Tràm Tầu	Phòng Tài chính - Kế hoạch	QĐ số 171/QĐ-UBND ngày 06/3/2020	1.300			725	575	924	376	
4	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm Truyền thông và Văn hóa	Phòng Tài chính - Kế hoạch	QĐ số 1900/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	700			700		0	700	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
5	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở phòng Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan	Phòng Tài chính - Kế hoạch	QĐ số 1901/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	500			500		0	500	
6	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Phòng Tài chính - Kế hoạch	QĐ số 1902/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	500			500		0	500	
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc phòng Kinh tế và Hạ tầng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	Số 1241/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	134			134		0	134	
8	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện (Trụ sở UBND huyện cũ)	Phòng Tài chính - Kế hoạch	378/QĐ-UBND ngày 26/4/2022	1.756			1.756		0	1.714	
9	Kiên cố Đường thôn Chồng Tàu - Chồng Chơ xã Làng Nhì	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1903/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	6.000			6.000		0	5.632	
10	Kiên cố hóa đường Bán Hát - Cu Vai - thôn Háng Xê, xã Xà Hồ (đoạn tiếp)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1885/QĐ-UBND ngày 23/11/2021	6.000			6.000		0	5.950	
11	Sửa chữa thủy lợi Tà Xi xã Hát Lừu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1906/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	400			400		0	400	
12	Kiên cố thủy lợi Háng Đề Chơ Chu 1 xã Trại Tầu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1907/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	900			900		0	877	
13	Kiên cố thủy lợi Chồng Dưa Dưới xã Xà Hồ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1908/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	900			900		0	880	
14	Kiên cố thủy lợi Lò Có xã Bán Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 195/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	1.800			1.800		0	1.740	
15	Kiên cố thủy lợi Tà Chư xã Túc Đán	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 196/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	2.000			2.000		0	1.956	
16	Sửa chữa kiên cố thủy lợi Chùa Tang xã Xà Hồ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 197/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	1.000			1.000		0	995	
17	Nâng cấp, sửa chữa thủy lợi Háng Là Chang, thôn Tà Tàu, xã Pá Hu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 198/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	1.500			1.500		0	1.436	
18	Sửa chữa thủy lợi Kháo Chu Súa Là Bán Công xã Bán Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 199/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	1.500			1.500		0	1.496	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
19	Kiên cố thủy lợi Háng Sào 1 xã Pá Hu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 200/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	700			700		0	700	
20	Công trình Thác Tà Xùa, thôn Tà Xùa, xã Bán Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 464/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	700			700		0	700	
21	Đề án phát triển giao thông nông thôn huyện Trại Tầu	UBND các xã trên địa bàn huyện Trại Tầu		71.623	0	24.268	10.404	36.952	0	14.000	
22	Trụ sở xã Tà Xi Láng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1630/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.000		1.000	2.000		2.028	954	
23	Trụ sở xã Làng Nhi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1730/QĐ-UBND ngày 25/11/2019	7.000		3.500	3.500		3.864	1.550	
24	Trụ sở xã Phình Hồ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	1884/QĐ-UBND ngày 23/11/2020/1881/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	4.990		4.090	900		0	900	
25	Trụ sở thị trấn Trại Tầu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	1885/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	4.990		3.590	1.400		0	1.400	
26	Trụ sở xã Tà Xi Láng	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	900/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	4.900		4.410	490		0	490	
27	Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Trại Tầu	Phòng Nông nghiệp và Môi trường (phòng Tài nguyên và Môi trường trước đây)	2085/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	1.675		837	838		300	538	
28	Trường mầm non Hoa Huệ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	QĐ số 1886/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	4.440		3.996	444		0	426	
29	Trường mầm non Hồng Ngọc	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	503/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	5.350			350	5.000	0	306	
30	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và trung học cơ sở Làng Nhi	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	1887/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	4.990		4.140	850		0	748	
31	Thủy lợi Háng Đề Đu	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	194/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	2.611		2.350	261		0	261	
32	Thủy lợi Là Sa 2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	193/QĐ-UBND ngày 14/3/2022	1.778		1.600	178		0	107	
33	Thủy lợi Tà Blê trên, xã Xà Hồ	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	419/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	1.500		1.350	150		0	150	
34	Thủy lợi Háng Đề Xua Xê, xã Bán Mù	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trại Tầu	420/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	1.000		900	100		0	40	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
35	Thủy lợi Cảng Trông Giao Sa, xã Bàn Công	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Trạm Tấu	421/QĐ-UBND ngày 09/5/2023	1.485		1.335	150		0	150	
III.2	Dự án đã hoàn thành và chưa phê duyệt quyết toán			45.660	0	34.540	11.120	0	0	10.199	
1	Xây mới nhà bảo vệ, nhà để xe Huyện uỷ Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	652/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	600			600		0	600	
2	Kiên cố hóa đường Km 21 - thôn Mo Nhang xã Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	QĐ số 498/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	6.000			6.000		0	5.596	
3	Trụ sở xã Hát Lừu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	464/QĐ-UBND ngày 31/3/2022	6.000		5.400	600		0	497	
4	Trụ sở xã Bàn Mù	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	1079/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	8.000		7.200	800		0	800	
5	Trường mầm non Hoa Ban, xã Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	644/QĐ-UBND ngày 13/4/2021; 2077/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	8.000		7.000	1.000		0	1.000	
6	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Bàn Mù	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	3135/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	17.060		14.940	2.120		0	1.706	
III.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			47.100	0	43.190	3.910	0	0	7.220	
1	Trường TH&THCS thị trấn Trạm Tấu	BQLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	1305/QĐ-UBND ngày 21/7/2023	12.000		10.800	1.200		0	1.200	
2	Cụm công trình thủy lợi xã Xà Hồ, xã Bàn Công	BQLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	899/QĐ-UBND ngày 20/8/2024	3.100		2.790	310		0	310	
3	Chỉnh trang đô thị thị trấn Trạm Tấu	BQLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	QĐ 2204/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	8.000		8.000			0	3.310	
4	Trường PTDTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Túc Đán, xã Túc Đán, huyện Trạm Tấu	Ban QLDA ĐTXD	QĐ 826/QĐ-UBND ngày 21/4/2025	24.000		21.600	2.400			2.400	
III.4	Dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư			33.248	0	0	33.248	0	0		
1	Chỉnh trang đô thị (Quyđất dân cư đường nối Tỉnh lộ 174 sang đường Trạm Tấu - Bắc Yên (giai đoạn 1))	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	QĐ số 502/QĐ-UBND ngày 6/5/2024	10.500			10.500		0		
2	Xây dựng khu nông thôn mới tại xã Phình Hồ	Ban QLDA ĐTXD huyện Trạm Tấu	QĐ số 1093/QĐ-UBND ngày 11/10/2024	22.748			22.748		0		
G	HUYỆN MÙ CANG CHẢI			1.079.288	107.841	648.686	319.046	3.716	30.720	359.694	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
I	CHƯƠNG TRÌNH			0	0	0	0	0	0	34.539	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Mù Cang Chải									31.250	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững huyện Mù Cang Chải									3.069	
3	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Mù Cang Chải									220	
II	DỰ ÁN			1.079.288	107.841	648.686	319.046	3.716	30.720	325.155	
1	Đường đi bản Háng Sung xã La Pán Tẩn	Ban QLDA ĐTXD	1934/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500			1.500		0	1.500	
2	Kiên cố đường Trung tâm khu II xã Chế tạo đi Hua Trai huyện Mường La (GĐII)		-	12.500			12.500			12.500	
3	Rãnh thoát nước bờ suối Nậm Kim thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải	UBND thị trấn	1565/QĐ-UBND ngày 31/8/2021	591			591			591	
4	Đường Lìm Thái, Lìm Mông, xã Cao Phạ	Ban QLDA ĐTXD	284/QĐ-UBND ngày 28/2/2022	4.100			4.100		0	3.732	
5	Cầu vào thao trường bản Páo Khắt, xã Nậm Khắt	Xã Nậm Khắt	1671/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	500		200	300			300	
6	Đường vào thao trường bắn chiến đấu của huyện tại bản Páo Khắt, xã Nậm Khắt	Xã Nậm Khắt	1576/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	170			170			170	
7	Mở mới đường đất từ bản Háng Phù Loa xã Mỏ Dề đi bản Háng Tráng Lừ xã Khao Mang	Xã Mỏ Dề	761/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	227		164	63			63	
8	Mở mới đường đất từ bản Háng Tráng Lừ xã Khao Mang Háng Phù Loa xã Mỏ Dề	Xã Khao Mang	761/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	378		273	105			105	
9	Đường Bản Phình Hồ xã Dế Xu Phình đi bản Tà Chơ xã Kim Nọi	Ban QLDA ĐTXD	761/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	1.773		1.263	510			510	
10	Đường đi bản Tà Ghênh Nậm Có	Xã Nậm Có	761/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	1.765		1.261	504			504	
11	Đường đi bản Trống Tông	Xã Chế Cu Nha	761/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	3.206		2.315	891			891	
12	Đường từ bản Mãng Mù đi bản Háng Sung xã Mỏ Dề	Xã Mỏ Dề	761/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	968		722	246			246	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
13	Mở mới đường đất từ bản Lao Chải, xã Lao Chải đi bản La Phu Khơ xã Kim Nội	Xã Lao Chải	1722/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	453		327	126			126	
14	Đường từ bản Nà Háng Tủa Chử, xã Púng Luông đi bản Háng Cuồn Rùa, xã Dế Xu Phình	Xã Púng Luông	1722/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	747		566	181			181	
15	Đường nội bản Xéo Di Hồ A, xã Lao Chải	Xã Lao Chải	1722/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	1.039		819	220			220	
16	Đường nội bản Đào Xa, xã Lao Chải	Xã Lao Chải	1722/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	1.003		788	215			215	
17	Mở mới, mở rộng đường đất từ bản La Phu Khơ, xã Kim Nội đi bản Tà Ghênh, xã Lao Chải	Xã Kim Nội	611/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	676		485	191			191	
18	Mở mới đường đất từ bản Tà Ghênh, xã Lao Chải đi bản La Phu Khơ, xã Kim Nội	Xã Lao Chải	611/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	266		195	71			71	
19	Mở mới đường đất đi bản Đá Đen, xã Nậm Có	Xã Nậm Có	611/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	391		286	105			105	
20	Đường từ Quốc lộ 32 đi bản Chế Cu Nha, xã Chế Cu Nha	Xã Chế Cu Nha	611/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	2.423		1.703	720			720	
21	Đường nội bản Pú Vá	Xã Chế Tạo	611/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	2.376		1.669	706			706	
22	Đường từ bản Lao Chải đi bản Tà Ghênh xã Lao Chải	Xã Lao Chải	611/QĐ-UBND ngày 10/3/2022	942		662	280			280	
23	Đường nội bản Hua Khắt	Xã Nậm Khắt	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	1.473		0	1.473			1.473	
24	Đường vào khu sản xuất Háng Là	Xã Dế Xu Phình	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	1.672		0	1.672			1.672	
25	Mở mới, mở rộng đường đất từ bản Chế Cu Nha đến bản Thảo Chua Chải xã Chế Cu Nha	Xã Chế Cu Nha	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	321		0	321			321	
26	Mở mới đường đất từ bản Chế Tạo đi Thủy điện Đề Dính Máo	Xã Chế Tạo	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	301		0	301			301	
27	Mở mới, mở rộng đường đất từ bản Háng Đăng Dê đi bản Tà Chơ xã Kim Nội	Xã Kim Nội	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	378		0	378			378	
28	Mở mới đường đất từ bản Háng Đề Chu - Háng BLaHa B xã Khao Mang	Xã Hồ Bốn	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	545		0	545			545	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
29	Mở mới, mở rộng đường đất từ bản Háng BLaHa B đến bản Sáo Mã Pán xã Khao Mang	Xã Khao Mang	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	293		0	293			293	
30	Mở mới, mở rộng đường đất từ bản Sáo Mã Pán đến bản Háng Đề Đài xã Khao Mang	Xã Khao Mang	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	228		0	228			228	
31	Mở mới, mở rộng đường đất nội bản Háng Đề Đài xã Khao Mang	Xã Khao Mang	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	199		0	199			199	
32	Đường Púng Luông đi Háng Cơ Bua	Xã Púng Luông	665/QĐ-UBND ngày 28/5/2022	2.743		1.927	816			816	
33	Đường từ Trống Páo Sang đi khu dân cư bản Trống Tông	Xã La Pán Tẩn	1894/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	1.751		1.230	521			521	
34	Đường Nội bản Háng Đề Chu	Xã Hồ Bốn	1894/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	808		568	240			240	
35	Đường đi bản Tà Đông	Chế Tạo	1894/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	4.848		3.403	1.445			1.445	
36	Đường nội bản Tà Đông	Chế Tạo	1894/QĐ-UBND ngày 07/9/2022	2.666		1.871	795			795	
37	Đường Háng Sung đi Sáng Nhù	Xã Mò Dề	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	2.114		1.480	634			635	
38	Đường nội bản Háng Phù Loa	Xã Mò Dề	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	1.145		802	344			344	
39	Đường nội bản Kề Cà	Xã Chế Tạo	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	2.341		1.639	702			702	
40	Đường nội bản Háng Tày	Xã Chế Tạo	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	1.851		1.296	555			555	
41	Đường nội bản Nậm Khắt	Xã Nậm Khắt	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	929		650	279			279	
42	Đường nội bản Lá Khắt	Xã Nậm Khắt	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	962		674	289			289	
43	Đường nội bản Sáo Mã Pán	Xã Khao Mang	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	892		625	268			268	
44	Đường nội bản Háng Sung	Xã La Pán Tẩn	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	361		253	108			108	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
45	Mở mới đường đất và kiên cố bê tông đường từ bản Hấu Đề xã La Pán Tản đi bản Trống Tông xã Chế Cu Nha	Xã La Pán Tản	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	1.494		1.046	448			448	
46	Đường bản Đề Chờ Chua B đến bản Nà Háng Tàu	Xã Púng Luông	334/QĐ-UBND ngày 07/2/2023	2.150		1.505	645			645	
47	Đường Sáng Nhù xã Hồ Bốn	Xã Hồ Bốn	938/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	2.101		1.470	630			630	
48	Đường từ Séo Di Hồ B đi Cò Dề Sang A, xã Lao Chải	Xã Lao Chải	938/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	2.124		1.487	637			637	
49	Đường nội bản Háng B Là Ha A, xã Khao Mang	Xã Khao Mang	938/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	52		36	16			16	
50	Đường nội bản Tà Chơ, xã Kim Nội	Xã Kim Nội	938/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	1.264		885	379			379	
51	Đường nội bản Trống Tông, xã Chế Cu Nha	Xã Chế Cu Nha	938/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	1.490		1.043	447			447	
52	Mở mới đường đất từ bản Nậm Pắc đi Háng Cơ, xã Nậm Có	Xã Nậm Có	938/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	113		79	34			34	
53	Đường đi bản Thảo Chua Chải (giai đoạn 2), xã Chế Cu Nha	Ban QLDA ĐTXD	2062/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	4.000			4.000		0	3.390	
54	Đường từ bản Háng Sung đi bản Tà Chỉ Lừ, xã La Pán Tản (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	582/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	1.600			1.600		811	706	
55	Đường đến trung tâm xã Chế Tạo	Ban QLDA ĐTXD	2009/QĐ-UBND ngày 08/9/2020	35.000		35.000			0		
56	Sửa chữa, kiên cố rãnh thoát nước đường Hồ Bốn - Háng Đề Chử, xã Hồ Bốn, huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái	Xã Hồ Bốn	2368/QĐ-UBND ngày 19/12/2021	290			290			290	
57	Sửa chữa cầu treo xã Lao Chải, huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái	Xã Lao Chải	2033/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	252			252			252	
58	Sửa chữa hót sạt các tuyến đường đến trung tâm xã Mỏ Dề và đường đến trung tâm xã Lao Chải	Xã Mỏ Dề	1716/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	204			204			204	
59	Sửa chữa kiên cố cống thoát nước tuyến đường đi bản Háng Cuôn Rùa	Xã Dế Xu Phình	2345/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	270	270						
60	Sửa chữa thủy lợi Háng BLà Ha AB xã Khao Mang	Xã Khao Mang	2346/ QĐ-UBND ngày06/12/2022	390	390						

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
61	Nâng cấp Đường vành đai thị trấn Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	572/QĐ-UBND ngày 06/4/2022	148.000		128.000	20.000		0	20.000	
62	Đường đi bản Trống Tông xã La Pán Tẩn, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	2133/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	4.950			4.950		0	4.950	
63	Sửa chữa đường Dế Xu Phình, xã Dế Xu Phình		1318/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	1.600	1.520	48	32				
64	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD	QĐ 680/QĐ-UBND ngày 12/4/2024	35.000	33.000	2.000					
65	Đường bản Lá Khắt	Xã Nậm Khắt	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	145		95	51			51	
66	Đường nội bản Mý Háng Tủa Chừ	Xã Púng Luông	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	1.454		945	509			509	
67	Đường bản Nà Háng Tàu	Xã Púng Luông	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	373		242	130			130	
68	Đường bản Ma Lữ Thàng	Xã Dế Xu Phình	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	178		116	62			62	
69	Đường đi bản Háng Đề Đài	Xã Khao Mang	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	3.269		2.125	1.144			1.144	
70	Đường đi bản Háng Gàng	Xã Lao Chải	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	1.754		1.140	614			614	
71	Đường đi bản Trống Khua	Xã Lao Chải	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	1.353		879	473			473	
72	Đường nội bản Tà Đông	Xã Chế Tạo	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	1.346		875	471			471	
73	Đường nội bản Chế Tạo	Xã Chế Tạo	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	3.186		2.071	1.115			1.115	
74	Cầu bản đường đi Tà Đông	Xã Chế Tạo	821/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	498		324	174			174	
75	Đường đi Háng Là Cờ bản La Pán Tẩn	Xã La Pán Tẩn	1364/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	1.896		1.327	569			569	
76	Đường nội bản Ma Lữ Thàng	Xã Dế Xu Phình	1364/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	1.414		990	424			424	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
77	Đường nội bản Phình Hồ	Xã Dế Xu Phình	1364/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	412		288	124			124	
78	Cầu bản đường đi Háng Tày	Xã Chế Tạo	1364/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	450		315	135			135	
79	Đường đi bản Trống Trở	Xã Hồ Bốn	1364/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	3.008		2.106	902			902	
80	Rãnh đường Hấu Đề bản Tà Chí Lừ	Xã La Pán Tẩn	1364/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	230		161	69			69	
81	Đường đi bản Háng Phù Loa	Xã Mỏ Dề	1364/QĐ-UBND ngày 28/6/2024	847		593	254			254	
82	Đường từ QL32 đến trung tâm xã Mỏ Dề	Xã Mỏ Dề	1760/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	120			120			120	
83	Đường từ QL32 đến trung tâm xã	Xã Dế Xu Phình	1760/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	118			118			118	
84	Đường đến trung tâm xã Chế Tạo	Xã Chế Tạo	1760/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	300			300			300	
85	Đường từ QL32 đi ruộng Mâm xôi	Xã La Pán Tẩn	2080/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	310		310					
86	Đường lên đồi Móng Ngựa	Xã Mỏ Dề	2080/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	170		170					
87	Đường đi bản Đề Chờ Chua	Xã Púng Luông	2080/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	210		210					
88	Cống thoát nước đường bản Chế Cu Nha	Xã Chế Cu Nha	2080/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	350		350					
89	Trường mầm non Kim Nội (Điểm chính Đào Xa), xã Kim Nội	Ban QLDA ĐTXD	1929/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.580		3.906	1.674		0	1.605	
90	Trường mầm non Sơn Ca (Điểm trường Nậm Khắt), xã Nậm Khắt	Ban QLDA ĐTXD	1930/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.500		5.850	650		0	1.500	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân	Vốn ngân					
				sách	sách tỉnh	sách huyện					
				trung							
				ương							
91	Trường mầm non Púng Luông (Điểm chính Púng Luông), xã Púng Luông	Ban QLDA ĐTXD	3158/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	7.480		5.615	1.865		0	1.865	
92	Trường mầm non Bông Sen (Điểm chính Dề Thàng), xã Chế Cu Nha	Ban QLDA ĐTXD	1931/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.980		3.486	1.494		0	1.500	
93	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Cao Phạ, xã Cao Phạ	Ban QLDA ĐTXD	1932/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.520		2.464	1.056		0	1.021	
94	Trường phổ thông dân tộc bán trú TH&THCS Dề Xu Phình, xã Dề Xu Phình	Ban QLDA ĐTXD	3159/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	27.482		24.734	2.748		0	2.748	
95	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Púng Luông, xã Púng Luông	Ban QLDA ĐTXD	1933/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.141		5.527	614		0	105	
96	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Vừ A Dính, xã Nậm Cỏ	Ban QLDA ĐTXD	3160/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	11.000		8.500	2.500		0	2.500	
97	Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở Trường Mầm non xã Kim Nội	Ban QLDA ĐTXD	1570/QĐ-UBND ngày 01/9/2021	1.500			1.500		0	1.402	
98	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Nậm Khắt	Ban QLDA ĐTXD	645/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	7.500		6.750	750		0	2.250	
99	Trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở Khao Mang, xã Khao Mang	Ban QLDA ĐTXD	646/QĐ-UBND ngày 11/3/4/2021	8.000		7.200	800		0	2.400	
100	Kè, đổ bê tông chống sạt lở trường PTDTBT TH Xéo Di Hồ	Trường TH Xéo Di Hồ	656/QĐ-UBND ngày 22/3/2022	598			598			598	
101	Sửa chữa trường Mầm non Dề Thàng xã Khao Mang	Ban QLDA ĐTXD	681/QĐ-UBND ngày 30/03/2021	850			850		0	850	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
102	Trường mầm non Chế Tạo (Điểm trường chính), xã Chế Tạo	Ban QLDA ĐTXD	589/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	13.100		13.100			0		
103	Sửa chữa nhà bán trú trường PTDTBTTH&THCS La Pán Tẩn		2347/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	200	200						
104	Nhà ở bán trú + bếp, nhà ăn Trường PTDTNT -THCS thị trấn Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	680/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	9.316			9.316		0	9.316	
105	Kè chống sạt lở và các hạng mục phụ trợ Trường PTHBT Tiểu học Xéo Di Hồ, xã Lao Chải		514/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	6.130		6.130					
106	Kè chống sạt lở và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Xéo Di Hồ, xã Lao Chải		514/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	4.027		4.027					
107	Trường phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Púng Luông	Ban QLDA ĐTXD	1846/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	12.583		12.326	257				
108	Trường mầm non Xéo Di Hồ, xã Lao Chải	Ban QLDA ĐTXD	724/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	2.543		2.288	255		0	255	
109	Trường PTTHBT tiểu học Xéo Di Hồ, xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải (Hạng mục kè)	Ban QLDA ĐTXD	1297/QĐ-UBND ngày 19/7/2023; 2153/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	8.700		8.080	620		0	620	
110	Xây dựng điểm trường mầm non Chế Cu Nha, thuộc trường mầm non Bông Sen, xã Chế Cu Nha, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD	QĐ 1002/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	2.797			1.081	1.716	0	1.081	
111	Nhà lớp học trường PTDTBT TH&THCS xã Dế Xu Phình	Ban QLDA ĐTXD	679/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	12.750			12.750		0	12.750	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
112	Trường Mầm non Bông Sen xã Chế Cu Nha	Ban QLDA ĐTXD	1970/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	2.300			2.300			2.242	
113	Khắc phục hậu quả thiên tai các Trường học trên địa bàn huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	600			600		0	600	
114	Khắc phục khẩn cấp Kè ta luy dương Trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng, xã Nậm Có	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định 2114/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	4.000		4.000			0		
115	Khắc phục khẩn cấp Kè ta luy dương Trường PTDTBT TH Tà Ghènh, xã Nậm Có	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định 2115/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	3.000		3.000		0	0		
116	Công trình giáo dục cộng đồng tại các bản Pú Vá xã Chế Tạo; bản Xua Lông xã Nậm Khắt và bản Lim Thái xã Cao Pha huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định 2106/QĐ-UBND ngày 11/11/2024	2.300			300	2.000	0	253	
117	Trụ sở xã Nậm Khắt	Ban QLDA ĐTXD	1936/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.500		1.500	3.000		0	1.000	
118	Trụ sở xã Đế Xu Phình	Ban QLDA ĐTXD	1935/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.500		1.500	2.000		0	100	
119	Trụ sở xã Mỏ Dề	Ban QLDA ĐTXD	220/QĐ-UBND ngày 04/3/2021	3.206		1.500	1.706		0	700	
120	Sửa chữa nhà làm việc UBND huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	236/QĐ-UBND ngày 11/3/2021	6.028		4.500	1.528		0	691	
121	Trụ sở xã Khao Mang	Ban QLDA ĐTXD	289/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	4.000		3.600	400		0	3.500	
122	Nhà làm việc phòng Giáo dục huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	678/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	3.500			3.500		0	3.500	
123	Sửa chữa trụ sở làm việc và xây mới nhà vệ sinh Hạt Kiểm lâm huyện Mù Cang Chải	TT MCC		447			447			450	
124	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện MCC	Ban QLDA ĐTXD	395/QĐ-UBND ngày 24/3/2021	3.437		3.437			0		
125	Trụ sở xã Nậm Có	Ban QLDA ĐTXD	1082/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	7.300		6.570	730		0	730	
126	Trụ sở xã La Pán Tẩn	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	5.500		4.950	550		0	370	
127	Sửa chữa nhà làm việc khối đoàn thể huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD	QĐ 2205/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	1.000			1.000		0	1.000	
128	Sửa chữa hội trường xã Khao Mang	Xã Khao Mang	2158/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	344			344			344	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
129	Nhà văn hóa cộng đồng xã Púng Luông	BQLDA ĐTXD	1749/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	3.500			3.500		0	3.339	
130	Nhà văn hóa cộng đồng xã Dế Xu Phinh	BQLDA ĐTXD	1749/QĐ-UBND ngày 23/9/2020	3.500			3.500		0	3.500	
131	Sửa chữa nhà văn hoá xã Kim Nội, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	BQLDA ĐTXD	QĐ 800/QĐ-UBND ngày 11/4/2024	1.200			1.200		0	1.167	
132	Nhà văn hóa xã Nậm Khắt	BQLDA ĐTXD	1339/QĐ-UBND ngày 20/06/2024	4.200	2.375	1.775	50				
133	Chinh trang đô thị trung tâm thị trấn Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	405/QĐ-UBND ngày 23/3/2022	8.000		8.000			0		
134	Chinh trang đô thị Thị tứ Khao Mang, huyện Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	312/QĐ-UBND ngày 01/3/2022	4.500		4.500			0		
135	Chinh trang đô thị Tổ 2 thị trấn Mù Cang Chải, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	BQLDA ĐTXD	2490/QĐ-UBND ngày 21/12/221	369			369			369	
136	Chinh trang đô thị khu vực thị trấn Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	QĐ 1117 ngày 07/6/2021	8.026		8.026			0		
137	Chinh trang đô thị khu vực Ngã Ba Kim, huyện Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	QĐ 736 ngày 21/5/2021	4.189		4.189			0		
138	Chinh trang đô thị trung tâm Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	725/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	3.000		3.000			0	3.000	
139	Chinh trang đô thị tổ 3 +4 thị trấn Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	1054/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	7.000		7.000			0	7.000	
140	Khuôn viên trung tâm thị trấn Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	412/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	8.500			8.500		0	8.500	
141	Thủy lợi Nậm Có, Xã Nậm Có	BQLDA ĐTXD	287/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	2.000		1.800	200		0	200	
142	Thủy lợi Mỹ Háng về Sang Nhù, xã Mỏ Dề	BQLDA ĐTXD	288/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	1.111		1.000	111		0	111	
143	Thủy lợi Thảo Chờ Chù, xã Nậm Khắt	BQLDA ĐTXD	286/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	1.444		1.300	144		0	144	
144	Thủy lợi Cự A Páo, xã Hồ Bốn	BQLDA ĐTXD	514/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	1.500		1.350	150		0	750	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
145	Thủy lợi Mùa Giăng Chính, bản Háng Tráng Lừ, xã Khao Mang	BQLDA ĐTXD	513/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	1.650		1.485	165		0	165	
146	Thủy lợi Mùa Vàng Nhà, xã Mỏ Dề	BQLDA ĐTXD	512/QĐ-UBND ngày 08/5/2023	1.200		1.080	120		0	120	
147	Kiên cố thủy lợi Nà Háng A-B, xã Púng Luông, huyện Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	1328/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	1.800	0	1.620	180			180	
148	Kiên cố thủy lợi Màng Mú, xã Mỏ Dề, huyện Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	1328/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	2.700	0	2.430	270			270	
149	Thủy lợi Thảo A Lệnh xã Lao Chải huyện Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	564-KI/HU ngày 01/11/2024	3.500	0	3.150	350			350	
150	Thủy lợi Vừ A Khua xã Hồ Bốn, huyện Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	564-KI/HU ngày 01/11/2024	2.400	0	2.160	240			240	
151	Thủy lợi Giăng Là Sứ xã Púng Luông	BQLDA ĐTXD	564-KI/HU ngày 01/11/2024	1.500	1.425	45	30				
152	Cụm công trình Thủy lợi xã Mỏ Dề, xã Púng Luông	BQLDA ĐTXD	QĐ 1621/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	4.562		4.106	456		0	93	
153	Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất dự án xây dựng khu dân cư nông thôn tại bản Nậm Khắt xã Nậm Khắt huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái	Xã Nậm Khắt	2490/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	192			192			192	
154	Đo đạc lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp GCNSD đất huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái	H. Mù Cang Chải	123/QĐ-UBND ngày 29/01/2021	414			414			414	
155	Đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các đơn vị trường học trạm y tế trên địa bàn huyện Mù Căng Chải tỉnh Yên Bái	H. Mù Cang Chải	1128/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	985			985			985	
156	Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai năm 2020 huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái	H. Mù Cang Chải	123/QĐ-UBND ngày 29/01/2021	209			209			209	
157	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Mù Cang Chải tỉnh Yên Bái	H. Mù Cang Chải	1349/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	294			294			294	
158	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xã Púng Luông, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (Khu 1)	BQLDA ĐTXD	2149/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	1.700			1.700		0	1.700	
159	Dự án quy hoạch sử dụng đất thời kì 2021 -2030 tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2087/QĐ-UBND ngày 15/9/52020	1.967	938	1.029					
160	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Nậm Khắt huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	BQLDA ĐTXD	2149/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	10.000			10.000		0	7.500	
161	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn tại bản Nậm Khắt, xã Nậm Khắt	BQLDA ĐTXD	2165/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	27.940			27.940		0	27.940	
162	Dự án tư vấn công tác đấu giá quyền sử dụng đất Chinh trang đô thị tổ 02 (thót 2) thị trấn Mù Cang Chải huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	BQLDA ĐTXD	2133/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	112			112			112	
163	Dự án tư vấn công tác đấu giá quyền sử dụng đất Quỹ đất dân cư nông thôn mới tại xã Púng Luông huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (khu 1)	BQLDA ĐTXD	2133/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	68			68			68	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
164	Dự án tư vấn công tác đấu giá quyền sử dụng đất khu dân cư nông thôn mới tại xã Khao Mang huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (khu 1)	BQLDA ĐTXD	2133/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	67			67			67	
165	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã Nậm Khắt huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD MCC	2149/QĐ-UBND ngày 11/11/2021	10.000			10.000		0	10.000	
166	Xây dựng Khu đô thị mới thị trấn Mù Cang Chải (Tổ 5 giáp trạm điện)	Thị trấn MCC	1970/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	11.000			11.000			11.000	
167	Xây dựng Khu đô thị mới thị trấn Mù Cang Chải (Tổ 5 giáp cầu mới)	Thị trấn MCC	1970/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	11.000			11.000			11.000	
168	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới xã La Pán Tản, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Xã La Pán Tản	1970/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	14.900			14.900			14.900	
169	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Các xã	1705/QĐ-UBND ngày 26/8/2024; QĐ số 560/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	1.929			1.929			1.929	
170	Lập Kế hoạch sử dụng đất 2025 huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1633/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	685			685			685	
171	Nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước bản Nậm Khắt	BQLDA ĐTXD	1312/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	2.125	2.019	64	42				
172	Nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước bản Lả Khắt	BQLDA ĐTXD	1313/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	2.900	2.755	87	58				
173	Nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước bản Nà Háng A, B	BQLDA ĐTXD	1316/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	2.299	2.184	69	46				
174	Nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước bản Púng Luông	BQLDA ĐTXD	1317/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	3.222	3.061	97	64			68	
175	Nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước bản Phình Hồ	BQLDA ĐTXD	1319/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	3.000	2.850	90	60				
176	Nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước bản Háng Cuốn Rùa	BQLDA ĐTXD	1320/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	2.700	2.565	81	54				
177	Nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước bản Cáng Đông	BQLDA ĐTXD	1314/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	1.471	1.397	44	30				
178	Cải tạo sửa chữa nhà khách suối Mơ, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	4.500		4.500	0				
179	Dự án phòng họp không giấy tờ	Thị trấn MCC	631/QĐ-UBND ngày 13/3/2022	1.500			1.500			1.500	
180	Các công trình giải phóng mặt bằng xây dựng trụ sở công an xã	Các xã trên địa bàn	631/QĐ-UBND ngày 13/3/2022	479			479			479	
181	Hỗ trợ làm nhà ở cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn về nhà ở trên địa bàn xã Cao Phạ huyện Mù Cang Chải	Các xã trên địa bàn	1350/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	150			150			150	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
182	Khu trung tâm huấn luyện và diễn tập khu vực phòng thủ huyện Mù Cang Chải tại bản Páo Khắt, xã Nậm Khắt	Xã Nậm Khắt	1576/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	350			350			350	
183	Dự án lắp đặt Màn hình LED tại hội trường trung tâm huyện	H. Mù Cang Chải	1784/QĐ-UBND 25/8/2022	900			900			900	
184	Đường điện sinh hoạt tổ 02, thị trấn MCC	Ban QLDA ĐTXD	2133/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	2.398			2.398		0	2.500	
185	Chợ trung tâm huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	3076/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	35.529		30.500	5.029		20.377	3.152	
186	Xử lý sạt lở kết hợp với chỉnh trị dòng suối Nậm Kim khu vực thị trấn Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	413/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	4.900		4.900			0		
187	Hạ tầng điểm du lịch dù lượn xã Cao Phạ	Ban QLDA ĐTXD	770/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	13.600		13.600			9.532		
188	Hỗ trợ khai hoang	Các xã trên địa bàn	753/QĐ-UBND ngày 27/5/52021; 2473/QĐ-UBND ngày 16/12/52022	600		600	0				
189	Nhà bếp ăn và Các hạng mục phụ trợ khác Nhà khách Suối mơ huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	280/QĐ-UBND ngày 28/02/2022	6.950			6.950		0	6.950	
190	Chợ trung tâm cụm xã Khao Mang	Ban QLDA ĐTXD	655/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	10.000			10.000		0	10.000	
191	Quy hoạch chung thị trấn Mù Cang Chải và vùng phụ cận đến năm 2035	H. Mù Cang Chải	1404/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	1.418		992	426			426	
192	Đề án phân loại đô thị công nhận thị trấn Mù Cang Chải là đô thị loại V	Thị trấn MCC	2209/QĐ-UBND 10/11/2022	496			496			496	
193	Quy hoạch chung xây dựng xã Nậm Khắt, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Xã Nậm Khắt	327/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	1.276		893	383			383	
194	Quy hoạch chung xây dựng xã Púng Luông, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Xã Púng Luông	328/QĐ-UBND ngày 14/3/2023	1.257		880	377			377	
195	Cấp điện nông thôn trên địa bàn huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	1885/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	12.445	11.820	360	265				
196	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi điểm đến du lịch tiêu biểu bản Tà Sung, xã Cao Phạ	Ban QLDA ĐTXD	524/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	1.995	1.895	60	40				
197	Đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn bản DTTS trên địa bàn huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD	817/QĐ-UBND ngày 05/6/2023	4.882	4.400	132	350				
198	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số: <u>Di tích quốc gia nơi thành lập Đội du kích Khau Pha. Bản</u>	Ban QLDA ĐTXD	1989/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	1.500	1.425	45	30				
199	Đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện Mù Cang Chải (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD	1988/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	4.710	4.647	63					

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
200	Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo)	H. Mù Cang Chải	983/QĐ-UBND ngày 27/6/2022	9.480	9.480						
201	Điểm dừng chân và vọng cảnh Đèo Khau Phạ, xã Cao Phạ	Xã Cao Phạ	375-KL/HU ngày 27/10/2023	8.000	0	7.200	800			800	
202	Sân vận động Nậm Khắt, xã Nậm Khắt	Ban QLDA ĐTXD	1315/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	3.100	2.945	93	62				
203	Cải tạo sửa chữa sân vận động huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 05/8/2024	1.500		1.500			0		
204	Chỉnh trang đô thị tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (khu bán trú cũ trường THPT Thị trấn Mù Cang Chải)		2195/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	200			200			200	
205	Xây dựng khu dân cư nông thôn bản Thái, xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (phía trước khu vực trường tiểu học cũ)	BQLDA ĐTXD	2195/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	700			700			700	
206	Chỉnh trang đô thị tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái (phía sau trường mầm non Hoa Lan thị trấn Mù Cang Chải)	Thị trấn MCC	2195/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	14.500			14.500			14.500	
207	Trường Mầm non Hoa Hồng xã Nậm Có, huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định 2203/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	23.000		20.700	2.300		0	2.300	
208	Trường mầm non Hoa Ban, xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định số 2167/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	14.950		13.455	1.495		0	1.495	
209	Nhà ở bán trú + Bếp, nhà ăn trường PTDT BT - TH Lao Chải xã Lao Chải, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	2133/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	14.950			14.950			14.950	
210	Sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất trường TH và THCS Thị trấn, trường Mầm non Hoa Lan, thị trấn Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	633/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	2.557			2.557			2.557	
211	Trụ sở xã Hồ Bốn	Ban QLDA ĐTXD	Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	7.000		6.300	700		0	700	
212	Sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy Mù Cang Chải	Thị trấn MCC	2159/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	59			59			59	
213	Sửa chữa nhà Hội trường lớn huyện Mù Cang Chải	Thị trấn MCC	2162/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	43			43			43	
214	Sửa chữa nhà làm việc Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải	Thị trấn MCC	2163/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	65			65			65	
215	Chỉnh trang đô thị thị trấn Mù Cang Chải	BQLDA ĐTXD	Quyết định 2099/QĐ-UBND ngày 24/10/2024	10.000		10.000			0		
216	Di dân khẩn cấp bản Tà Đông xã Cao Phạ, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	2080/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	40.000	0	40.000					
217	Di dân khẩn cấp bản Háng Bla Ha A xã Khao Mang, huyện Mù Cang Chải	Ban QLDA ĐTXD	2080/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	20.000	0	20.000					

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
218	Dự án bố trí sắp xếp ổn định dân cư xã Chế Cu Nha	Xã Chế Cu Nha	754/QĐ-UBND ngày 23/4/2024	15.032	14.280	451	301				
219	Trường PTDTBT TH và THCS Mồ Dề	Ban QLDA ĐTXD	2080/QĐ-UBND ngày 22/10/2024	39.000		39.000					
220	Đường giao thông nông thôn năm 2025		226/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	20.256		8.389	3.595			3.595	
221	Vốn kế hoạch chưa phân bổ chi tiết										
H	HUYỆN VĂN CHẤN			1.293.613	414.489	379.693	432.223	21.049	108.802	456.592	
I	CHƯƠNG TRÌNH			413.539	305.257	62.124	0	0	0	0	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD		341.689	247.670	59.085		0	0		
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD		71.850	57.587	3.039		0	0		
II	NHIỆM VỤ			8.147	0	1.310	6.837	0	0	8.138	
1	Chương trình phát triển đô thị xã Tú Lệ huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến 2030.	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2394/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện	1.020			1.020			1.006	
2	Chương trình phát triển đô thị xã Cát Thịnh huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến 2030.	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2396/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện	608			608			603	
3	Chương trình phát triển đô thị xã Tân Thịnh huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến 2030.	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2397/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện	510			510			503	
4	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Nông trường Liên Sơn huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2393/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện	457			457			465	
5	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Nông trường Trần Phú huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2395/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện	493			493			501	
6	Đề án đề nghị công nhận thị trấn nông trường Liên Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V.	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2392/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện	491			491			492	
7	Đề án đề nghị công nhận thị trấn nông trường Trần Phú, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V.	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2391/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND huyện	491			491			492	
8	Đề án đề nghị công nhận xã Cát Thịnh huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2773/QĐ-UBND ngày 19/09/2023 của UBND huyện	500			500			500	
9	Đề án đề nghị công nhận xã Tân Thịnh huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2772/QĐ-UBND ngày 19/09/2023 của UBND huyện	500			500			500	
10	Đề án đề nghị công nhận xã Tú Lệ huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	2771/QĐ-UBND ngày 19/09/2023	500			500			500	
11	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chương trình phát triển đô thị xã Tú Lệ huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	648/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	503		259	244			503	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
12	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chương trình phát triển đô thị xã Cát Thịnh huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	649/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	603		309	294			603	
13	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chương trình phát triển đô thị xã Tân Thịnh huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	650/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	503		259	244			503	
14	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chương trình phát triển đô thị TTNT Liên Sơn huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	651/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	465		232	233			465	
15	Phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Chương trình phát triển đô thị TTNT Trần Phú huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2030, định hướng đến năm 2030	Phòng Kinh Tế - Hạ Tầng	652/QĐ-UBND ngày 21/4/2022	501		250	251			501	
III	DỰ ÁN			871.927	109.232	316.260	425.386	21.049	108.802	448.454	
III.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			681.757	18.161	259.936	390.261	13.399	108.802	417.043	
1	Đường Ngõ xóm Bản nước nóng, bản Côm, Bản Chao xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	334/QĐ-UBND ngày 31/3/2020	2.600			2.600		830	1.728	
2	Hệ thống thoát nước và đường 2 đầu cầu thông Chiềng Păn, xã Gia Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3621/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	750			750		576	161	
3	Sửa chữa cầu treo Làng Hua xã Suối Bu	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn								136	
4	Sửa chữa cầu treo Bản Chao xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn								93	
5	Trường PTDT BT TH&THCS Suối Giàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2943/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	4.950			4.950		2.223	2.698	
6	Trường MN Tú Lệ (GD1)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2917/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.000			2.000		1.020	970	
7	Trường TH&THCS Suối Quyền	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2938/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.100			4.100		2.300	1.590	
8	Trường MN Nậm Búng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2927/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.700			2.700		980	1.697	
9	Trường MN Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	108/QĐ-BQL ngày 25/2/2020	4.500			4.500		1.620	2.586	
10	Trường THCS Nghĩa Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2923/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.500			3.500		1.560	1.828	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
11	Trường MN Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2941/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.500			4.500		2.420	2.049	
12	Trường PTDTBT THCS Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2915/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.500			2.500		900	1.576	
13	Trường TH Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2908/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.000			2.000		1.020	869	
14	Trường PTDTBT TH Nậm Lành	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2932/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	900			900		620	248	
15	Trường mầm non Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2914/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.300			3.300		1.690	1.592	
16	Trường TH&THCS Văn Tiên	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2919/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	2.300			2.300		1.470	778	
17	Trường PTDTBT TH Sơn Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2922/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.000			4.000		1.440	1.432	
18	Trường Mầm Non Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2910/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.700			3.700		2.030	1.368	
19	Trường MN Sơn Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2991/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.500			3.500		1.120	2.046	
20	Trạm y tế xã Nậm Lành	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2936/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	300			300		120	107	
21	Hệ thống chiếu sáng trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2094b/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.500			3.500		1.650	1.572	
22	Trụ sở TTNT Liên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2925/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	3.000			3.000		1.410	1.531	
23	Trụ sở xã Suối Giàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2943b/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.990			4.990		1.838	3.120	
24	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ Huyện ủy; HĐND-UBND; Nhà văn hóa và Nhà khách huyện.	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	581b/QĐ-UBND ngày 02/6/2020	1.500			1.500		680	788	
25	Cải tạo, sửa chữa nhà khách UBND huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2944/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	900			900		497	372	
26	Nhà văn hóa xã Suối Bu	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2946/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.500			2.500		920	1.569	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
		Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện								
27	Nhà văn hóa thôn Giàng cái, xã Nậm Lành	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2935/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	700			700		260	425	
28	Đường thôn Tành Hanh đi thôn Nà La, xã Sơn Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1953/QĐ-UBND ngày 03/8/2020	1.500	1.200		300		1.200	290	
29	Sửa chữa thủy lợi Bản Giồng xã Sơn Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		500	411		89			89	
30	Đường thôn Thanh Tú, Bằng Là 1, Khe Đồng xã Đại Lịch	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		1.674	586		251	837		251	
31	Đường thôn Văm, Trung Tâm, Thăm, Đá Đỏ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		1.410	492		211	707		211	
32	Đường thôn Mạ Tun	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		1.208	422		181	605		181	
33	Đường vào suối nước nóng Bản Bon, xã Sơn A	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2030/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	10.800		5.000	2.000	3.800	8.196	5.622	
34	Trường Phổ thông dân tộc bán trú tiểu học An Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1241/QĐ-UBND ngày 20/5/2019	3.000		1.562	1.438		2.239	700	
35	Trường tiểu học Tú Lệ, xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1150/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	4.999		3.104	1.895		4.155	593	
36	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Nậm Mười, xã Nậm Mười	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1154/QĐ-UBND ngày 15/5/2019	4.500		1.696	2.804		2.591	1.777	
37	Trường Tiểu học và trung học cơ sở Thượng Bằng La	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	700/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	4.990		2.500	2.490		3.398	1.470	
38	Trường MN Liên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2933/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	2.800		1.400	1.400		1.156	879	
39	Trường trung học cơ sở Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	709/QĐ-UBND ngày 26/3/2020	7.000		4.950	2.050		5.740	1.027	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
40	Trường TH&THCS Nghĩa Sơn (cấp học phổ thông)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	701/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	1.500		666	834		0	266	
41	Trường Tiểu học Nậm Búng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	700/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	4.000		2.600	1.400		3.100	893	
42	Di chuyển khẩn cấp, bố trí dân cư vùng thiên tai, lũ ống, lũ quét và sạt lở đất huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1378/QĐ-UBND ngày 02/8/2019; 1597/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	16.639	10.000	2.754	3.885		11.000	5.603	
43	Di dân thôn Bản Cại, xã Thạch Lương, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3203/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	12.000		10.000	2.000		8.055	3.926	
44	Sửa chữa, nâng cấp CT trụ sở làm việc Huyện ủy,HĐND, UBND huyện và Hội trường NVH huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3007/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	10.000		4.500	5.500		8.430	1.461	
45	Trụ sở xã An Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2921/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	4.000		1.000	3.000		2.110	1.440	
46	Trụ sở TTNT Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2948/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	5.000		1.500	3.500		3.300	1.609	
47	Thủy lợi thôn Bản Phạ, xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1428/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	1.000		700	300		700	289	
48	Thủy lợi thôn Bản Van, xã Gia Hội	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1429/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	1.000		700	300		700	286	
49	Thủy lợi thôn Nậm Pươi, xã Nậm Búng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1430/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	1.000		700	300		700	283	
50	Thủy lợi thôn Bản Tánh Hanh, xã Sơn Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1431/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	600		420	180		420	178	
51	Thủy lợi Nậm Cài, xã Nậm Lành	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1432/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	900		630	270		630	263	
52	Thủy lợi thôn Bản Bè, xã Nghĩa sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1433/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	700		490	210		490	147	
53	CT thủy lợi Suối Lau thôn Gốc Báng, xã Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1434/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	685		480	206		480	169	
54	CT thủy lợi Suối Dao thôn Nà Trăm, xã Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1435/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	730		511	219		510	215	
55	CT thủy lợi Ông Tuyên thôn Bản Hốc, xã Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1436/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	340		238	102		238	89	
56	XD kênh mương nội đồng thôn Ao Sen, xã Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	4848/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.300		1.150		1.150	0		

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
57	Rãnh hộp thoát nước thôn Phạ Dưới, xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 2614/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	450			450		0	437	
58	Công trình thoát nước tổ dân phố số 6, thị trấn nông trường Liên Sơn		856/QĐ-UBND ngày 05/4/2023	3.500		3.500					
59	Cầu tổ dân phố 7, TTNT Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3181/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.300			2.300		0	2.290	
60	Cầu bần thôn Đá Gân, xã Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	631/QĐ-UBND ngày 31/3/2021	3.300			3.300		0	3.245	
61	Sửa chữa cầu treo thôn Ngõa, xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 3183/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.200			1.200		0	1.110	
62	Sửa chữa cầu treo thôn Dù, xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	193/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	1.200			1.200		0	1.074	
63	Sửa chữa cầu treo thôn Luát, xã Nghĩa Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 3184/QĐ-UBND ngày 30/10/2000	500			500		0	495	
64	Cải tạo, nâng cấp trục đường B và một số nhánh trung tâm huyện	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	753/QĐ-UBND ngày 12/04/2021	4.970		4.970			0		
65	Cải tạo, nâng cấp trục đường C, trục D và một số tuyến trên địa bàn thị trấn Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	863/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2021 của tỉnh	9.500		9.500			0		
66	Cải tạo nâng cấp trục đường B và trục đường C (Hạng mục mở rộng mặt đường và hệ thống rãnh hộp, thăm atphan mặt đường trục B)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	161/QĐ-BQL ngày 05/04/2022	3.000		3.000			0		
67	Cải tạo nâng cấp trục đường từ cầu Treo Thác Hoa 3 - Đồng Ban đến công ty Đông dược Thế Gia (Hạng mục: Nâng cấp mặt đường hoàn thiện hệ thống rãnh hộp)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	547b/QĐ-BQL ngày 02/10/2022	3.719		3.719			0		
68	Đường đến trung tâm xã Sơn Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3180/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.500			2.500		750	2.474	
69	Đường chợ Đại Lịch	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3179/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.500			1.500		450	1.147	
70	Đường tránh ngập huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		2.500	2.500				0		
71	Đường vào trường bần huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1093/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2023	1.200			1.200		0	1.175	
72	Cầu thôn Ngõa xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1324/QĐ-UBND ngày 22/5/2023	1.500			1.500		0	1.474	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
73	Cầu dân sinh thôn Kiến Thịnh 2 đi thôn Cao 1 (5m)	xã Chấn Thịnh	4100/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	464			232	232		232	
74	Cầu dân sinh thôn Kiến Thịnh 2 đi thôn Cao 1 (4m)	xã Chấn Thịnh	4100/QĐ-UBND ngày 03/11/2021	350			175	175		175	
75	Cầu dân sinh thôn Thanh Tú xã Đại Lịch	xã Chấn Thịnh	3383/QĐ-UBND ngày 10/9/2021	454			227	227		227	
76	Cầu dân sinh thôn Khe Mơ xã Đại Lịch	xã Chấn Thịnh	977/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	299			150	149		150	
77	Kè sạt lở đường Nghĩa Tâm - Trung Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1782 ngày 18/8/2022	500			500		0	477	
78	Trường mầm non Tú Lệ (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	QĐ ĐC 1860 ngày 23/7/2021	1.500			1.500		0	1.494	
79	Trường tiểu học Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3191/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.700			4.700		0	4.670	
80	Trường Phổ thông DTNT THCS huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2718/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	6.400			6.400		0	6.367	
81	Trường THCS Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3187/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	550			550		0	545	
82	Trường MN Minh An (Điểm trường thôn Đồng Què)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 570/QĐ-UBND ngày 02/4/2021	3.700			3.700		0	3.666	
83	Xây dựng mới nhà vệ sinh trường THCS Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	344 ngày 06/4/2022	700			700		0	682	
84	Trường Mầm non Ba Khe (điểm trường trung tâm)		2544/QĐ-UBND ngày 04/9/2024							120	
85	Kè bảo vệ đường xuống Trạm y tế, hồ điều hòa xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	290 ngày 25/3/2022	2.800			2.800		0	2.760	
86	Kè chợ Tân Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1643/QĐ-UBND ngày 5/6/2023	2.500			2.500		0	2.421	
87	Chợ xã Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3185/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.500			2.500		750	2.470	
88	Di chuyển đường điện 35KV để xây dựng trụ sở thị trấn Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3198/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020	1.200			1.200		0	1.070	
89	Di chuyển đường điện thôn Đá Gân, xã Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	463/QĐ-UBND ngày 10/5/2022	300			300		0	296	
90	Quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Đồng Khê đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2999 ngày 18/11/2022	500			500		0	486	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
91	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Đại Lịch	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1866/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	500			500		0	482	
92	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Nghĩa Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2029/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	500			500		0	481	
93	Nhà ở chiến sĩ BCHQS huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2689 ngày 03/8/2021	2.600			2.600		0	2.591	
94	Cải tạo, sửa chữa nhà hội trường xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3196/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	800			800		0	740	
95	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	176/QĐ-UBND ngày 01/02/2021	4.970		4.970			0		
96	Nhà văn hóa thôn Đồng Thập xã Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3193/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	800			800		0	798	
97	Nhà văn hóa thôn Bàn Chao, xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3197/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.000			1.000		0	981	
98	Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học cũ trường tiểu học Minh An (điểm trường thôn Khe Phưa) thành nhà văn hóa thôn An Thái, xã Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	762/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	700			700		0	694	
99	Bổ sung hạng mục phụ trợ công trình nhà văn hóa xã Suối Giăng (công trình vệ sinh)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	347/QĐ-UBND 08/4/2022	300			300		0	293	
100	Nhà văn hóa Đồng Bản xã Tân Thịnh	Xã Tân Thịnh	557/QĐ-UBND ngày 17/03/2023	400			400			400	
101	Nhà văn hóa Tổ dân phố 1 TTNT Liên Sơn	TTNT Liên Sơn	557/QĐ-UBND ngày 17/03/2023	400			400			400	
102	Đường đến trung tâm xã Suối Quyền	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	346/QĐ-BQL ngày 03/6/2021	28.700		14.350	14.350		6.000	27.982	
103	Cải tạo, nâng cấp đường Nghĩa Tâm - Trung Sơn, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 91/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	79.000		55.300	23.700		0	72.733	
104	Cầu thôn Khe Kẹn, xã Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	465 ngày 12/5/2022	1.000			483	517	0	483	
105	Trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3176/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	6.000		3.000	3.000		0	2.891	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
106	Trường mầm non Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3174/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.990		2.140	2.850		0	3.787	
107	Trường tiểu học Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3175/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.600		1.800	1.800		0	2.324	
108	Trường tiểu học và trung học cơ sở Liên Sơn (đầu tư cấp THCS)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3177/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	7.560		3.780	3.780		0	4.690	
109	Trường tiểu học Minh An (Điểm trường Đồng Quê)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	759/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	2.000		1.000	1.000		0	1.958	
110	Trường tiểu học Minh An (Điểm trường chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	760/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	4.000		2.000	2.000		0	2.974	
111	Trường trung học cơ sở Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	761/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	4.990		2.495	2.495		0	3.616	
112	Trường tiểu học Tú Lệ (điểm thôn Phạ Dưới)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	763/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	4.600		2.300	2.300		0	3.786	
113	Trường trung học cơ sở Tú Lệ	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	764/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	6.000		3.000	3.000		0	3.954	
114	Trường Mầm non Sùng Đô, xã Sùng Đô, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	164/QĐ-UBND ngày 09/2/2022	12.000		7.200	4.800		0	11.440	
115	Trường Mầm non Gia Hội, xã Gia Hội, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	595/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	9.300		5.580	3.720		0	9.046	
116	Trường MN Nậm Búng (điểm trường chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1347/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	4.500		2.700	1.800		0	3.853	
117	Trường MN Nậm Búng (điểm Sài lương)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1348/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	4.990		2.994	1.996		0	4.779	
118	Trường Mầm non Suối Giàng (Điểm trường Trung tâm)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1349/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	3.000		1.800	1.200		0	2.925	
119	Trường Trung học cơ sở Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	300/QĐ-UBND ngày 01/03/2023	6.000			1.000	5.000	0	860	
120	Thủy lợi Khe Đắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	236/QĐ-UBND ngày 03/3/2022; 499/UBND-XD ngày 07/04/2023	2.000		1.200	800		0	1.909	
121	Thủy lợi thôn Liên Thành - Đồng Quê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	238/QĐ-UBND ngày 03/3/2022; 499/UBND-XD ngày 07/04/2023	1.000		600	400		0	931	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
122	Thủy lợi Ba Khe, xã Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	237/QĐ-UBND ngày 03/3/2022;499/UBND-XD ngày 07/04/2023	1.833		1.100	733		0	1.694	
123	Công trình thủy lợi xã Tân Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1209/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	1.000		600	400		0	936	
124	Công trình thủy lợi xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1210/QĐ-UBND ngày 05/5/2023	1.000		600	400		0	927	
125	Thủy lợi Khe Luát xã Nghĩa Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1211/QĐ-UBND ngày 5/5/2023	1.000		600	400		0	865	
126	Quy hoạch chung thị trấn Sơn Thịnh và vùng phụ cận đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1508 ngày 05/9/2022	3.628		1.814	1.814		0	3.526	
127	Trụ sở xã Suối Giàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	365/QĐ-BQL ngày 15/04/2022	3.000		1.500	1.500		0	2.965	
128	Trụ sở thị trấn nông trường Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	366/QĐ-BQL ngày 15/04/2022	3.000		1.500	1.500		0	2.966	
129	Trụ sở thị trấn Sơn Thịnh (GD 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2490/QĐ-UBND ngày 15/10/2000	4.990		2.000	2.990		0	4.977	
130	Trụ sở thị trấn Sơn Thịnh (GD 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1350/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	6.000		3.600	2.400		0	5.548	
131	San tạo mặt bằng trụ sở thị trấn Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3188 ngày 30/10/2020	400			400		120	399	
132	Tru sở xã Thượng Bằng La	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 2614/QĐ-UBND ngày 25/9/2000	4.990		1.500	3.490		0	4.981	
133	XD nhà văn hóa xã kết hợp nhà làm việc đoàn thể xã Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	570/QĐ-UBND ngày 02/4/2021	3.250		1.625	1.625		0	3.242	
134	Nhà văn hóa thôn Giàng B xã Suối Giàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3228/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	400			400		0	870	
135	Quy hoạch chung xây dựng xã Bình Thuận đến năm 2030	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1177/QĐ-UBND ngày 7/7/2023	220	150		70			217	
136	Quy hoạch chung xây dựng xã Nậm Lành đến năm 2030	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1158/QĐ-UBND ngày 4/7/2022	220	150		70			217	
137	Quy hoạch chung xây dựng xã Nậm Búng đến năm 2030	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1159/QĐ-UBND ngày 4/7/2022	220	150		70			217	
138	Quy hoạch chung xây dựng xã Đồng Khê đến năm 2030	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1178/QĐ-UBND ngày 7/7/2023	220	150		70			217	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
139	Quy hoạch chung xây dựng xã Nghĩa Tâm đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1864/QĐ-UBND ngày 27/06/2023	220	150		70			217	
140	Quy hoạch chung xây dựng xã Thượng Bằng La đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2655/QĐ-UBND ngày 09/9/2023	220	150		70			217	
141	Quy hoạch chung xây dựng xã Đại Lịch đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1863/QĐ-UBND ngày 27/06/2023	220	150		70			217	
142	Quy hoạch chung xây dựng xã Chấn Thịnh đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2656/QĐ-UBND ngày 09/9/2023	220	150		70			217	
143	Quy hoạch chung xây dựng xã Sơn Lương đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1863/QĐ-UBND ngày 27/06/2023	220	150		70			217	
144	Quy hoạch chung xây dựng xã Minh An đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2657/QĐ-UBND ngày 09/9/2023	220	150		70			217	
145	Quy hoạch chung xây dựng xã An Lương đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2455/QĐ-UBND ngày 21/8/2023	220	150		70			217	
146	Quy hoạch chung xây dựng xã Nậm Mười đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2589/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	220	150		70			217	
147	Quy hoạch chung xây dựng xã Suối Giàng đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2586/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	220	150		70			217	
148	Quy hoạch chung xây dựng xã Nghĩa Sơn đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2590/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	220	150		70			217	
149	Quy hoạch chung xây dựng xã Sùng Đô đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2591/QĐ-UBND ngày 31/08/2023	220	150		70			217	
150	Quy hoạch chung xây dựng xã Suối Quyền đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2587/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	220	150		70			217	
151	Quy hoạch chung xây dựng xã Suối Bu đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2588/QĐ-UBND ngày 31/8/2023	220	150		70			217	
152	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Đồng Bản, xã Tân Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 676/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	14.990			14.990			14.534	
153	Xây dựng khu đô thị mới tại tổ dân phố Đồng Ban, thị trấn Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 659/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	8.000			8.000			7.768	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
154	Phát triển quỹ đất dân cư thôn Khe Hà, xã Tân Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 677/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	4.550			4.550			3.633	
155	Phát triển quỹ đất dân cư tại tổ dân phố Hồng Sơn, thị trấn Sơn Thịnh,	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 1539/QĐ-UBND ngày 16/6/2021	4.000			4.000			2.986	
156	Cầu Sơn Thịnh, thị trấn Sơn Thịnh (Hạng mục GPMB)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 08/QĐ-UBND ngày 06/01/2023	5.000			5.000			4.741	
157	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Cao 2, xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 660/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	14.990			14.990			12.995	
158	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Kiến Thịnh 1 xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 1762/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	106			106			41	
159	Dự án chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Phiêng 1, TT Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 1763/QĐ-UBND ngày 22/6/2023	1.700			1.700			1.603	
160	Dự án chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Trung Tâm, TTNT Trần Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 709/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	270			270			270	
161	Dự án phát triển quỹ đất dân cư thôn Mâm 1, xã An Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 644/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	6.000			6.000			5.964	
162	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Trung Tâm (khu số 1) xã Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 2025/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	5.000			5.000			4.013	
163	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn tại Bàn Giồng, xã Sơn Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 708/QĐ-UBND ngày 28/3/2023	300			300			167	
164	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Kang Kỳ, xã Suối Giàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 1720/QĐ-UBND ngày 02/7/2021	8.442			8.442			6.173	
165	Công trình PTQĐ dân cư thôn Khe hà xã Tân Thịnh (khu 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1293/QĐ-UBND ngày 18/5/2020; 2913/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	3.500		893	2.607			491	
166	Phát triển quỹ đất dân cư thôn 5, xã Tân Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2694/QĐ -UBND ngày 17/9/2018; 1471/QĐ-UBND ngày 10/6/2019	2.851			2.851			346	
167	Phát triển quỹ đất dân cư thôn 13, xã Tân Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2692/QĐ - UBND ngày 17/9/2018	800			800			752	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân	Vốn ngân					
				sách	sách tỉnh	sách huyện					
				trung							
				ương							
168	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại Bản Noong Ổ, xã Phù Nham (Khu 2).	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1182/QĐ -UBND ngày 31/10/2017; 1198/QĐ-UBND ngày 22/11/2017	2.757		2.757				1.380	
169	Xây dựng khu dân cư nông thôn mới Bản Lọng, xã Phù Nham	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1183/QĐ -UBND ngày 31/10/2017; QĐ 1919/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	4.999		4.999				4.542	
170	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại xã Đại Lịch	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	QĐ 396/QĐ-UBND ngày 11/8/2017; QĐ 1918/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	4.984		4.984				4.821	
171	Phát triển quỹ đất dân cư thôn Chùa 2 xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2692/QĐ -UBND ngày 17/9/2018	3.120		3.120				3.120	
172	Xây dựng khu dân cư nông thôn tại thôn Bản Hốc, xã Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2692/QĐ- UBND ngày 17/9/2018	68		68				168	
173	Phát triển quỹ đất dân cư tại thôn Ba Khe (Khu 3), xã Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2692/QĐ - UB ND ngày 17/9/2018	74		74				74	
174	Xây dựng khu dân cư tại tổ dân phố Hà Thịnh, thị trấn Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2692/QĐ-U BND ngày 17/9/2018	224		224				224	
175	Phát triển quỹ đất dân cư thôn Chùa 2 xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1293/ QĐ-UBND ngày 18/5/2020; 2913/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	3.000		3.000				206	
176	XD khu dân cư nông thôn tại thôn Vũ Thịnh xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2694/QĐ-UBND ngày 17/9/2018; 1471/QĐ-UBND ngày 10/6/2019	3.000		3.000				3.000	
177	XD khu dân cư TDP Hà Thịnh TT Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2692/QĐ-UBND ngày 17/9/2018	5.800		5.800				5.800	
178	XD khu dân cư thôn Bản Hốc xã Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1182/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 1198/QĐ-UBND ngày 22/11/2017	4.500		4.500				4.500	
179	Phát triển quỹ đất thôn Ba Khe (khu 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1183/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; QĐ 1919/QĐ-UBND ngày 06/8/2018	2.000		2.000				2.000	
180	Đề án GTNT huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		72.080	0	50.455	21.625	0	0		
III.2	Dự án đã hoàn thành nhưng chưa phê duyệt quyết toán	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		30.837	2.921	10.031	17.885	0	0	5.371	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
1	Cải tạo, mở rộng đường Nậm Lành	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1904/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	1.500			1.500		0	1.404	
2	Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm OCOP huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2829/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	1.200			1.200		0	1.200	
3	Quy chế kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	838/UBND-XD ngày 12/6/2024	60			60		0	60	
4	Quy chế kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Thượng Bằng La	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	838/UBND- XD ngày 12/6/2024	60			60		0	60	
5	Sửa chữa công trình cấp nước thôn Giàng B, xã Suối Giàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2441/ngày 26/8/2024	2.921	2.921						
6	Dự án phát triển quỹ đất dân cư thôn Mảm 1, xã An Lương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	Số 644 /QĐ-UBND ngày 28/3/2023	6.000			6.000		0		
7	Dự án Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1973/QĐ-UBND ngày 10/10/2022	2.802		1.401	1.401			2.647	
8	Lập Kế hoạch sử dụng đất 2022 huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2995/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	563			563				
9	Lập Kế hoạch sử dụng đất 2023 huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1593/QĐ-UBND ngày 01/8/2022	913			913				
10	Thông kê đất đai cấp xã, huyện năm 2021 huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3777/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	255			255				
11	Thông kê đất đai cấp xã, huyện năm 2022 huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3257/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	281			281				
12	Lập Kế hoạch sử dụng đất 2024 huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	2394/QĐ-UBND ngày 10/8/2023	1.370			1.370				
13	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện hời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	354/QĐ-UBND ngày 13/4/2022	582			582				
14	Đường giao thông nông thôn xã Chán Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	69 /QĐ-UBND ngày 20/01/2022	575		403	173				
15	Đường giao thông nông thôn Quăn 4, Trung Tâm, Đất Tờ, Kiến Rĩa xã Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1237/ QĐ-UBND ngày 14/7/2022	1.670		1.169	501				
16	Đường giao thông nông thôn Đồng Hào, Buông; Rẹ 1,2; Chiềng xã Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1237/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	1.507		1.055	452				
17	Đường giao thông nông thôn Chiềng, Quăn 4; Rẹ 1 xã Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1237/QĐ- UBND ngày 14/7/2022	480		336	144				
18	Công trình đường bê tông TDP Sơn Lệnh TT Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	69/QĐ-UBN D ngày 20/01/2022	462		324	139				

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
19	Công trình đường thôn Đồng Hào; Rẽ 1; Quần xã Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	69/QĐ- UBND ngày 20/01/2022	1.300		910	390				
20	Công trình đường thôn Quần 4; Đất Tờ; Kiến Rịa; Buông; Chiềng xã Bình Thuận	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	69/QĐ-UBND ngày 20/ 01/2022	1.080		756	324				
21	Mở rộng đường thôn Nậm Cướm , thôn Nậm Chậu xã Nậm Búng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	69/QĐ-UBND ngày 20/01 /2022	390		273	117				
22	Đường thôn Nậm Cướm (Nhánh 3 Khu Tái định cư) xã Nậm Búng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	69/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	420		294	126				
23	Đường giao thông nông thôn thôn Vũ Thịnh, thôn Lạn, thôn Kiến Thịnh 2, thôn Cao 2, thôn Kiến Thịnh 1, thôn Bỏ Ba, thôn Chùa 2, thôn Dày 1, thôn Ao Lay, thôn Ngõa, thôn Cao 1, thôn Đù xã Chấn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	75 /QĐ-UBND ngày 02/2 /2023	1.919		1.343	576				
24	Đường giao thông nông thôn Văn thi 4, Suối Khoáng, Đồng Ban, Sơn Lọng, Thác Hoa, Thác Hoa 2, Thác Hoa 3 TT Sơn Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	75/QĐ-UBND ngày 02/2 /2023	874		612	262				
25	Đường giao thông nông thôn Nậm Chậu, thôn Sài Lương, thôn Nậm Pươi, thôn Chấn Hưng, thôn Nậm Cướm xã Nậm Búng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	75/QĐ-UBND ngày 02/2/2023	687		481	206				
26	Đường giao thông nông thôn thôn Kang Kỷ, Pang Cáng, Suối Lóp, Bản Mới xã Suối Giàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	262/QĐ-UBND ngày 29/2/2024	964		675	289				
III.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			151.833	88.150	44.793	11.240	7.650	0	20.040	
1	Quy hoạch chung xây dựng xã Cát Thịnh, huyện Văn Chấn đến năm 2035.	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1317 /QĐ-UBNDngày 09/8/2022	752		376	376		0	752	
2	Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Thịnh, huyện Văn Chấn đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1425 /QĐ-UBNDngày 19/8/2022	1.152		576	576		0	1.151	
3	Quy hoạch chung xây dựng xã Gia Hội, huyện Văn Chấn đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1820/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	1.295		648	647		0	1.295	
4	Quy hoạch chung xây dựng xã Tú Lệ, huyện Văn Chấn đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1819/QĐ-UBND ngày 12/10/2022	1.487		743	744		0	1.487	
5	Khắc phục khẩn cấp cầu Cạn Tao, thôn Vàng Ngàn xã Suối Quyền	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1381/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	4.500		4.500			0		
6	Khắc phục khẩn cấp Trường TH Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3458/QĐ-UBND ngày 22/11/2024	3.000		3.000			0		
7	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường trên địa bàn huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	832/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	4.950		4.950			0		

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
8	Đường từ quốc lộ 37 đi TTNT Trần Phú (GD2)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	515/QĐ-BQL ngày 23/11/2024	25.000		25.000			0		
9	Quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Minh An	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3836/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	492			492		0	492	
10	QH chi tiết điểm dân cư nông thôn xã Thượng Bằng La	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	838/UBND-XD ngày 12/6/2024	492			492		0	492	
11	Phát triển Nông nghiệp bền vững và giảm nghèo thông qua quản lý tốt hơn nguồn nước tại xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, sử dụng Quỹ đặc biệt Hợp tác Mê Công - Lan Thương	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	1631/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	7.650				7.650	0		
12	Di dân khẩn cấp thôn Suối Lóp, thôn Kang Kỳ, xã Suối Giàng, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	674/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	41.500	41.500				0	10.000	
13	Di dân khẩn cấp thôn Nà Nội, xã Sùng Đô, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	676/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	17.000	17.000				0	3.132	
14	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	544/QĐ-UBND ngày 28/03/2025	4.800	4.800				0		
15	Di dân tái định cư thôn Sài Lương 2, xã An Lương, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	479/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	14.850	14.850				0		
16	Di dân tái định cư thôn Sài Lương , xã Nậm Búng, huyện Văn Chấn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	539/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	10.000	10.000				0		
17	Đường giao thông nông thôn thôn Đồng Then, Đồng Quáo, Đát Quang, Đồng Mạn, Tân Phương, Đồng Bản, Tó, Trung Tâm, Khe Hả		3895/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	1.073		751	322				
18	Đường giao thông nông thôn thôn Vực Tuần, Khe Đắc, Khe Dĩa, Pín Pẻ, Ba Chum		3895/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	660		462	198				
19	Đường giao thông nông thôn thôn Làng Ca		3895/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	2.070		1.134	936				
20	Đường giao thông nông thôn thôn Vàng Ngàn, Suối Quyền, Suối Bó, Suối Bắc		3895/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	1.820		1.274	546				
21	Đường giao thông nông thôn thôn Bu Thấp, Bu Cao, Làng Hua, Ba Cầu		3895/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	1.645		1.022	623				
22	Đường giao thông nông thôn thôn Suối Dầm, Sài Lương 3		3895/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	510		357	153				

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
23	Dự án lập điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Văn Chấn	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	3228/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	850			850				
24	Dự án Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Văn Chấn	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2315/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	2.937			2.937				
25	Lập Kế hoạch sử dụng đất 2025 huyện Văn Chấn	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	2312/QĐ-UBND ngày 30/7/2024	1.348			1.348			1.239	
III.4	Dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư			7.500	0	1.500	6.000	0	0	6.000	
1	Nhà văn hóa thôn Pín Pé xã Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		900			900		0	900	
2	Nhà văn hóa thôn Làng Ca xã Cát Thịnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		900			900		0	900	
3	Nhà văn hóa thôn Vàng Ngần xã Suối Quyền	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		900			900		0	900	
4	Kè chống sạt lở trường MN Sùng Đô	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	3228/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	700			700		0	700	
5	Khắc phục khẩn cấp trường MN Đồng Khê	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn		1.500		1.500			0		
6	Công trình thoát nước suối thôn Buông số 1	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	753/QĐ-UBND ngày 11/4/2025; 1232/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	1.300			1.300		0	1.300	
7	Công trình thoát nước suối thôn Buông số 2	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Chấn	753/QĐ-UBND ngày 11/4/2025; 1240/QĐ-UBND ngày 16/5/2025	1.300			1.300		0	1.300	
K	THÀNH PHỐ YÊN BÁI			2.824.227	85.500	288.649	2.450.078	0	283.053	2.265.917	
I	CÁC DỰ ÁN			2.824.227	85.500	288.649	2.450.078	-	283.053	2.265.917	
I.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			1.485.378	-	-	1.485.378	-	277.122	962.584	
1	Đường từ QL 37 đến thôn Hai Luông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1022/QĐ-UBND, ngày 31/3/2020	9.690			9.690		6.409	2.778	
2	Kè chống sạt lở và thoát lũ suối Hào Gia (đoạn từ cổng chợ Km6 -:- cầu D1, đường Lê Lợi), thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 199/QĐ-UBND ngày 22/02/2018	101.240			101.240		92.812	6.834	
3	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc cơ quan Thành ủy	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1875/QĐ-UBND, ngày 15/6/2020	14.672			14.672		14.136	18	
4	Sửa chữa, cải tạo và mua sắm trang thiết bị một số công trình phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1875/QĐ-UBND, ngày 15/6/2020	13.000			13.000		12.678	212	
5	Khắc phục xử lý chống sạt lở và ngập úng một số tuyến giao thông trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2782/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	1.100			1.100		1.025	70	
6	Nhà lớp học trường tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2920/QĐ-UBND ngày 04/9/2020	5.478			5.478		1.378	3.890	
7	Cầu thôn Bảo Tân đi thôn Trục Bình, xã Minh Bảo	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3719/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	6.053			6.053		4.525	635	
8	Xây mới và sửa chữa, nâng cấp kênh mương thủy lợi xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1185/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	2.190			2.190		2.043	116	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
9	San tạo GPMB trung tâm văn hóa giáo dục cộng đồng khu dân cư Tân Nghĩa, P. Minh Tân, TP Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4753/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	2.099			2.099		1.925	48	
10	Cải tạo, nâng cấp Trường mầm non Yên Thịnh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3835/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	3.640			3.640		3.341	87	
11	Xây mới, cải tạo, sửa chữa công trình phụ trợ và sửa chữa nhà lớp học các trường MN, TH, TH&THCS công lập trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2162/QĐ-UBND, ngày 30/6/2020	4.660			4.660		4.447	65	
12	Sân vận động xã Giới Phiên	UBND xã Giới Phiên	Số 3251/QĐ-UBND, ngày 24/9/2020	2.456			2.456		2.202	134	
13	Điện trang trí, chiếu sáng công viên Yên Hòa; vườn hoa Hồng Hà; di tích mộ Nguyễn Thái Học và các chiến sỹ hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái và một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1958/QĐ-UBND, ngày 22/6/2020	9.960			9.960		8.360	1.000	
14	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống cầu, cống, rãnh thoát nước thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3827/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	8.000			8.000		5.925	1.870	
15	Cải tạo, nâng cấp đường Đá Bia, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2218/QĐ-UBND, ngày 06/7/2020	4.056			4.056		2.900	1.043	
16	Cải tạo, sửa chữa nhà thi đấu, thư viện rạp Hồng Hà, khán đài B sân vận động thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3815/QĐ-UBND ngày 02/11/2020	9.380			9.380		5.452	3.225	
17	Nhà lớp học bộ môn Trường THCS Nguyễn Du, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3833/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	7.339			7.339		5.000	1.914	
18	Đường vào UBND phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3837/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019	2.949			2.949		1.855	1.285	
19	Đường vào trường Mầm non, trường TH&THCS Âu Lâu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4908/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	14.975			14.975		3.400	5.963	
20	Cải tạo sửa chữa chợ Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1448/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	2.200			2.200		1.051	995	
21	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân Hương, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1774/QĐ-UBND ngày 04/6/2020	4.500			4.500		1.588	2.400	
22	Lát vỉa hè nhà khách Hào Gia và khu tưởng niệm Nguyễn Thái Học và các anh hùng hi sinh trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2325/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	9.950			9.950		6.679	2.944	
23	Chỉnh trang, trang trí phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2649/QĐ-UBND ngày 17/8/2020	4.215			4.215		2.000	739	
24	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường phố Nguyễn Du	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3761/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.194			2.194		991	1.160	
25	Quỹ đất dân cư tổ 28, phường Đồng Tâm, tổ 41, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 1415/QĐ-UBND ngày 29/4/2020	11.412			11.412		8.080	2.404	
26	Quỹ đất dân cư thôn Nước Mát, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái (giáp bến xe Nước Mát)	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 1586/QĐ-UBND ngày 20/5/2020	6.377			6.377		4.377	1.733	
27	Quỹ đất dân cư thôn Nước Mát, thôn Đồng Đình, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái (2 bên trục I kéo dài)	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 313/QĐ-UBND ngày 17/02/2020	11.649			11.649		8.650	2.074	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
28	Dự án phát triển quỹ đất hai bên đường trách ngập, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái (khu số 4, điểm 4C, 4D)	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 1478/QĐ-UBND, ngày 13/8/2019	12.688			12.688		7.023	3.089	
29	Quỹ đất dân cư tổ dân phố số 6 (khu vực Cầu Dài), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 5641/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	70.000			70.000		9.000	37.401	
30	Quỹ đất dân cư khu vực đường Cao Thắng (giao nhau giữa đường Cao Thắng và đường Yên Ninh), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 2217/QĐ-UBND ngày 18/8/2021; 3963/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	15.280			15.280		100	15.269	
31	Chỉnh trang, trồng bổ sung cây xanh khu vực công viên Yên Hòa và một số tuyến phố trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3604/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.000			3.000		100	2.843	
32	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp hành lang, vỉa hè và công trình thoát nước đường Lý Đạo Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 883/QĐ-UBND ngày 05/5/2021	13.500			13.500		100	12.962	
33	Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp đường quanh bờ hồ Hào Gia	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4373/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	10.000			10.000		100	9.504	
34	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường hoa từ đường Nguyễn Tất Thành đi trung tâm huyện Yên Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4238/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	14.000			14.000		100	13.791	
35	Điện trang trí Tết Nguyên đán năm 2021, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4327/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	5.325			5.325		100	5.024	
36	Cải tạo, sửa chữa điện trang trí một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4374/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	1.000			1.000		50	819	
37	Quy hoạch phân khu phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố Yên Bái	Số 1943/QĐ-UBND ngày 19/6/2020	2.629			2.629		897	1.077	
38	Quy hoạch phân khu phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố Yên Bái	Số 2276/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	2.219			2.219		800	913	
39	Quy hoạch phân khu phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố Yên Bái	Số 2279/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	2.886			2.886		1.000	1.146	
40	Quy hoạch phân khu phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố Yên Bái	Số 2280/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	1.763			1.763		700	639	
41	Quy hoạch phân khu xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố Yên Bái	Số 2277/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	2.980			2.980		1.000	1.227	
42	Quy hoạch phân khu xã Văn Phú, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố Yên Bái	Số 2278/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	3.438			3.438		1.200	1.340	
43	Quy hoạch phân khu xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố Yên Bái	Số 2281/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	2.930			2.930		1.000	1.195	
44	Xây dựng tường rào bảo vệ trụ sở Ban chỉ huy quân sự thành phố Yên Bái	Ban chỉ huy quân sự thành phố Yên Bái	Số 4180/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	1.200			1.200		100	1.053	
45	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực đầu cầu Bách Lãm, phường Yên Ninh	UBND phường Yên Ninh	Số 4349/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	1.380			1.380		200	758	
46	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố số 15, phường Nguyễn Thái Học	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 4629/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	3.700			3.700		200	3.040	
47	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố Phúc Thọ, phường Nguyễn Phúc	UBND phường Nguyễn Phúc	Số 3971/QĐ-UBND ngày 16/11/2020	705			705		120	555	
48	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố số 03, phường Minh Tân	UBND phường Minh Tân	Số 4630/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	2.200			2.200		200	1.773	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
49	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố số 08, phường Minh Tân	UBND phường Minh Tân	Số 4631/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	1.200			1.200		100	1.141	
50	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực cầu Yên Bái, phường Hồng Hà	UBND phường Hồng Hà	Số 4176/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	677			677		250	412	
51	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố Đồng Phú, phường Nam Cường	UBND phường Nam Cường	Số 4300/QĐ-UBND ngày 03/12/2020	595			595		200	339	
52	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố số 14, phường Đồng Tâm	UBND phường Đồng Tâm	Số 4058/QĐ-UBND ngày 18/11/2020	300			300		150	132	
53	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa đa năng phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	UBND phường Đồng Tâm	Số 4632/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	1.236			1.236		200	1.030	
54	Cải tạo sân vận động phường tại tổ 5 và tiểu công viên tại khu vực tổ 3, phường Yên Thịnh	UBND phường Yên Thịnh	Số 4632/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	1.200			1.200		200	843	
55	Quy đất dân cư tổ 35 phường Đồng Tâm thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 2473/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	1.915			1.915		-	23	
56	Quy đất dân cư tổ 43 phường Nguyễn Phúc thành phố Yên Bái (sau xưởng gạch Xuân Lan)	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 5078/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018	3.600			3.600		-	49	
57	Dự án chỉnh lý hồ sơ địa chính thành phố Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Số 1046/QĐ-UBND ngày 08/4/2020	742			742		-	50	
58	Chỉnh lý lưu trữ và số hóa dữ liệu về quản lý đất đai trên địa bàn thành phố Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Số 4595/QĐ-UBND ngày 23/12/2020	3.736			3.736		-	3.706	
59	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục phụ trợ trụ sở phường Hợp Minh	UBND phường Hợp Minh	Số 4365/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	333			333		100	250	
60	Kho chứa trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống lụt bão thành phố Yên Bái	Ban chỉ huy quân sự thành phố Yên Bái	Số 3790/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	550			550		-	541	
61	Các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị phục vụ công tác của Ban chỉ huy quân sự thành phố Yên Bái	Ban chỉ huy quân sự thành phố Yên Bái	Số 1396/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	3.311			3.311		-	3.232	
62	Nhà làm việc Công an xã Tuy Lộc	Công an thành phố Yên Bái	Số 3020/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	2.818			2.818		-	2.698	
63	Sửa chữa, mua sắm thiết bị làm việc của lực lượng Công an thành phố	Công an thành phố Yên Bái	Số 3740/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	2.500			2.500		-	2.491	
64	Nhà làm việc Công an xã Minh Bảo	Công an thành phố Yên Bái	Số 1437/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	6.630			6.630		-	6.138	
65	Trụ sở công an xã Âu Lâu	Công an thành phố Yên Bái	Số 578/QĐ-UBND, ngày 26/02/2025	7.500			7.500		-	7.500	
66	Trường TH&THCS Tuy Lộc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 414/QĐ-UBND ngày 03/3/2021	22.000			22.000		-	21.921	
67	Trường TH Yên Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3423/QĐ-UBND ngày 02/11/2021	14.179			14.179		-	13.755	
68	Trường TH&THCS Văn Phú	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3779/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	10.000			10.000		-	9.537	
69	Trường THCS Lê Hồng Phong	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3778/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	10.682			10.682		-	10.525	
70	Trường TH&THCS Âu Lâu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1868/QĐ-UBND ngày 26/7/2021	6.300			6.300		-	6.234	
71	Mua sắm, máy móc, thiết bị giảng dạy các trường công lập trên địa bàn thành phố Yên Bái	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Yên Bái	Số 3743/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	6.700			6.700		-	6.573	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
72	Trường Tiểu học Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3757/QĐ-UBND ngày 10/12/2021	18.500			18.500		-	18.209	
73	Trường TH&THCS Tuy Lộc, thành phố Yên Bái (Hạng mục: Nhà phục vụ học tập và công trình phụ trợ)	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3193/QĐ-UBND ngày 06/9/2022	8.666			8.666		-	5.067	
74	Trường mầm non Hướng Dương, xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2986/QĐ-UBND, ngày 19/8/2022	3.625			3.625		-	3.590	
75	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non Ngọc Lan, xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3413/QĐ-UBND, ngày 16/8/2023; 559/QĐ-UBND ngày 01/03/2024	3.100			3.100		-	2.990	
76	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất một số trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 40/QĐ-UBND, ngày 06/01/2025	16.400			16.400		-	16.357	
77	Trường TH&THCS Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số5317/QĐ-UBND, ngày 20/11/2023	3.500			3.500		-	3.231	
78	Kè chống sạt lở khu vực Trường Tiểu học Yên Ninh (điểm trường số 1), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2865/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.300			1.300		-	819	
79	Cải tạo, sửa chữa các Trạm Y tế trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 5313/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	7.000			7.000		-	6.792	
80	Nhà văn hóa tổ 5, phường Nguyễn Thái Học	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 3782/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.500			3.500		-	3.384	
81	Nhà văn hóa đa năng phường Nguyễn Thái Học	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3783/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.000			5.000		-	4.871	
82	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Trăn Thanh, xã Tân Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1542/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	1.119			1.119		-	1.115	
83	Nhà văn hóa tổ 3, phường Minh Tân	UBND phường Minh Tân	Số 3781/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.000			3.000		-	2.779	
84	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp rạp Hồng Hà	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 195/QĐ-UBND ngày 28/1/2022	14.327			14.327		-	13.884	
85	Nhà văn hóa tổ 18, phường Đồng Tâm	UBND phường Đồng Tâm	Số 3794/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.950			2.950		-	2.767	
86	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 8, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	UBND phường Đồng Tâm	Số 2062/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	3.816			3.816		-	3.732	
87	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 14, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	UBND phường Đồng Tâm	Số 3523/QĐ-UBND ngày 09/11/2021	2.829			2.829		-	2.746	
88	Cải tạo, sửa chữa một số nhà văn hóa thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2336/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	10.000			10.000		-	9.646	
89	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa Tổ dân phố số 4	UBND phường Đồng Tâm	Số 1586/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	650			650		-	493	
90	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn Bình Lục (Nhà văn hóa xã Văn Tiến cũ)	UBND xã Văn Phú	Số 2206/QĐ-UBND ngày 17/8/2021	500			500		-	493	
91	Nhà văn hóa thôn Yên Minh, xã Minh Bảo	UBND xã Minh Bảo	Số 2240/QĐ-UBND ngày 19/8/2021	3.500			3.500		-	3.472	
92	Nhà văn hóa tổ 13, phường Yên Ninh	UBND phường Yên Ninh	Số 2261/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	5.000			5.000		-	4.743	
93	Nhà văn hóa Tổ dân phố Hồng Nam, phường Hồng Hà	UBND phường Hồng Hà	Số 2913/QĐ-UBND ngày 06/10/2021	4.000			4.000		-	3.862	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
94	Nhà văn hóa đa năng kết hợp xây dựng tiểu công viên, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	UBND phường Hợp Minh	Số 3027/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	4.500			4.500		-	4.317	
95	Nhà văn hóa tổ dân phố Hồng Thắng, phường Hồng Hà	UBND phường Hồng Hà	Số 2262/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	4.000			4.000		-	3.761	
96	Cải tạo, sửa chữa kết hợp giải phóng mặt bằng nhà văn hóa tổ 8, phường Yên Thịnh	UBND phường Yên Thịnh	Số 2263/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	1.220			1.220		-	1.202	
97	Nhà văn hóa thôn Xuân Lan, xã Tuy Lộc	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2264/QĐ-UBND ngày 23/8/2021	2.700			2.700		-	2.624	
98	Phát triển hệ thống thông tin, truyền thông theo hướng hiện đại	Trung tâm truyền thông văn hóa thành phố	Số 3786/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.000			2.000		-	1.946	
99	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 6, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2044/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	13.000			13.000		-	12.719	
100	Nhà văn hóa thôn Cửa Ngòi, xã Âu Lâu	UBND xã Âu Lâu	Số 2981/QĐ-UBND, ngày 19/8/2022	3.000			3.000		-	2.214	
101	Nhà văn hóa Tổ dân phố Phúc Thọ, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Phúc	Số 3769/QĐ-UBND, ngày 12/9/2023	4.000			4.000		-	3.967	
102	Nhà văn hóa thôn Ngòi Châu, xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái	UBND xã Giới Phiên	Số 1667/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	5.350			5.350		-	5.296	
103	Nhà văn hóa thôn Ngòi Đông	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1562/QĐ-UBND ngày 28/4/2023	3.700			3.700		-	2.950	
104	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử Đình Giới Phiên, xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái	UBND xã Giới Phiên	Số 2310/QĐ-UBND ngày 06/12/2023	7.000			7.000		-	6.786	
105	Nhà văn hóa tổ dân phố số 7, phường Yên Ninh	UBND phường Yên Ninh	Số 100/QĐ-UBND, ngày 10/01/2023	2.925			2.925		-	2.850	
106	Nhà văn hóa tổ dân phố số 11, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	UBND phường Yên Ninh	Số 2588/QĐ-UBND, ngày 21/6/2023	4.500			4.500		-	4.307	
107	Nhà văn hóa thôn Thanh Lương, xã Tân Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 5228/QĐ-UBND, ngày 27/12/2022	3.000			3.000		-	2.177	
108	Nhà văn hóa đa năng phường Nam Cường, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1456/QĐ-UBND, ngày 24/4/2023	5.000			5.000		-	4.775	
109	Nhà văn hóa tổ dân phố số 4 phường Yên Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 54/QĐ-UBND, ngày 06/01/2023	3.500			3.500		-	3.366	
110	Nhà văn hóa thôn Cống Đá, xã Âu Lâu	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4988/QĐ-UBND, ngày 15/12/2022	3.800			3.800		-	3.650	
111	Nhà văn hóa thôn Bình Sơn, xã Văn Phú	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 330/QĐ-UBND, ngày 09/02/2023	3.300			3.300		-	3.146	
112	Chỉnh trang cảnh quan khu vực hồ Thiệu Nhi và hồ Hào Gia, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4461/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	14.900			14.900		-	14.462	
113	Nhà văn hóa tổ dân phố số 4, phường Đồng Tâm	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 363/QĐ-UBND, ngày 14/02/2023	3.850			3.850		-	3.508	
114	Nhà văn hóa thôn Thanh Giang, xã Âu Lâu	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 5227/QĐ-UBND ngày 27/12/2023	3.500			3.500		-	2.715	
115	Sửa chữa nhà văn hóa phố Hồng Tân, phường Hồng Hà	UBND phường Hồng Hà	Số 4972/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	450			450		-	404	
116	Sửa chữa nhà bia tưởng niệm phường Hợp Minh	UBND phường Hợp Minh	Số 4632/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	450			450		-	439	
117	Tu bổ di tích lịch sử Bến Âu Lâu, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2279/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	14.999			14.999		-	5.351	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
118	Nhà văn hóa tổ dân phố Hồng Thái, phường Hồng Hà	UBND phường Hồng Hà	Số 3774/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	1.789			1.789		-	1.298	
119	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 11, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 3585/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	4.000			4.000		-	3.522	
120	Nhà văn hóa thôn Lưỡng Sơn, xã Văn Phú	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2982/QĐ-UBND, ngày 19/8/2022	3.000			3.000		-	2.201	
121	Nhà văn hóa thôn Lương Thịnh, xã Tân Thịnh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4907/QĐ-UBND, ngày 13/12/2022	4.000			4.000		-	3.899	
122	Các hạng mục phụ trợ phục vụ công tác truyền thông của rạp Hồng Hà, thành phố Yên Bái	UBND phường Hồng Hà	Số 2184/QĐ-UBND, ngày 30/5/2023	3.200			3.200		-	2.813	
123	Nhà văn hóa thôn Trần Ninh	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4414/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	3.000			3.000		-	2.199	
124	Nhà văn hóa thôn Thanh Hùng	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2980/QĐ-UBND, ngày 19/8/2022	3.000			3.000		-	2.206	
125	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tổ dân phố số 2 và Nhà văn hóa Tổ dân phố số 11, phường Yên Ninh	UBND phường Yên Ninh	Số 3395/QĐ-UBND, ngày 16/9/2022	353			353		-	350	
126	Nhà văn hóa tổ dân phố Nam Thọ, phường Nam Cường	UBND phường Nam Cường	Số 2039/QĐ-UBND, ngày 25/5/2023	4.000			4.000		-	3.893	
127	Nhà văn hóa thôn Bảo Tân, xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1893/QĐ-UBND, ngày 16/5/2023	4.000			4.000		-	3.517	
128	Các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị nhà văn hóa thôn Cửa Ngòi, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	UBND xã Âu Lâu	Số 3074/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023	920			920		-	853	
129	Trung tâm giáo dục cộng đồng xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2518/QĐ-UBND ngày 17/6/2024	4.213			4.213		-	1.133	
130	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số phường Minh Tân, thành phố Yên Bái	UBND phường Minh Tân	Số 3989/QĐ-UBND, ngày 22/9/2023	1.310			1.310		-	1.194	
131	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 3977/QĐ-UBND, ngày 22/9/2023	3.170			3.170		-	2.001	
132	Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	UBND phường Đồng Tâm	Số 3158/QĐ-UBND, ngày 28/7/2023	1.050			1.050		-	1.050	
133	Kè mái taluy nhà văn hoá tổ dân phố số 11 và cải tạo, nâng cấp tuyến đường vào nhà văn hoá đa năng tại tổ dân phố số 10, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 1305/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	769			769		-	769	
134	Các hạng mục phụ trợ và trang thiết bị nhà văn hóa thôn Lưỡng Sơn, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái	UBND xã Văn Phú	Số 4879/QĐ-UBND ngày 02/11/2023	1.500			1.500		-	1.452	
135	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp sân vận động xã Minh Bảo	UBND xã Minh Bảo	Số 3787/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.726			2.726		-	2.605	
136	Xây dựng sân luyện tập thể dục, thể thao kết hợp tuyến đường "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp" tại khu vực Tổ dân phố Cường Bắc	UBND phường Nam Cường	Số 2016/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	520			520			505	
137	Sân thể thao phường tại khu vực tổ dân phố số 01, phường Hợp Minh	UBND phường Hợp Minh	Số 4633/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	900			900		-	741	
138	Nhà thể thao trung tâm phường Minh Tân	UBND phường Minh Tân	Số 4551/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	900			900		-	837	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
139	Cải tạo, sửa chữa sân vận động thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2510/QĐ-UBND, ngày 15/6/2023	3.250			3.250		-	2.695	
140	Sân thể thao nhà văn hóa đa năng phường Nguyễn Thái Học	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 3345/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	523			523		-	200	
141	Đường nối đê bao đến trung tâm xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2806/QĐ-UBND ngày 09/7/2024	18.400			18.400		-	17.102	
142	Cải tạo, nâng cấp đường nối từ phường Yên Thịnh đến đường Thanh Liêm, xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3765/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.000			4.000		-	3.643	
143	Đường nối từ đường Lê Hồng Phong với đường kè hồ Hòa Bình, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3766/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.500			14.500		-	235	
144	Cải tạo, nâng cấp đường nội bộ khu đô thị Nguyễn Tất Thành, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	UBND phường Đồng Tâm	Số 3767/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.000			4.000	2.150		1.835	
145	Cải tạo, nâng cấp đường từ trung tâm xã Minh Bảo đi cầu Bảo Tân, xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3768/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	8.000			8.000		-	6.939	
146	Đường từ đường Thanh Liêm đến Dốc Đò thôn Bảo Yên, xã Minh Bảo	UBND xã Minh Bảo	Số 3035/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	800			800		-	487	
147	Cải tạo, nâng cấp đường Bến phà Âu Lâu, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3769/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	5.000			5.000		-	4.941	
148	Cải tạo, nâng cấp đường ngõ 379 nối từ đường Yên Ninh - đường Cường Bắc, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3771/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	2.364			2.364		-	2.355	
149	Cải tạo, nâng cấp đường Minh Khai, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3770/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.587			3.587		-	3.556	
150	Di dời, xây mới chợ Yên Thịnh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2938/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	28.989			28.989		-	28.212	
151	Sửa chữa, nâng cấp tiêu công viên Hồng Hà, thành phố Yên Bái	UBND phường Hồng Hà	Số 3775/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.000			4.000		-	3.164	
152	Xử lý ngập úng khu vực tổ 3, phường Nguyễn Thái Học và công thoát nước kết hợp đường vào nhà văn hóa tổ 6, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 3639/QĐ-UBND ngày 16/11/2021	560			560		-	519	
153	Trồng và thay thế cây xanh trên địa bàn thành phố	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3788/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.000			12.000		-	6.920	
154	Cải tạo, nâng cấp đường Tô Hiệu	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3793/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	1.479			1.479		-	1.434	
155	Cải tạo đường từ trung tâm xã Minh Bảo nối với Quốc lộ 70, xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1023/QĐ-UBND ngày 17/5/2021	14.500			14.500		-	14.344	
156	Cải tạo nâng cấp đường Thành Trung, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái.	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Số 3796/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	3.500			3.500		-	1.920	
157	Chỉnh trang, cải tạo hệ thống điện trang trí phục vụ Tết Nguyên đán năm 2022	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 780/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	7.624			7.624		-	7.475	
158	Chợ trung tâm Km4 thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3131/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	14.990			14.990		-	7.159	
159	Cầu qua suối Ngòi Lâu, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3075/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	30.000			30.000		-	11.936	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
160	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố	Số 2130/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	2.368			2.368		-	1.110	
161	Đề án phát triển giao thông nông thôn thành phố Yên Bái năm 2021	UBND các xã, phường	Số 1910/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	4.161			4.161		-	258	
162	Tiểu công viên khu vực Tổ dân phố Phúc Sơn - Phúc An	UBND phường Hồng Hà	Số 1437/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	550			550		-	250	
163	Tiểu công viên khu vực Tổ dân phố Phúc Xuân	UBND phường Hồng Hà	Số 2338/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	1.000			1.000		-	985	
164	Xây dựng khuôn viên cây xanh và sân luyện tập thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố số 3, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	UBND phường Hợp Minh	Số 2337/QĐ-UBND ngày 27/8/2021	500			500		-	50	
165	Nạo vét kè bờ sông và xây dựng sân thể dục, thể thao khu vực Tổ dân phố Hồng Thắng, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái	UBND phường Hồng Hà	Số 1971/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	499			499		-	446	
166	Xây dựng tiểu công viên kết hợp vui chơi, thể dục thể thao khu vực đầu cầu Bách Lãm	UBND phường Yên Ninh	Số 1765/QĐ-UBND ngày 14/7/2021	1.429			1.429		-	1.234	
167	Khu vui chơi kết hợp sân thể dục thể thao khu vực Tổ dân phố số 6	UBND phường Yên Ninh	Số 2317/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	500			500		-	50	
168	Tiểu công viên kết hợp sân thể thao nhà văn hóa đa năng phường Đồng Tâm	UBND phường Đồng Tâm	Số 4462/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	1.200			1.200		-	941	
169	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục thể thao thôn Bình Sơn	UBND xã Văn Phú	Số 4025/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	600			600		-	150	
170	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục thể thao Tổ dân phố số 2, phường Hợp Minh	UBND phường Hợp Minh	Số 4163/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	708			708		-	690	
171	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục thể thao Tổ dân phố số 3, phường Yên Thịnh	UBND phường Yên Thịnh	Số 4163/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	600			600		-	200	
172	Xây dựng tuyến đường sáng, xanh, sạch đẹp tại Tổ dân phố số 8, phường Yên Thịnh	UBND phường Yên Thịnh	Số 4164/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	300			300		-	250	
173	Nhà thể thao đa năng kết hợp tiểu công viên Tổ dân phố số 4, phường Minh Tân	UBND phường Minh Tân	Số 3513/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	800			800		-	650	
174	Tiểu công viên kết hợp khu vui chơi, thể dục thể thao thôn Tiên Phú, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái	UBND xã Văn Phú	Số 3076/QĐ-UBND, ngày 25/7/2023	350			350		-	60	
175	Khu vui chơi, thể dục thể thao khu vực Tổ dân phố Phúc Tân, phường Nguyễn Phúc	UBND phường Nguyễn Phúc	Số 3166/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	553			553		-	344	
176	Cải tạo, nâng cấp đường Hoàng Hoa Thám và đường Trần Hưng Đạo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4018/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	37.000			37.000		-	25.280	
177	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Huy Liệu (khu vực ven hồ Thủy Sơn), thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2658/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	7.650			7.650		-	7.358	
178	Điều chỉnh quy hoạch phân khu phường Nam Cường, thành phố Yên Bái, tỷ lệ 1/2000	Phòng quản lý đô thị thành phố	Số 2868/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	1.712			1.712		-	1.300	
179	Quy hoạch phân khu xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố	Số 2869/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	4.983			4.983		-	3.710	
180	Quy hoạch phân khu xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái	Phòng Quản lý đô thị thành phố	Số 2870/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	2.725			2.725		-	2.054	
181	Quy hoạch phân khu xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố	Số 2871/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	5.059			5.059		-	3.748	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
182	Lát hành lang đường Âu Cơ (đoạn từ khu vực Quán Đá đến ngã năm xã Tân Thịnh), thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2911/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	14.950			14.950		-	14.200	
183	Lát hành lang đường Điện Biên (đoạn từ Cầu Dài đến chợ Km4) và đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ Trường mầm non thực hành đến chợ Km6), thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1995/QĐ-UBND, ngày 23/5/2023	14.500			14.500		-	13.413	
184	Cấp nước sinh hoạt xã Văn Phú (đoạn tuyến từ thôn Văn Quỳ đến thôn Bình Sơn), thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2914/QĐ-UBND, ngày 11/7/2023	6.000			6.000		-	5.313	
185	Nâng cấp hạ tầng các tuyến phố đi bộ Lý Đạo Thành và Hào Gia, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 439/QĐ-UBND ngày 20/2/2023	4.549			4.549		-	4.496	
186	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Lai (đoạn từ Công an tỉnh Yên Bái đến đường Bảo Lương), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1640/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	3.793			3.793		-	3.577	
187	Cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp chợ Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3071/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	10.650			10.650		-	10.650	
188	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Đức Cảnh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3089/QĐ-UBND ngày 19/10/2021	4.200			4.200		-	3.857	
189	Xây dựng tuyến đường đi bộ Đầm Rôm, xã Tuy Lộc	UBND xã Tuy Lộc	Số 4163/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	360			360		-	100	
190	Công trình thoát nước đường vào nghĩa trang nhân dân phường Yên Thịnh	UBND phường Yên Thịnh	Số 4166/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	1.350			1.350		-	1.202	
191	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Trực, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1994/QĐ-UBND, ngày 23/5/2023	5.500			5.500		-	4.612	
192	Đường thôn Trục Bình (khu vực Nhà văn hóa cũ), xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2772/QĐ-UBND ngày 03/7/2023	4.700			4.700		-	3.516	
193	Sửa chữa, mở rộng hệ thống cống, rãnh thoát nước khu vực đường sắt cắt ngang đường Lê Hồng Phong, phường Nguyễn Phúc và khu vực ngã ba đường Thành Trung - Hoàng Văn Thụ, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Số 2927/QĐ-UBND, ngày 12/7/2023	2.500			2.500		-	2.284	
194	Cầu qua suối thôn Bảo Yên	UBND xã Minh Bảo	Số 3909/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	600			600		-	571	
195	Đường thôn Bảo Yên, xã Minh Bảo	UBND xã Minh Bảo	Số 3910/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	600			600		-	504	
196	Cải tạo, nâng cấp đường Đặng Dung, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1665/QĐ-UBND ngày 06/6/2022	2.817			2.817		-	2.593	
197	Cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố đi bộ Lý Đạo Thành và Hào Gia, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1124/QĐ-UBND ngày 26/4/2022	1.500			1.500		-	1.459	
198	Chỉnh trang cảnh quan khu vực Quảng trường 19/8 và phố đi bộ Hào Gia, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3718/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	1.200			1.200		-	119	
199	Điện chiếu sáng các tuyến đường trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3756/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	14.500			14.500		-	12.475	
200	Đề án phát triển giao thông nông thôn thành phố Yên Bái năm 2022	UBND các xã, phường	Số 1748/QĐ-UBND ngày 09/6/2022	7.856			7.856		-	2.141	
201	Đề án phát triển giao thông nông thôn thành phố Yên Bái năm 2023	UBND các xã, phường	Số 1466/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	2.568			2.568		-	1.510	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
202	Cải tạo, nâng cấp cảnh quan, hạ tầng và các hạng mục phụ trợ khu vực hồ Thiệu Nhi, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3312/QĐ-UBND, ngày 07/8/2023	7.000			7.000		-	6.635	
203	Điện trang trí Tết Nguyên đán năm 2023, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4460/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	14.500			14.500		-	10.868	
204	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện công trình Đường Bưu điện - Nhà khách số 2 (nay là đường Nguyễn Văn Cừ).	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1112/QĐ-UBND ngày 22/4/2022	4.329			4.329		-	4.329	
205	Xây dựng lan can hè phố tuyến đường Nguyễn Thái Học (đoạn phía hồ Yên Hòa đến đường Thành Công), phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 3960/QĐ-UBND, ngày 21/9/2023	800			800		-	767	
206	Cầu Đầm Bùn, thôn Bảo Yên, xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	UBND xã Minh Bảo	Số 4087/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	832			832		-	703	
207	Chỉnh trang tuyến đường từ đường Âu Cơ đến UBND xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái	UBND xã Tân Thịnh	Số 3073/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	720			720		-	555	
208	Kè chống sạt lở và thoát lũ suối Cầu Dài (đoạn từ Bệnh viện tỉnh đến cầu D1 đường Lê Lợi), thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 740/QĐ-UBND ngày 28/5/2009	71.135			71.135		33.119	101	
209	Điện, đường hoa trang trí Tết Nguyên đán năm 2024, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 5312/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	9.100			9.100		-	8.730	
210	Sửa chữa, cải tạo hạ tầng cụm công nghiệp Đầm Hồng, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 5836/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	1.150			1.150		-	1.093	
211	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc BQLDA đầu tư xây dựng và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2218/QĐ-UBND ngày 18/8/2021	1.500			1.500		-	1.493	
212	Mua sắm tài sản, máy móc, trang thiết bị làm việc các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, đơn vị SN thành phố, xã, phường	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	Số 3741/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	5.000			5.000		-	4.405	
213	Hiện đại hóa công tác quản lý, điều hành của Cấp ủy và chính quyền thành phố	Văn phòng Thành ủy	Số 2790/QĐ-UBND ngày 28/9/2021	4.600			4.600		-	4.371	
214	Cải tạo, nâng cấp trụ sở cơ quan Thành ủy, Chính quyền, các đoàn thể thành phố	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1889/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	11.690			11.690		-	11.267	
215	Cải tạo, sửa chữa trụ sở các xã, phường trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4043/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	8.500			8.500		-	7.716	
216	Mua sắm, lắp đặt trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyên môn của các cơ quan, đơn vị; các xã, phường trên địa bàn thành phố Yên Bái	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố	Số 3347/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	4.300			4.300		-	4.282	
217	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nhà làm việc cơ quan Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị-xã hội, Ban Tuyên giáo thành ủy, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	QĐ số 3598/QĐ-UBND ngày 30/9/2022; QĐ số 2550/QĐ-UBND ngày 16/6/2023	5.760			5.760		-	5.322	
218	Tường rào Trung tâm dịch vụ, hỗ trợ phát triển nông nghiệp thành phố Yên Bái	Trung tâm dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp thành phố	Số 1361/QĐ-UBND ngày 11/5/2022	300			300		-	287	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
219	Hệ thống Camera an ninh trên địa bàn thành phố Yên Bái	Công an thành phố Yên Bái	Số 2042/QĐ-UBND ngày 30/6/2022	10.000			10.000		-	9.220	
220	Mua sắm trang thiết bị làm việc phục vụ công tác chuyển đổi số phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	UBND phường Hợp Minh	Số 3158/QĐ-UBND ngày 28/7/2023	1.500			1.500		-	682	
221	Cải tạo, sửa chữa trụ sở phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	UBND phường Hợp Minh	Số 3142/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	2.000			2.000		-	1.897	
222	Xây dựng thao trường phục vụ công tác diễn tập phòng thủ năm 2023 thành phố Yên Bái	Ban chỉ huy quân sự thành phố	Số 1590/QĐ-UBND, ngày 28/4/2023	4.557			4.557		-	4.387	
223	Cải tạo, nâng cấp phòng xét xử Tòa án thành phố Yên Bái	Tòa án nhân dân thành phố	Số 2194/QĐ-UBND, ngày 31/5/2023	1.200			1.200		-	1.149	
224	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở phường Yên Ninh	UBND phường Yên Ninh	Số 1395/QĐ-UBND ngày 21/4/2023	2.396			2.396		-	2.300	
225	Cải tạo, nâng cấp kênh mương thủy lợi xã Tuy Lộc, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3763/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	4.000			4.000		-	3.975	
226	Cải tạo, nâng cấp kênh mương nội đồng thuộc trạm bơm Nước Mát, Đồng Đình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1462/QĐ-UBND ngày 24/4/2023	1.950			1.950		-	54	
227	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Bái Dương	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2983/QĐ-UBND, ngày 19/8/2022	1.500			1.500		-	91	
228	Lập hồ sơ phân cấp đê, cắm mốc giới đê và hành lang bảo vệ đê chống ngập sông Hồng khu vực xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3560/QĐ-UBND, ngày 28/9/2022	772			772		-	768	
229	Sửa chữa các hạng mục hạ tầng và dọn dẹp mặt bằng, phân lô, cắm mốc các quỹ đất đã được đấu giá, tái định cư trên địa bàn thành phố để giao đất	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	2321/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	1.000			1.000		-	930	
230	Bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng công trình cầu Trần Thanh 1 thuộc dự án Lramp, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 1208/QĐ-UBND ngày 02/6/2021	1.000			1.000		-	740	
231	Mở rộng quỹ đất Tổ 6, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 1366/QĐ-UBND ngày 21/6/2021	77.926			77.926		3.335	71.267	
232	Giải phóng mặt bằng để chỉnh trang đô thị và cải tạo khu vực ven hồ Hào Gia (phía giáp đường Lý Tự Trọng), phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 2251/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	575			575		-	258	
233	Quỹ đất Xuân Lan (Quỹ đất dân cư tổ 43 (nay là tổ dân phố Phúc Xuân), (mở rộng quỹ đất hiện có sau xưởng gạch Xuân Lan)), phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 16/5/2022	5.573			5.573		-	5.243	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
234	Bồi thường, giải phóng mặt bằng mở rộng cụm công nghiệp Âu Lâu	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Yên Bái	Số 4173/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.000			14.000		-	6.734	
I.2	Dự án hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán			169.003	-	-	169.003	-	100	155.377	
1	Quỹ đất dân cư thôn Lương Thịnh (đối diện đình Lương Nham), xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái	Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố	Số 1621/QĐ-UBND ngày 01/6/2022; Số 5463/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	14.710			14.710		100	14.054	
2	Quỹ đất dân cư khu vực đối diện Ủy ban nhân dân phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái.	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2040/QĐ-UBND ngày 09/5/2024	16.257			16.257		-	15.795	
3	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng thôn Nước Mát, thôn Đoàn Kết, xã Âu Lâu	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2637/QĐ-UBND, ngày 24/6/2024	1.200			1.200		-	93	
4	Cải tạo, sửa chữa Nhà làm việc và Hội trường Thành ủy để phục vụ công tác tổ chức Đại hội Đảng bộ thành phố nhiệm kỳ 2025 - 2030	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 4084/QĐ-UBND, ngày 17/10/2024	5.254			5.254		-	5.254	
5	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc cơ quan Thành ủy, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 283/QĐ-UBND, ngày 29/01/2024	2.510			2.510		-	2.442	
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 5404/QĐ-UBND ngày 03/7/2025	15.750			15.750		-	15.750	
7	Đường từ thôn Trần Ninh sang thôn Trần Thanh, xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái	UBND xã Tân Thịnh	Số 461/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	1.700			1.700		-	1.700	
8	Xây dựng tiểu công viên kết hợp khu vui chơi thể dục thể thao thôn Đoàn Kết, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	UBND xã Âu Lâu	Số 2445/QĐ-UBND ngày 10/6/2024	1.050			1.050		-	958	
9	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thoát nước tại tổ dân phố số 3, số 6 và số 8, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	Phòng quản lý đô thị thành phố	Số 2254/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	1.388			1.388		-	1.387	
10	Rãnh thoát nước đường tổ dân phố số 3 và tổ dân phố số 5, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	UBND phường Yên Ninh	Số 2302/QĐ-UBND ngày 20/5/2024	2.176			2.176		-	2.158	
11	Điện chiếu sáng tuyến đường Yên Bái - Khe Sang	UBND xã Tuy Lộc	Số 460/QĐ-UBND ngày 22/02/2024	2.600			2.600		-	2.072	
12	Cải tạo, nâng cấp đường thôn Trục Bình, xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	UBND xã Minh Bảo	Số 2680/QĐ-UBND, ngày 25/6/2024.	1.200			1.200		-	1.194	
13	Chỉnh trang hạ tầng khu vực hồ Nam Cường, phường Nam Cường, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2522/QĐ-UBND, ngày 17/6/2024; Số 5353/QĐ-UBND, ngày 26/12/2024	3.593			3.593		-	3.593	
14	Cải tạo, nâng cấp đường vào trường tiểu học Nguyễn Trãi, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4039/QĐ-UBND, ngày 15/10/2024	1.600			1.600		-	1.600	
15	Cải tạo, nâng cấp hành lang đường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4326/QĐ-UBND, ngày 29/10/2024	22.000			22.000		-	22.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
16	Cải tạo, bổ sung cụm Pano tại khu vực ngã tư Tân Thịnh và trang trí đường Âu Cơ (Đoạn từ ngã tư giao với đường Trần Phú đến ngã tư Tân Thịnh), thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3916/QĐ-UBND ngày 07/10/2024; Số 86/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	1.874			1.874		-	1.864	
17	Đề án phát triển giao thông nông thôn thành phố Yên Bái năm 2024	UBND các xã, phường	Số 3331/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	2.785			2.785		-	1.691	
18	Kè bê tông chống sạt lở bờ suối khu vực tổ dân phố số 7 phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	UBND phường Đồng Tâm	Số 2252/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	702			702		-	699	
19	Cải tạo, chỉnh trang cảnh quan khu vực trung tâm Km5, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 63/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	1.200			1.200		-	700	
20	Lát hành lang một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 5133/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	9.000			9.000		-	8.996	
21	Tu sửa cấp thiết một số hạng mục thuộc Di tích lịch sử - văn hóa đình, đền, chùa Nam Cường, thành phố Yên Bái	UBND phường Nam Cường	Số 758/QĐ-UBND ngày 18/3/2024	2.640			2.640		-	2.340	
22	Nhà văn hóa thôn Minh Long	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3001/QĐ-UBND, ngày 25/7/2024.	1.500			1.500		-	383	
23	Nhà văn hóa thôn Trục Bình	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 2813/QĐ-UBND, ngày 10/7/2024.	3.500			3.500		-	2.750	
24	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa trên địa bàn thành phố để tổ chức và chào mừng Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3917/QĐ-UBND, ngày 07/10/2024	15.000			15.000		-	15.000	
25	Cải tạo, nâng cấp nhà văn hóa tổ dân phố số 4, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	UBND phường Yên Ninh	Số 2510/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	1.924			1.924		-	1.924	
26	Nhà văn hóa tổ dân phố số 5, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	UBND phường Hợp Minh	Số 804/QĐ-UBND ngày 20/3/2024	4.000			4.000		-	3.668	
27	Nhà văn hóa tổ dân phố Hồng Yên, phường Hồng Hà, thành phố Yên Bái	UBND phường Hồng Hà	Số 2511/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	2.382			2.382		-	2.376	
28	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa Tổ dân phố số 5, Tổ dân phố số 6, Tổ dân phố số 7, Tổ dân phố số 10 và mua sắm trang thiết bị các Nhà văn hóa khác thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái	UBND phường Đồng Tâm	Số 2136/QĐ-UBND, ngày 15/5/2024	2.000			2.000		-	2.000	
29	Nhà văn hóa tổ dân phố số 3, phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái	UBND phường Hợp Minh	Số 2679/QĐ-UBND, ngày 25/6/2024	4.000			4.000		-	3.948	
30	Nhà văn hóa Tổ dân phố số 6, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Thái Học	Số 2677/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	3.008			3.008		-	3.008	
31	Nhà văn hóa tổ dân phố Phúc Sơn - Phúc An, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái	UBND phường Nguyễn Phúc	Số 2375/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	3.500			3.500		-	3.500	
32	Nhà văn hóa tổ dân phố số 06, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Số 434/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	3.500			3.500		-	3.500	
33	Nhà văn hóa thôn Văn Liên, xã Văn Phú, thành phố Yên Bái	UBND xã Văn Phú	Số 2509/QĐ-UBND ngày 14/6/2024	4.500			4.500		-	4.452	
34	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị nhà văn hóa tổ dân phố số 7, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái	UBND phường Yên Thịnh	Số 2361/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	1.000			1.000		-	999	
35	Trường TH & THCS Âu Lâu, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2887/QĐ-UBND, ngày 19/7/2024	4.000			4.000		-	200	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
36	Trường TH & THCS Minh Bảo, xã Minh Bảo, thành phố Yên Bái	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Yên Bái	Số 3000/QĐ-UBND, ngày 25/7/2024	2.800			2.800		-	140	
37	Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân ngay tại nhà giai đoạn 2024-2025	Trung tâm y tế thành phố	Số 2563/QĐ-UBND, ngày 19/6/2024	1.200			1.200		-	1.189	
1.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			553.059	20.500	83.649	448.910	-	5.831	323.369	
1	Cải tạo, sửa chữa đường nối từ đường Yên Bái - Văn Tiễn, xã Văn Phú với đường Thanh Hùng, xã Tân Thịnh thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	1655/QĐ-UBND, ngày 16/4/2024; 5025/QĐ-UBND, ngày 05/12/2024	14.000			14.000			14.000	
2	Trụ sở xã Văn Phú, thành phố Yên Bái	UBND phường Văn Phú	Số 4058/QĐ-UBND ngày 16/10/2024	20.000			20.000			20.000	
3	Quy đất dân cư tổ dân phố số 14 (giáp tổ dân phố số 16 phường Đồng Tâm), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4058/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	10.000			10.000		5.400	4.600	
4	Xây dựng khu tái định cư tập trung trên địa bàn phường Yên Ninh thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	1835/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	75.000		75.000					
5	Mở rộng cụm công nghiệp Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3820/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	97.000			97.000		431	51.857	
6	Cải tạo, nâng cấp đường Trương Quyền, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái.	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4171/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	6.200			6.200			6.200	
7	Nâng cấp, cải tạo hành lang các tuyến phố trên địa bàn phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 340/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	16.000			16.000			16.000	
8	Nâng cấp, cải tạo hành lang các tuyến phố trên địa bàn phường Nguyễn Thái Học, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 339/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	18.500			18.500			18.500	
9	Nâng cấp, cải tạo hành lang các tuyến phố trên địa bàn phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 389/QĐ-UBND ngày 07/02/2025	17.500			17.500			17.500	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
10	Xử lý sạt lở tường kè tại khu vực Đập Trần, tổ dân phố Nam Thọ, phường Nam Cường	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 338/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	2.000			2.000			2.000	
11	Cải tạo, sửa chữa đường Cao Thắng, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1292/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	10.000			10.000			10.000	
12	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Nguyễn Trãi, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1499/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	14.000			14.000			14.000	
13	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Bông Sen, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1552/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	13.028			13.028			13.028	
14	Cải tạo, sửa chữa đường Nguyễn Quang Bích đi trường tiểu học Yên Thịnh, phường Yên Thịnh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1561/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.200			1.200			1.200	
15	Cấp nước sinh hoạt các khu tái định cư trên địa bàn xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1553/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.500			1.500			1.397	
16	Khắc phục sạt lở kè và cống thoát nước tổ 9 phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái (Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 - Yagi)	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1551/QĐ-UBND ngày 28/4/2025	1.052			1.052			1.052	
17	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Tiến nối với đường Lê Chân phường Nam Cường, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4172/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	5.000			5.000			5.000	
18	Chỉnh trang đô thị khu vực tổ dân phố số 5, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3739/QĐ-UBND ngày 11/12/2021	70.000			70.000			51.209	
19	Chỉnh trang đô thị khu vực tổ dân phố số 4 và tổ dân phố số 5, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3740/QĐ-UBND ngày 29/11/2021; Số 586/QĐ-UBND ngày 27/02/2025	79.000			79.000			42.253	
20	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn (quỹ đất dân cư hai bên đường thôn Hai Luồng), xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 369/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	19.500			19.500			14.930	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
21	Quỹ đất dân cư thôn Tiền Phong (giáp khu tái định cư Bão Lũ), xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái.	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 958/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	6.000			6.000			5.991	
22	Chỉnh trang đô thị khu vực tổ dân phố Nam Thọ, phường Nam Cường, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 3211/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	14.950			14.950			1.000	
23	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn kết hợp phát triển quỹ đất hai bên đường Trục I, xã Âu Lâu, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4883/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	11.500			11.500			10.678	
24	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	183/QĐ-UBND ngày 03/02/2025	6.500	5.500	1.000					
25	Khắc phục khẩn cấp Trạm bơm điện Bái Dương	Ban QLDA ĐTXD thành phố	473/QĐ-UBND ngày 12/3/2025	9.800	9.000	800					
26	Khắc phục khẩn cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	563/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	6.000	6.000						
27	Kè chống sạt lở khu vực Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ủy ban nhân dân phường Yên Ninh	Số 4392/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	980			980			974	
28	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường nội thị thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	5139/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	4.398		4.398					4398
29	Khắc phục khẩn cấp các tuyến đường giao thông, hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Yên Bái do ảnh hưởng bão số 3	Ban QLDA ĐTXD thành phố	1293/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	2.451		2.451					2451,574
IV	Dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư			616.787	65.000	205.000	346.787	-	-	824.587	
1	Mở rộng công viên Yên Hòa, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 934/QĐ-UBND ngày 25/5/2020	110.000		80.000	30.000			593	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
2	Xây dựng Trung tâm hành chính thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 51/NQ-HĐND ngày 02/10/2020	250.000		125.000	125.000			443	
3	Điện chiếu sáng thông minh một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 5314/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	10.000			10.000			307	
4	Chỉnh trang khu vực ngã tư Tân Thịnh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 4387/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	3.900			3.900			162	
5	Quy đất dân cư tổ dân phố số 9, phường Đồng Tâm (đoạn kè suối Hào Gia tiếp giáp phường Yên Thịnh), thành phố Yên Bái.	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2862/QĐ-UBND ngày 01/10/2021	2.887			2.887			2.887	
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Tân Thịnh, xã Tân Thịnh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái phục vụ công tác sắp xếp bộ máy hành chính	UBND phường Văn Phú	QĐ số 1810 ngày 16/5/2025	3.000			3.000			3.000	
7	Cải tạo, sửa chữa trụ sở phường Nam Cường, thành phố Yên Bái phục vụ công tác sắp xếp bộ máy hành chính	UBND phường Nam Cường	QĐ số 1814 ngày 16/5/2025	4.000			4.000			3.865	
8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Giới Phiên,thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái phục vụ công tác sắp xếp bộ máy hành chính	UBND phường Âu Lâu	QĐ số 1815 ngày 16/5/2025	6.000			6.000			5.795	
9	Cải tạo, sửa chữa trụ sở phường Hợp Minh ,thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái phục vụ công tác sắp xếp bộ máy hành chính	UBND phường Âu Lâu	QĐ số 1878 ngày 22/5/2025	1.250			1.250			1.250	
10	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Minh Bảo ,thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái phục vụ công tác sắp xếp bộ máy hành chính	UBND phường Nam Cường	QĐ số 1879 ngày 22/5/2025	1.250			1.250			1.250	
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở xã Văn Phú ,thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái phục vụ công tác sắp xếp bộ máy hành chính	UBND phường Văn Phú	QĐ số 1902 ngày 23/5/2025	2.500			2.500			2.500	
12	Cống thoát nước đường Lê Văn Tám, phường Đồng Tâm, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2131/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	15.000			15.000			15.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
13	Cầu suối Dài 2, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố		8.000			8.000			8.000	
14	Cống suối Dài 3, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố		7.000			7.000			7.000	
15	Kè chống sạt lở và thoát lũ suối Ngòi Yên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2134/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	18.000			18.000			17.398	
16	Xử lý ngập úng các tuyến đường giao thông trên địa bàn thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2135/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	5.000			5.000			5.000	
17	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Quốc Toàn, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	2136/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	7.000			7.000			7.000	
18	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Yên Thịnh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 1500/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	17.000			17.000			17.000	
19	Quyđất dân cư khu vực tổ 12, phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD thành phố	Số 2804/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	50.000			50.000			2.500	
20	Khắc phục khẩn cấp đường Thanh Niên và các tuyến nhánh	Ban QLDA ĐTXD thành phố	560/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	65.000	65.000						
21	Mở rộng, cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Nam Cường phục vụ hoạt động của phường Nam Cường (mới) sau thành lập	UBND phường Nam Cường	2444/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	15.000			15.000			15.000	
22	Mở rộng, cải tạo trụ sở làm việc Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Giời Phèn phục vụ hoạt động của phường Âu Lâu (mới) sau thành lập	UBND phường Âu Lâu	2445/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	15.000			15.000			15.000	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
23	Nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết (để bố trí thực hiện các công trình, dự án xây dựng nông thôn mới; Đề án phát triển giao thông nông thôn; đối ứng cho các dự án trọng điểm được tỉnh hỗ trợ vốn đầu tư; bố trí cho các Đề án, dự án và nhu cầu khác của thành phố theo quy định)									693.637	
K	HUYỆN LỤC YÊN			1.888.121	343.348	644.364	813.169	87.239	233.931	583.699	
I	CHƯƠNG TRÌNH			390.977	341.098	2.778	47.100	0	0	39.186	
1	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện		233.757	210.079	1.000	22.677	0	0	19.882	
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện		157.220	131.019	1.778	24.423	0	0	19.305	
II	NHIỆM VỤ			29.836	2.250	6.387	21.199	0	926	12.642	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lục Yên - Nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2021	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2086/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	2.841		1.420	1.421		926	464	
2	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Minh Chuẩn giai đoạn 2021 – 2030 huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã Minh Chuẩn	2112/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	180	150		30			30	
3	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Lạc giai đoạn 2021 – 2030 huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã An Lạc	1730/QĐ-UBND ngày 08/6/2022	180	150		30			30	
4	Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Lâm Thượng giai đoạn 2021 – 2030 huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	UBND xã An Lạc	4660/QĐ-UBND ngày 19/10/2023	180	150		30			60	
5	Quy hoạch chung xây dựng xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	2359/QĐ-UBND ngày 08/7/2022	250	150		100			141	
6	Quy hoạch chung xây dựng xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	870/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	250	150		100			188	
7	Quy hoạch chung xây dựng xã Phúc Lợi, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	869/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	250	150		100			177	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
8	Quy hoạch chung xây dựng xã Đông Quan, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	871/QĐ-UBND ngày 23/3/2023	250	150		100			179	
9	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Liễu Đô	Phòng KT&HT	2042/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	81			81			81	
10	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Yên Thắng	Phòng KT&HT	2043/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	81			81			81	
11	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Mai Sơn	Phòng KT&HT	2044/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	81			81			81	
12	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Minh Xuân	Phòng KT&HT	2045/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	81			81			81	
13	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn xã Tân Lĩnh	Phòng KT&HT	2047/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	81			81			81	
14	Quy hoạch chung thị trấn Yên Thế và vùng phụ cận đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện	938/QĐ-QLDA ngày 20/6/2022	3.424		1.712	1.712			1.745	
15	Quy hoạch chung xây dựng xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên đến năm 2035	Ban QLDA ĐTXD huyện	Số 1316/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	885		443	443			621	
16	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	1672/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	244	150		94			52	
17	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	1671/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	249	150		99			51	
18	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Phú huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	1673/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	249	150		99			47	
19	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Tân Phượng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	1676/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	244	150		94			52	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
20	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Liễu Đô huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	1674/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	250	150		100			54	
21	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Mai Sơn huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	1675/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	244	150		94			52	
22	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Thắng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	2629/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	250	150		100			52	
23	Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Lạc huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái giai đoạn 2023-2033	Phòng KT&HT	1677/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	250	150		100			40	
24	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu xử lý chất thải rắn tại thôn Ngòi Kèn, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng KT&HT	5524/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	294			294			97	
25	Kinh phí Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	2971/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	1.288			1.288			52	
26	Kinh phí đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các khu đất do UBND xã, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý trên địa bàn xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4896/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	278			278			31	
27	Kinh phí đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các khu đất do UBND xã, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý trên địa bàn xã Minh Tiến, huyện Lục Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4897/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	393			393			42	
28	Kinh phí đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các khu đất do UBND xã, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý trên địa bàn xã Tô Mậu, huyện Lục Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5781/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	287			287			28	
29	Kinh phí đo đạc, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các khu đất do UBND xã, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý trên địa bàn xã Mường Lai, huyện Lục Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	5782/QĐ-UBND ngày 07/12/2023	263			263			32	
30	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3647/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	1.487			1.487			1.487	
31	Kinh phí thực hiện công tác đo đạc chỉnh lý biến động đất đai cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự nguyện trả lại đất để xây dựng công trình công cộng trên địa bàn huyện	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3997/QĐ-UBND ngày 01/11/2024	2.509			2.509			0	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
32	Kinh phí thực hiện đo đạc, lập mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính và cắm mốc khu đất do Công ty cổ phần khoáng sản Đá quý và Vàng Yên Bái trả lại tại xã Trúc Lâu	Phòng Tài nguyên và Môi trường	4021/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	132			132			132	
33	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Khánh Thiện	UBND xã Khánh Thiện	1953/QĐ-UBND ngày 25/6/2021	40			40			40	
34	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã Tân Linh	UBND xã Tân Linh	3074/QĐ-UBND ngày 07/9/2021	40			40			40	
35	Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	Phòng KT&HT	621/QĐ-UBND ngày 26/4/2023	2.429		2.329	100			0	
36	Chương trình phát triển đô thị thị trấn Yên Thế giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng KT&HT	Số 1971/QĐ-UBND ngày 30/10/2022	559		279	279			280	
37	Kinh phí lập Đề án công nhận thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái đạt tiêu chí đô thị loại V	Phòng KT&HT	4036/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	530			530			661	
38	Chương trình phát triển đô thị xã Khánh Hòa giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Phòng KT&HT	Số 1972/QĐ-UBND ngày 30/10/2022	408		204	204			204	
39	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Lục Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	995/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	1.195			1.195			21	
40	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Vĩnh Lạc	Phòng KT&HT	3129/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	449			449			78	
41	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Liễu Đô	Phòng KT&HT	2042/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	450			450			150	
42	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Minh Xuân	Phòng KT&HT	2045/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	450			450			150	
43	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Mai Sơn	Phòng KT&HT	2044/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	450			450			150	
44	Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn trung tâm xã Yên Thắng	Phòng KT&HT	2043/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	450			450			150	
45	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị trấn Yên Thế	Phòng KT&HT	2046/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	500			500			500	
46	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thị xã Khánh Hòa	Phòng KT&HT	2041/QĐ-UBND ngày 27/5/2024	256			256			256	
47	Kinh phí kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện Lục Yên	Phòng Tài nguyên và Môi trường	213/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	3.619			3.619			3.619	
III	DỰ ÁN			1.467.308	0	635.199	744.871	87.239	233.005	531.871	
III.1	Dự án đã hoàn thành và phê duyệt quyết toán			761.992	0	396.867	278.087	87.039	111.853	235.102	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
1	Đề án phát triển GTNT huyện Lục Yên	UBND xã		198.785	0	77.864	34.382	86.539	0	37.882	
2	Dự án đường Tân Linh - Lâm Thượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	720/QĐ-UBND ngày 25/4/2019	54.800		26.500	28.300		43.861	5.555	
3	Nhà hợp khối gắn với Chình trang đô thị thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	1191/QĐ-UBND ngày 05/7/2019; 1647/QĐ-UBND ngày 12/6/2020	50.000		50.000			38.118	0	
4	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	647/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	7.000		7.000				0	
5	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước đường tổ dân phố 7 thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	34/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	2.400		2.400				0	
6	Trụ sở xã Mường Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện	3082/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	4.995		1.500	3.495		3.055	1.934	
7	Cải tạo khuôn viên huyện ủy Lục Yên, tỉnh Yên Bái. (hạng mục: San nền, kê đá, tường rào, lan can)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3326/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	1.350			1.350		900	450	
8	Sửa chữa nhà công vụ Huyện ủy Lục Yên, tỉnh Yên Bái. (hạng mục: Xây mới nhà 3 tầng và cải tạo nhà công vụ cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3051a/QĐ-UBND ngày 22/10/2019	5.120			5.120		2.100	3.002	
9	Dự án chỉnh trang khu dân cư đô thị (thôn Đồng Phú), TT Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	2214a/QĐ-UBND ngày 24/9/2018; 1624/QĐ-BQL ngày 29/5/2020	4.578			4.578		3.877	565	
10	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn 6, xã Tân Linh, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.	Ban QLDA ĐTXD huyện	3077b/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	2.779			2.779		2.688	91	
11	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn Trung Tâm, xã Trúc Lâu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	3078a/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	1.836			1.836		1.832	3	
12	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn trung tâm xã, tại thôn Yên Thịnh Vĩnh Lạc, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	2540/QĐ-UBND ngày 29/10/2018; 1659/QĐ-BQL ngày 29/5/2020	3.311			3.311		2.626	471	
13	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn 7, xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.	Ban QLDA ĐTXD huyện	3137a/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	980			980		864	53	
14	Dự án xây dựng khu dân cư nông thôn thôn Kiên Cổ, xã Minh Xuân	Ban QLDA ĐTXD huyện	3191a/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 259/QĐ-BQL ngày 06/4/2020	1.636			1.636		1.430	125	
15	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn trung tâm, xã Tân Linh, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	4697/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	606			606		502	104	
16	Nâng cấp Đường Liễu Đô - Minh Tiến - An Phú (đoạn Liễu Đô - Vĩnh Lạc - Minh Tiến)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3072/QĐ-UBND ngày 07/12/2020	45.000		22.500	22.500		0	22.500	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
17	Cải tạo, nâng cấp đường Tân Lĩnh – Tân Lập – Phan Thanh	Ban QLDA ĐTXD huyện	4127/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	112.000		78.400	33.600		0	33.600	
18	Cầu trung tâm xã Trúc Lâu	Ban QLDA ĐTXD huyện	4127/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	3.723			3.723		0	3.723	
19	Khắc phục khẩn cấp cầu Khéo Lặng, xã Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	927/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	1.000		1.000			0	0	
20	Khắc phục khẩn cấp cầu thôn Yên Thượng, xã Minh Xuân, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	928/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	1.500		1.500			0	0	
21	Tiểu dự án giải phóng mặt bằng đường Tân Nguyên - Phan Thanh - An Phú (đoạn Minh Tiến - An Phú), huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	1508/QĐ-UBND ngày 17/7/2020; 2069/QĐ-UBND ngày 04/11/2022	16.700		16.700			10.000	0	
22	Trụ sở xã Minh Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	3739/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	2.500		500	2.000			1.990	
23	Trụ sở xã Trung Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện	3740/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	1.500		500	1.000			997	
24	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở UBND thị trấn Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	4049/QĐ-BND ngày 23/11/2020	2.600			2.600			2.568	
25	Xử lý khẩn cấp Kè chống sạt lở mái taluy thuộc khuôn viên công trình nhà hợp khối, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	3319/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	1.500			1.500		0	1.500	
26	Sân bê tông, nhà để xe, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ khu nhà hợp khối huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	3320/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	950			950			950	
27	Mua sắm trang thiết bị nhà công vụ Huyện ủy Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	1512/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	1.650			1.650			1.650	
28	Cổng, tường rào Trụ sở UBND xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện	3976/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	700			700			700	
29	Tường rào Trụ sở UBND xã An Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	3977/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	700			700			700	
30	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND các xã Động Quan, Tô Mậu, Yên Thắng, Mai Sơn, Tân Phượng, Liễu Đô	Ban QLDA ĐTXD huyện	4047/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	2.000			2.000			1.958	
31	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở nhà làm việc các đơn vị sự nghiệp (Trung tâm Truyền thông và Văn hóa, Trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển nông nghiệp ...)	Ban QLDA ĐTXD huyện	4250/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	4.000			4.000			4.772	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
32	Nâng cấp, cải tạo trụ sở xã Phúc Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện	4258/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	4.400			4.400			4.305	
33	Cổng, tường rào, các hạng mục phụ trợ Trụ sở xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4152/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.200			2.200			2.160	
34	Cổng, tường rào Trụ sở UBND xã An Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện	4248/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1.000			1.000			1.000	
35	Trụ sở xã Phan Thanh	Ban QLDA ĐTXD huyện	1630/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	7.000		4.200	2.800			1.621	
36	Nhà văn hóa xã Minh Chuẩn	Ban QLDA ĐTXD huyện	4051/QĐ-BND ngày 23/11/2020	2.000			2.000			2.000	
37	Nhà văn hóa xã Khánh Thiện	Ban QLDA ĐTXD huyện	922/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	2.370		1.185	1.185			1.182	
38	Nhà văn hóa thôn Khe Phay	UBND xã Khánh Thiện	510/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	500			400	100		400	
39	Nhà văn hóa thôn Tông Luông	UBND xã Khánh Thiện	513/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	500			400	100		400	
40	Nhà văn hóa thôn Nà Luông	UBND xã Khánh Thiện	511/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	500			400	100		400	
41	Nhà văn hóa thôn Tông Áng	UBND xã Khánh Thiện	512/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	500			400	100		400	
42	Nhà văn hóa thôn Làng Chã	UBND xã An Lạc	874/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	500			450	50		450	
43	Khu thể thao xã An Lạc	UBND xã An Lạc		500			450	50		450	
44	Nhà văn hóa xã Lâm Thượng kết hợp nhà làm việc khối đoàn thể xã Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	4249/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	4.700			4.700			3.441	
45	Nâng cấp Khu thể thao xã An Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện	5799/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	500			500			478	
46	Cải tạo, nâng cấp sân vận động trung tâm xã Lâm Thượng (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	5797/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	500			500			492	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
47	Hội trường đa năng kết hợp nhà đoàn thể xã Phan Thanh	Ban QLDA ĐTXD huyện	1404/QĐ-UBND ngày 01/4/2024	6.000			6.000			5.884	
48	Xây dựng mới nhà văn hoá thôn Sơn Bắc xã Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	1035/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	650			650			639	
49	Khu thể thao xã Tân Phụng	Ban QLDA ĐTXD huyện	3248/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	1.000			1.000			948	
50	Nhà văn hóa thôn Hín Lạn xã Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	5796/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	650			650			650	
51	Trường THCS Chu Văn An	Ban QLDA ĐTXD huyện	780/QĐ-UBND ngày 25/3/2020	3.200		1.600	1.600			1.600	
52	Trường TH&THCS An Phú	Ban QLDA ĐTXD huyện	3747/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.880		2.940	2.940			2.844	
53	Trường MN Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện	3743/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	4.050		2.025	2.025			2.025	
54	Trường MN Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện	3744/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	3.230		1.615	1.615			1.606	
55	Trường MN Mường Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện	3745/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	2.730		1.365	1.365			1.362	
56	Trường TH Minh Xuân	Ban QLDA ĐTXD huyện	3749/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	3.138		1.569	1.569			1.569	
57	Trường TH&THCS Minh Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	3748/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	2.650		1.325	1.325			1.265	
58	Trường TH&THCS Khánh Thiện	Ban QLDA ĐTXD huyện	921/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	2.500		1.250	1.250			1.250	
59	Trường MN Khánh Thiện	Ban QLDA ĐTXD huyện	920/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	4.030		2.015	2.015			2.013	
60	Trường TH&THCS Tân Lĩnh	Ban QLDA ĐTXD huyện	924/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	4.460		2.230	2.230			2.230	
61	Trường MN Hoa Sen xã Tân Lĩnh	Ban QLDA ĐTXD huyện	923/QĐ-UBND ngày 13/4/2021	1.500		750	750			750	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện						
62	Tường rào trường Mầm Non xã Tân Lĩnh (điểm trường chính)	Ban QLDA ĐTXD huyện	4052/QĐ-BND ngày 23/11/2020	400			400			400	
63	San tạo mặt bằng trường mầm non Tô Mậu, xã Tô Mậu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.	Ban QLDA ĐTXD huyện	3321/QĐ-UBND ngày 27/9/2021	600			600			600	
64	Mở rộng trường mầm non Mường Lai (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện	4204/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	300			300			300	
65	Trường TH&THCS Minh Chuẩn	Ban QLDA ĐTXD huyện	3741/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	3.600		2.160	1.440			1.440	
66	Trường TH Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	3742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	5.600		3.360	2.240			2.240	
67	Trường MN Tô Mậu	Ban QLDA ĐTXD huyện	3741/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	4.046		2.023	2.023			2.021	
68	Trường MN Hoa Hồng	Ban QLDA ĐTXD huyện	3742/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	6.482		3.241	3.241			3.241	
69	Trường mầm non Phan Thanh	Ban QLDA ĐTXD huyện	1634/QĐ-UBND ngày 24/5/2023	6.950		4.170	2.780			2.645	
70	Trường Mầm non Vĩnh Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	1102/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	8.800		5.280	3.520			3.765	
71	Trường Mầm non Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện	1467/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	6.000			6.000			5.872	
72	Thủy lợi Từ Hiếu, xã Vĩnh Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	1581/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	500		300	200			0	
73	Cụm công trình thủy lợi Co Póp, xã Liễu Đô	Ban QLDA ĐTXD huyện	1580/QĐ-UBND ngày 19/5/2023	1.500		900	600			0	
74	Cải tạo, nâng cấp Chợ xã Khánh Thiện	UBND xã Khánh Thiện	509/QĐ-UBND ngày 15/3/2021	300			300			300	
75	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Đồng Tâm, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4035/QĐ-BND ngày 23/11/2020	3.300			3.300			2.651	
76	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn xã Trúc Lâu, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4042/QĐ-BND ngày 23/11/2020	3.500			3.500			3.023	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện	Vốn khác			
77	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Cây Thị xã Liễu Đô, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	4036/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	4.500			4.500			3.860	
78	Xây dựng khu dân cư nông thôn thôn 7, xã Mường Lai, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4044/QĐ-BND ngày 23/11/2020	3.623			3.623			3.740	
79	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Nà Vài xã Minh Xuân, huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	4039/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	2.500			2.500			2.500	
80	Chỉnh trang khu dân cư tổ 11, thị trấn Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	4050/QĐ-BND ngày 23/11/2020	500			500			417	
81	Khu đất trung tâm dịch vụ hỗ trợ và phát triển nông nghiệp và Phòng Kinh tế - Hạ tầng cũ, thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4047/QĐ-BND ngày 23/11/2020;	750			750			750	
82	Khu dân cư nông thôn mới thôn Tông Cùm, xã Minh Xuân (khu 2), huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4037/QĐ-BND ngày 23/11/2020	3.500			3.500			3.500	
83	Khu dân cư nông thôn mới thôn Ngòi Vạc, xã Minh Xuân, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4045/QĐ-BND ngày 23/11/2020	3.500			3.500			3.500	
84	Chỉnh trang KDC nông thôn thôn Tông Pính Cại xã Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	3958/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	2.539			2.539			2.519	
85	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Làng Quí, xã Minh Tiến, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4038/QĐ-BND ngày 23/11/2020	4.000			4.000			4.000	
86	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn xã Tân Lĩnh (khu 1), huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	4040/QĐ-BND ngày 23/11/2020	3.500			3.500			3.500	
87	Chỉnh trang khu dân cư nông thôn thôn Làng Già, xã Yên Thắng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	3957/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	3.066			3.066			3.066	
88	Chỉnh trang KDC thôn cây thị xã Liễu Đô (khu 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3820/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	1.600			1.600			1.595	
89	Các dự án thực hiện nguồn vốn sự nghiệp kiến thiết thị chính và chỉnh trang đô thị	Ban QLDA ĐTXD huyện		65.000		65.000				0	
III.2	Dự án hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán			267.216	0	118.132	148.884	200	68.050	46.904	
1	Đường Mai Sơn - Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2543/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	43.000		27.800	15.200		24.683	2.919	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:						
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Vốn khác			
			Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện							
2	Đường Nhánh I nội thị trấn Yên Thế (đoạn nối tỉnh lộ 171 đến ngã tư đường Vũ Công Mật)	Ban QLDA ĐTXD huyện	2298/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	37.900		5.000	32.900		31.136	3.763	
3	Đường vào cụm công nghiệp Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	823/QĐ-UBND ngày 09/7/2013	41.766		37.882	3.884		12.231	820	
4	Trụ sở xã Lâm Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	4596/QĐ-UBND ngày 06/10/2023	6.500		3.900	2.600			2.572	
5	Nhà văn hoá thôn Tông Páng	UBND xã Lâm Thượng	875/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	500			450	50		450	
6	Nâng cấp Khu thể thao xã	UBND xã Lâm Thượng	876/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	500			450	50		450	
7	Nhà văn hóa thôn Khánh Ngoài	UBND xã Minh Chuẩn	877/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	500			450	50		450	
8	Khu thể thao xã Minh Chuẩn	UBND xã Minh Chuẩn	878/QĐ-UBND ngày 08/4/2022	500			450	50		450	
9	Khu thể thao xã Phan Thanh	Ban QLDA ĐTXD huyện	5802/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	500			500			491	
10	Khu thể thao xã Khánh Hòa	Ban QLDA ĐTXD huyện	5803/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	500			500			490	
11	Sửa chữa nhà văn hóa thôn 8 xã Mường Lai	Ban QLDA ĐTXD huyện	5794/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	300			300			292	
12	Sửa chữa nhà văn hóa thôn Làng Ven xã Minh Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	5795/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	300			300			300	
13	Nhà văn hóa thôn Sảo xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện	5798/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	650			650			638	
14	Nâng cấp nhà văn hóa xã Liễu Đô	Ban QLDA ĐTXD huyện	4039/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	730			730			716	
15	Nâng cấp khu thể thao xã Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	942/QĐ-UBND ngày 01/3/2024	500			500			491	
16	Khu thể thao xã Phúc Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện	5800/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	1.000			1.000			974	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện				
17	Khu thể thao xã Tân Lập	Ban QLDA ĐTXD huyện	2676/QĐ-UBND ngày 17/7/2024	550			550			550	
18	Nâng cấp khu thể thao xã Yên Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2067/QĐ-UBND ngày 28/5/2024	500			500			499	
19	Trường TH&THCS Phan Thanh	Ban QLDA ĐTXD huyện	1001/QĐ-UBND ngày 15/6/2023	10.750		6.450	4.300			4.066	
20	Cụm công trình thủy lợi xã Khánh Hòa, xã Tân Phương, xã Lâm Thượng.	Ban QLDA ĐTXD huyện	3169/QĐ-UBND ngày 19/8/2024	3.500		2.100	1.400			1.217	
21	Hạ tầng kỹ thuật khu xử lý rác thải rắn sinh hoạt thôn Ngòi Kèn xã Liễu Đô	Ban QLDA ĐTXD huyện	5793/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	3.000			3.000			3.000	
22	Chỉnh trang KDC nông thôn thôn 7 xã Mường Lai (khu đất trụ sở UBND xã Mường Lai cũ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3818/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	500			500			489	
23	Chỉnh trang KDC thôn cây thị xã Liễu Đô (khu 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3819/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	4.970			4.970			4.970	
24	Cải tạo và chỉnh trang bờ hồ thị trấn Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	3416/QĐ-UBND ngày 14/9/2024	700			700			700	
25	Chỉnh trang khu dân cư thôn 1, xã Tân Lĩnh	Ban QLDA ĐTXD huyện	3577/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	6.000			6.000			532	
26	Khu thể thao xã Trung Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện		4.000			4.000			384	
27	Trường mầm non Hồng Ngọc	Ban QLDA ĐTXD huyện	3156/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	40.000		20.000	20.000			0	
28	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	3157/QĐ-UBND ngày 11/12/2020	30.000		15.000	15.000			0	
29	San tạo mặt bằng Trường PTDT Nội trú THCS Lục Yên và Trường Mầm non Hồng Ngọc huyện Lục Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện	4048/QĐ-BND ngày 23/11/2020	16.500			16.500			13.206	
30	Chỉnh trang đô thị (tổ dân phố 1), thị trấn Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	1541/QĐ-UBND ngày 15/4/2024	5.000			5.000			709	
31	Chỉnh trang khu dân cư thôn 4, xã Tân Lĩnh	Ban QLDA ĐTXD huyện		5.600			5.600			316	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
					Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
III.3	Dự án đang triển khai thực hiện (đã khởi công nhưng chưa hoàn thành)			438.100	0	120.200	317.900	0	53.102	249.865	
1	Hạ tầng Cụm công nghiệp Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	2906/QĐ-UBND ngày 25/11/2019	65.000		32.500	32.500		27.948	22.825	
2	Đường Phạm Văn Đồng kéo dài kết hợp phát triển quỹ đất (điểm đầu ngã tư khu tái định cư, điểm cuối nối vào đường Yên Thế - Vĩnh Kiên)	Ban QLDA ĐTXD huyện	4213/QĐ-UBND ngày 04/12/2020	115.000			115.000		25.154	88.719	
3	Nhà làm việc đoàn thể kết hợp Nhà văn hóa xã Khánh Hòa, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	1681/QĐ-UBND ngày 04/5/2024	7.000			7.000			7.000	
4	Trụ sở xã Tân Phượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	3652/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.500		3.900	2.600			2.600	
5	Trụ sở xã Trung Tâm, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	3653/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	6.500		3.900	2.600			979	
6	Nâng cấp khu thể thao xã Động Quan	Ban QLDA ĐTXD huyện	5801/QĐ-UBND ngày 08/12/2023	500			500			500	
7	Trường THCS Phúc Lợi	Ban QLDA ĐTXD huyện	1466/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	4.000			4.000			4.000	
8	Trường TH&THCS Tân Phượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ 1940/QĐ-UBND ngày 30/9/2024	8.500		5.100	3.400			3.400	
9	Trường TH&THCS Minh Tiến số 1	Ban QLDA ĐTXD huyện	3654/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	8.000		4.800	3.200			3.200	
10	Trường Mầm non Hoa Mai xã Yên Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	2119/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	10.000		7.000	3.000			3.000	
11	Trường TH&THCS Tân Phượng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái (hạng mục 04 phòng học Mầm non chuẩn và các hạng mục phụ trợ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	3656/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	5.500			5.500			5.500	
12	Xây dựng khu dân cư đô thị mới tại tổ dân phố 12 (khu C), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Ban QLDA ĐTXD huyện	2697/QĐ-UBND ngày 02/8/2022	40.000			40.000			40.000	
13	Chỉnh trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu A), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Ban QLDA ĐTXD huyện	4033/QĐ-UBND ngày 05/11/2024	22.600			22.600			18.557	
14	Chỉnh trang đô thị, quỹ đất tại tổ dân phố 12 (khu B), thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái,	Ban QLDA ĐTXD huyện	3388/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	15.500			15.500			15.376	

Stt	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư						Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
			Số QĐ/CTĐT, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư dự án							
				Tổng cộng	Trong đó:			Vốn khác			
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương					
				Ngân sách trung ương	Vốn ngân sách tỉnh	Vốn ngân sách huyện					
15	Chỉnh trang đô thị thôn Cốc Há, thị trấn Yên Thế (nay là Tổ 12, thị trấn Yên Thế)	Ban QLDA ĐTXD huyện	1068/QĐ-UBND ngày 14/3/2024	3.500			3.500			1.963	
16	Chỉnh trang đô thị, thị trấn Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	4788/QĐ-UBND ngày 26/10/2023	30.000			30.000			9.972	
17	Đường tránh nội thị thị trấn Yên Thế (đoạn cụm công nghiệp Yên Thế - Tỉnh lộ 170)	Ban QLDA ĐTXD huyện	QĐ 575/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	90.000		63.000	27.000		0	22.274	

BIỂU SỐ 12

BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					57.303.993	28.120.781	6.890.195	18.105.100	
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG					21.914.357	6.996.709	2.253.862	3.605.100	
1	Trường tiểu học Bắc Lệnh thành phố Lào Cai hạng mục nhà lớp học 12 phòng	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	2961, 28/6/2017	6.920	6.290	6.208	82	
2	Hội trường, nhà văn hóa phường Kim Tân, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	1353, 05/3/2021	5.439	3.807	2.837	970	
3	Xây mới nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Nam Cường, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	80, 11/01/2021	6.373		6.120	253	
4	Xây mới nhà đa năng, phòng học chức năng và ngoại thất Trường THCS Pom Hán, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	3479;27/09/2021	14.033	12.480	8.082	4.398	
5	Cầu tràn nổi thôn Pờrì 1,2,3 với thôn Cóc 1,2 và Kè chống sạt lở suối trung tâm xã Tả Pờrì, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2322,27/7/2021	5.867	4.200	3.514	686	
6	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ. Hạng mục: Nhà lớp học, nhà ăn và phòng nghỉ bán trú	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	2498, 15/7/2021	14.432	7.171	2.235	4.936	
7	Trường tiểu học Bắc Cường, thành phố Lào Cai. Hạng mục: Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ.	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2461,13/7/2021	10.598	7.419	1.925	5.494	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
8	Nhà làm việc khối đoàn thể và các hạng mục trụ sở UBND phường Xuân Tăng	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	743, 04/2/2021	4.384	1.950	1.000	950	
9	Trường tiểu học Bắc Lệnh. Hạng mục: Nhà lớp học 12 phòng, phá dỡ và ngoại thất	UBND TP Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	216, ngày 27/01/2022	6.773	6.773	6.480	293	
10	Trường THCS Kim Tân, thành phố Lào Cai. Hạng mục nhà hiệu bộ kết hợp lớp học, phòng học chức năng, ngoại thất và phá dỡ	UBND TP Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	865, ngày 26/4/2022	13.213	9.249	5.100	4.149	
11	Trường mầm non Bắc Cường thành phố Lào Cai. Hạng mục nhà lớp học 09 phòng và phá dỡ	UBND TP Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	BB QT ngày 12/5/2022	7.351	5.146	3.000	2.146	
12	Trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3687,31/10/2019	13.500	9.450	2.363	6.000	
13	Đường kết nối Khu kinh tế cửa khẩu Kim Thành - Tỉnh lộ 156, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1404;22/6/2022	35.000	20.000		18.500	
14	Nâng cấp, mở rộng các nhánh kết nối nút giao IC19 thuộc đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai với QL.4D và TL.155	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	792, ngày 11/4/2023	18.800	18.800		17.000	
15	Cải tạo, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật dọc Quốc lộ 4D và giải phóng mặt bằng dự án xử lý điểm đen tai nạn giao thông trên Quốc lộ 4D tại Km136+300; Km 137+00, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	1742,26/5/2021	40.000	40.000		28.093	
16	Cải tạo mở rộng, nâng cấp mặt đường Ngõ Minh Loan phường Bắc Cường thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	1950a,14/6/2016;2701a,19/8/2016; 3741,06/11/2019; 163, 18/01/2021	55.633	48.841	34.295	12.400	
17	Xử lý một số điểm ngập úng đường Lê Thanh, phường Bắc Cường, Nam Cường TP Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3688,31/10/2019	10.500	7.350	2.205	5.145	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
18	Tuyến đường xã Tả Phời, thành phố Lào Cai (đoạn từ trung tâm xã Tả Phời đi thôn Láo Lý)	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2371,08/7/2021	11.000	7.700		7.700	
19	Cải tạo, nâng cấp đường ngã ba Bến Đá - ngã ba Phân Lân, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1861, 02/6/2021	12.000	8.400		8.400	
20	Cầu qua suối Ngòi Đường, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1452, 05/5/2021	11.000	7.700		7.700	
21	Đường nối trung tâm thành phố Lào Cai - trung tâm xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4025/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	25.000	17.500		17.500	
22	Đường vào khu dân cư tổ 18A và trung tâm huấn luyện bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai đoạn từ nút giao N21 đến nút giao N116	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1461, 06/5/2021	21.000	14.700		14.700	
23	Trường THCS Lý Tự Trọng, phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai. Hạng mục: Nhà đa năng, cải tạo nhà lớp học và ngoại thất	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1817, 31/5/2021	14.960	10.470		10.470	
24	Mở rộng, nâng cấp trường mầm non Hợp Thành, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1679, 20/5/2021	13.600	9.520		9.520	
25	Trường Tiểu học Lê Văn Tám, thành phố Lào Cai. Hạng mục nhà lớp học kết hợp phòng chức năng, mở rộng, sửa chữa nhà chia cơm thành nhà bếp ăn và ngoại thất	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2794; ngày 17/11/2022	13.500	9.500		9.500	
26	Trụ sở Đảng ủy HĐND - UBND, nhà hội trường kết hợp nhà văn hóa, nhà cai nghiện và các hạng mục phụ trợ phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3121,26/8/2021	21.000	14.700		14.700	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
27	Ngầm tràn liên hợp thôn Léch Mông A, xã Thanh Kim; Ngầm Tràn liên hợp thôn Kim San đi Sả Chải xã Bản Khoang, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4764, 30-10-2017	8.500	8.500	6.855	437	
28	Trường Tiểu học Sa Pả, xã Sa Pả; Trường mầm non – tiểu học San Sả Hồ, xã San Sả Hồ, huyện Sa Pa (xóa phòng học tạm).	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4759, 30-10-2017	8.300	8.300	7.470	830	
29	Cầu bản BTCT thôn Can hồ Mông, xã Bản Khoang; ngầm tràn liên hợp thôn Suối hồ, xã Sa Pa, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3494-31/10/2018	14.500	13.775	6.615	7.160	
30	Sửa chữa tuyến đường ĐH 96 (ngã ba Bản Dền đi UBND xã Thanh Bình), thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	761, 10/3/2021	12.600	6.300		6.300	
31	Trường PTDTBT THCS Lao Chải, xã Lao Chải, huyện Sa Pa (xoá phòng học tạm)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3493-31/10/2018	14.800	14.060	5.326	7.309	
32	Cầu tràn liên hợp Lủ Khẩu - Kim Ngan, xã Bản Khoang, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3686, 31/10/2019	11.000	10.450	2.530	6.878	
33	Đường Nậm Nhiu, xã Nậm Sài đi Sín Chải A, xã Thanh Phú, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3690, 31/10/2019	12.129	11.523	4.270	7.253	
34	Sửa chữa đường nội thị thị trấn Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	3764-28/10/2016	19.442	18.470	17.498	464	
35	Trụ sở làm việc công an và dân quân xã Thanh Phú và xã Nậm Cang huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	1599 (31-10-2017)	3.657	3.000	2.700	300	
36	Chợ du lịch cụm xã Tả Van, Lao Chải, Hầu Thào, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3413-17/10/2019; 4584,29/12/2021	14.950	14.950	1.840	4.200	
37	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ Ô Quý Hồ đi khu du lịch Cát Cát (TL 152 kéo dài), thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4070;19/11/2021	45.000	35.000		15.000	
38	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Cầu Mây, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4684;31/12/2021	22.000	20.000		19.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
39	Cầu thôn Tả Chải, xã Tả Phìn, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1451,05/5/2021	6.200	6.200		5.040	
40	Sửa chữa thủy lợi Cửa Cải, xã Ngũ Chỉ Sơn, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	93, 4/3/2021	2.900	2.900		2.900	
41	Sửa chữa, mở rộng mặt đường và làm mới hệ thống thoát nước tuyến đường ĐH92, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	827,21/4/2022	18.000	18.000		18.000	
42	Nâng cấp, mở rộng đường nối QL4D (km113) đi trụ sở mới UBND xã Trung Chải, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3937, 16/11/202; 2627, 22/7/2021	14.400	7.200		7.200	
43	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Hàm Rồng, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	41-04/12/2020	34.500	28.000			
44	Đường thôn Gia Khẩu, xã Ngũ Chỉ Sơn, thị xã Sa Pa kết nối đường đi xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1480, 07/5/2021	17.100	7.200		7.200	
45	Đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, xây dựng trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND phường Ô Quý Hồ, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	41-04/12/2020	38.300	35.000			
46	Nâng cấp đường Sả Xéng, xã Tả Phìn đi Móng Sến, xã Trung Chải, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1860,02/6/2021	14.700	13.500		13.500	
47	Lát đá vỉa hè, rãnh thoát nước QL4D (đoạn KM 105 đến KM108+100), thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1427, 04/5/2021	14.280	7.140		7.140	
48	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Mường Bo, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	3023; ngày 02/12/2022	3.300	3.300		3.300	
49	Nâng cấp, mở rộng đường vào trung tâm xã Mường Hoa, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1482,07/5/2021	10.000	8.500		8.500	
50	Trường PTDTBT tiểu học xã Bản Giã; Trường PTDTBT tiểu học xã Thái Giàng Phố	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	89/14/01/2021	9.122	9.122	8.820	302	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
51	Trường PTDTBT tiểu học xã Nậm Lúc; Trường PTDTBT tiểu học xã Tả Cù Tỷ	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4728/30/10/17	9.049	9.049	8.550	499	
52	Bến thuyền sông Chảy xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2008	90,14/01/2021	547	547	500	47	
53	Nâng cấp chợ văn hóa Bắc Hà, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	3818/31/10/2016	47.676	47.676	43.200	4.476	
54	Trụ sở làm việc công an và dân quân xã Nậm Mòn và Cốc Lầu, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	522/18/11/19	4.000	3.800	2.565	1.235	
55	Cầu bản thôn Khởi Xá 1, xã Bảo Nhai; Ngầm tràn liên hợp thôn Bản Cái, xã Nậm Lúc; Cầu suối Ngòi Đùn, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2019 - 2021	3480/31/10/2018	11.487	11.487	6.885	4.602	
56	Đường liên xã Bảo Nhai - xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3556/29/10/2019	30.196	28.686	14.560	14.126	
57	Đường liên xã Nậm Mòn - xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3481/31/10/2018	14.950	14.203	7.760	6.443	
58	Đường liên xã Thái Giàng Phố - Bản Liền, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3477/31/10/2018	24.164	22.956	12.820	10.136	
59	Đường từ thôn Làng Mới xã Nậm Khánh đi thôn Xà Phìn, xã Bản Liền, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	1248/08/6/2022	14.460	14.460	9.031	5.429	
60	Cầu thôn Dín Tùng, xã Lầu Thí Ngòi và Cầu qua suối Nậm Cáy thuộc Tỉnh lộ 153 đường Pạc Kha, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3087,01/10/2019	11.331	11.331	2.760	8.271	
61	Nhà Văn hóa các dân tộc huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; hạng mục Thiết bị, ngoại thất, cấp nước, PCCC, cấp điện ngoài nhà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2015-2023	94; 13/01/2023	7.492	7.492	6.000	1.492	
62	Hồ chứa nước Na Cò huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2006-2010	91/14/01/21	24.632	24.632	23.957	564	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
63	Cầu bản thôn Làng Mương, xã Nậm Mòn; Ngầm tràn liên hợp thôn Tả Thồ 1 - Phìn Chư 3, xã Hoàng Thu Phố; Cầu Bản thôn Nậm Chằm, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	3394/6/10/2020	8.120	8.120	7.800	320	
64	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Làng Mương, xã Nậm Mòn – Trung Đô, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3152,07/10/2019	11.250	11.250	3.105	8.145	
65	Dự án đường vành đai 2 (đoạn DT 153 đi UBND xã Na Hối - Na Kim, xã Tà Chải), huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018 - 2022	3609/31/10/2019	300.000	90.000	50.000	34.700	
66	Nâng cấp đường vào điểm SXDC thôn Pờ Chồ 3, Lũ Chồ 2 xã Lầu Thí Ngải Hạng mục Kéo dài đoạn cuối tuyến 2,5km (giai đoạn II)	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2010-2022	2193/13/7/18	5.060	5.060	4.905	155	
67	Mương thoát lũ khu dân cư và trường TH-THCS xã Thái Giàng Phố, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1368,28/4/2021	6.500	6.500		950	
68	Cải tạo, nâng cấp đường từ Tỉnh lộ 153 – Đền Trung Đô, xã Bảo Nhài, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1526,11/5/2021	23.000	23.000		23.000	
69	Bệnh viện Đa khoa huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai		NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai 4686, ngày 31/12/2022	200.000	10.000		10.000	
70	Cầu Na Hô xã Tà Chải; Cầu Nậm Kha 1, cầu Nậm Nhù xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1879,03/6/2021	12.800	12.800		12.800	
71	Nâng cấp đường liên xã từ thôn Nậm Giá, xã Cốc Ly đến thôn Phéc Bùng, xã Bản Phố, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1729,25/5/2021	13.995	13.995		13.995	
72	Đường liên xã từ thôn Nậm Đét, xã Nậm Đét đến thôn Cốc Đàm, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1512/10/5/2021	9.800	9.800		9.800	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
73	Chỉnh trang hệ thống đường; Hệ thống thoát nước các tuyến phố còn lại và Công viên cây xanh thuộc nội thị, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1539/11/5/2021	14.990	14.990		14.990	
74	Cải tạo, nâng cấp đường từ Trạm vật tư thị trấn Bắc Hà đi UBND xã Na Hối, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1450,05/5/2021	12.500	12.500		12.500	
75	Nâng cấp mạng đường nội thị thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1449/05/5/2021	13.320	13.320		13.320	
76	Đường liên xã Ngải Ma - Lùng Trù, xã Thái Giàng Phố - Sán Sả Hồ, xã Bản Liên, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1908,04/6/2021	13.500	13.500		13.500	
77	Thủy lợi Nậm Tồn, xã Nậm Khánh, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	473/30/10/2020	3.500	3.500		3.500	
78	Thủy lợi thôn Kho Vàng, xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	47430/10/2020	3.200	3.200		3.200	
79	Cầu Khe Đê, Cầu thôn Sín Chải, xã Tả Củ Tỷ; Cầu thôn Nậm Đét, xã Nậm Đét, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1531/11/5/2021	6.500	6.500		6.500	
80	Cải tạo công viên Hồ Na Cồ, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3222,019/2021	38.818	38.818		38.818	
81	Trung tâm Y tế huyện Bắc Hà	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1048- 24/5/2022	18.000	17.100		17.100	
82	Trụ sở hành chính huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2023-2026		200.000	140.000		85.000	
83	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu vực trung tâm xã Thái Giàng Phố	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1869; ngày 25/8/2022	24.500	24.500		18.000	
84	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Bản Liên, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	3020; ngày 02/12/2022	3.207	3.207		3.300	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
85	Nâng cấp, sửa chữa 03 tuyến đường (Đường Hoàng Thu Phố - Tả Thồ - Nhiều Cỏ Ván - Tả Van Chư; Đường UBND xã Hoàng Thu Phố - UBND xã Cốc Ly; Đường Nậm Tông xã Nậm Lúc đi Cô Tông xã Bản Cỏi) huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	482,15/11/2021	6.000	6.000		6.000	
86	Cấp điện thôn Tùng Chín xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	4494-15/7/2024	1.978	903		903	
87	Hội trường kết hợp nhà văn hóa xã Mường Hum, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4798-08/11/2019	4.880	4.880	4.835	45	
88	Trường MN, TH và THCS Bản Xèo; Trường PTDTBT TH và THCS Dền Sáng; Trường MN, TH và THCS Tòng Sánh; Trường TH Cốc San, huyện Bát Xát (xóa phòng học tạm)	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	1090-21/4/2020	9.210	9.210	8.640	570	
89	Ngầm tràn liên hợp thôn Pạc Tà xã A Mú Sung; Ngầm Tràn liên hợp thôn Sa Pả xã A Mú Sung, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	2060-01/7/2020	8.356	8.356	7.650	706	
90	Cấp điện sinh hoạt thôn Sài Duần, Tả Trang, Láo Sáng, Sùng Bang, Trung Hồ xã Phìn Ngan	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	5610 13/12/2017	12.017	12.017	12.010	7	
91	Trường PTDTBT THCS Pa Cheo, Trường TH và THCS Cốc Mỳ	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	1083 - 21/4/2020	9.766	9.766	9.207	559	
92	Trường PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo, Trường PTDTBT THCS Phìn Ngan, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	3520 - 31/10/2018	7.000	7.000	3.640	2.905	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
93	Nhà đa chức năng Trường Tiểu học và THCS Tả Ngảo; Nhà hiệu bộ Trường THCS xã Bản Qua; Nhà lớp học Trường Tiểu học Bản Qua, xã Bản Qua, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1731; 18/7/2023	7.848	7.848		7.848	
94	Cầu tràn thôn Sinh Cơ đi thôn Tung Quang Lìn; Ngầm tràn LH thôn Ky Quan San xã SMS	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	3184-30/8/2021	10.678	10.678	6.000	4.678	
95	Đường liên xã từ thôn Tân Giang, xã Cốc Mỷ đi thôn Tân Tiến, xã Trịnh Tường huyện Bát Xát.	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	3526 -31/10/2018	14.998	14.998	7.840	7.158	
96	Sửa chữa tuyến đường từ Trung tâm xã Y Tý đi Cầu Thiên Sinh	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3522 31/10/2018; 4217 -26/11/2020	14.974	14.974	8.730	4.160	
97	Kè suối khu dân cư thôn 2 xã Bản Vược	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	3809 - 12/11/2019	9.800	9.800	5.120	3.659	
98	Cấp điện thôn Bản Lầu xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	6889; 09/11/2023	4.876	2.226		2.226	
99	Trường TH Tòng Sành (trường chính)	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	646-09/02/2017; 2526-15/8/2019	8.200	2.664	2.500	164	
100	Đường từ xã Nậm Pung, huyện Bát Xát đến xã Tả Giàng Phình, huyện Sa Pa	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	4773 30/10/2017	18.000	17.100	16.200	900	
101	Cầu tràn thôn Nậm Pên II, xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3056,30/9/2019; 3603,31/10/2019	4.265	4.265	1.540	2.725	
102	Nhà khách UBND huyện Bát Xát tại xã Y Tý	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	3213 -22/9/2020	12.310	6.824	4.399	1.800	
103	Đường tránh trung tâm cụm xã Trịnh Tường (điểm đầu từ Km29+600, điểm cuối Km32 Đường ĐT165 xã Trịnh Tường), huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	3524 31/10/2018; 1722 - 14/6/2019	14.934	14.187	7.760	6.427	
104	Kè thoát lũ trung tâm thị trấn Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	1689 -12/6/2019	20.000	19.000	9.577	9.423	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
105	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Pa Cheo, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	2944; ngày 28/11/2022	3.300	3.300		3.300	
106	Đường từ xã Pa Cheo đi xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát đoạn Km6+500 - Km14+500 (từ thôn Bản Giàng, xã Pa Cheo đến thôn Khú Trù, xã Phìn Ngan)	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3471 - 12/10/2020	25.000	23.750	4.000	17.385	
107	Cấp điện thôn Phìn Ngan xã Trịnh trường, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	7760 ngày 07/12/2023	4.734	2.084		2.084	
108	Cầu tràn thôn Ngải Trô 1 đi Ngải Trô 2 xã A Mú Sung; Cầu tràn thôn Ná Lùng đi thôn Nậm Chôm xã Cốc Mỹ, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3050 - 10/9/2020	8.000	7.600	1.360	6.240	
109	Đường nối từ Km2+200 Tỉnh lộ 158 đến đường tuần tra biên giới, đoạn từ thôn Bản Pho đến thôn Lũng Pô, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2948,20/9/2019; 3606,31/10/2019	15.000	14.250	6.750	7.500	
110	Đường từ Km28+650 ĐT 156B đi các thôn Kim Tiến, Làng Păn, Tả Trang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2935,20/9/2019; 3605,31/10/2019	15.000	14.250	7.200	7.050	
111	Xây dựng cầu Mường Hum, xã Mường Hum, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3287 - 28/9/2020	30.000	15.000		13.591	
112	Nhà lớp học bộ môn, Nhà bán trú và Nhà đa năng trường PTDTBT TH và THCS Dền Sáng, xã Dền Sáng, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4917, 31/12/2020	8.500	8.500		8.264	
113	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Bản Qua, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1297,23/4/2021	10.057	10.057		10.057	
114	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Bản Vược, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1370,28/4/2021	13.968	13.968		14.064	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
115	Đường Quang Kim - Phìn Ngan (từ Km4 đi trung tâm xã Phìn Ngan mới), huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2907,13/8/2021	14.992	12.800		12.800	
116	Cầu treo Láo Vàng Chải xã Tòng Sánh; Cầu tràn thôn Suối Chải, xã Phìn Ngan; Cầu tràn Sùng Hoàng thôn Van Hồ, xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1885,03/6/2021	12.000	12.000		12.000	
117	Xây mới cầu Nậm Pung, xã Nậm Pung, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2250,30/6/2021	10.000	10.000		10.000	
118	Xây dựng mới bãi đỗ xe tại trung tâm xã Y Tý, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1374,28/4/2021	10.000	10.000		2.266	
119	Hệ thống thủy lợi xã A Lù, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3481/QĐ-UBND ngày 23/12/2024	6.868	6.868		7.000	
120	Xây mới Nhà lớp học và hỗ trợ học tập trường Tiểu học thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1422,04/5/2021	7.395	7.395		7.395	
121	Kè chống sạt lở bờ suối Bản Mạc xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1373,28/4/2021	14.900	14.900		14.900	
122	Kè suối chống sạt lở tại trung tâm xã Nậm Chạc, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3784/QĐ-UBND ngày 26/4/2022	14.990	14.990		14.990	
123	Nâng cấp tuyến đường từ Tỉnh lộ 156 vào UBND xã Nậm Chạc, huyện Bát Xát.	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2908,13/8/2021	14.000	14.000		14.000	
124	Trụ sở Đảng ủy xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát và cấp điện, cấp nước sinh hoạt cho người dân trong vực	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1617,17/5/2021	13.500	13.500		12.942	
125	Trường MN xã Xuân Giao; Trường THCS số 2 xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3631/31/10/2019	8.765	8.765	5.265	3.500	
126	Trường Tiểu học xã Phố Lu, Trường Tiểu học số 2 xã Gia Phú, Trường THCS số 1 xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng (xóa phòng học tạm)	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4745 (30-10-2017)	9.401	9.401	8.712	689	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
127	Trường Tiểu học số 2 xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	4666/21/12/2020	9.038	9.038	5.321	3.717	
128	Cầu tràn Khe Bá - Phú Hải 1, xã Phú Nhuận	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3471, 31/10/2018	9.800	9.800	7.600	1.679	
129	Ngầm tràn liên hợp thôn Cù 1, xã Xuân Giao; Cầu vượt suối Con Chăn tại thôn Làng Chung; Cầu thôn Làng Chung đi thôn Tả Hà 1 và thôn Nam Hải, xã Sơn Hà, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3472/31/10/2018; 1665, 04/07/2024	9.001	9.001	8.580	1.320	
130	Trường Tiểu học số 1 xã Gia Phú và Trường Tiểu học số 2 thị trấn Tằng Loỏng, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1819,31/5/2021; 2316 ngày 11/9/2024	13.128	13.128		13.128	
131	Cải tạo, nâng cấp đường từ thôn Làng My, xã Xuân Quang đi Đền Đồng An, thôn Quyết tâm, xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	4771,30/10/2017	25.000	25.000	19.822	5.178	
132	Đường BQ7 nối từ QL70 xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng đi thôn Na Lốc, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	3473/31/10/2018	30.158	29.000	14.900	14.100	
133	Nâng cấp tuyến đường liên xã từ An Thành - Khe Tắm, xã Phố Lu đi xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3673/31/10/2019	26.500	25.417	13.075	12.342	
134	Đường Từ QL70 đi tỉnh lộ 157 và đường từ tỉnh lộ 157 TT Phong Hải đi xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3673/31/10/2019	30.000	26.600	4.690	21.910	
135	Xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Vạn Hòa - Yên Bái đến đường Làng Giàng - Quốc lộ 70	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai		NQ số 04 ngày 09/4/2021 của HĐND tỉnh; 1829,31/5/2021	102.500	15.200		15.200	
136	Trung tâm y tế huyện Bảo Thắng	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1030- 20/5/2022	18.000	17.100		17.100	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
137	Đường từ ga Làng Giàng xã Thái Niên đi thôn Làng Chung xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1883,03/6/2021	13.800	13.800		13.800	
138	Cầu thôn Tăng Loỏng, thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1705,21/5/2021	8.000	8.000		8.000	
139	Đường liên xã từ Xả Hồ, xã Phong Niên đi Km11 Quốc lộ 4E xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2942,17/8/2021	9.000	9.000		9.000	
140	Trường Tiểu học xã Sơn Hải, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1421,04/5/2021; 1890, 04/8/2023	8.944	8.944		8.944	
141	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1371,28/04/2021; 917, 20/04/2023	8.030	8.030		8.030	
142	Nhà làm việc và các hạng mục phụ Trợ trụ sở UBND xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1542,11/5/2021	10.266	10.266		10.266	
143	Nhà thi đấu đa năng huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1445,05/5/2021	14.800	14.800		14.800	
144	Đường từ Quốc lộ 4E đi xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2943,17/8/2021; 876, 18/4/2023	31.200	27.700		27.700	
145	Cầu thôn Đầu Nhuận, xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1735,25/5/2021	10.800	10.800		10.800	
146	Nhà lớp học chức năng, hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ, ngoại thất Trường Mầm non số 1 thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1830,01/6/2021; 2321, 25/09/2023	11.093	11.093		11.093	
147	Trường THCS thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1656, 03/07/2024	10.867	10.867		11.500	
148	Đường liên xã từ Sơn Hà đi đền Cô Ba xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1823,31/5/2021	34.623	26.000		26.000	
149	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2685; ngày 11/11/2022	20.000	20.000		20.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
150	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	2692; ngày 11/11/2022	3.300	3.300		3.300	
151	Khu sản xuất, chế biến nông lâm sản tập trung kết hợp sắp xếp dân cư xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	6671,16/7/2021	14.990	7.490		7.490	
152	Kè và mặt bằng Tổ 3B thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2010-2022	2358;13/10/2022	7.986	7.986	7.922	64	
153	Trường TH Xuân Thượng 1, xã Xuân Thượng; Trường TH Thượng Hà 2, xã Thượng Hà; Trường TH Nghĩa Đô, xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên (xóa phòng học tạm).	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4784*30/10/2017	9.542	9.542	8.820	722	
154	Cầu tràn Bản Nhảm, Cầu tràn Bản Thâm Bon, Cầu tràn Bản Thâm Bon đi Bản Mo 2, Cầu tràn Bản Mo 2, xã Xuân Hòa, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2885,17/9/2019	13.123	13.123	4.470	8.653	
155	Đường D1 trung tâm xã Bảo Hà (QL279 - Bản Bảo Vinh)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2013	2871a,25/10/2013	192	192		192	
156	Cầu tràn bản Nậm Pẩu - Khuổi Pu; Cầu tràn bản Nậm Pẩu 3 - Lò Vôi; Cầu tràn bản Pác Mạc 2 - Nậm Mược, xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2869,16/9/2019 4045, 17/11/2021	9.617	9.617	4.606	5.011	
157	Trường mẫu giáo xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	3800-31/10/2016; 374-30/3/2017	8.917	8.786	7.971	815	
158	Nhà hợp khối UBND huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	3814-31/10/2016	170.400	60.000	60.000		
159	Nâng cấp tuyến đường kết nối trung tâm xã Phúc Khánh đi xã Lương Sơn huyện Bảo Yên (đoạn từ trung tâm xã Phúc Khánh đi ngã 3 khe Thín)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	439*7/3/2024	11.000	9.000		9.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
160	Đường bản 9 Vành xã Xuân Thượng huyện Bảo Yên đi xã Nà Khương huyện Quang Bình	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	-3503, 31/10/2018 - 1970, 04/7/2019 - 2320, K115 22/7/2020	14.800	14.060	5.880	8.180	
161	Đường Bản 5 Vải Siêu xã Thượng Hà đi Bản Trang B xã Điện Quan huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2889,17/9/2019	17.500	16.625	3.850	12.775	
162	Cầu tràn Bản Vuộc 1 (Ô Chúng); Cầu tràn Bản Vuộc 2 (Ô Thủy); Cầu tràn Thôn Pít (Ô Nam), Cầu tràn Thôn Sài 1 (Ô Săn), xã Lương Sơn; Cầu tràn Bản 1 AB (Khe Cút), Cầu tràn Bản 1 AB (Cốc Lay), xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2949,20/9/2019	14.000	13.300	5.080	6.940	
163	Nâng cấp tuyến đường liên xã từ xã Việt Tiến huyện Bảo Yên đi xã Tân Phụng, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2939,30/9/2019	14.950	14.203	9.550	4.653	
164	Cầu tràn bản Việt Hải, Cầu tràn bản Bền 2, xã Việt Tiến, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2937,20/9/2019	7.700	7.315	4.700	2.615	
165	Đường giao thông từ Quốc lộ 279 đi Bản Tấp 2, Bản Tấp 1, Bản Chùn xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3038,30/9/2019	13.500	12.825	6.520	6.305	
166	Cầu tràn Bản Chùn vị trí 1; Cầu tràn Bản Chùn vị trí 2; Cầu tràn Bản Bông 1; Cầu tràn Bản Tấp 1, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2939,20/9/2019	12.000	11.400	2.640	8.760	
167	Nâng cấp đường Bản 6, xã Long Khánh, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2881,16/9/2019	8.000	7.600	1.760	5.840	
168	Quy hoạch chi tiết Nghĩa trang Nhân dân xã Cam Cọt huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	1621,17/5/2021	409	409		409	
169	Trụ sở làm việc công an và dân quân xã Tân Dương	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	1879, 30-10-2017	1.640	1.640	1.350	290	
170	Kè bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	3801-31/10/2016	14.748	14.011	13.532	630	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
171	Cầu bản Chom, xã Yên Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	4786, 30-10-2017	10.851	10.851	8.820	2.031	
172	Cầu Đen nối tuyến đường phố Góc Gạo đi Quốc lộ 70 thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	4785, 30-10-2017	12.183	12.183	10.800	1.383	
173	Trung tâm y tế huyện Bảo Yên	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1053- 25/5/2022	18.000	17.100		17.100	
174	Nâng cấp đường từ bản 3 Nhai Thỏ - bản 1 Nhai Tén xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên nối với xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3050,24/8/2021	14.000	14.000		13.846	
175	Hội trường kết hợp nhà văn hóa xã Bảo Hà, xã Điện Quan, xã Xuân Hòa, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1863, 02/6/2021	14.000	14.000		11.093	
176	Nâng cấp tuyến đường liên xã từ xã Xuân Thượng kết nối với đường Tỉnh lộ 160 đi xã Việt Tiến, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1727,25/5/2021; 101,13/01/2023; 3118,07/12/2023	20.000	12.000		17.000	
177	Cần tràn bản Vuộc (Ô. Iép); Cầu tràn bản Vuộc (Ô. Quyn); Cầu tràn bản Sài 1 (Ô. Bằng), xã Lương Sơn; Cầu tràn thôn Trĩ Trong (Ô. Tháng); Cầu tràn thôn Làng Nù (Ô. San), xã Phúc Khánh, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3084,25/8/2021	11.450	11.450		9.850	
178	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vào cụm công nghiệp thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	6641,27/12/2021	13.500	13.500		13.500	
179	Cầu tràn thôn 2 Bảo Ân xã Kim Sơn; Cầu tràn bản 6 Vải Siêu xã Thượng Hà; Cầu tràn bản Bùn 3; Cầu tràn bản Lức xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	6177,02/12/2021	9.500	9.500		9.500	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
180	Nâng cấp, mở rộng và mở mới tuyến đường từ bản Nậm Hu, Nậm Bật xã Tân Tiến, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai đi xã Nà Chì, huyện Xí Mần, tỉnh Hà Giang	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	6177,02/12/2021	14.500	14.500		14.500	
181	Nâng cấp, mở mới tuyến đường liên xã từ bản Khoai 3 xã Bảo Hà đi bản 6AB xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1848,01/6/2021	14.950	14.950		14.950	
182	Nâng cấp, mở mới tuyến đường liên xã từ bản Nậm Nứa qua Nậm Xoong xã Vĩnh Yên đi bản Nà Khương xã Nghĩa Đô huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3072,25/8/2021	14.000	14.000		13.691	
183	Cầu bản Phia 1 + Kè bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2463,13/7/2021	9.000	9.000		9.000	
184	Cầu tràn Bản 5 Vài Siêu (Ông Đức - Ông Bình); Cầu bản Bản 5 Vài Siêu (Ông Thành - Ông Ké); Cầu tràn Bản 2 Vài Siêu (Ông Chính - Ông Lịch); Cầu tràn Bản 1 Vài Siêu (từ Km8 QL70 - NVH Bản 1), xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2964*22/11/2023	11.656	11.656		11.656	
185	Thủy lợi bản Liên Hà, xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	213,28/01/2021	5.110	5.110		5.110	
186	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường tỉnh lộ 160 đoạn từ cầu Hạnh Phúc (thị trấn Phố Ràng) đi UBND xã Xuân Thượng, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2212,29/6/2021	12.000	12.000		12.000	
187	Kè chống sạt lở bờ suối bảo vệ khu dân cư trung tâm xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1789,28/05/2021; 2166*23/8/2024	10.444	10.444		10.444	
188	Hội trường UBND huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1366,28/4/2021	35.000	30.000		30.000	
189	Đường Bản Nậm Cầm xã Nghĩa Đô đi Bản Nậm Đâu xã Tân Tiến, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1849,01/6/2021	11.000	11.000		11.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
190	Xây mới trụ sở UBND xã Tân Tiến huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	4583/QĐ-UBND 29/12/2021	13.500	13.500		19.900	
191	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Phúc Khánh, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	2921; ngày 13/11/2024	25.000	25.000		12.000	
192	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	2840; ngày 21/11/2022	3.300	3.300		3.300	
193	Đường kết nối xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai đi huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3083,25/8/2021	14.600	14.600		14.600	
194	Đường + Cầu vào thôn Chúng Chải 1 + 2 mốc biên giới 142 Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai		4176,24/11/2016	15.373	616		616	
195	Đường cầu vào thôn Chúng Chải 1+2 đi mốc biên giới số 142 xã Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	4176; 24/11/2016; 3484 ngày 31/10/2018	14.652	14.652	13.070	1.582	
196	Đường Sảng Chải - Đường ra biên giới xã Mường Khương huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2009-2022	79 ngày 13/01/2022	20.308	1.486		1.486	
197	Hội trường kết hợp nhà văn hóa xã La Pan Tẩn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	3320, 30/10/2017	4.668	4.668	4.320	348	
198	Trường THCS xã Lùng Vai, huyện Mường Khương (xóa phòng học tạm)	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3485, 31/10/2018	8.980	8.980	7.800	1.180	
199	Đường TL 154 đến thôn Ma Cái Thàng, xã La Pán Tẩn huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	3795-30/10/2015	20.212	19.076	16.300	2.500	
200	Đường từ thôn Dê Chú Thàng, thị trấn Mường Khương đến đường tuần tra biên giới nối vào đường đi mốc 130 xã Nậm Chảy, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4792, 30-10-2017	14.305	13.590	7.620		
201	Xây dựng tuyến đường DT 154 – Ma Cái Thàng, xã La Pán Tẩn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4793, 30/10/2017	14.958	14.210	10.390	3.820	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
202	Nâng cấp tuyến đường từ QL4D đi thôn Cốc Lầy - Pồ Ngảng nối vào đường đi mốc 117 xã Lùng Vai, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3092,01/10/2019	26.500	25.175	7.330	19.170	
203	Nâng cấp đường nối tiếp từ thôn Sín Chải A, xã La Pan Tẩn đi thôn Suối Thầu, xã Bản Xen, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3483, 31/10/2018	13.000	13.000	6.480	6.520	
204	Đường liên xã từ thôn Cán Hồ xã Tung Chung Phố đi thôn Bản Phố, xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3042,30/9/2019	15.000	14.250	7.050	5.800	
205	Xây dựng 8 cầu tràn trên tuyến đường vào thôn Na Lốc 1,2 Pạc Bo, Đồi Gianh, Na Nhung xã Bản Lầu và Sín Lùng Chải A xã Lùng Khẩu Nhìn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3153,07/10/2019	8.000	7.600	3.760	4.240	
206	Nâng cấp đường từ trung tâm xã Pha Long đến Cửa khẩu phụ Lò Cô Chín, xã Pha Long, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3044,30/9/2019	13.500	12.825	4.970	7.492	
207	Đường ra biên giới xã Mường Khương - Tung Chung Phố, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2363,13/10/2022	11.035	11.035	10.683	352	
208	Nâng cấp tuyến đường liên xã từ thôn Suối Thầu xã Bản Xen đến thôn Sín Chải A xã La Pan Tẩn	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2021	3483, 31/10/2018	14.500	13.927	12.890	500	
209	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Nậm Chảy, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	2949; ngày 28/11/2022	3.300	3.300		3.300	
210	Nâng cấp tuyến đường từ Làng thanh niên lập nghiệp xã Lùng Vai đến đường ĐT154 nối vào đường đi Mốc 117, xã Nậm Chảy, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1378,29/4/2021	13.000	13.000		13.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
211	Nâng cấp đường từ Làng thanh niên lập nghiệp đi thôn Cốc Phương, xã Bản Lầu nối vào đường Nậm Chảy - Bản Lầu, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1593,13/5/2021	9.500	9.500		4.665	
212	Trụ sở làm việc công an và Dân quân xã Bản Xen, xã Lũng Vai và xã Thanh Bình, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1619,17/5/2021	6.000	6.000		6.000	
213	Trụ sở làm việc công an và dân quân xã Nậm Lư, xã Lũng Khẩu Nhìn và xã Cao Sơn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1541,11/5/2021	6.000	6.000		6.000	
214	Nâng cấp tuyến đường từ thôn Lũng Pâu 1,2 xã Tung Chung Phố đi thôn Ma Lù Thàng, xã Pha Long, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1903, 4/6/2021	10.800	10.800		9.800	
215	Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Lũng Khẩu Nhìn và xã Cao Sơn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1595,13/5/2021; 859 , 17/4/2023	19.500	19.500		15.000	
216	Nâng cấp tuyến đường liên xã từ thôn Lao Chải, thị trấn Mường Khương đến thôn Tả Chu Phùng, xã Tung Chung Phố, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1594,13/5/2021	8.000	8.000		8.000	
217	Nâng cấp, mở mới tuyến đường từ thôn Thính Chéng xã Thanh Bình đi thôn Sả Lũng Phìn xã Nậm Chảy, nối vào tỉnh lộ 154, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1703,21/5/2021	8.000	8.000		8.000	
218	Đường La Pan Tẩn - Mường Lum, xã La Pan Tẩn, huyện Mường Khương (Hạng mục mặt đường, rãnh thoát nước)	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1481,07/5/2021	12.800	12.800		11.564	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
219	Nâng cấp tuyến đường từ thôn Sín Chải A đi thôn Mường Lum, xã La Pan Tẩn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1895,04/6/2021	13.500	13.500		13.500	
220	Chợ văn hóa xã Cao Sơn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1543,11/5/2021	7.000	7.000		7.000	
221	Xây dựng 7 cầu trên tuyến đường vào thôn Tà San, Cốc Phúng xã Lùng Vai; Thôn Suối Thầu, Thịnh Ôi xã Bản Xen; Thôn Pác Bo xã Bản Lầu và thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1915,04/6/2021	8.000	8.000		8.000	
222	Nâng cấp tuyến đường từ QL4D đi xã Cao Sơn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3049,24/8/2021	13.500	13.500		12.905	
223	Trường Mầm non xã Tả Gia Khâu, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1387,29/4/2021	12.500	12.500		12.500	
224	Nâng cấp tuyến đường trung tâm xã Nậm Lư, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3017,23/8/2021; 3202; 19/12/2023	14.700	14.700		13.000	
225	Tuyến đường từ thôn Phảng Tao, xã Bản Xen đi thôn Na Pao, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	185,26/4/2021	4.500	4.500		4.500	
226	Cầu qua suối hồ trung tâm thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1704,21/5/2021	8.500	8.500		8.500	
227	Đường liên xã từ thôn Pác Tà, xã Tả Gia Khâu đến thôn Na Cỏ, xã Dìn Chín, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1728,25/5/2021	14.950	14.950		14.950	
228	Ngầm tràn thôn Sấn Pán, xã Nậm Chảy; Ngầm tràn trên tuyến đường thôn Suối Thầu, xã Bản Xen đi thôn Sín Chải A, xã La Pan Tẩn,	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3484, 31/10/2018	8.546	8.546	5.395	3.151	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
229	Trường mầm non Chợ Châu, xã Lùng Vai; Trường tiểu học xã Lùng Khẩu Nhìn, huyện Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3079,01/10/2019	7.590	7.590	3.760	3.830	
230	Đường từ Mường Lum xã La Pan Tân đi xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng (nối vào QL 70)	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1884,03/6/2021	38.000	38.000		41.600	
231	Trụ sở làm việc Công an và dân quân xã Nàn Sín và xã Cán Hồ, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	477 (30-10-2017); 49, 08/7/2021	3.265	3.000	3.000		
232	Cầu thôn Sảng Chải 4 xã Nàn Sán; cống hộp thôn Na Cáng xã Si Ma Cai; cầu thôn Lao Dìn Phàng - Nà Mỏ xã Lùng Sui; cầu Kha Phàng-Sảng Chải 4 xã Nàn Sán huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	93, 14/01/2021	8.724	8.724	8.418	306	
233	Cầu vào thôn Cốc Nghê; Cầu Vào thôn Bản Mế; Cầu vào thôn Na Pá - Chô Phàng; Cống hộp thôn Sín Chải xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai.	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3530-30/9/2021	6.644	6.644	6.253	391	
234	Kè đường Si Ma Cai – Bến Mảng, xã Si Ma Cai; Kè đường vào thôn Sảng Chải 5, xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3077,01/10/2019; 279,27/11/2021	3.926	3.926	1.620	2.306	
235	Nhà văn hóa đa năng huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4754 (30-10-2017)	14.000	13.300	12.600	1.051	
236	Trường PTDTBT THCS xã Sán Chải, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	QĐ số 73/QĐ-UBND ngày 13/01/2022	6.757	6.757	5.590	1.167	
237	Chợ Sín Chéng, xã Sín Chéng, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai		3490-31/10/2018	13.277	13.277	9.100	4.177	
238	Đường giao thông mốc 170 (2) - Cầu La Hờ xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	1507QĐ-UBND ngày 28/5/2019	25.433	25.433	25.040	393	
239	Kè chống sạt lở khu dân cư thôn Cốc Cù, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	QĐ số 311/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	4.447	4.447	1.125	3.322	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
240	Sửa chữa nhà làm việc khối Giáo dục - Y tế huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	484 (30-10-2017)	4.311	4.311	3.732	579	
241	Kè bảo vệ Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã Lùng Thẩn, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	400,21/12/2020	2.500	2.500		2.484	
242	Kè chống sạt lở trường PTDTBT Tiểu học số 2 xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	398,21/12/2020	3.500	3.500		3.460	
243	Chợ văn hóa Cán Cầu, xã Cán Cầu, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	4757 (30-10-2017)	33.990	23.790	21.411	2.379	
244	Hồ trung tâm huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	3822-31/10/2016	33.611	31.930	23.137	4.000	
245	Đường liên huyện từ xã Nàn Sín huyện Si Ma Cai đến xã Hoàng Thu Phố huyện Bắc Hà	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	4758 (30-10-2017)	18.000	17.100	14.400	3.176	
246	Đường liên huyện từ xã Lùng Sui huyện Si Ma Cai đến xã Lùng Cải, huyện Bắc Hà	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2777,09/9/2019	13.500	12.825	3.105	9.720	
247	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Thào Chư Phìn, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	2909; ngày 25/11/2022	3.300	3.300		3.300	
248	Kè đường Sín Chéng - Thào Chư Phìn; Đường Trung tâm xã đi thôn Cầu Pì Chải xã Thài Chư Phìn; Kè ốp mái đường N7 trung tâm huyện Si Ma Cai; Kè đường liên thôn Sín Chải - Chính Chư Phìn xã Quan Thần Sán, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3077,01/10/2019	6.860	6.860	2.490	4.370	
249	Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai (định hướng đến năm 2035)	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	3101,25/08/2021	1.141	1.141		1.141	
250	Trụ sở làm việc Công an và Dân quân xã Lùng Thẩn và Trụ sở Công an và Dân quân xã Quan Hồ Thẩn, huyện Si Ma Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	397,21/12/2020	4.000	4.000		4.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
251	Nhà hợp khối làm việc các phòng ban (Phòng Lao động TBXH, Phòng dân tộc, Thanh tra huyện, Phòng Tư pháp, huyện Si Ma Cai)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1538,11/5/2021	12.000	12.000		12.000	
252	Mương thoát lũ thôn đội 4 xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	401,21/12/2020	5.000	5.000		5.000	
253	Xử lý hệ thống thoát lũ cụm trường Tiểu học số 1; Trường THCS; Trường THPT số 1, thị trấn Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1792,28/5/2021	14.000	14.000		14.000	
254	Đường sắp xếp dân cư phát triển du lịch quanh Hồ Cán Cầu, xã Cán Cầu, huyện Si Ma Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1623,17/5/2021	14.900	14.900		13.750	
255	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc HĐND-UBND và Trụ sở hợp khối phòng Kinh tế - Hạ tầng, phòng Nội vụ, huyện Si Ma Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	402,21/12/2020	6.000	6.000		6.000	
256	Kè trường PTDTBT THCS số 2, xã Quan Hồ Thẩn, huyện Si Ma Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	410,29/12/2020	5.000	5.000		4.940	
257	Nâng cấp đường trung tâm xã Khánh Yên Thượng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	965-31/10/2017; 376,22/9/2020	4.581	4.581	4.496	85	
258	Nâng cấp, sửa chữa cụm công trình thủy lợi xã Nậm Dạng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2015-2017	57; 09/01/2020	14.278	1.778	400	1.378	
259	Thủy lợi Nậm Tăm xã Dần Thàng	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2015-2018	2306; 22/7/2020	14.705	2.605	2.500	105	
260	Mặt bằng sân vận động thị trấn Khánh Yên	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2008-2009	2001; 06/6/2017	1.783	1.783	1.725	58	
261	Mặt bằng sân vận động, thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn, (giai đoạn II): Sân khấu và khán đài	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2.011	2059; 05/7/2018	4.965	4.965	4.800	165	
262	Cấp nước sinh hoạt 04 thôn 6+7+8+9 xã Hoà Mạc, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2007-2008	153; 17/01/2019	1.344	65		65	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
263	Cấp nước sinh hoạt Làng Giàng - Làng Cóc huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2007-2018	940; 12/4/2019	3.981	2.233	1.559	674	
264	Trường Trung học phổ thông số 3 huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1756; 17/6/2019	11.205	369		369	
265	Cầu treo Khe Buôn xã Võ Lao	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	175; 17/01/2020	5.131	1.501	1.250	251	
266	Hội trường kết hợp nhà văn hóa 02 xã trên địa bàn huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3867,11/11/2020;	7.694	7.694	6.881	813	
267	Trường Tiểu học Liêm Phú, huyện Văn Bàn (xóa phòng học tạm)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3465,31/10/2018	6.359	6.359	4.250	2.109	
268	Cầu bản thôn Văn Tiến, xã Văn Sơn; Cầu tràn Khâm Dưới, xã Nậm Chày; Cầu bản Nậm Cáy, thôn Ít Lộc, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	2456; 13/7/2021	7.299	7.299	7.200	99	
269	Nâng cấp đường trung tâm xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	964; 31/10/2017	4.987	4.987	4.717	270	
270	Trường THCS Văn Sơn, xã Văn Sơn; Trường MN số 1 Võ Lao; Trường MN số 2 Võ Lao, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn (xóa phòng học tạm)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4776 (31-10-2017)	10.229	9.800	8.820	980	
271	Hội trường kết hợp nhà văn hóa 5 xã trên địa bàn huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4749; 30/10/2017	16.174	16.174	15.789	385	
272	Trường TH số 1 Võ Lao, xã Võ Lao; Trường PTĐTBTH THCS Thắm Dương, xã Thắm Dương; Nhà đa năng và các công trình phụ trợ Trường THCS Võ Lao, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2847,13/9/2019	14.000	13.300	11.078	2.667	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
273	Trường tiểu học số 2 Tân An, xã Tân An; Trường tiểu học Khánh Yên Thượng, xã Khánh Yên Thượng; Trường tiểu học số 2 Chiềng Ken xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn (Xóa phòng học tạm)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3464; 31/10/2018	12.800	12.160	10.180	2.210	
274	Nâng cấp đường trung tâm xã Liêm Phú; Nâng cấp đường trung tâm xã Nậm Tha; Nâng cấp đường trung tâm xã Tân Thượng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3467; 31/10/2018	12.490	11.866	7.560	4.306	
275	Nghĩa trang liệt sỹ huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2016-15/6/2021	40.000	10.000		10.000	
276	Trung tâm Y tế huyện Văn Bàn	Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1054- 25/5/2022	18.000	17.100		17.100	
277	Cầu Tu Hạ, xã Nậm Xé, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3053,30/9/2019	14.000	13.300	2.600	10.700	
278	Ngầm tràn thôn Nậm Hốc 1; Ngầm tràn thôn Tùn Trên 1; Ngầm tràn thôn Tùn Trên 2; Ngầm tràn thôn Tùn Trên 3, xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2853,13/9/2019	12.000	11.400	2.060	9.340	
279	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nậm Dạng - Nậm Mả, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2846,13/9/2019	9.850	9.358	2.955	6.403	
280	Dự án hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính các cơ quan huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3462; 31/10/2018; 670; 18/3/2020	92.000	40.000	26.000	14.000	
281	Cầu Minh Chiềng xã Minh Lương, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	3470; 31/10/2018	14.500	13.775	7.560	6.215	
282	Cầu tràn suối Chăn xã Hòa Mạc, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	3468; 31/10/2018	12.804	12.804	8.820	3.982	
283	Cầu tràn Khe Tào, xã Nậm Tha; Cầu tràn Khe Nà, xã Nậm Tha; Cầu tràn Nà Hin 3, xã Dương Quỳ, huyện Văn bản	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	3469; 31/10/2018	10.475	9.951	6.120	3.831	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
284	Nhà đa năng và các công trình phụ trợ Trường TH và THCS Nậm Mả, xã Nậm Mả, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2891,17/9/2019; 3526; ngày 30/9/2021	7.000	6.650	5.110	1.786	
285	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường TH Tân Thượng; Trường TH số 1 Tân An, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2484,15/7/2021	7.687	7.687		7.687	
286	Trường Tiểu học Sơn Thủy, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1550,12/5/2021	12.500	12.500		12.500	
287	Nhà đa năng Trường Tiểu học Khánh Yên Trung, nhà đa năng Trường tiểu học Khánh Yên Thượng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3069,24/8/2021	12.500	12.500		12.500	
288	Đường giao thông liên xã Nậm Mả - Võ Lao, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2296,02/7/2021	10.500	9.000		9.000	
289	Cầu bản thôn Tùn Dưới, Ngầm tràn thôn Tùn Dưới, Cầu Khe Đá Trắng và Cầu Khe Sỏ xã Tân An, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3068,24/8/2021	7.932	7.932		7.932	
290	Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Hòa Mạc; Trường THCS Làng Giàng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2485,15/7/2021	8.000	8.000		8.000	
291	Trường Mầm non Khánh Yên Trung, Trường Tiểu học Khánh Yên Trung, Trường Tiểu học Minh Lương, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2254,30/6/2021	14.500	14.500		14.500	
292	Đường Đồng Vệ, Thi Phúng, xã Chiềng Ken đi Khe Phàn, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1530,11/5/2021	14.021	13.421		13.421	
293	Đường Tà Moòng Dao, xã Dền Thàng đi Tà Moòng Mông, xã Nậm Chày, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2295,02/7/2021	14.750	14.450		14.450	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
294	Đường Nậm Mười, Nậm Cắn, xã Dàn Thàng đi xã Nậm Chày, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2297,02/7/2021	14.800	14.500		14.500	
295	Đường Khâm Dưới, Khâm Trên, xã Nậm Chày đi xã Dàn Thàng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2251,30/6/2021	14.900	14.600		14.600	
296	Kênh tiêu úng Minh Chiềng, xã Minh Lương, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	223,27/4/2021	3.895	3.895		3.895	
297	Trường THPT số 1 Văn Bàn, huyện Văn Bàn (hạng mục đầu tư chuyển trường vị trí mới)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2971,18/8/2021	14.000	14.000		14.000	
298	Cấp nước sinh hoạt thôn 1, 2, 17, xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	211,14/4/2021	4.500	4.500		4.462	
299	Hồ cảnh quan kết hợp hồ thủy lợi thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2813,07/8/2021	6.000	6.000		6.000	
300	Hạ tầng tổ chức các sự kiện văn hóa dân tộc gắn với di tích Đền Ken, xã Chiềng Ken, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3208,01/9/2021	14.000	14.000		14.000	
301	Cấp nước sinh hoạt thôn 8, 9, 13, 14, 19, xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	210,14/4/2021	4.500	4.500		4.464	
302	Đường từ thôn Hỏm Trên, trung tâm xã Nậm Chày đi xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3071; 25/8/2021	14.900	14.000		14.000	
303	Đường Bản Phung, Nậm Cọ, xã Khánh Yên Thượng đi Bản Hành, xã Làng Giàng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2477,14/7/2021	14.900	14.500		14.500	
304	Cầu Nậm Cắn, xã Dàn Thàng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1529,11/5/2021	12.000	12.000		12.000	
305	Trường Tiểu học Nậm Chày, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2486,15/7/2021	18.000	18.000		18.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
306	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường B1 (điểm đầu từ nút giao tuyến đường D8, điểm cuối giao với đường Quý Sa Tăng Loỏng) khu vực suối Nậm Mả xã Võ Lao, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2478,14/7/2021	14.950	14.450		14.450	
307	Đường thôn Hòm Dưới - thôn Xi Ngải - thôn Lán Bò - thôn Nậm Chày, xã Nậm Chày, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3070; 25/8/2021	14.900	14.600		14.600	
308	Đường kết nối Tỉnh lộ 151 (Võ Lao, Văn Bàn) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (tại xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên)	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai		NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh; NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai	115.000	8.000		8.000	
309	Xây mới Bệnh viện đa khoa huyện Văn Bàn	Ban QLDA Đầu tư xây dựng huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai		NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh	200.000	15.034		15.034	
310	Nâng cấp đường Thị trấn Khánh Yên đi các xã Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Liềm Phú, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1527,11/5/2021; 1008 ngày 04/4/2025	49.000	44.000		37.200	
311	Trụ sở làm việc Công an - Quân sự xã Dương Quỳ huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2104; ngày 23/9/2022	3.300	3.300		3.300	
312	Cầu Khánh Yên Hạ, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1528,11/5/2021	13.000	13.000		13.000	
313	Đường vào xã Nậm Tha, huyện Văn Bàn (đoạn Nậm Tha - Phong Dụ Hạ)	Sở Giao thông Vận tải	Tỉnh Lào Cai	2009-2016	670,30/3/2011; 2061,3/10/2011	131.368	10.000		10.000	
314	Dự án Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 156 Ngòi phát - A mú sung, huyện Bát Xát	Sở Giao thông Vận tải	Tỉnh Lào Cai	2010-2018	4318 ngày 5/10/2017	597.638	10.095		10.095	
315	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương - LRAMP	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2016-2023	3154/QĐ-UBND ngày 07/5/2015; 2403/QĐ-UBND ngày 09/6/2015; 46/QĐ-TTg ngày 13/01/2022; 462/QĐ-TTg ngày 07/4/2022	508.320	60.670	34.662	26.008	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
316	Cải tạo, sửa chữa đường vận tải nối 2 cửa khẩu tỉnh Lào Cai (Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai và Cửa khẩu Quốc tế đường bộ số II Kim Thành) thuộc dự án Hạ tầng giao thông nội thị ưu tiên, cấp bách để vận chuyển hàng hóa qua Cửa khẩu Quốc tế đường bộ số II Kim Thành, tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	2014-2022	3585; 02/11/2018	53.081	53.081	52.486	595	
317	Đường kết nối từ điểm cuối đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến cầu Kim Thành, thành phố Lào Cai	Sở Giao thông thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	4186; 24/11/2016	40.468	40.468		468	
318	Đường B6 kéo dài (đoạn từ B7 đến B10), HM: Mặt đường hai bên và các đường nhánh	Sở Giao thông thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	2014-2018	181/QĐ-UBND ngày 17/01/2020	44.378	34.801	34.500	301	
319	Cải tạo, nâng cấp các tuyến tỉnh lộ 154 và 160 kết nối huyện Mường Khương và huyện Bắc Hà	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	NQ số 25 ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Lào Cai	272.000	100.000		101.000	
320	Tổ chức thi tuyển phương án thiết kế kiến trúc công trình: Cầu Phú Thịnh nối Quốc lộ 4E với khu đô thị Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	442;08/02/2021	723	723		723	
321	Kè biên giới sông Hồng đoạn từ mốc M93(2)+1200m đến M93(2)+3.580m, xã Nậm Chạc, huyện Bát Xát	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	63,18/06/2015; 3113; 03/10/2019	71.376	8.500	6.500	2.000	
322	Bệnh viện Sản nhi tỉnh Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2017	2305,22/7/2020; 3099,28/10/2014	195.238	125.238	123.750	1.488	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
323	Nâng cấp 04 trường PTDT bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở theo QĐ 3777/ QĐ-UBND ngày 30/10/2015 (PTDTBT TH &THCS Nậm Dạng huyện Văn Bàn; PTDTBT TH Tân Tiến huyện Bảo Yên; Trường PTDTBT TH Bảo Nhai B huyện Bắc Hà và Trường PTDTBT TH Tả Van Chư huyện Bắc Hà)	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	1714,11/6/2020	11.996	11.996	11.250	746	
324	Nâng cấp trường THPT Chuyên tỉnh Lào Cai. Hạng mục: Phòng học bộ môn, phòng học bồi dưỡng học sinh giỏi và các phòng chức năng	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3514, 31/10/2018; 3528, 30/9/2021	13.786	13.786	9.103	4.683	
325	Kè biên giới Sông Hồng khu vực kè mốc 97(2) xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2024	167/QĐ-UBND ngày 06/6/2019	44.000	4.000		4.000	
326	Nâng cấp trường THPT số 2 huyện Mường Khương và Trường THPT số 4 huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3078,01/10/2019; 3527, 30/9/2021	14.293	14.293	8.977	5.316	
327	Nâng cấp, mở rộng trường PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016-2019	3798,31/10/2016	10.863	10.863	9.496	491	
328	Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	3593, 21/10/2016; 1017, 30/3/2021; 1191 ngày 02/6/2022;2133 21/8/2024	77.936	45.695	30.000	15.695	
329	Công trình bể bơi trường THPT Chuyên Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2864, 27/8/2020	5.500	5.500	965	4.535	
330	Trụ sở hợp khối các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	QĐ 2562/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	22.000	22.000		22.000	
331	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	320, 29/1/2021; NQ07,19/6/2022	75.000	75.000	25.000	47.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
332	Trường Cao đẳng Lào Cai, hạng mục nhà lớp học kết hợp văn phòng làm việc khoa Văn hóa - Nghệ thuật, nhà ký túc xá và hạ tầng kỹ thuật	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	NQ số 04 ngày 09/4/2021 của HĐND tỉnh, QĐ số 2708, 30/7/2021	65.000	6.500		4.303	
333	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Mường Khương	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2602; ngày 02/11/2022	13.500	13.500		11.012	
334	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Bảo Thắng	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2600; ngày 02/11/2022	13.500	13.500		10.000	
335	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm thành phố Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2601; ngày 02/11/2022	13.500	13.500		10.000	
336	Trường THPT số 2 huyện Bát Xát	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1277,20/4/2021	9.500	9.500		9.187	
337	Trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1967,10/6/2021	11.000	11.000		11.000	
338	Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà	Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1099,06/4/2021	8.000	8.000		7.739	
339	Nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Lào Cai	Ban QLDA Đầu tư xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	NQ số 41 ngày 04/12/2020 của HĐND tỉnh; QĐ số 1918- 04/6/2021	85.000	44.500		34.700	
340	Kinh phí hoạt động Ban QLDA tín dụng chuyên ngành JICA SPL V-VI tỉnh Lào Cai năm 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tỉnh Lào Cai	2.015	1088,23/4/2015	352	352		352	
341	Dự án Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp Tăng Lũng giai đoạn 1	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	738/QĐ-UBND, ngày 13/3/2018	70.165	44		44	
342	Dự án hạ tầng giao thông nội thị ưu tiên cấp bách để vận chuyển hàng hoá qua cửa khẩu - Đường D2 kéo dài xã Vạn Hoà, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	2842/QĐ-UBND, ngày 26/8/2020; 5824/QĐ-UBND, ngày 25/12/2017	51.485	32.325	23.443	8.882	
343	Dự án Kè sông Hồng Khu vực Cánh Chén, xã Vạn Hoà thành phố Lào Cai	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2018	3292/QĐ-UBND, ngày 24/7/2017; 1459/QĐ-UBND, ngày 25/5/2015	73.570	7.962	5.715	1.767	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
344	Dự án Xử lý sạt lở đường TL152 (tại các vị trí Km 24+600 thuộc xã Thanh Phú; Ngầm qua đường vào xã Nậm Cang (vị trí km9); Xử lý sạt lở đường TL 152 (Km 29+494-Km 29+645 thuộc xã Suối Thầu); Xử lý sạt lở đường TL 152 (Km 37+266, Km 37+495, km37+731 thuộc xã Suối Thầu)	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	4396/QĐ-UBND ngày 12/10/2017; 3898/UBND-QLDDT, ngày 24/8/2021	24.096	9.253	2.670	6.164	
345	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 159 đoạn từ trung tâm xã Hoàng Thu Phố đi trung tâm xã Bản Phố	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 06/7/2023	56.000	56.000		20.000	
346	Dự án đường kết nối ga Phố Mới (Lào Cai) - ga Bảo Hà, huyện Bảo Yên và Trung tâm Văn Bàn - Văn Yên (Yên Bái) giai đoạn 1.	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	4724/QĐ-UBND, 30/10/2017; 4152 QĐ-UBND, 10/12/2019; Nghị quyết 25/HĐND	815.492	20.000		26.000	
347	Xây dựng nhà làm việc Trung tâm xúc tiến đầu tư và các hạng mục phụ trợ thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	1022/QĐ-UBND ngày 07/5/2024	9.500	9.500			
348	Dự án Hồ điều phối lũ, thành phố Lào Cai (Hạng mục đào tuyến thoát lũ suối ngòi đường)	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	40/QĐ-UBND, 10/1/2018	181.066	50.000		72.870	
349	Dự kiến bố trí cho các dự án Quy hoạch		Tỉnh Lào Cai						51.346	
350	Lập quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3129, 16/9/2020; 2349 ngày 17/9/2024	16.176	16.176	2.500	13.676	
351	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng hồ Bình Minh (Hồ điều phối lũ) thành phố Lào Cai		Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3212,01/9/2021	820	820			
352	Dự án Cải tạo, nâng cấp nhà máy xử lý nước thải Đông Phố Mới, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1064/QĐ-UBND, ngày 26/5/2022; 4839, 29/12/2020	32.000	32.000		27.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
353	Kè bảo vệ cư dân khu vực đền Bảo Hà, huyện Bảo Yên (vốn ODA giải ngân theo cơ chế trong nước).	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	3223/QĐ-UBND, 30/10/2018; 2924/QĐ-UBND, 31/8/2020; 2186/QĐ-UBND, 28/6/2021	130.388	9.945	7.500	994	
354	Dự án Kè Sông Hồng, di dân tái định cư khu vực Cánh Chén, xã Vạn Hoà, thành phố Lào Cai (đoạn từ cầu Phố Mới đến xã Vạn Hoà)	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2024	2418/QĐ-UBND ngày 06/10/2023; 969/QĐ-UBND, 12/5/2022;3674/QĐ-UBND, 14/10/2021; 3250, 30/10/2014; 2297a, 12/9/2011.	733.735	114.841	3.500	3.000	
355	Xây dựng kho lưu trữ tài liệu và sửa chữa trụ sở Ban QLDA ODA tỉnh – Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4219,02/12/2021	12.400	12.400		12.400	
356	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Tà Loỏng giai đoạn 2	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016-2024	1051/QĐ-UBND ngày 25/5/2022; 3643/QĐ-UBND ngày 27/10/2020	170.000			4.000	
357	Dự án cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng Trung tâm giống cây trồng tỉnh Lào Cai	Sở Nông nghiệp và PTNT(Trung tâm giống Nông nghiệp tỉnh Lào Cai)	Tỉnh Lào Cai	2010-2013	3840, 14/11/2019	20.363	1.890	1.876	14	
358	Kè biên giới sông hồng thượng lưu Lục Cầu 2 (đoạn Quang Kim)	Sở Nông nghiệp PTNT Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2009-2018	54-28/9/2009	104.221	7.200		7.200	
359	Dự án Phát triển sản xuất khoai tây giống tại tỉnh Lào Cai giai đoạn 2013-2016	Sở Nông nghiệp và PTNT(Trung tâm giống Nông nghiệp tỉnh Lào Cai)	Tỉnh Lào Cai	2013-2016	1218a/QĐ-UBND ngày 20/5/2013; 2841, 10/8/2021	28.651	4.200	534	3.666	
360	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trại nghiên cứu và sản xuất rau quả Bắc Hà	Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1867,13/6/2025	19.900	19.900		5.000	
361	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trại nghiên cứu, thực nghiệm và chuyển giao nông nghiệp công nghệ cao	Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1865,13/6/2025	19.800	19.800		5.000	
362	Dự án: Trụ sở làm việc và nhà công vụ Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên Bát Xát	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3368/QĐ-UBND ngày 17/9/2021	14.066	14.066	7.800	6.266	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
363	Dự án Bố trí dân cư biên giới tập trung thôn Choán ván+ Sả Hồ TT Mường Khương	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục PTNT)	Tỉnh Lào Cai	2015-2022	1926-01/7/2019	55.163	2.300		2.300	
364	Dự án Bố trí dân cư biên giới tập trung thôn Ngám Xá , xã Nậm Chạc (Thuộc DA Bố trí, di chuyển dân cư vùng lõi VQG HL) - Giai đoạn II	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục PTNT)	Tỉnh Lào Cai	2015-2022	5281-24/11/17	74.744	4.500		4.500	
365	Dự án trồng rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	3038/QĐ-UBND 24/8/2021	975.310	16.790			
366	Tiểu dự án "Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8" tỉnh Lào Cai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	4366, 16/12/2021	178.603	21.729	6.748	14.981	
367	Mở rộng khuôn viên trụ sở làm việc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lào Cai	Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Kiểm lâm)	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4727/QĐ-UBND ngày 23/12/2020	5.000	5.000		4.754	
368	Cấp điện 03 thôn xã Tả Củ Tỷ, huyện Bắc Hà (Sông Lầm, Sín Chải, Ngải Thầu)	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2938; ngày 28/11/2022	15.203	15.203	6.081	8.744	
369	Hạ tầng kỹ thuật Cụm tiểu thủ công nghiệp Phố Ràng, huyện Bảo Yên, hạng mục San tạo mặt bằng và nền đường giao thông	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2015-2024	936, ngày 21/4/2023	7.130	7.130	1.000		
370	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm tiểu thủ công nghiệp Khánh Yên Thượng, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 1)	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2017-2024	2936, ngày 28/11/2022	10.011	10.011	3.572		
371	Cấp điện 03 thôn xã Nậm Mòn, huyện Bắc Hà (Bản Ngồ Hạ, Sủ Chù Chải, Bản Ngồ Thượng)	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3670, 31/10/2019	9.873	9.379	3.949	5.311	
372	Cấp điện 07 thôn xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát (Nậm Pên 1, Nậm Pên 2, Ky Quan San, Nhiều Cồ San, Tung Quang Lìn, Sinh Cơ, Mả Mù Sừ 2)	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3671,31/10/2019	24.415	23.194	10.166	12.895	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
373	Cấp điện thôn Làng Mò, xã Bản Cãi; thôn Lao Phú Sáng, xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2025	2473,31/7/2020	7.008	3.505		3.505	
374	Cấp điện thôn Tả Thồ 1, Tả Thồ 2, Hoàng Hạ, Nhù Sang, xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2025	2471.31/7/2020	14.648	7.325		7.325	
375	Cấp điện thôn Sán Chư Ván, Ngải Thầu Sín Chải, xã Thải Giàng Phố, huyện Bắc Hà	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2025	2548,05/8/2020	14.927	7.465		5.328	
376	Cấp điện thôn Nậm Xôm, xã Bản Già, huyện Bắc Hà	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2025	2470,31/7/2020	5.367	2.685		2.096	
377	Nâng cấp trường THPT số 2 Bát Xát	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	1251-20/4/2017	7.216	7.216	6.494	722	
378	Nâng cấp trường THPT số 2 và THPT số 4 huyện Văn Bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4751 (30/10/2017)	12.000	12.000	10.800	1.200	
379	Xây dựng hệ thống quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3684/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 1863, ngày 24/7/2024	6.785	6.785	1.875	4.910	
380	Xây dựng hoàn chỉnh Kho lưu trữ thuộc Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Lào Cai	Sở Nội vụ	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2696; ngày 10/11/2022	19.000	19.000		19.000	
381	Sửa chữa các tuyến đường trong Khu công nghiệp Bắc Duyên Hải và Khu công nghiệp Tầng Loóng;	Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3441,30/10/2018	6.877	6.877	3.900	2.977	
382	Hoàn chỉnh, cải tạo khu kiểm soát hàng cư dân và nhà liên ngành Cửa khẩu quốc tế Đường bộ số I Lào Cai	Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4719-27/10/2017	17.000	17.000	15.300	1.700	
383	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu thương mại, công nghiệp phức hợp Quang Kim, huyện Bát Xát	Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3299,13/9/2021	2.917	2.917		2.917	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
384	Bãi đỗ xe xuất nhập khẩu hàng hóa trong cửa khẩu quốc tế đường bộ số II- Kim Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế tỉnh Lào Cai.	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	577 - 16/3/2022	45.000	45.000		42.357	
385	Cải tạo, mở rộng nhà quản lý liên ngành tại cửa khẩu Quốc tế đường bộ số I Lào Cai	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu kinh tế tỉnh Lào Cai.	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	628 - 22/3/2022	26.900	26.900		25.497	
386	Xử lý sạt lở đường ra mốc 85(2), xã Y Tý, huyện Bát Xát	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2019	745- 28/03/2019	7.275	634		634	
387	Đường Tả Ngải Chồ, Mốc 158, huyện Mường Khương	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2008-2009	3689- 13/11/2018	11.027	727		727	
388	Đường quốc lộ 4Đ đi Nậm Siu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2007-2008	2060- 05/07/2018	8.887	202		202	
389	Quy hoạch lối mở Na Lốc, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	88- 14/01/2021	1.016	19		19	
390	Đường Thảo Chư Pén - Mốc 161 xã Ngải Chồ, huyện Mường Khương	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2013-2014	3319- 19/10/2018	24.556	1.745		1.745	
391	Trạm kiểm soát biên phòng Y Tý - Đồn Biên phòng Y Tý, huyện Bát Xát (giai đoạn II)\	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	3729-28/10/2016	3.094	2.833	2.702	131	
392	Trạm biên phòng Lũng Pô, huyện Bát Xát	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	3817-31/10/2016	9.800	9.335	8.820	361	
393	Quốc môn cửa khẩu Mường Khương, thị trấn Mường Khương và Lò Cô Chín, xã Pha Long, huyện Mường Khương	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4790-30/10/2017	17.994	17.827	15.000	2.291	
394	Nhà đa năng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	4791 (30-10-2017) 4441/QĐ-UBND, ngày 08/12/2020	14.979	14.979	9.000	5.700	
395	Đường Na Cáng - Sín Chải, huyện Si Ma Cai	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2011-2021	3754,07/11/2019; 3118,5/10/2016; 3340,22/11/2010; 1167,16/5/2011	9.764	4.843	2.843	1.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
396	Trạm kiểm soát Biên phòng lối mở Bản Quản/Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3249,6/9/2021	9.500	9.500		9.500	
397	Xây dựng hoàn thiện hệ thống hàng rào bảo vệ, phân định phạm vi, ranh giới khu vực Cửa khẩu quốc tế đường bộ số II (Kim Thành)	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025	1866,13/6/2025	4.300	4.300		3.870	
398	Nâng cấp đường từ thôn Dìn Chín xã Dìn Chín đến mốc 168(2), huyện Mường Khương	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1862,02/6/2021	13.500	13.500		13.500	
399	Cải tạo, mở rộng Đồn Biên phòng Y Tý, xã Y Tý, huyện Bát Xát	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2780,05/8/2021	14.700	14.700		14.256	
400	Nhà công vụ, nhà ăn và bếp, hàng rào Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4787 (30-10-2017); 604; 03/3/2021	14.052	14.052	13.314	738	
401	Xử lý phòng, chống mối các công trình Nhà ở và làm việc, hội trường, kho vật chất sẵn sàng chiến đấu, kho hậu cần cơ quan Bộ Chỉ huy và một số đơn vị trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3453,21/10/2019;43; 11/01/2021	912	912	550	362	
402	Xử lý chống mối các công trình Nhà ở và làm việc, kho vật chất hậu cần cơ quan Bộ Chỉ huy và một số đơn vị trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1035,01/04/2021	873	873		873	
403	Dự án Rà phá bom, mìn, vật nổ còn lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016-2022	2355,09/9/2013	194.319	10.000		10.000	
404	Khắc phục cơ sở hạ tầng của Bộ CHQS tỉnh Lào Cai và Ban CHQS huyện Bắc Hà	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2025-2026	180/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	6.000	6.000		6.000	
405	Đường hầm Sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu thành phố Lào Cai, giai đoạn I	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	07, 08/12/2021	35.000	15.000			

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
406	Cải tạo, nâng cấp Doanh trại Ban Chỉ quy Quân sự thành phố Lào Cai – Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1762,26/5/2021	9.500	9.500		9.500	
407	Cải tạo, nâng cấp Hội trường lớn cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1372,28/4/2021	3.000	3.000		3.000	
408	ĐH21-LK	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	510/QĐ-UBNDm ngày 26/12/2023	44.686	24.686		9.000	
409	Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Văn Bàn – Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai. Hạng mục: Hàng rào, trang thiết bị nội thất	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1797,31/5/2021	3.500	3.500		3.500	
410	Nhà làm việc Công an và quân sự các xã		Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2275/QĐ-UBND, ngày 30/7/2019	15.516	15.516	15.516		
411	Xây dựng VB-09-23; VB-10-23	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	436; ngày 22/11/2023	7.550	7.200		6.800	
412	Xây dựng VB-11-23; VB-12-23	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	435; ngày 22/11/2023	8.050	7.200		6.800	
413	Sửa chữa VB-15-23; VB-16-23; VB-17-23; VB-18-23; VB-19-23; VB-20-23; VB-21-23	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	476; ngày 30/11/2023	11.800	10.500		9.900	
414	Xây dựng VB-13-23; VB-14-23	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	434; ngày 22/11/2023	12.850	7.200		6.800	
415	Xây dựng SMC-01-23; SMC-02-23	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	445; ngày 22/11/2023	7.700	7.700		7.300	
416	Sửa chữa SMC-04-23; SMC-05-23; SMC-06-23; SMC-07-23; SMC-08-23; SMC-09-23	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	470; ngày 30/11/2023	9.100	9.100		8.600	
417	Xây dựng SMC-03-23	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	444; ngày 22/11/2023	6.100	6.100		5.800	
418	Cơ sở làm việc công an Phường Cầu Mây, thị xã Sa Pa	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	936, 06/5/2022	14.000	14.000		14.000	
419	Cơ sở làm việc công an Phường Hàm Rồng thuộc công an thị xã Sa Pa	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3987,10/11/2021	16.500	16.500		6.450	
420	Thủy lợi Ná Đoong, Túng Chín 2, xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Đoàn Kinh tế Quốc phòng 345	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	863; ngày 26/4/2022	30.812	30.812	30.606	206	
421	Đường giao thông từ thôn Nậm Giang 2 đi Suối Thầu 3 xã Nậm Chạc, huyện Bát Xát	Đoàn Kinh tế Quốc phòng 345	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	852; ngày 26/4/2022	28.862	28.862	27.198	1.664	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
422	Nhà xét nghiệm, giám định kỹ thuật hình sự - pháp y Công an tỉnh Lào Cai	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	3986/QĐ-UBND ngày 10/11/2021; 2108 ngày 19/8/2024	4.583	4.583		4.583	
423	Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Lào Cai (nay là trường Cao đẳng Lào Cai). Hạng mục: San gạt mặt bằng + Đường nội bộ	Trường Cao đẳng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2004-2009	949,24/3/2017	8.688	8.688	8.587	101	
424	Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật tỉnh Lào Cai (nay là trường Cao đẳng Lào Cai). Hạng mục: Nhà đa năng, nhà ở giáo viên thỉnh giảng và ngoại thất	Trường Cao đẳng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2010-2014	1504,26/5/2020	9.257	9.257	8.939	318	
425	Nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tỉnh Lào Cai	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		1729, 18/7/2023	29.569	29.569	25.736	3.833	
426	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Lào Cai	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3563; 05/10/2021; 882; 22/4/2024	8.501	8.501		8.501	
427	Dự án cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng	Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai (Chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV KD nước sạch Lào Cai)	Tỉnh Lào Cai	2012-2013	1495,28/5/2015	3.805	609		609	
428	Chương trình Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2009-2023	7344/QĐ-UBND, 12/10/2009; 2681/QĐ-UBND, 04/8/2016; 3684/QĐ-UBND, 20/9/2018	41.000	11.500	5.000	600	
429	Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2015-2023	3239/QĐ-UBND, 23/9/2015	35.888	8.164	6.031	1.614	
430	Dự án Phát triển giáo dục trung học phổ thông giai đoạn 2 - Tiểu dự án tỉnh Lào Cai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2012-2023	2714/QĐ-UBND, 26/7/2012; 2740/QĐ-UBND, 29/9/2014	39.623	15.205	13.546	649	
431	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả	Sở Nông nghiệp và PTNT	Tỉnh Lào Cai	2016-2023	1415/QĐ-TTg, 20/8/2015; 3606/QĐ-BNN-HTQT, 04/9/2015; 3102/QĐ-UBND, 21/7/2016; 3731/QĐ-UBND, 04/8/2016	220.300	18.280	13.850	4.430	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
432	Dự án Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua nâng cao hiệu quả kinh tế sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch tại tỉnh Lào Cai và tỉnh Sơn La	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tỉnh Lào Cai	2017-2024	3504/QĐ-UBND, 07/8/2017	301.736	13.500	5.390		
433	Kinh phí hoạt động của Ban Quản lý dự án Bình đẳng giới tỉnh Lào Cai	Ban QLDA Bình đẳng giới	Tỉnh Lào Cai		QĐ 3347/QĐ-UBND ngày 31/12/2022	8.000	6.510		4.400	
434	Dự án Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện và sở, ngành tỉnh Lào Cai (DDCI Lào Cai) vì sự phát triển của doanh nghiệp và doanh nhân nữ	Ban QLDA DDCI Lào Cai	Tỉnh Lào Cai		2774/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	1.490	1.490		400	
435	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Lào Cai (vốn viện trợ không hoàn lại) giai đoạn 2018-2020	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2017-2023	3337/QĐ-BCT, 17/9/2018; 1651/QĐ-TTg, 27/10/2017; 765/QĐ-UBND, 29/3/2019	94.000	14.000	7.669	3.331	
436	Dự án Nâng cấp các tuyến tỉnh lộ các tỉnh MNPB - Tiểu dự án tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2002-2023	1585/QĐ-UBND, 27/6/2011	502.299	33.090	19.632	500	
437	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông MêKông (GMS) lần thứ 2 – Tiểu dự án đô thị Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban QLDA ODA)	Tỉnh Lào Cai	2016-2023	1593/QĐ-TTg, 14/9/2015; 672/QĐ-TTg, 07/5/2021; 3148/QĐ-UBND, 17/9/2015; 4535/QĐ-UBND, 20/10/2017; 1799/QĐ-UBND, 20/6/2019; 2029/QĐ-UBND, 16/6/2021	939.472	71.336	15.294	19.234	
438	Dự án đầu tư phát triển ngành và lĩnh vực tỉnh Lào Cai thuộc Chương trình hợp tác phát triển toàn diện - HeangBok (Vốn KOICA - Hàn Quốc)	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban QLDA ODA)	Tỉnh Lào Cai	2014-2019	373/UBND-TH, 01/02/2013; 4318/QĐ-UBND, 31/12/2014	382.721	24.561	19.015	1.000	
439	Dự án Phát triển các đô thị loại vừa - Tiểu dự án thành phố Lào Cai (Bao gồm cả Tiểu dự án Hỗ trợ kỹ thuật PPTAF)	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban QLDA ODA)	Tỉnh Lào Cai	2012-2018	2916/QĐ-UBND, 27/10/2011	1.400.631	90.084	2.775	1.331	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
440	Dự án phát triển đô thị loại vừa - Tiểu dự án thành phố Lào Cai, giai đoạn bổ sung AF.	Ban QLDA ODA và Đầu tư xây dựng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2022	351/QĐ-TTg, 21/3/2017; 955/QĐ-UBND, 27/3/2017; 956/QĐ-UBND, 27/3/2017; 3429/QĐ-UBND, 18/10/2019; 3436/QĐ-UBND, 21/10/2019; 2459/QĐ-UBND, 30/7/2020; 2610/QĐ-UBND, 11/8/2020; 935/QĐ-UBND, ngày 06/5/2022; 934/QĐ-UBND, 06/5/2022; 1093/QĐ-UBND, ngày 27/5/2022; 955/QĐ-UBND 24/4/2023	808.415	128.835	120.835	4.000	
441	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS) - Tiểu dự án tỉnh Lào Cai	Sở Du lịch	Tỉnh Lào Cai	2014-2023	280/QĐ-TTg, 20/02/2014; 1469/QĐ-BVHTTDL, 16/5/2014; 2889/QĐ-UBND, 10/10/2014; 4012/QĐ-UBND, 15/9/2017; 2695/QĐ-UBND, 31/8/2018; 2113/QĐ-UBND, 15/7/2019	250.142	53.175	40.603	12.000	
442	Dự án đầu tư trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Sản nhi và một số Bệnh viện tuyến huyện trong hệ thống chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em của tỉnh Lào Cai	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	1619/UBND-VX, 16/4/2020; 4400/UBND-VX, 22/9/2020; 1776/UBND-VX, 05/5/2021; 2992/UBND-VX, 05/7/2021	413.472	12.223			
443	Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn huyện Bắc Hà	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban QLDA ODA)	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	734/QĐ-TTg, 29/4/2016; 3495/QĐ-UBND, 31/10/2018; 1070/QĐ-UBND, 05/4/2021	433.913	40.712	4.200		
444	Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban QLDA ODA)	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	3653/UBND-NLN, 09/8/2019; 4739/UBND-NLN, 12/10/2020; 78/TTr-UBND, 07/5/2021	589.722	80.582	1.277	2.490	
445	Dự án Phát triển hạ tầng và đô thị bền vững tỉnh Lào Cai	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban QLDA ODA)	Tỉnh Lào Cai	2022-2027	4948/UBND-TH, 23/10/2019; 4186/UBND-TH, 09/9/2020; 2156/BKHĐT-KTĐN, 16/4/2021; 807/TTg-QHQT, 10/6/2021	2.711.805	549.255		18.210	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
446	Chi phí hoạt động cho Ban chuẩn bị đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA tỉnh Lào Cai.	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Ban CBĐT các chương trình, dự án sử dụng vốn HTPT chính thức ODA tỉnh Lào Cai)	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	1147/QĐ-UBND ngày 27/4/2020	500	500		500	
447	Đường vào xã Nậm Tha, huyện Văn Bàn (đoạn Nậm Tha - Phong Dụ Hạ)	Sở Giao thông thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2009-2016	670 ngày 30/3/2011; 2061 ngày 3/10/2011	131.368	10.000	121.368	10.000	
448	Đường liên huyện từ TT Phong Hải, huyện Bảo Thắng đi xã Bản Xen huyện MK	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	3380 ngày 28/7/2017	48.000	9.200	38.800	9.200	
449	Hạ tầng khu vực chợ Phong Niên	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3821 ngày 01/9/2017	5.000	1.500	3.500	1.500	
450	Hạ tầng khu vực chợ Trì Quang	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3820 ngày 01/9/2017	5.000	1.500	3.500	1.500	
451	Tuyến đường thôn Làng Dền đi vật U xã Phú Nhuận	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2.017	4043 ngày 13/9/2017	420	110	310	110	
452	Đường thôn Khe Bá đi thôn Phú Hợp xã Phú Nhuận	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2.017	4044 ngày 13/9/2017	406	72	334	72	
453	Đường thôn Phú Thịnh 3 đi thôn Phìn Hồ xã Phú Nhuận	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2.017	4045 ngày 13/9/2017	431	69	362	69	
454	Nâng cấp mở rộng sân vận động trung tâm xã Phú Nhuận	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2.017	4459 ngày 20/10/2017	240	49	191	49	
455	Ngoại thất các HM phụ trợ nhà văn hóa xã Vạn Hòa, thàn phố Lào Cai	UBND Thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3364 ngày 13/10/2017	1.460	300	1.160	300	
456	Trường MN số 2 phân hiệu Cốc Cài Hợp Thành, thành phố Lào Cai	UBND Thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2682 ngày 1/8/2017	1.494	300	1.194	300	
457	Đường Nội thôn Tòng Sành 2-Tân Sơn xã Cốc San	UBND Thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2.017	2144 ngày 26/5/2017	1.398	300	1.098	300	
458	Hội trường UBND xã Tà Chải	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	493 ngày 30/10/2017	3.246	300	2.946	300	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
459	Nhà lớp học trường mầm non Văn Sơn, thôn Sơn Hồng, xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	540 ngày 29/6/2017	280	74	206	74	
460	Cầu qua suối thôn Tân Sơn xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	1065 ngày 17/11/2017	470	134	336	134	
461	Đường thôn Tân Sơn 3 xã Văn Sơn, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	539 ngày 29/6/2017	435	66	369	66	
B	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TĂNG THU THUẾ, PHÍ, THU KHÁC, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH VÀ CÁC NGUỒN VỐN HỢP PHÁP KHÁC	891				25.102.345	17.822.458	3.757.000	12.930.000	
I	Kinh phí đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên								50.000	
II	Bổ sung vốn điều lệ cho các Quỹ								45.000	
1	Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã								25.000	
2	Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh								15.000	
3	Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ phát triển tỉnh								5.000	
III	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện								3.347.118	
IV	Các dự án xây dựng cơ bản	875				23.605.701	16.350.268	3.613.659	8.876.401	
1	Trung tâm công tác xã hội tỉnh Lào Cai	Sở Lao động TB&XH	Tỉnh Lào Cai	2014-2016	1155 ngày 12/4/2021	76.418	27.245	23.000	4.245	
2	Cải tạo Quảng trường Trung tâm Hội nghị tỉnh Lào Cai	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3060 ngày 24/8/2021	5.729	5.729	2.000	3.729	
3	Sửa chữa, mua sắm thiết bị + Chống mối, sửa chữa cột trang trí, vách ngăn Nhà ăn, Trung tâm hội nghị tỉnh Lào Cai	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	4440 ngày 08/12/2020	19.608	19.608	16.500	3.108	
4	Bệnh viện nội tiết tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2228 ngày 30/6/2021	105.992	105.992	90.000	15.992	
5	Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2241 ngày 30/6/2021	110.903	110.903	99.800	11.103	
6	Sân vận động tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2015-2019	2460 ngày 13/7/2021	210.261	210.261	210.240	21	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
7	Khu tái định cư số 02 phục vụ dự án đô thị Vạn Hòa, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	2231 ngày 30/6/2021	100.576	100.576	99.589	987	
8	Mở rộng sửa chữa nhà làm việc Ban giám đốc, khối an ninh và trực thuộc Công An tỉnh Lào Cai	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	3367 ngày 17/9/2021	14.990	5.572	3.000	2.572	
9	Xử lý sạt lở đất ta luy dương công trình: Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	344 ngày 20/02/2020	989	989	909	80	
10	Khắc phục bão lũ các tuyến đường thuộc dự án cơ sở hạ tầng nông thôn tỉnh Lào Cai	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Tỉnh Lào Cai	2016-2020	803 ngày 12/3/2021	25.094	25.094	18.000	7.094	
11	Di dân khẩn cấp nội thôn ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm thôn Cam 3, xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên	Chi cục Phát triển nông thôn	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2240 ngày 30/6/2021	5.699	5.699	3.800	1.899	
12	Sắp xếp dân cư thôn Nậm Châm, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2013-2015	847 ngày 17/3/2021	20.726	20.726	19.808	918	
13	Sắp xếp dân cư bị thiên tai ra khỏi vùng lũ quét, lũ ống thôn Nậm Châm, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà, Hạng mục: San gạt mặt bằng diềm SXDC	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2013-2015	2071 ngày 05/7/2018	619	619	293	326	
14	Sửa chữa Cầu treo Bến Cóc xã Việt Tiến huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	5415 ngày 15/10/2021	1.450	1.450	500	950	
15	Kè bảo vệ khu dân cư Tổ 4B, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	1384 ngày 29/4/2021	8.228	8.228	8.100	128	
16	Khắc phục bão đảm giao thông bước 1, ĐT.151B, tỉnh Lào Cai (ảnh hưởng đợt mưa ngày 20-23/7/2018)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	281 ngày 29/01/2019	1.040	1.040	900	140	
17	Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 1 đường tỉnh 151, 152, 155, 156, 158 (ảnh hưởng đợt mưa từ ngày 29/7/2013 đến ngày 30/7/2013)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	190 ngày 16/01/2017	2.009	2.009	1.964	45	
18	KPHQLB, ĐBGT bước I Đường tỉnh 156B, tỉnh Lào Cai (ảnh hưởng mưa lũ tháng 8, 9/2016)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2016	1381 ngày 29/4/2021	428	428	380	48	
19	KPHQ Lụt, bão, bảo đảm giao thông bước 1 ĐT.153, 159, 160, tỉnh Lào Cai (Do ảnh hưởng của đợt mưa tháng 6, 7/2018)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018	2237 ngày 30/6/2021	1.360	1.360	1.100	260	
20	Khắc phục hậu quả lụt bão, đảm bảo giao thông tại Km5+900, đường tỉnh 151B, huyện Văn Bàn	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4552 ngày 14/12/2020	2.424	2.424	2.000	424	
21	Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 2 Đường 153, tỉnh Lào Cai (ảnh hưởng của đợt mưa ngày 02-03/9/2018 và ngày 22/10/2018)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3531 ngày 30/9/2021	7.275	7.275	3.000	4.275	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
22	Kinh phí giải phóng mặt bằng công trình Cải tạo, nâng cấp và mở rộng cơ sở làm việc Công an huyện Bảo Thắng thuộc Công an tỉnh Lào Cai	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	4675 ngày 07/10/2020 4790 ngày 21/10/2020	7.000	7.000	3.708	3.292	
23	Đường Bản Dền - Thanh Phú (huyện Sa Pa) đi Tả Thàng - Xuân Giao - QL4E - Phú Nhuận (huyện Bảo Thắng)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2012-2018	3084 ngày 27/10/2014	852.373	26.000	8.909	17.091	
24	Cầu Làng Giàng, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2024	952 ngày 10/4/2020	258.194	108.194	31.100	77.094	
25	Đường tránh Quốc lộ 4D đoạn qua thị trấn Sa Pa (Km100-Km111), tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2021	3399 ngày 06/10/2020	489.276	72.760	42.000	30.760	Đã bố trí 410 tỷ đồng từ nguồn ngân sách TW
26	Thoát nước khu vực phường Xuân Tăng và các vùng phụ cận	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	3212 ngày 30/10/2014	44.201	44.201	12.000	32.201	
27	Trường Trung cấp Y tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	881 ngày 31/3/2016	174.947	57.948	30.000	27.948	
28	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài, thành phố Lào Cai (đoạn từ Km1+544 đến Km5+600)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2014-2020	1642 ngày 16/5/2017	555.033	115.000	95.000	20.000	
29	San gạt mặt bằng Tiểu khu đô thị số 18, phường Bắc Cường, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3752 ngày 28/10/2016 4398 ngày 04/12/2020	88.654	88.654	86.954	1.700	
30	Kè bảo vệ mái ta luy + kè bảo vệ chênch cốt giữa các lô mặt bằng trung tâm xã Bản Liền	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	542 ngày 4/12/2019	4.567	4.567	1.000	3.567	
31	Bố trí dân cư thiên tai ĐBKK thôn Na Lung, xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2028 ngày 30/6/2021	10.000	5.000		5.000	
32	Kè chống sạt lở bờ hữu sông Hồng, (đoạn từ khu dân cư Chiến Thắng đến khu đô thị Tân Lập) thành phố Lào Cai	Ban Quản lý dự án ODA (Sở KH&ĐT)	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	3101 ngày 05/10/2018	36.000	36.000	25.000	11.000	
33	Lập điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020, lập KHSD đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Lào Cai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	2017	2999 ngày 30/6/2017	2.404	2.404	1.800	604	
34	Cấp điện 04 thôn, xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà (Khe Thượng Làng Mới, Nậm Lòn, Kho Vàng, Cốc Lầu)	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3091 ngày 01/10/2019	32.247	22.247	10.000	12.247	
35	Bãi đỗ xe, cây xanh tổ 2, 3 phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1885 ngày 25/6/2018	14.700	10.300	6.684	3.616	
36	Bố trí khu dân cư tổ 40B phường Pom Hán, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2011-2017	1262a ngày 08/5/2015	74.899	19.213	16.350	2.863	
37	Trụ sở UBND phường Pom Hán, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	2475 ngày 13/8/2018	12.969	11.300	9.500	1.800	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
38	Cầu Phen Lân, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2632 ngày 23/7/2021	12.500	8.750		8.750	
39	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Sa Pa (Tiểu dự án bồi thường GPMB đoạn qua TP Lào Cai)	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2193 ngày 15/7/2015; 3020 ngày 28/9/2018; 3830 ngày 27/11/2018	80.802	25.500	23.703	1.797	
40	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Sa Pa (Tiểu dự án bồi thường GPMB đoạn qua huyện Bát Xát)	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2193 ngày 15/7/2015; 3020 ngày 28/9/2018; 3830 ngày 27/11/2018	71.510	27.698	27.478	220	
41	Lập điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020, lập KHSD đất năm 2016 cấp huyện, huyện Sa Pa	UBND Thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	204 ngày 04/4/2017	1.690	1.280	550	730	
42	Nhà hợp khối các cơ quan huyện Văn Bàn	UBND Huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2016-2020	1024 ngày 16/4/2020	134.181	34.172	15.000	19.172	lồng ghép 100 tỷ đồng từ nguồn NSTT và NSH
43	Hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính các cơ quan huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	UBND Huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2021	670 ngày 18/3/2020	115.967	30.000		30.000	lồng ghép 80 tỷ đồng từ nguồn NSTT và NSH
44	Lập điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020, lập KHSD đất năm 2016 cấp huyện, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	10420 ngày 30/12/2016	1.650	1.320	550	770	
45	GPMB, san tạo mặt bằng bố trí tái định cư dự án xây dựng Đồn Công an xã Bảo Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	778 ngày 22/3/2016	6.675	6.675	5.373	1.302	
46	Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư + san tạo mặt bằng Dự án Cơ sở làm việc Công an huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3994 ngày 14/11/2019	14.993	14.993	592	14.401	
47	Trụ sở khu hành chính mới huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2016-2020	879 ngày 06/4/2020	115.000	18.240	5.000	13.240	Lồng ghép 80 tỷ đồng từ nguồn NSTT và NSH
48	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật nhà ở xã hội Khu Lâm Viên, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1346 ngày 27/4/2021	18.477	18.477		18.477	
49	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực trường THPT dân tộc nội trú tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2313 ngày 22/7/2020	540	540		540	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
50	Quy hoạch chung xây dựng kết nối đô thị du lịch Y Tý và vùng phụ cận huyện Bát Xát	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	1459 ngày 06/5/2021	1.350	1.350		1.350	
51	Xử lý sạt trượt tình lộ 155, đoạn Km12+600 - Km12+900	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2526 ngày 19/7/2021	45.000	45.000		39.659	
52	Chi phí đầu tư 29 lô đất thuộc Khu tái định cư thị trấn Phố Lu (thuộc dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai) hoàn trả VEC theo Thông báo số 130/TB-KTNN ngày 06/2/2015 của Kiểm toán nhà nước		Tỉnh Lào Cai	2021-2023		4.687	4.687		4.687	
53	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc và các hạng mục ngoại thất Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1143 ngày 12/4/2021	3.000	3.000		3.000	
54	Công Viên phường Bắc Cường	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3638 ngày 31/10/2019	50.301	50.301		50.301	
55	Khu cây xanh cảnh quan phường Bình Minh	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1626 ngày 17/5/2021	102.873	102.873		102.873	
56	Khắc phục bão lũ đường vào trung tâm xã Nậm Khánh đi thủy điện Nậm Khánh - Làng Mới, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	3399 ngày 16/10/2019	4.900	4.900		4.900	
57	Khắc phục bão lũ đường Bản Phố - Tả Văn Chur, Lũng Phình - Tả Văn Chur đi Nhiều Cò Ván + Đường từ ngã ba Tả Cù tỷ - Bản Già - Kha Phàng đi Nậm Sỏm	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	3400 ngày 16/10/2019	4.700	4.700		4.700	
58	San tạo mặt bằng + Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sắp xếp dân cư khu trung tâm huyện (16ha), huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3021 ngày 28/9/2018	28.138	15.000		15.000	
59	Xây dựng Nhà khách số 1 - Trung tâm hội nghị tỉnh Lào Cai	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	2619 ngày 11/8/2020	170.000	170.000	1.500	1.000	
60	Hạ tầng kỹ thuật lô đất LK2 đường D3 (Khu dân cư B5-B6) tổ 12 phường Nam Cường	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	391 ngày 03/2/2021	483	483		483	
61	Cấp nước sinh hoạt Đồn Biên phòng 241 Mường Khương và thôn Chúng Chải A thị trấn Mường Khương	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	542 ngày 24/02/2021	5.200	5.200		5.200	
62	Nâng cấp sửa chữa thủy lợi Bản Giằng, thủy lợi Nậm Qua xã Liềm Phú	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	2098 ngày 06/7/2020	4.300	3.010		3.010	
63	Đường Tân Dương - Thượng Hà, xã Tân Dương, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2048 ngày 19/9/2022	22.600	19.603		19.603	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
64	Nâng cấp chỉnh trang các tuyến đường nội thị Phố Ràng, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	04 ngày 09/4/2021	50.000	35.000		35.000	
65	Kè chống sạt lở bờ suối bảo vệ an toàn trường THCS bán trú xã Tân Tiến và Trụ sở UBND xã Tân Tiến huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2976 ngày 23/9/2019	7.500	7.500		7.500	
66	Sửa chữa cầu treo Thác Xa và xây dựng mới cầu trần liên hợp Bàn Thác Xa xã Tân Tiến huyện Bào Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	2366 ngày 24/7/2020	5.529	5.529		5.529	
67	Sửa chữa, cải tạo trụ sở UBND huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai,	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	2310 ngày 05/7/2021	4.000	4.000		4.000	
68	Sửa chữa, nâng cấp mở rộng trụ sở Đảng uỷ - HĐND xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà.	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	1390 ngày 29/4/2021	5.000	5.000		5.000	
69	Đường liên xã từ thôn Nậm Đét, xã Nậm Đét đến thôn Cốc Đàm, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai (Km0+00 đến Km2+600)	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2932 ngày 16/8/2021	14.500	14.500		14.500	
70	Đường Mường Hum -Nậm Pung huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2354 ngày 23/7/2020	18.000	18.000		18.000	
71	Đường Mường Hum-Dền Thàng-Dền Sáng huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2353 ngày 23/7/2020	36.000	36.000		36.000	
72	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường Trịnh Tường - Y Tý, huyện Bát Xát (đoạn Km0+00 - Km23+500 ĐH 106)	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3415 ngày 22/9/2021	10.000	10.000		10.000	
73	Ngầm tràn liên hợp thôn Móng Sến 1 (đường vào thôn họ Giàng) xã Trung Chải	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-202	72 ngày 24/02/2021	4.500	4.500		4.500	
74	Cầu vào thôn Sín Chải xã Ngũ Chỉ Sơn	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-202	74 ngày 24/02/2021	4.787	4.787		4.787	
75	Cầu treo dân sinh thôn Dền Thàng xã Tả Van	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-202	75 ngày 24/02/2021	1.800	1.800		1.800	
76	Cầu treo Suối Đá thôn Dền Thàng xã Tả Van	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-202	76 ngày 24/02/2021	2.500	2.500		2.500	
77	Ngầm tràn liên hợp thôn Dền Thàng xã Tả Van	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-202	2502 ngày 31/7/2020	4.900	4.900		4.900	
78	Hoàn chỉnh các hạng mục phục vụ công tác phân luồng tại cửa khẩu Kim Thành	Ban QLDA ĐTXD Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2021-202	580 ngày 26/3/2024	20.000	20.000		20.000	
79	San tạo mặt bằng + Sắp xếp dân cư thôn Phố Thầu - Phố Cũ xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	3998 ngày 14/9/2017;	22.970	10.000		10.000	
80	Đường Tu Hạ xã Nậm xé, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1956 ngày 09/6/2021	11.785	11.285		11.285	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
81	Trụ sở làm việc Công an phường Bình Minh	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3769 ngày 25/10/2021	11.900	11.900		11.469	
82	Trụ sở làm việc Công an phường Duyên Hải	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3767 ngày 25/10/2021	11.900	11.900		11.900	
83	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải y tế bệnh viện đa khoa huyện Bảo Thắng.	Ban QLDA ĐTXD	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3768 ngày 25/10/2021	14.000	14.000		14.000	
84	Kiểm định đánh giá nguyên nhân sạt trượt tại Km22+600, đường tỉnh 152	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2094 ngày 21/6/2021	800	800		800	
85	Cải tạo sửa chữa tuyến, nâng cấp tuyến đường Y Tý-Ngải Thầu (đoạn Km38+900 - Km33+00), đường tỉnh 158	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2207 ngày 29/6/2021	23.600	23.600		23.600	
86	Khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo giao thông các tuyến ĐT.153, ĐT.159 tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3448 ngày 24/9/2021	7.800	7.800		7.800	
87	Cải tạo, sửa chữa đường tỉnh 153 đoạn Bắc Ngầm - Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1651 ngày 18/5/2021	9.886	9.886		9.886	
88	Trụ sở liên khối cơ quan thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	25, ngày 16/7/2021	38.000	19.000		19.000	
89	Xây mới trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND, nhà hội trường, kết hợp nhà văn hóa và các hạng mục phụ trợ Phường Bình Minh, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	04 ngày 09/4/2021	28.800	28.800		28.335	
90	Đường Bản Làn - Tảo Giàng, xã Lùng Vai	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	287 ngày 24/7/2018	1.352	581	568	13	
91	Đường Na Lang, xã Lùng Vai	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	288 ngày 24/7/2018	941	404	387	17	
92	Đường thôn Cốc Phúng, xã Lùng Vai	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	4060 ngày 13/10/2016	3.031	1.200	1.006	194	
93	Đường Dìn Chín 2, xã Dìn Chín	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	3376 ngày 03/11/2017	1.605	706	694	12	
94	Đường Sín Chải B - Phìn Chư, xã Dìn Chín	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	1227 ngày 06/06/2017	1.003	448	441	7	
95	Đường Phìn Chư - Pao Pao Chải, xã Dìn Chín	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	586 ngày 30/08/2018	3.964	2.740	2.043	697	
96	Đường QL4Đ - Dê Chú Thàng, TT Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	1038 ngày 25/4/2017	3.387	1.457	1.360	97	
97	Đường QL4 - Sa Pả 9+10, TT Mường Khương	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016	3676 ngày 07/12/2017	5.467	3.423	3.249	174	
98	Đường Gia Khâu A - Nậm Chảy, xã Nậm Chảy	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2018	664 ngày 08/03/2018	1.411	478	353	125	
99	Đường Sáng Lùng Phìn - Tà Túng, xã Nậm Chảy	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4251 ngày 18/12/2017	2.581	1.027	714	313	
100	Đường La Hờ xã Tả Gia Khâu	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	263 ngày 21/3/2017	1.511	1.109	1.067	42	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
101	Đường La Hờ - Trường học xã Tả Gia Khâu	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	270 ngày 27/3/2017	2.105	1.512	1.393	119	
102	Đường ĐT 154 - Sao Cô Sin, xã Nậm Lư	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4249 ngày 18/12/2017	2.110	1.079	740	339	
103	Đường ĐT 154 - Cốc Mạc, xã Nậm Lư	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4249 ngày 18/12/2017	3.091	1.681	1.241	440	
104	Hệ thống thủy lợi xã Nậm Mòn	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2062 ngày 01/7/2020	1.470	290	1.180	290	
105	Hệ thống thủy lợi xã Tả Củ Tỷ	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4475 ngày 30/12/2019	2.199	305	1.894	305	
106	Thủy lợi đội 3 xã Bản Cầm	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4388 ngày 26/12/2019	1.804	204	1.600	204	
107	Hệ thống thủy lợi xã Nậm Xây	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4384 ngày 26/12/2019	1.621	411	1.210	411	
108	Thủy lợi Phù Lao Chải xã A Mú Sung	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4385 ngày 26/12/2019	1.532	272	1.260	272	
109	Thủy lợi An Tiến xã Sơn Hải	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4061 ngày 2/12/2019	954	134	820	134	
110	Sửa chữa nâng cấp Thủy lợi Đội 3+4 Bản Kim, xã Thanh Kim	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2310 ngày 22/7/2020	1.883	973	910	973	
111	Sửa chữa nâng cấp hệ thống thủy lợi xã Nậm Lư	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4547 ngày 14/12/2020	1.560	780	780	780	
112	Sửa chữa nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi xã Sơn Hải	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4545 ngày 14/12/2020	1.229	599	630	599	
113	Thủy lợi Đội 7+8, thôn Suối Thầu xã Tả Phìn	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4533 ngày 14/12/2020	1.902	1.002	900	1.002	
114	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi thôn Thính Chéng 2 xã Thanh Bình	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4546 ngày 14/12/2020	931	451	480	451	
115	Thủy lợi Sảng Nàng Càng II xã Lử Thẩn	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3739 ngày 3/11/2020	1.404	354	1.050	354	
116	Thủy lợi Bồng - Tân Thành xã Cam Cọn	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	608 ngày 03/3/2021	2.278	648	1.630	648	
117	Thủy lợi tổ 1 thôn Giàng Tra xã Sa Pả	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1189 ngày 14/4/2021	1.563	373	1.190	373	
118	Thủy lợi Nậm Giàng 2 xã Dền Sáng	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1186 ngày 14/4/2021	1.922	952	970	952	
119	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Khuổi Ngoa - Noong Sẻ xã Hòa Mạc	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2236 ngày 30/6/2021	1.515	765	750	765	
120	Hệ thống thủy lợi xã Thẩm Dương	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2459 ngày 13/7/2021	2.168	428	1.740	428	
121	Kè biên giới sông hồng đoạn từ mốc M93(2)+1.200m đến M93(2)+1.600m và từ M93(2)+2.780m đến M93(2)+3.580m, xã Nậm Chạc, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	3113 ngày 03/10/2019	71.376	314	71.062	314	
122	Hồ Cốc Phường, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	4548 ngày 14/12/2020	5.873	878	4.995	878	
123	Trạm y tế xã Võ Lao	Sở Y tế	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3524 ngày 30/9/2021	3.501	233	3.268	233	
124	Bồi thường, GPMB Hạ tầng khu dân cư, TĐC suối Ngòi Đường, phường Bình Minh	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2014-2021	2145 ngày 06/8/2014 5583 ngày 22/11/2021	116.681	116.681	23.589	14.309	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
125	Cầu tràn liên hợp thôn Trang - thôn Hèo, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	750 ngày 04/02/2021	6.995	4.897		4.897	
126	Đường Na Phả Cốc Mui xã Bản Sen	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3616 ngày 30/11/2017	1.475	413	310	103	
127	Đường Bản Sen - đập thủy Lân xã Bản Sen	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3616 ngày 30/11/2017	1.303	349	255	94	
128	Đường Lũng Chéng Nùng, xã Cao Sơn	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016	1539 ngày 21/06/2017	8.948	3.704	2.980	724	
129	Đường Sả Lũng Chéng A - Sả Lũng Chéng B, xã Cao Sơn	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017	3618 ngày 30/11/2017	7.261	2.887	1.944	943	
130	Đường Lò Suối Tùng, xã Pha Long	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	147 ngày 24/01/2018	5.264	2.796	2.500	296	
131	Đường Gầu Tào - QL4, xã Pha Long	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4532 ngày 07/11/2018	3.746	1.697	1.049	648	
132	Đường Tin Thàng - Nì Si 2 xã Pha Long	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4531 ngày 07/11/2018	3.941	1.828	1.064	764	
133	Đường QL4D-UB xã - Sáo Tùng xã Tung Chung Phố	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4262 ngày 21/12/2017	4.743	1.709	1.276	433	
134	Mở rộng tuyến đường B10 (đoạn từ B5 đến B6), phường Nam Cường, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	824 ngày 12/3/2021	20.000	17.077	5.000	12.077	
135	Cấp điện thôn bản lếp, xã Nậm Đét, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	72 ngày 20/4/2020	4.836	3.836	3.500	1.336	
136	Cấp điện thôn Cốc Dế, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	135 ngày 15/7/2020	3.953	3.953	2.300	1.653	
137	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi Páo Tùng	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1233 ngày 29/12/2020	2.995	2.995	1.695	1.300	
138	Bể dự trữ nước sinh hoạt Dìn Chín	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	86 ngày 04/02/2021	1.749	1.749	900	849	
139	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập quy hoạch sử dụng đất năm 2016-huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2855 ngày 16/12/2021	1.384	1.246		1.246	
140	Đường Sả Lũng Chéng A - Sả Lũng Chéng B	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	42 ngày 07/2/2022	6.354	2.780	2.598	182	
141	Đường Lũng Chéng Nùng xã Cao Sơn	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	46 ngày 07/2/2022	8.927	3.682	3.333	349	
142	Đường UBND xã - Lò Suối Tùng, xã Cao Sơn	UBND huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	44 ngày 07/2/2022	2.547	1.020	950	70	
143	Sửa chữa, nâng cấp đường ĐT 156B đoạn Km 40+200 - Km 57+200 (từ xã Bản Vược đi xã Bản Xèo), huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2022	3516 ngày 31/10/2018 92 ngày 14/01/2022	130.193	53.333	20.000	33.333	
144	Khắc phục hậu quả lụt, bão, đảm bảo giao thông bước 2, ĐT153	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	3004 ngày 21/8/2021	1.850	1.850		1.850	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
145	Sửa chữa nhà ở cho cán bộ, nhà ở cho công dân trong khu cách ly tập trung tại e254	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	149 ngày 08/4/2022	3.000	3.000		3.000	
146	Hội trường lớn Trường chính trị tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1557 ngày 11/7/2022	21.700	21.700		21.700	
147	Đường nối QL279 đi bản Nậm Rịp, Khuổi Vèng, xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	6536 ngày 21/12/2021	11.000	11.000		11.000	
148	Đường Bản Cuông 2, xã Xuân Hòa nối QL279 huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	6583 ngày 23/12/2021	11.000	11.000		11.000	
149	Kinh phí giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xử lý điểm tiền ần tai nạn giao thông đoạn Km109 - Km110/QL4D, tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	6851 ngày 24/9/2021 809 ngày 30/9/2021	7.050	730		730	
150	Kinh phí giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xử lý cung đường tiền ần tai nạn giao thông đoạn Km110+500 - Km103+500, quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	7459 ngày 15/10/2021 916 ngày 29/10/2021	44.000	8.000		8.000	
151	Kinh phí giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km110+800 - Km111+250/QL4D, tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	3804 ngày 19/8/2021	14.250	450		450	
152	Kinh phí giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km92+170 - Km92+930 (khu vực Thác Bạc)/QL4D, tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	3805 ngày 19/8/2021	14.990	1.490		1.490	
153	Kinh phí giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xử lý điểm đen tai nạn giao thông các đoạn Km103+500 - Km104/QL4D và đoạn Km54+400 - Km54+800/QL,279, tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải - Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	6229 ngày 23/12/2021 2016 ngày 14/4/2022	12.000	2.000		2.000	
154	Cổng, hàng rào, ngoại thất và sân đường nội bộ trụ sở Công an tỉnh Lào Cai	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	949 ngày 10/5/2022	10.000	10.000		10.000	
155	Cầu Nậm Kỳ nối thôn Sả Mào Phố - thôn Nậm Sóm, xã Tả Cù Tỷ, huyện Bắc Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	226 ngày 29/4/2022	9.500	9.500		9.500	
156	Nghĩa trang nhân dân xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên (Giai đoạn 1)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	4553 ngày 28/12/2021	14.000	14.000		14.000	
157	Kè chống sạt lở bờ suối Khe Thín bảo vệ an toàn công trình trường Tiểu học số 1 Tân Thượng	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	905 ngày 31/10/2019	3.500	3.500		3.500	
158	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thị trấn, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	403 ngày 15/02/2022	12.000	12.000		12.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
159	Nhà làm việc và các hạng mục công trình phụ trợ Trụ sở UBND xã Cam Cạn huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	549 ngày 14/3/2022	5.500	5.500		5.500	
160	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Khối I, Khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	3510 ngày 30/9/2021 818 ngày 20/4/2022	51.986	51.986	36.800	15.186	
161	Đường, cầu vượt qua đường sắt kết nối qua tiểu khu đô thị số 19 với Đại lộ Trần Hưng Đạo	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	2353 ngày 13/10/2022	30.305	30.305	22.400	7.905	
162	Cầu Giang Đông, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	3980 ngày 06/9/2017	360.995	50.448	42.000	8.448	
163	Quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến sông Hồng kết nối đô thị thành phố Lào Cai với đô thị Phố Lu	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	56 ngày 12/01/2021 2834 ngày 9/8/2021	3.268	3.268		3.268	
164	Quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến sông Hồng kết nối đô thị Phố Lu với đô thị Bảo Hà - Tân An	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	56 ngày 12/01/2021 2836 ngày 9/8/2021	2.530	2.530		2.530	
165	Khu dân cư tổ 12, phường Nam Cường thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	16 ngày 15/7/2022	50.917	50.917		50.917	
166	Cải tạo Trung tâm Pháp y tỉnh Lào Cai để phục vụ hoạt động Bệnh viện dã chiến số 1 điều trị bệnh nhân COVID-19	Ban QLDA ĐTXD	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3107 ngày 25/8/2021	827	827		827	
167	Cầu Ngòi Đum nối đường Ngô Quyền (Nhánh 9) với Khu đô thị mới Lào Cai-Cam Đường	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	4152 ngày 26/9/2017	51.055	51.055	41.000	2.073	
168	Cải tạo Trung tâm phòng chống HIV/AIDS phục vụ hoạt động Khoa truyền nhiễm Bệnh viện đa khoa tỉnh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2452 ngày 21/10/2022	1.200	1.200		1.200	
169	Xử lý chống mối đồn Biên Phòng Cửa khẩu quốc tế Lào Cai và tiểu đoàn huấn luyện - cơ động Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lào Cai	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2331 ngày 13/10/2022	850	850		850	
170	Khắc phục bão lũ đường Sán Chá - Thèn Ván; đường Nà Mỏ - Lao Chải xã Lũng Cáy, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2312 ngày 11/10/2022	3.000	3.000		3.000	
171	Cầu tràn bản Hốc (ông Hát), cầu tràn bản Hốc (ông Thân) và cầu tràn bản Đon (ông Vần) xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên.	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2080 ngày 03/7/2020	4.990	4.990		4.696	
172	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến Quốc lộ 70 đoạn qua trung tâm thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2686 ngày 10/11/2022	20.000	20.000		20.000	
173	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên tuyến Quốc lộ 70 đoạn qua địa phận xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2693 ngày 10/11/2022	8.000	8.000		8.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
174	Nhà xét xử trực tuyến đặt tại Trại giam Công an tỉnh	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2303 ngày 10/10/2022	680	680		680	
175	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, cơ sở vật chất của Trung tâm điều dưỡng người có công Sa Pa	Sở Lao động-Thương binh xã hội	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2190 ngày 30/9/2022	14.500	4.350		4.350	
176	Tháo dỡ, di chuyển và xây dựng mới một số hạng mục công trình tại Trường Cao đẳng Lào Cai	Trường Cao đẳng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2549 ngày 31/10/2022	3.800	3.800		3.800	
177	Cấp điện thôn Léch Mông, xã Thanh Bình, thị xã Sa Pa	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2561 ngày 01/11/2022	2.800	2.800		2.800	
178	Cấp điện thôn Sín Chải, xã Trung Chải, thị xã Sa Pa	Sở Công thương	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2560 ngày 01/11/2022	1.200	1.200		1.200	
179	Sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2598 ngày 02/11/2022	9.000	9.000		9.000	
180	Nâng cấp, Sửa chữa nhà khách UBND huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2776 ngày 16/11/2022	14.000	14.000		14.000	
181	Cải tạo, xây mới một số hạng mục Đồn Biên phòng Pha Long, xã Pha Long, huyện Mường Khương	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1310 ngày 01/6/2023	14.300	14.300		14.300	
182	Sửa chữa, cải tạo nhà khách (Nhà Chỉ huy Tiểu đoàn 1 cũ), Trung đoàn 254 –Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2832 ngày 18/11/2022	1.200	1.200		1.200	
183	Nhà kho tổng hợp sẵn sàng chiến đấu, thường xuyên; kệ chống sạt lở, rãnh thoát nước, đường quanh hồ; kệ chống sạt lở mái ta luy Đại đội 20, Trung đội 25 - Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2907 ngày 25/11/2022	12.000	12.000		12.000	
184	Nhà làm việc Thủ trưởng, Nhà Sở chỉ huy, đường nội bộ và ngoại thất doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2880 ngày 24/11/2022	7.500	7.500		7.500	
185	Cầu qua suối Nậm Pên, xã Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2921 ngày 25/11/2022	16.800	16.800		16.800	
186	Thao trường đồn biên phòng Y Tý	Bộ chỉ huy biên phòng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	519 ngày 02/12/2022	2.000	2.000		2.000	
187	Thao trường Đồn Biên phòng A Mú Sung	Bộ chỉ huy biên phòng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	520 ngày 02/12/2022	2.600	2.600		2.600	
188	Trụ sở hành chính mới huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	41 ngày 07/12/2022	200.000	140.000		85.000	
189	Không gian trưng bày Bảo tàng tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	41 ngày 07/12/2022	50.000	50.000		5.000	
190	Sân Vận động thị xã Sa Pa	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	41 ngày 07/12/2022	75.000	75.000		5.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
191	Khắc phục hậu quả thiên tai đường tỉnh 153 tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	727 ngày 06/4/2022	10.400	10.400		10.400	
192	Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả sông Hồng (đoạn từ cầu Phố Mới đến khu vực cầu Giang Đông), thành phố Lào Cai	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	41 ngày 07/12/2022	72.500	72.500		50.000	
193	Sửa chữa hàng rào phía trước trụ sở khối I	Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3508 ngày 30/9/2021	1.735	1.735	1.200	535	
194	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu dùng chung của các cơ quan Đảng, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể tỉnh	Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	3903 ngày 04/12/2018	15.366	15.366	10.000	5.366	
195	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng các khu chức năng - Cảng hàng không SaPa)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	97 ngày 14/01/2020	316	200		200	
196	Nhà điều trị Nội C và nhà rèn luyện thể chất tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	3981ngày 07/12/2018; 2309 ngày 22/7/2020	32.469	32.469	30.000	2.469	
197	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở thương mại phường Kim Tân, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1009 ngày 29/3/2021	7.700	7.700	2.600	5.100	
198	Sửa chữa đảm bảo giao thông trên tuyến đường nội bộ Khu tái định cư Gia Phú, huyện Bảo Thắng	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1084 ngày 21/04/2020	966	966	700	266	
199	Xây dựng mặt bằng Trạm cân tải trọng lưu động trên QL70 và QL4E, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2015	177 ngày 17/01/2020	932	932	700	232	
200	Tu sửa di tích Đền Trung Đô, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	Sở Văn hóa TT&DL	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4665 ngày 21/12/2020	4.582	4.582	4.100	482	
201	Ngâm tràn liên hợp qua suối Nậm Thố xã Thái Giàng Phố, Bắc Hà	Sở Văn hóa TT&DL	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	BBQT ngày 07/12/2020	7.241	7.241	4.250	2.991	
202	Nhà để xe ô tô Sở Ngoại vụ tỉnh Lào Cai	Sở Ngoại vụ	Tỉnh Lào Cai	2014	2462 ngày 01/8/2016	424	424	400	24	
203	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi Lũng Pầu 1 + 2 xã Tung Chung Phố	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4466 ngày 09/12/2020	1.747	427		427	
204	Thủy lợi Cóc Khiêng xã Việt Tiến	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4473 ngày 09/12/2020	1.520	265		265	
205	Thủy lợi Gia Khẩu xã Bản Khoang	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4465 ngày 09/12/2020	2.619	652		652	
206	Sửa chữa, nâng cấp thủy lợi Chang Mường xã Gia Phú	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4470 ngày 09/12/2020	1.476	726		726	
207	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi thôn Nậm Pên, xã Mường Hum	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4468 ngày 09/12/2020	1.760	910		910	
208	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi bản Khuổi Thàng, xã Xuân Hòa	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4471 ngày 09/12/2020	1.688	868		868	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
209	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Khuổi Vèng xã Vĩnh Yên	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4472 ngày 09/12/2020	1.507	767		767	
210	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi bản Cán Chải xã Tân Tiến	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4469 ngày 09/12/2020	1.674	854		854	
211	Mở rộng đường Quy Hóa, đoạn từ nút giao đường Ngô Quyền đến đường An Dương Vương, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	BB thẩm tra QT	8.008	8.008	7.398	610	
212	Cải tạo, nâng cấp các tiểu công viên và hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	4368 ngày 31/10/2018	6.486	3.600		3.600	
213	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng phía sau kè bờ Tả sông Hồng, thành phố Lào Cai (đoạn bổ sung)	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	2063 ngày 01/7/2020	3.514	3.514	2.100	1.414	
214	Hội trường + Nhà văn hóa phường Pom Hán, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017	BBQT ngày 17/12/2020	4.418	3.093	2.800	293	
215	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng Đại lộ Trần Hưng Đạo, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4553 ngày 14/12/2020	29.415	20.591	16.930	3.661	
216	Cấp điện, cấp nước khu vực tổ 9, tổ 11 phường Nam Cường và tổ 14 phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	BB thẩm tra QT	2.409	1.180	924	256	
217	Thủy lợi Giàng Tra (Vàng A Phùng) xã Tả Phìn, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	672 ngày 17/9/2020	2.390	2.390	2.020	370	
218	Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Hàm Rồng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	431 ngày 22/6/2020	961	961	818	143	
219	Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Cầu Mây	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	445 ngày 25/6/2020	1.795	1.795	1.745	50	
220	Sửa chữa Trụ sở Công an phường Cầu Mây	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	440 ngày 25/6/2020	1.571	1.571	1.548	23	
221	Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Hoàng Liên	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	319 ngày 29/5/2020	789	789	757	32	
222	Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Tả Van	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	438 ngày 24/6/2020	265	265	238	27	
223	Sửa chữa Trụ sở Công an phường Hàm Rồng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1159 ngày 22/12/2020	905	905	770	135	
224	Xây dựng tạm Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Sa Pả	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	127 ngày 19/03/2021	1.750	1.750	1.460	290	
225	Xây dựng tạm Trụ sở Công an phường Sa Pả	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	133 ngày 19/3/2021	1.692	1.692	1.385	307	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
226	Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Phan Si Păng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	30 ngày 28/01/2021	1.419	1.419	1.160	259	
227	Xây dựng tạm Trụ sở làm việc Công an phường Phan Si Păng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1160 ngày 22/12/2020	1.417	1.417	1.200	217	
228	Sửa chữa Trụ sở làm việc Đảng ủy-HĐND-UBND phường Ô Quý Hồ	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	32 ngày 28/01/2021	1.999	1.999	1.568	431	
229	Sửa chữa Trụ sở Công an phường Ô Quý Hồ	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	31 ngày 28/01/2021	1.484	1.484	1.280	204	
230	Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Thanh Bình	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	307 ngày 08/06/2021	1.103	1.103	979	124	
231	Sửa chữa Trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Ngũ Chỉ Sơn	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	33 ngày 28/1/2021	87	87	76	11	
232	Cải tạo, sửa chữa Hội trường UBND huyện Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	37 ngày 25/01/2021	4.910	4.910	2.500	2.410	
233	Thủy lợi San Sả Hồ - Nậm Thố, xã Thái Giàng Phố, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	4669 ngày 21/12/2020	11.658	10.492	9.000	1.492	
234	Cầu tràn liên hợp thôn Nậm Lúc Hạ, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	03 ngày 04/01/2021	2.473	2.473	2.400	73	
235	Cầu bản thôn Nậm Lòn, xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	05 ngày 04/01/2021	1.763	1.763	1.730	33	
236	Hội trường kết hợp nhà văn hóa xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	485 ngày 10/12/2020	3.200	2.880	2.740	140	
237	Thủy lợi Vành Pành, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	29 ngày 09/02/2021	2.803	1.681	1.410	271	
238	Thủy lợi Chiềng 1 - Chiềng 4, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4667 ngày 21/12/2020	5.806	5.806	4.780	1.026	
239	Nâng cấp đường Liềm Phú (Đoạn qua thôn Bản Giăng) - Chiềng Ken, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1036 ngày 18/11/2019	2.921	1.753	1.253	500	
240	Cầu tràn thôn Đình - thôn Cầm và cầu tràn Pò Lào (thôn 7) xã Nậm Dạng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	478 ngày 21/12/2020	2.775	1.666	1.390	276	
241	Cầu tràn thôn 3 đi thôn 7 xã Nậm Dạng huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	BB thẩm tra QT	2.893	1.736	1.400	336	
242	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu vực Lũng Pô, xã A Mú Sung, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018 - 2018	4536 ngày 14/12/2020	1.450	1.450	500	950	
243	Đường đi Bản Xèo 2	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	65b ngày 22/5/2019	978	636	325	311	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
244	Hội trường kết hợp làm nhà văn hóa trung tâm huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2014-2017	2238 ngày 30/6/2021	22.378	17.902	15.700	2.202	
245	San tạo mặt bằng Ban chỉ huy quân sự huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1315 ngày 15/5/2019	12.000	10.200	7.600	2.600	
246	Nhà để ô tô, xe máy Trụ sở khối 1	Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	2014	2604 ngày 18/8/2015	566	566	400	166	
247	Nhà ở cho Đội Công an bảo vệ mục tiêu trụ sở UBND tỉnh Lào Cai	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	3783 ngày 31/10/2016	3.621	3.621	1.500	2.121	
248	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng trụ sở UBND tỉnh và nhà ở cho Đội Công an bảo vệ mục tiêu	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	BBQT	2.202	2.202	1.956	246	
249	Cải tạo Tầng 1+2 của Trung tâm Giao lưu Văn hóa và thông tin tỉnh Lào Cai thành Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2649 ngày 13/08/2020	7.500	7.500	2.000	5.500	
250	Sửa chữa, mua sắm thiết bị nhà làm việc + Cải tạo nhà bếp và phòng ăn Trụ sở khối 2 + Cải tạo vườn cây trước cửa khối 2	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2364 ngày 24/7/2020	9.900	9.900	2.000	7.900	
251	Sửa chữa nhà làm việc Sở Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	1590 ngày 29/5/2020	1.300	1.300	1.000	300	
252	Hệ thống tưới nước cây xanh xung quanh trụ sở khối 2, khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2013-2014	2305 ngày 15/8/2014	694	694	438	256	
253	Hồ sinh thái công viên Trụ sở Khối 2, hạng mục: Trồng cây xanh; Đường công vụ quanh trụ sở Khối 2 và lát gạch block đường dạo ven hồ	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2541 ngày 13/7/2021	4.124	4.124	1.500	2.624	
254	Xử lý chống mối và sửa chữa nội thất Trung tâm hội nghị tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	3794 ngày 27/10/2021	1.337	1.337	1.100	237	
255	Lắp đặt thiết bị thông tin quan sát các phiên toà xét xử ở hai cấp tỉnh Lào Cai	Tòa án nhân dân tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1610 ngày 06/6/2019	2.652	2.652	1.000	1.652	
256	Đầu tư xây dựng cảng hàng không SaPa (Kinh phí lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	3832 ngày 28/11/2018	3.000	3.000	600	2.400	
257	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sa Pa	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	835 ngày 04/4/2018	1.036	1.036	500	536	
258	Cầu Bản Xèo, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3623 ngày 26/10/2020	9.998	9.998	3.000	6.998	
259	Quy hoạch Phát triển vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Lai đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2017	3133 ngày 07/7/2017	353	353	265	88	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
260	Xây dựng trạm kiểm soát trọng tải xe tại km21+400, quốc lộ 4E, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1816 ngày 21/6/2019	944	944	700	244	
261	Sửa chữa mặt đường đầu cầu và lắp dải phân cách trên cầu Kim Thành, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3591 ngày 05/11/2018	488	488	180	308	
262	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 152 đoạn đi qua vai bờ phải đập đầu mối và cửa hầm thu nước vào đường ống áp lực của thủy điện Tả Thàng, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	102 ngày 14/01/2021	2.576	2.576	2.400	176	
263	KPHQ Lụt, bão, bảo đảm giao thông bước 1 Km71+500 Đường tỉnh 153, tỉnh Lào Cai (Do ảnh hưởng của đợt mưa lớn từ ngày 30/4 đến ngày 01/5/2019, từ ngày 07/5/2019-10/7/2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	151 ngày 16/01/2020	181	181	150	31	
264	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 đường tỉnh 153, 154,157, 159, 160 (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn cơn bão số 2, số 3 năm 2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	1127 ngày 24/4/2020	1.036	1.036	900	136	
265	KPHQ Lụt, bão, bảo đảm giao thông bước 1 Đường tỉnh 155 thuộc địa phận huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (Ảnh hưởng của các đợt mưa ngày 06-07/5/2019 và ngày 13/5/2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	4139 ngày 06/12/2019	26	26	20	6	
266	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 các tuyến đường tỉnh 151B, tỉnh Lào Cai (Do ảnh hưởng của các đợt mưa trong tháng 8,9 năm 2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	2413 ngày 28/7/2020	1.139	1.139	1.000	139	
267	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 các tuyến ĐT.155, ĐT.156, ĐT.156B và ĐT.158 và cầu Sín Cơ đường tỉnh 158, tỉnh Lào Cai (Do ảnh hưởng của các đợt mưa tháng 7, tháng 8 năm 2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	2664 ngày 14/8/2020	1.531	1.531	1.300	231	
268	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 các tuyến đường tỉnh 153, 154, 157, 159, 160, tỉnh Lào Cai (Do ảnh hưởng của các đợt mưa trong tháng 8,9 năm 2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	2645 ngày 13/8/2020	1.522	1.522	1.300	222	
269	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 các tuyến đường tỉnh 151, 151C, tỉnh Lào Cai (Do ảnh hưởng của các đợt mưa trong tháng 8,9 năm 2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	2646 ngày 13/8/2020	246	246	200	46	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
270	Khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông bước 1 các tuyến đường tỉnh 152, 152B, 155, 158, tỉnh Lào Cai (Do ảnh hưởng của các đợt mưa trong tháng 8,9 năm 2019)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2019	2770 ngày 21/8/2020	3.001	3.001	2.500	501	
271	Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ khai thác các tuyến xe buýt tỉnh Lào Cai giai đoạn 2014-2015	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2015	2514 ngày 10/8/2015	560	560	500	60	
272	Sửa chữa cầu BTCT km21+180, đường tỉnh 153, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	1969 ngày 28/6/2018	8.249	8.249	2.475	5.774	
273	Kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Tiểu khu đô thị số 22, thành phố Lào Cai.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	1435 ngày 17/5/2018	3.886	3.886	3.200	686	
274	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư thôn Làng Chung, xã Sơn Hà, huyện Bảo Thắng.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2624 ngày 27/8/2019	1.273	1.273	1.034	239	
275	Quy hoạch chi tiết khu sân chùa, sa pa	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2015-2018	5737 ngày 20/12/2017	2.848	2.848	2.389	459	
276	Quy hoạch chi tiểu xây dựng tiểu khu đô thị mới số 23, Phường Bình Minh, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017	1520 ngày 05/5/2017	2.010	2.010	1.443	567	
277	Đường lên và các công trình phụ trợ khu vực thăm quan diền tập tại xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	342 ngày 30/01/2015	3.405	3.405	2.900	505	
278	Đập chứa nước tại khu vực công trình (thôn Tả Thành, xã Gia Phú, H.Bảo Thắng) cấp nước cho Sở Chỉ huy cơ bản tỉnh và SX canh tác của nhân dân	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	1271 ngày 15/5/2014	14.249	14.249	12.100	2.149	
279	Bệnh xá 24 Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	2963 ngày 30/10/2014	4.345	4.345	3.200	1.145	
280	Cống thoát nước khu vực Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3101 ngày 28/10/2014	1.539	1.500	1.250	250	
281	Kho xăng dầu sẵn sàng chiến đấu Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	17 ngày 14/02/2015	2.598	2.598	2.100	498	
282	Kè chống sạt lở mái taluy dương khu vực công trình kho xăng dầu dự trữ sẵn sàng chiến đấu	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	254m ngày 06/12/2018	1.800	1.800	1.450	350	
283	Nhà khách Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	114/m ngày 31/8/2016 86m ngày 10/4/2020	37.901	37.901	24.974	12.927	
284	San gạt mặt bằng và xây dựng ngoại thất Ban CHQS huyện Bắc Hà/Bộ CHQS tỉnh Lào Cai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	570 ngày 01/8/2017 1754 ngày 06/12/2018	31.880	31.880	23.500	8.380	
285	Trung tâm huấn luyện lực lượng dự bị động viên tỉnh Lào Cai (Đ1)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2013	1878 ngày 25/7/2013	119.872	35.962	15.500	20.462	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
286	Nhà ăn và bếp Thủ trưởng Bộ Chỉ huy và cải tạo, nâng cấp khu vực khán đài, đường pitch sân vận động cơ quan Bộ CHQS tỉnh Lào Cai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1971 ngày 04/7/2019	6.500	6.500	5.150	1.350	
287	Trường bắn, thao trường huấn luyện - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai/QK2	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2014-2017	2072 ngày 08/10/2013	11.817	3.000	1.900	1.100	
288	Đường nước sinh hoạt, cầu, sân bê tông, trạm xăng Trung đoàn 254-Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	3191 ngày 29/10/2014	2.722	2.722	1.650	1.072	
289	Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban chỉ huy quân sự thành phố Lào Cai/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lào Cai/Quân khu 2.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	1668 ngày 29/10/2018	13.000	3.500	1.526	1.974	
290	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Lào Cai	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	2499 ngày 11/07/2017 2168 ngày 02/4/2019	48.100	48.100	45.380	2.720	
291	Trạm Kiểm soát Biên phòng Bàn Vược (Đồn Biên phòng Bát Xát)	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	3308 ngày 31/10/2014	14.980	8.000	6.000	2.000	
292	Hệ thống bể thu lọc nước mưa và bể chứa nước sinh hoạt đồn Biên phòng Pha Long và đồn Biên phòng Tả Gia Khâu, H.Mường Khương	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2762 ngày 25/8/2016	3.610	3.610	3.313	297	
293	Hệ thống cấp nước sinh hoạt (bể chứa + cấp nước) Tiểu đoàn huấn luyện cơ động Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3218 ngày 30/9/2016	2.752	2.752	2.389	363	
294	Quy hoạch chung xây dựng khu công nghiệp phía Tây thành phố Lào Cai	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2017	630 ngày 01/3/2017	2.650	2.650	1.100	1.550	
295	Cấp điện thôn Tả Thồ 1, Tả Thồ 2, Hoàng Hạ, Nhu Sang xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2023	2471 ngày 31/7/2020	14.648	7.324	2.000	5.324	
296	Kinh phí điều chỉnh quy hoạch quảng cáo ngoài trời	Sở Văn hóa TT&DL	Tỉnh Lào Cai	2016	1741 ngày 12/6/2018	141	141		141	
297	Bãi đỗ xe và cải tạo sân đón tiếp khu vực du lịch Suối Vàng Thác tỉnh yêu thuộc Vườn QGHL	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	Tỉnh Lào Cai	2015-2017	292 ngày 27/01/2015	8.406	8.406	7.150	1.256	
298	Sửa chữa cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone tỉnh Lào Cai	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	Tỉnh Lào Cai	2014	1925 ngày 09/7/2014	722	722	620	102	
299	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc cơ sở điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone số 1 tỉnh Lào Cai	Chi cục Phòng chống tệ nạn xã hội	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	5250 ngày 23/11/2017	1.500	1.500	450	1.050	
300	Mở rộng và điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu cửa khẩu phụ Bàn Vược	Ban Quản lý Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	5739 ngày 20/12/2017; 1268 ngày 09/5/2019	3.584	3.330	2.150	1.180	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
301	Quy hoạch chi tiết Khu gia công sản xuất xuất nhập khẩu thuộc Khu Kim Thành - Lào Cai	Ban Quản lý Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2017	3353 ngày 26/7/2017	1.910	607	500	107	
302	Quy hoạch chi tiết khu Logicstic (khu vực hậu cần) thuộc khu kim thành Bản Vược	Ban Quản lý Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2017	3353 ngày 26/7/2017	2.113	2.053	600	1.453	
303	Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu cửa khẩu Kim Thành	Ban Quản lý Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2862 ngày 11/8/2021	963	963	83	880	
304	Cải tạo sửa chữa các hạng mục cấp bách tại cơ sở cai nghiện ma túy số 1 tỉnh Lào Cai	Sở LĐ TB&XH	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3861 ngày 15/11/2019	3.100	3.100	1.500	1.600	
305	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Mường Khương	Sở LĐ TB&XH	Tỉnh Lào Cai	2013	3330 ngày 22/11/2013	2.838	1.838	1.600	238	
306	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Sa Pa (giai đoạn II)	Sở LĐ TB&XH	Tỉnh Lào Cai	2013	3298 ngày 22/11/2013	1.995	995	900	95	
307	Xử lý chống thấm và cấp nước vào Hồ Na Đẫy, TT Mường Khương, huyện Mường Khương	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4620 ngày 23/10/2017	2.496	2.496	2.000	496	
308	Cải tạo, nâng cấp Trại nghiên cứu và sản xuất giống lúa Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2014-2019	2239 ngày 18/7/2018	6.909	1.909	1.528	381	
309	Dự án trồng thí điểm cây Thông đỏ trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Vườn Quốc gia Hoàng Liên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3952 ngày 02/9/2015	2.556	596	535	61	
310	Sửa chữa, cải tạo phòng tiếp công dân bộ phận một cửa tại trụ sở khối 6, TP.Lào Cai	Thanh tra tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017	3797 ngày 31/10/2016	395	395	330	65	
311	Sửa chữa, nâng cấp Nhà nghỉ Thiên Ngân, huyện Sa Pa	Trung tâm tư vấn và DVTC	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	BBQT	9.471	9.471	7.500	1.971	
312	Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính tỉnh LC	Sở Nội vụ	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3843 ngày 05/12/2014	29.130	24.130	13.800	10.330	
313	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Lào Cai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	2018-2022	2993 ngày 12/9/2016	121.040	19.770	5.955	13.815	
314	Rà soát thực trạng sử dụng đất và triển khai đo đạc địa chính, chuẩn hóa hệ thống bản đồ đưa về một hệ thống bản đồ chính quy tại các khu, cụm công nghiệp, khu thương mại công nghiệp Kim Thành	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3878 ngày 01/11/2016	1.870	693	300	393	
315	Cắm mốc giới các khu vực bảo vệ di tích thuộc đề án 08	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	17 ngày 07/02/2018	671	671		671	
316	Sửa chữa, nâng cấp trụ sở Công an thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3568 ngày 31/10/2019	9.000	4.500		4.500	
317	Khắc phục sạt lở đất mái taluy dương Đường Hoàng Diệu phường Phố Mới, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020	4505 ngày 30/10/2019	2.941	2.059		2.059	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
318	Cầu treo Làng Cuồng, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	4339 ngày 31/10/2018	5.485	3.850		3.850	
319	Quy hoạch chi tiết Khu đô thị mới tổ 1, Tổ 2A, thị trấn Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2625 ngày 27/8/2018	2.051	2.051		2.051	
320	Đường liên xã Bản Khoang (huyện Sa Pa) - Phìn Ngan (huyện Bát Xát), tỉnh Lào Cai	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014-2017	4387 ngày 04/12/2015	79.885	79.885	54.060	25.825	
321	Thủy lợi Má Tra 1, xã Sa Pả, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3627 ngày 22/10/2015 3789 ngày 11/11/2019	5.345	4.810	4.350	460	
322	Bãi đỗ xe trung tâm huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	3829 ngày 21/10/2017	3.303	3.303	2.590	713	
323	Ngâm tràn liên hợp thôn Ý Linh Hồ, xã San Sả Hồ, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1699 ngày 07/6/2018	7.213	7.213	2.500	4.713	
324	Hội trường UBND xã Bản Phùng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	336 ngày 17/5/2017	3.779	2.500	2.486	14	
325	Trạm y tế xã Trung Chải	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	2012 ngày 29/6/2016	3.676	3.500	3.111	389	
326	Trạm y tế xã Thanh Kim	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	1993 ngày 28/6/2016	4.441	3.500	3.160	340	
327	Hội trường UBND xã Sa Pả, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	566 ngày 31/5/2015	4.537	3.870	3.680	190	
328	Hội trường UBND xã Tả Phìn, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	1707 ngày 30/12/2016	3.538	3.483	3.296	187	
329	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	1292 ngày 29/10/2014	2.551	2.500	2.422	78	
330	Cải tạo, sửa chữa Nhà văn hóa huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2013	1968 ngày 31/7/2013	7.685	7.685	7.630	55	
331	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Chân núi Hàm Rồng, huyện Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2017	4999 ngày 08/11/2017	2.087	2.087	650	1.437	
332	Đề án phân loại đô thị loại IV để thành lập thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	507 ngày 08/02/2018	1.267	1.367		1.367	
333	Đề án điều chỉnh địa giới hành chính huyện Sa Pa thành lập thị xã Sa pa và huyện mới	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2014	1537 ngày 09/6/2014	1.669	1.669	600	1.069	
334	Đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai đến Sa Pa (Tiểu dự án án bồi thường GPMB đoạn qua huyện Sa Pa)	UBND Thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2193 ngày 15/7/2015; 3830 ngày 27/11/2018	100.465	54.500	22.000	32.500	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
335	Kè suối Bản Chom bảo vệ khu dân cư xã Yên Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	3166 ngày 29/10/2014	14.895	14.895	10.000	4.895	
336	Rãnh thoát nước + Vía hè trung tâm xã Việt Tiến, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3284 ngày 31/10/2014	2.986	2.986	2.390	596	
337	Đường Nậm Bết - Cán Chải - Nà Trì, xã Tân Tiến	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017	1197 ngày 15/8/2018	3.398	1.373	1.000	373	
338	Đường Nà Phung xã Tân Tiến, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1508 ngày 14/09/2017	928	872	700	172	
339	Đường Cán Chải 1 - Cán Chải 2 xã Tân Tiến, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1507 ngày 14/09/2017	1.688	1.589	1.275	314	
340	Đường Bản 1 A - 1 B xã Điện Quan, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1505 ngày 14/09/2017	1.494	1.229	1.122	107	
341	Đường Quốc lộ 70 - Bản 4 xã Điện Quan, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1503 ngày 14/09/2017	337	290	252	38	
342	Đường bản 7 - bản 8 Mai Đào xã Thượng Hà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1500 ngày 14/09/2017	1.869	1.750	1.400	350	
343	Đường QL 70 - bản 9 Mai Đào xã Thượng Hà	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1501 ngày 14/09/2017	693	649	520	129	
344	Đường Bản 1A-1B	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1505 ngày 14/9/2017	1.734	704	700	4	
345	Đường QL 70 - Bản 4	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1503 ngày 14/9/2017	401	164	150	14	
346	Đường Múi 1 xã Yên Sơn - Sải 3 xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	4611 ngày 23/10/2017	9.827	9.827	3.000	6.827	
347	Đường Bản Cau 2 - Tham Dìu xã Tân Dương nối QL70 huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	3888 ngày 06/9/2017	14.000	14.000	8.200	5.800	
348	Hội trường UBND xã Lương Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	1001 ngày 29/4/2014	3.630	3.391	2.900	491	
349	Khu trung tâm thể dục thể thao huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3164 ngày 29/10/2014 3305 ngày 08/10/2019	11.370	11.370	9.100	2.270	
350	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 Khu di tích lịch sử văn hóa - Đền Bảo Hà	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2375 ngày 3/8/2018	1.151	1.151		1.151	
351	Đường liên xã Lùng Vai - Bản Xen, huyện Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1351 ngày 10/5/2018	25.000	25.000	13.750	11.250	
352	Đường thôn Bản Sen - Đạp Thủy Lân, xã Bản Xen	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3617 ngày 30/11/2017	1.303	144	50	94	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
353	Đường thôn Na Pha - thôn Cốc Mui, xã Bản Xen	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3616 ngày 30/11/2017	1.475	203	100	103	
354	Đường Gia Khâu A - Nậm Chảy, xã Nậm Chảy	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4252 ngày 18/12/2017	1.482	225	100	125	
355	Đường Sảng Lùng Phìn - Tà Tung, xã Nậm Chảy	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4251 ngày 18/12/2017	2.581	513	200	313	
356	Đường QL4 - UBND xã mới - Sáo Tung, xã Tung Chung Phố	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4262 ngày 18/12/2017	5.123	733	300	433	
357	Đường 154 - Sao Cô Sín, xã Nấm Lư	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4249 ngày 18/12/2017	2.989	539	200	339	
358	Đường UBND xã Nấm Lư (ĐT 154) - Cốc Mạc, xã Nấm Lư	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4250 ngày 18/12/2017	4.423	840	400	440	
359	Đường Sả Lùng Chén A - Sả Lùng Chén B, xã Cao Sơn	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3618 ngày 30/11/2017	7.261	1.443	500	943	
360	Đường Gầu Tào - QL4, xã Pha Long	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3675 ngày 07/12/2017	3.236	948	300	648	
361	Đường Tin Thàng - Nì Si 2, xã Pha Long	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3674 ngày 07/12/2017	3.836	1.064	300	764	
362	Cải tạo, nâng cấp hệ thống rãnh thoát nước dọc và mặt đường các tuyến đường nội thị, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2018	1324 ngày 07/5/2018	43.885	43.885	32.000	11.885	
363	Đường Phẳng Tao, xã Bản Xen (1,6 km)	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3359 ngày 8/9/2015	1.450	1.135	974	161	
364	Đường Thôn Na Lin, xã Bản Xen (2,1 km)	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3357 ngày 8/9/2015	2.062	1.459	982	477	
365	Đường Thôn Tả Tung, xã Thanh Bình (1,53 km)	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3176 ngày 19/8/2015	2.101	1.659	1.330	329	
366	Đường Thính Chén - Văng Đẹt, xã Thanh Bình (1,82 km)	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3177 ngày 19/8/2015	1.326	1.076	920	156	
367	Đường Phìn Chư - Sín Chải A, xã Dìn Chín (2,0 km)	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3713b ngày 6/10/2015	2.289	1.624	1.002	622	
368	Đường Bỏ Lũng, xã Lùng Vai (2,0 km)	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	529 ngày 14/4/2016	2.075	1.376	862	514	
369	Đường Tảo Giàng 1, xã Lùng Vai (1,0 km)	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	527 ngày 14/4/2016	1.366	872	623	249	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
370	Đường vào chợ Cao Sơn, xã Cao Sơn, huyện Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	3168 ngày 29/10/2014	5.810	5.810	4.600	1.210	
371	Hỗ trợ mở rộng nâng cấp Chợ trung tâm huyện Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2011-2013	2241 ngày 27/8/2013	52.390	26.195	23.500	2.695	
372	Cấp điện sinh hoạt thôn Nậm Trà, Nậm Phẳng, Bản Cam xã Gia Phú, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	2985 ngày 08/9/2015; 3753 ngày 07/11/2019	14.538	14.538	10.970	3.568	
373	Cấp điện sinh hoạt thôn Phìn Giàng, Làng Có 1, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	728 ngày 13/7/2016; 2503 ngày 13/8/2019	9.689	9.523	5.670	3.853	
374	Quy hoạch chung điều chỉnh mở rộng thị trấn Tăng Loàng, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	692 ngày 05/03/2018	658	658		658	
375	Quy hoạch chi tiết khu đô thị mới Cường thịnh, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2173 ngày 13/7/18	1.533	1.533		1.533	
376	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2013	3096 ngày 07/11/2013	658	658	530	128	
377	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hạ tầng sau bờ Tá sông Hồng khu vực cầu Phố Lu, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2013	3356 ngày 26/11/2013	1.199	1.199	950	249	
378	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Mầm non Kim Sơn 2 (điểm trường Nhai Thỏ 4 xã Kim Sơn)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1798 ngày 29/10/2018	100	70	63	7	
379	Chợ khu vực trung tâm xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	4739 ngày 30/10/2018	3.445	3.000	2.400	600	
380	Các tuyến đường thôn Gia Phú, huyện Bảo Thắng với quốc lộ 4E và đường Trần Hưng Đạo, thành phố Lào Cai	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	975 ngày 03/4/2018	30.000	30.000	9.000	21.000	
381	Kênh tiêu chống úng thôn Giao Bình + Kè bảo vệ khu dân cư và cánh đồng Bãi San xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3756 ngày 22/11/2019	9.940	9.940	5.500	4.440	
382	Đường đến thôn Nậm Cút xã Xuân Quang	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2015	9516 ngày 07/12/2016	843	618	482	136	
383	Đường đến thôn Ải Nam	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2015	2511 ngày 13/5/2016	2.342	1.104	1.033	71	
384	Đường đến thôn Sảng Pả	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2015	2834 ngày 08/6/2016	3.611	1.635	1.125	510	
385	Đường đến thôn Cửa Cải	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2015	2832 ngày 08/6/2016	687	547	390	157	
386	Cầu khe Măng Mai, tổ dân phố Phú Long 1, thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2960 ngày 18/5/2015	2.999	2.999	1.986	1.013	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
387	Đường liên huyện từ thị trấn Phong Hải, huyện Bảo Thắng đi Bản Xen, huyện Mường Khương	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2015-2019	3214 ngày 30/10/2014; 3380 ngày 28/7/2017	48.000	48.000	41.500	6.500	
388	Đường sắp xếp dân cư thôn Phố Thầu - Phố Mới, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 1)	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3804 ngày 31/10/2016	13.953	13.500	4.100	9.400	
389	Trạm Y tế xã Nàn Sín, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	386 ngày 04/9/2015	3.243	3.243	2.824	419	
390	Nhà làm việc các Ban xây dựng Đảng, Huyện ủy Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	2358 ngày 02/8/2019	8.406	7.706	6.800	906	
391	Hệ thống thoát nước sân vận động huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	1068 ngày 23/4/2019	6.265	6.265	5.560	705	
392	Cấp điện sinh hoạt thôn Sẻ Lử Thân - Sảng Nàng Càng, xã Lử Thân, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2738 ngày 08/9/2017	6.237	6.237	4.500	1.737	
393	Đường Nà Nheo, xã Khánh Yên Hạ	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1194 ngày 01/12/2017	6.570	2.284	685	1.599	
394	Cầu Búng Lẹ, xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	427 ngày 12/10/2016	2.495	2.495	2.000	495	
395	Ngoại thất trụ sở UBND xã Khánh Yên Trung	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	611 ngày 14/11/2016	1.468	1.468	1.200	268	
396	Hội trường lớn UBND huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2014-2016	3522 ngày 22/10/2019	19.076	15.067	14.288	779	
397	Lát vỉa hè và cải tạo hệ thống thoát nước thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2867 ngày 01/09/2016	14.911	10.438	8.350	2.088	
398	Nâng cấp tuyến đường Hoàng Liên Sơn II từ Lũng Vai - Cao Sơn, huyện Mường Khương (đoạn nối tiếp)	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	778 ngày 20/3/2025	35.000	35.000		35.000	
399	Hội trường UBND xã Lầu Thĩ Ngải	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	636 ngày 12/11/2015	3.550	3.550	2.000	1.550	
400	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước và lát vỉa hè thị trấn Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3645 ngày 23/10/2016	4.355	3.744	3.480	264	
401	Chợ văn hóa xã Cốc Ly, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3809 ngày 30/10/2015	13.981	13.349	11.200	2.149	
402	Cải tạo nút giao thông Hoàng A Tường và chỉnh trang đô thị, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	3344 ngày 06/10/2016	14.622	13.412	11.700	1.712	
403	Xây dựng cầu Mường Hum, xã Mường Hum, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2122 ngày 08/7/2020	30.000	15.000	7.000	8.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
404	Cấp nước sinh hoạt thôn Làng Toòng - Đồng Quang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2014	2873 ngày 21/7/2014	2.533	2.533	2.300	233	
405	Trụ sở làm việc nhà hợp khối của cơ quan Phòng Tài chính Kế hoạch, Ban QLDA, Phòng Dân tộc và Thống kê huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	880 ngày 31/3/2016	10.886	5.443	4.500	943	
406	San tạo mặt bằng sắp xếp dân cư trung tâm huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2014-2015	1207 ngày 05/5/2014	14.434	14.434	10.000	4.434	
407	Quản lý cải tạo rừng phòng hộ bảo vệ môi trường Bắc Cường	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3506 ngày 24/10/2019	14.900	14.900		14.900	
408	Cải tạo, nâng cấp nhà công vụ, bếp ăn tập thể Cục Thuế tỉnh Lào Cai	Cục Thuế tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2513 ngày 16/7/2021	3.000	3.000		3.000	
409	Cầu tràn Nhuần 2,3, Tân Hồ đi Nhuần 1,4,5,6 xã Phú Nhuận	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1733 ngày 14/6/2019	8.600	8.600		8.600	
410	Đường Suối Đồi đi Khai Trường, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2021	3534 ngày 31/10/2018	13.000	9.100		9.100	
411	Hệ thống thủy lợi xã Lùng Vai, huyện Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3487 ngày 30/10/2018	8.200	7.400		7.400	
412	Cải tạo, sửa chữa đoạn từ Km32-Km34 đường Tỉnh 159, huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2019 ngày 16/6/2021	5.000	5.000		5.000	
413	Hạ tầng kỹ thuật đường Minh Khai, P.Phố Mới (đoạn đường cuối Công viên Hồ Chí Minh đến ngã 3 nút giao giữa đường Minh Khai, đường Lương Ngọc Quyến và đường D2 (đường bờ kè)	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	4500 ngày 30/10/2019	996	697		697	
414	Sửa chữa trạm kiểm soát Biên phòng cửa khẩu tỉnh	Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2012-2014	4030 ngày 06/11/2015	2.386	2.386	2.361	25	
415	Kè chống sạt lở bờ suối Ngòi Đum giai đoạn 2 (đoạn từ cầu Kim Tân đến cầu Bắc Cường, thành phố Lào Cai	Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2010-2011	4361 ngày 05/12/2016	29.504	29.504	29.467	37	
416	Sửa chữa, nâng cấp Hội trường Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2014	272 ngày 23/01/2015	2.494	2.494	2.472	22	
417	Nhà làm việc và nhà ở đại đội 17 Công binh; Nhà ở cán bộ, chiến sỹ Trường Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	2355ngày 31/07/2018	14.944	14.944	14.484	72	
418	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp trụ sở làm việc phòng công chứng số 1 tỉnh Lào Cai	Phòng công chứng số 1	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	4429 ngày 21/12/2021	1.913	713		713	
419	Sắp xếp dân cư thiên tai, đặc biệt khó khăn thôn Cầu Xum, xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng	Chi cục PTNT	Tỉnh Lào Cai	2015-2018	2239 ngày 30/6/2021	15.796	11.096	8.640	2.456	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
420	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị bờ hữu Sông Hồng từ B1 đến Ngòi Đường, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2021	2624 ngày 27/8/2018	1.229	1.229	160	1.069	
421	Quy hoạch chi tiết xây dựng Tiểu khu đô thị mới số 24, phường Bắc Lệnh, phường Bình Minh, phường Pom Hán, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	3863 ngày 11/11/2020	1.741	1.741	1.561	180	
422	Thủy lợi Đông Cương - Pạc Cắm xã Mường Vi	Chi cục Thủy lợi	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4467 ngày 09/12/2020	1.992	425	1.567	425	
423	Vốn đối ứng thực hiện dự án Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2	Ban QLDA Kfw8 Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2015-2021	3373 ngày 04/11/2014 932 ngày 14/3/2022	25.797	25.797	17.997	7.800	
424	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 xây dựng trại nghiên cứu và sản xuất giống cây ôn đới Sa Pa	Trung tâm Giống nông nghiệp tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1477 ngày 28/4/2017	185	185	9	110	
425	Cầu tràn khe Buôn 2 xã Võ Lao, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	230 ngày 12/5/2021	2.983	1.500	1.200	300	
426	Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Bảo Thắng (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	07 ngày 19/6/2022	75.000	30.000		30.000	
427	Xây dựng trung tâm Y tế huyện Si Ma Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	07 ngày 19/6/2022	85.000	30.000		30.000	
428	Mở rộng sân quảng trường trước cổng đền Bắc Hà, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	4562 ngày 29/12/2021	14.500	14.500		14.500	
429	Chợ văn hóa xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1349 ngày 16/6/2022	4.000	3.000		3.000	
430	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 151C đoạn Tân An - Khe Sang (Km28+300-Km37+600)	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	16 ngày 15/7/2022	55.800	55.800		55.800	
431	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 152B đoạn Thanh Phú - Nậm Cang (Km0 - Km13)	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	16 ngày 15/7/2022	78.000	78.000		62.300	
432	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 154 đoạn Bản Lầu - Na Lốc (Km0-Km15)	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	16 ngày 15/7/2022	60.000	60.000		58.000	
433	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 159 đoạn Si Ma Cai - Hoàng Thu Phố (Km0-Km26)	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	16 ngày 15/7/2022	156.000	156.000		126.000	
434	Thiết lập hệ thống biển báo khu vực cửa khẩu, hàng rào phân định ranh giới và cột đèn cao áp chiếu sáng bảo vệ tại các khu vực cửa khẩu quốc tế trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1549 ngày 08/7/2022	9.000	9.000		9.000	
435	Xây dựng, cải tạo Bệnh xá 24	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	24 ngày 07/01/2022	7.800	7.800		7.800	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
436	Phòng hỏi cung điều tra các vụ án hình sự có ghi âm, ghi hình ngành Kiểm soát nhân dân tỉnh Lào Cai	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	990 ngày 16/5/2022	4.300	4.300		4.300	
437	Đầu tư bộ phận một cửa điện tử tại các xã của các huyện Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát, Bảo Yên, Văn Bàn.	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	635 gày 24/3/2022	23.000	23.000		23.650	
438	Thủy lợi Nàn Sín, xã Nàn Sín, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Chi cục PTNT	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	612 ngày 03/3/2021	1.684	81	1.603	81	
439	Thủy lợi Sảng Chải 3-4, xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Chi cục PTNT	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	610 ngày 03/3/2021	1.891	103	1.788	103	
440	Thủy lợi Mỏ Chì, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Chi cục PTNT	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	611 ngày 03/3/2021	2.100	107	1.993	107	
441	Ngoại thất nhà khách UBND huyện Mường Khương	Ban QLĐA ĐTXD huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	406 ngày 15/02/2022	5.000	5.000		5.000	
442	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Giàng Tra, xã Sa Pả, huyện Sa Pa	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4094 ngày 18/11/2016	1.600	755	476	279	
443	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đô thị mới Phường Phố Mới, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017	1704 ngày 19/5/2017	901	545	400	145	
444	Quy hoạch chi tiết xây dựng tiểu khu đô thị số 21, KĐT mới Lào Cai - Cam Đường, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	2925 ngày 19/9/2019	451	276	135	141	
445	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hai bên bờ suối Ngòi Đum, đoạn từ cầu Phố Mới đến suối Ngòi Đum, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2013	1688 ngày 09/7/2013	501	414	380	34	
446	Thiết kế mẫu định hình trụ sở làm việc hợp khối lực lượng Công an xã và dân quân xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	1375 ngày 18/5/2020	72	72	58	14	
447	Mẫu định hình viên bó vữa, hệ thống cống thoát nước dọc các tuyến phố trong khu đô thị trên địa bàn tỉnh	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2015-2019	1373 ngày 18/5/2020	99	99	92	7	
448	Thiết kế mẫu định hình Nhà công vụ giáo viên trên địa bàn tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2019	4672 ngày 21/12/2020	133	133	118	15	
449	Cải tạo sửa chữa trụ sở Chi cục Hải Quan ga đường sắt quốc tế Lào Cai	Cục Hải quan	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2453 ngày 21/10/2022	5.000	5.000		5.000	
450	Sửa chữa cầu Bảo Nhai tại Km 5+900, tỉnh lộ 153	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2086 ngày 21/9/2022	3.000	3.000		3.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
451	Xây dựng cầu San Sả Hồ tại Km 29+800, ĐT 153	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2085 ngày 21/9/2022	10.000	10.000		10.000	
452	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 154 đoạn Tả Thành - Cốc Ly (Km 74-Km 88)	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	28 ngày 31/8/2022	103.250	103.250		80.000	
453	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 156 đoạn Bản Vược - Ngòi Phát và tỉnh lộ 158 đoạn Ngải Thầu - A Mú Sung huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	28 ngày 31/8/2022	156.000	156.000		100.000	
454	Cấp nước sinh hoạt 3 thôn Minh Chiềng 1,2,3 xã Minh Lương, huyện văn Bàn, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2910 ngày 25/11/2022	9.000	8.500		8.500	
455	Trường THCS thị trấn Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2922 ngày 25/11/2022	14.983	13.000		13.000	
456	Nâng cấp trường TH số 1 thị trấn Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	2041 ngày 16/6/2021	6.500	6.500		6.500	
457	Trường Mầm non Hoa Sen, thị trấn Khánh Yên	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2997 ngày 30/11/2022	24.100	22.000		22.000	
458	Đầu tư phòng xét xử và trang thiết bị phục vụ phiên tòa xét xử trực tuyến	Tòa án nhân dân tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	325 ngày 02/12/2022	3.600	3.600		3.600	
459	Cải tạo sửa chữa trụ sở Khối 4	Trung tâm tư vấn và DVTC	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	3019 ngày 02/12/2022	12.100	12.100		12.100	
460	Xây dựng Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	41 ngày 07/12/2022	35.000	25.000		1.000	
461	Trường liên cấp Tiểu học & THCS thị trấn Phố Lu	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	41 ngày 07/12/2022	43.717	41.000		41.000	
462	Trường THCS thị trấn nông trường Phong Hải cơ sở 2	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	41 ngày 07/12/2022	42.126	38.926		38.926	
463	Trường THPT số 1 huyện Mường Khương	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	41 ngày 07/12/2022	70.000	70.000		40.000	
464	Trường TH&THCS Lê Văn Tám, Phường Hàm Rồng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	41 ngày 07/12/2022	36.824	23.544		23.544	
465	Trường mầm non thị trấn Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	41 ngày 07/12/2022	30.219	28.000		28.000	
466	Trường THPT số 1 huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	41 ngày 07/12/2022	37.600	36.000		36.000	
467	Khắc phục sạt lở Bến xe khách huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2014-2017	5810 ngày 25/12/2017	3.900	3.900	2.100	770	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
468	Cải tạo, sửa chữa bệnh viện đa khoa tỉnh	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	882 ngày 08/4/2019	24.000	24.000	9.600	13.256	
469	Quy hoạch chi tiết xây dựng dọc hai bên đường tỉnh lộ 152, huyện Bảo Thắng	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2624 ngày 27/8/2019	3.644	2.911	1.911	125	
470	Kinh phí lập Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới tổ 11b, 12 thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	1435 ngày 17/5/2018	1.565	1.565	1.253	296	
471	Quy hoạch chi tiết xây dựng hai bên đường Trần Hưng Đạo kéo dài (đoạn từ TN7 đến Quốc lộ 4E), thành phố Lào Cai.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-	1435 ngày 17/5/2018	2.435	2.435	1.949	406	
472	Nâng cấp sửa chữa đường N2 trung tâm cụm xã Y Tý, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	7836 ngày 21/12/2021	4.306	4.306	3.600	706	
473	Tuyến đường liên xã Bản Mí 2 xã Xuân Hòa - Bản Lò Vôi xã Vĩnh Yên, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2338 ngày 06/7/2021	9.000	9.000		9.000	
474	Xử lý cung đường tiềm ẩn tai nạn, ùn tắc giao thông đoạn Km93-Km96, Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2023-2023	1034 ngày 08/11/2022	51.803	8.000		8.000	
475	Xử lý cung đường tiềm ẩn tai nạn, ùn tắc giao thông đoạn Km96-Km98+500/QL.4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2023-2023	1017 ngày 07/11/2022	39.829	8.000		8.000	
476	Cầu trần liên hợp thôn Nậm Giàng, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	961 ngày 25/4/2023	3.900	3.900		3.900	
477	Cầu bản thôn Dì Thàng – Ly Chư Phìn, xã Na Hối, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	962 ngày 25/4/2023	4.100	4.100		4.100	
478	Cầu bản thôn Na Áng A, xã Na Hối, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	963 ngày 25/4/2023	3.800	3.800		3.800	
479	Cầu trần liên hợp số 2 thôn Nậm Cậy xã Bản Liền, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	960 ngày 19/11/2020	2.700	2.700		2.700	
480	Sửa chữa, chỉnh trang Trung tâm Kỹ thuật sản xuất Chương trình Đất Phát thanh truyền hình tỉnh Lào cai	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2908 ngày 20/9/2018	2.794	2.794	300	2.698	
481	Cải tạo khu nhà đa năng, khoa truyền nhiễm Bệnh viện Sản nhi Lào Cai thành nơi điều trị bệnh nhân COVID19	Bệnh viện Sản nhi tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2023	820 ngày 21/4/2022	1.330	1.330		1.135	
482	Cải tạo, sửa chữa và mở rộng Nhà thực hành Khoa Kinh tế - Du lịch, Trường Cao đẳng Lào Cai	Trường Cao đẳng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	739 ngày 08/3/2021	7.100	7.100		7.016	
483	Nâng cấp tuyến đường gom nối từ Tỉnh lộ 156B vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành	Ban Quản lý Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3085 ngày 06/11/2020	7.800	7.800		3.962	
484	Cải tạo sửa chữa tuyến đường TN7, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2267 ngày 07/10/2022	24.500	24.500		20.707	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
485	Đường Phan Đình Phùng kéo dài (đoạn từ đường Minh Khai đến đường Phạm Văn Xảo), thành phố Lào Cai.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	3026 ngày 02/12/2022	8.000	8.000		5.000	
486	Xử lý chống thấm dột Bảo tàng tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3135 ngày 26/8/2021	850	850		828	
487	Cảng hàng không Sa Pa. Dự án thành phần 1 (Giải phóng mặt bằng và tái định cư)-Giai đoạn 1 thuộc dự án Đầu tư xây dựng Cảng hàng không Sa Pa, tỉnh Lào Cai theo phương thức Đối tác công tư (PPP)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	1773 ngày 21/10/2021 3992 ngày 10/11/2021	1.200.000	440.000		520.000	
488	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	257 ngày 03/5/2017	1.786	1.429	600	429	
489	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 153 đoạn Km19-Km24 và Tỉnh lộ 159 đoạn Km34-Km38	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	41 ngày 07/12/2022	150.000	150.000		130.000	
490	Xử lý điểm đen tai nạn giao thông tại nút giao Km 31+200 Đường tỉnh 156B	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3657 ngày 31/10/2019	1.827	1.827	600	1.202	
491	Cấp điện thôn Nậm Xôm, xã Bản Già, huyện Bắc Hà	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2023	2470 ngày 31/7/2020	5.367	2.684	1.000	1.200	
492	Cấp điện thôn Làng Mò, xã Bản Cỏi; thôn Lao Phú Sáng, xã Hoàng Thu Phố, huyện Bắc Hà	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2023	2473 ngày 31/7/2020	7.008	3.504	1.500	1.300	
493	Cấp điện thôn Sán Chư Ván, Ngải Thầu Sín Chải, xã Thái Giàng Phố, huyện Bắc Hà	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2020-2023	2548 ngày 05/8/2020	14.927	7.464	2.000	4.000	
494	Di chuyển đường dây 22 kv cấp điện cho Trường Trung học Y tế tỉnh Lào Cai	Trường trung học Y tế	Tỉnh Lào Cai	2013	3809 ngày 19/12/2012	541	541	310	99	
495	Tu bổ, cải tạo di tích lịch sử Dinh thự Hoàng A Tường, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Sở Văn hóa TT&DL	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	4027 ngày 10/12/2018	3.600	3.600	1.100	1.800	
496	Đường từ QL4 đi thôn Sừ Ma Tùng A nối vào đường đi cột mốc 155, xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	307 ngày 29/1/2018	6.849	6.849	5.500	1.109	
497	Phòng khám đa khoa khu vực Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên.	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3588 ngày 31/10/2019	14.979	14.979	4.500	9.275	
498	Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2013	1072 ngày 07/5/2013	25.966	25.966	20.189	3.150	
499	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2952 ngày 24/9/2018	961	961	350	500	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
500	Quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Minh Lương, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2952 ngày 24/9/2018	865	865	300	450	
501	Đường Km6 - Ngải Thầu 2, xã Na Hối, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	112 ngày 14/6/2016	1.700	1.369	1.165	71	
502	Đường giao thông Đội 2 - Cầu La Hờ, xã Nàn Sán, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	665 ngày 02/3/2017	19.456	19.456	10.700	5.723	
503	Đường liên xã từ thôn Bản Mế, xã Bản Mế đến thôn Sán Chá, xã Thảo Chư Phìn, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	1751 ngày 13/6/2016	12.686	12.686	7.300	4.106	
504	Sửa chữa mặt đường nút giao ngã 6, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2648 ngày 13/8/2020	6.196	6.196	1.500	4.106	
505	Kinh phí giải phóng mặt bằng công trình Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km163+700-Km164+600/Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVTXD	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	168 ngày 19/4/2023	14.400	2.400		2.400	
506	Kinh phí giải phóng mặt bằng công trình Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km165+100-Km166/Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVTXD	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	169 ngày 19/4/2023	11.999	2.000		2.000	
507	Kinh phí giải phóng mặt bằng công trình Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km177+770-Km178+600/Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVTXD	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	163 ngày 19/4/2023	11.400	1.600		1.600	
508	Kinh phí giải phóng mặt bằng công trình Xử lý cung đường tiềm ẩn tai nạn, ùn tắc giao thông đoạn Km98+500 Km100+500/QL.4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVTXD	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	1526 ngày 14/4/2023	34.000	5.000		5.000	
509	Kinh phí giải phóng mặt bằng công trình Xử lý các vị trí mất an toàn và ùn tắc giao thông đoạn Km114+150-Km114+350 và Km121+50-Km121+150 và hệ thống rãnh dọc đoạn Km91+670-Km92 Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVTXD	Tỉnh Lào Cai	2023-2024	1527 ngày 14/4/2023	8.500	1.000		1.000	
510	Rà phá bom, mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2013-2015	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2014-2021	93 ngày 13/01/2023 1346 ngày 05/6/2023	50.956	29.956	5.000	24.956	
511	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND xã Lùng Cỏi	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	728 ngày 04/4/2023	15.500	15.500		15.500	
512	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Má Tra - Suối Hồ, phường Hàm Rồng, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1125 ngày 12/5/2023	21.000	10.000		10.000	
513	Trường TH và THCS Cầu Mây	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	08 ngày 10/3/2023	46.731	40.000		40.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
514	Trường THCS Sa Pa (Phường Sa Pa)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	08 ngày 10/3/2023	54.602	35.786		20.000	
515	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	516 ngày 09/3/2023	14.500	14.500		14.500	
516	Xây dựng đường Tỉnh lộ 155 đoạn cầu Móng Sến đến Sa Pa (Km13+800 – Km20+272)	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	19 ngày 06/7/2023	290.000	290.000		89.563	Lồng ghép 145 tỷ đồng đầu tư từ nguồn NSTT
517	Kè chống sạt lở bờ hữu Sông Hồng, thành phố Lào Cai giai đoạn 1	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4416/QĐ-BNN ngày 30/10/2017	620.000	317.000	130.000	167.000	
518	Nâng cấp, mở rộng đường Bản Phiệt - Làng Chung, xã Bản Phiệt, huyện Bảo Thắng.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3665 ngày 31/10/2019	21.970	21.970	4.000	17.970	
519	Trung tâm hội nghị Sa Pa	Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	2016 - 2020	156 ngày 18/01/2023	122.054	122.054	30.000	92.054	
520	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tổ 31,32 phường Pom Hán, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	1851 ngày 01/8/2023	12.323	5.407	3.000	2.407	
521	Doanh trại Đại đội 20 trinh sát, Trung đội 25 vận tải, trạm sửa chữa - Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016 - 2021	242 ngày 18/7/2023	49.959	49.959	44.185	5.774	
522	Kè chống sạt lở bờ hữu Sông Hồng, đoạn từ cầu Phố Mới đến cửa suối Ngòi Đum, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	2646 ngày 27/10/2023	40.981	40.981	37.667	3.344	
523	Tư vấn khảo sát, lập quy hoạch chi tiết dự án Công viên văn hóa Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2016	4236 ngày 25/12/2018	2.632	2.632	900	1.732	
524	Hạ tầng kỹ thuật tiểu khu đô thị số 15, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	44 ngày 08/12/2021	470.000	470.000		213.400	
525	Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước mặt, nâng chiều cao đập tràn, gia cố hồ chứa nước thải để xử lý môi trường trong Khu công nghiệp Tăng Loóng	Ban Quản lý khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2962 ngày 22/11/2023	7.000	7.000		7.000	
526	Trường THPT số 2 huyện Bát Xát, hạng mục: Nhà ký túc xá kết hợp nhà ăn bếp	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1811 ngày 25/7/2023	12.300	12.300		12.300	
527	Kè chống sạt lở khu vực đất hỗn hợp (HH1, HH2) thuộc Tiểu khu đô thị số 13, phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2050 ngày 21/8/2023	12.576	12.576		12.576	
528	Chỉnh trang và hoàn chỉnh các hạng mục trong khu vực cửa khẩu quốc tế đường bộ số II - Kim Thành	Ban Quản lý khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2349 ngày 28/9/2023	14.950	14.950		14.950	
529	Khu tái định cư Cảng hàng không Lào Cai	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	19 ngày 06/7/2023	454.555	454.555	60.000	394.555	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
530	Xây dựng trụ sở Công an xã Thẩm Dương, Nậm Chày, Dân Thàng	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	369 ngày 11/10/2023	11.450	6.300		6.300	
531	Xây dựng trụ sở Công an xã Liêm Phú, Chiềng Ken	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	368 ngày 11/10/2023	7.200	4.200		4.200	
532	Xây dựng trụ sở Công an xã Việt Tiến	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	367 ngày 11/10/2023	3.795	2.100		2.100	
533	Xây dựng trụ sở Công an xã Bản Phiệt, Bản Cầm	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	366 ngày 11/10/2023	7.200	4.200		4.200	
534	Xây dựng trụ sở Công an xã Trì Quang, Xuân Giao	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	365 ngày 11/10/2023	7.845	4.200		4.200	
535	Xây dựng trụ sở Công an xã Tả Gia Khâu, Tả Thàng	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	364 ngày 11/10/2023	7.400	4.400		4.400	
536	Xây dựng trụ sở Công an xã Dìn Chín, Tung Chung Phố	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	363 ngày 11/10/2023	8.200	5.200		5.200	
537	Xây dựng trụ sở Công an xã A Lù, Trịnh Tường, Phìn Ngan	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	362 ngày 11/10/2023	11.000	6.300		6.300	
538	Xây dựng trụ sở Công an xã Sơn Thủy, Nậm Mả, Tân Thượng	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	370 ngày 11/10/2023	11.000	6.300		6.300	
539	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nậm Khánh, Nậm Lúc	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	452 ngày 22/11/2023	9.200	9.200		9.200	
540	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Bản Phố, Bảo Nhai	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	453 ngày 22/11/2023	9.600	9.600		9.600	
541	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Bản Cái	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	442 ngày 22/11/2023	4.600	4.600		4.600	
542	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Bản Xèo, Mường Vi, TT Bát Xát	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	450 ngày 22/11/2023	11.800	10.800		10.800	
543	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Dền Sáng, Sàng Ma Sáo	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	447 ngày 22/11/2023	8.400	7.200		7.200	
544	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Trung Lèng Hồ, Nậm Pung	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	448 ngày 22/11/2023	9.200	7.200		7.200	
545	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Nậm Chạc, Tòng Sành	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	449 ngày 22/11/2023	8.800	7.200		7.200	
546	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Y Tý	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	451 ngày 22/11/2023	8.000	4.000		4.000	
547	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Điện Quan, Tân Tiến, Nghĩa Đô	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	441 ngày 22/11/2023	12.000	10.800		10.800	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
548	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Lương Sơn, Yên Sơn, Phúc Khánh	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	438 ngày 22/11/2023	12.400	10.800		10.800	
549	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Xuân Thượng	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	437 ngày 22/11/2023	4.600	3.600		3.600	
550	Xây dựng trụ sở làm việc Công an TT Tăng Loỏng, Công an TT Phong Hải	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	439 ngày 22/11/2023	8.050	7.200		7.200	
551	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Sơn Hà, Sơn Hải	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	446 ngày 22/11/2023	8.460	7.200		7.200	
552	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Thái Niên	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	440 ngày 22/11/2023	4.600	3.600		3.600	
553	Sửa chữa trụ sở Lũng Vai, Pha Long, Lũng Khẩu Nhìn, Tả Ngải Chồ, Cao Sơn, Bản Sen, La Pán Tẩn, Thanh Bình, Nấm Lư	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	178 ngày 10/5/2024	14.980	14.980		14.300	
554	Xây dựng trụ sở làm việc Công an xã Bản Lầu	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	443 ngày 22/11/2023	4.600	4.600		4.600	
555	Cải tạo, sửa chữa Hội trường và Sở chỉ huy Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2832 ngày 10/11/2023	14.600	14.600		14.300	
556	Cải tạo sửa chữa nhà ở cán bộ chiến sỹ và nhà ăn, bếp cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2831 ngày 10/11/2023	4.800	4.800		4.600	
557	Xây dựng hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương	Ban QLDA ĐTXD huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2692 ngày 31/10/2023	7.400	7.400		7.000	
558	Xử lý phòng, chống mối các công trình thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2552 ngày 19/10/2023	2.200	2.200		2.100	
559	Đường gom nước thải Nhà máy xử lý nước thải Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng	Ban QLDA ĐTXD Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2153 ngày 30/8/2023	12.000	12.000		11.500	
560	Hệ thống công sự trận địa 01, Đại đội Bộ binh trong Cụm điểm tựa ĐTLK-15	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	181 ngày 07/6/2023	3.000	3.000		2.800	
561	Cải tạo, sửa chữa hàng rào và một số hạng mục phụ trợ Khối II - UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2144 ngày 29/8/2023	3.850	3.850		3.850	
562	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh cũ thành Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	Trung tâm dịch vụ việc làm	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2009 ngày 14/8/2023	4.300	4.300		4.100	
563	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Long Khánh (điểm trường tại Thôn Trĩ Nữ)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2845 ngày 26/10/2020	101	71	63	8	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
564	Sửa chữa nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Tả Van (điểm trường tại Thôn Giàng Tả Chải Dao)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1514 ngày 15/11/2018	17	17	6	11	
565	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Lương Sơn (điểm trường tại thôn Lương Hải)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	3005 ngày 12/11/2020	100	70	63	7	
566	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Nghĩa Đô	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	721 ngày 23/4/2020	387	267	239	28	
567	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Thượng Hà 2 - Trường Chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1050 ngày 09/6/2020	198	138	124	14	
568	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 160 đoạn QL.279 đi Xuân Thượng (Km34-Km57), huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	16 ngày 15/7/2022	138.000	138.000		150.856	
569	Cầu Phú Thịnh nối Quốc lộ 4E với khu đô thị Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	1845 ngày 22/8/2022	450.000	196.000		96.000	
570	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật Tiểu khu đô thị số 6,7 thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	44 ngày 08/12/2021	110.000	110.000		60.000	
571	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Tân Lập, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	44 ngày 08/12/2021	260.000	260.000		110.000	
572	Trung tâm hội nghị và văn hóa thị xã Sa Pa	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	41 ngày 07/12/2022	150.000	150.000		7.500	
573	Trường PTDTBT THCS Trung Chải	Ban QLDA thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	08 ngày 10/3/2023	48.325	27.000		2.500	
574	Trường TH và THCS Phan Si Păng	Ban QLDA thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	08 ngày 10/3/2023	67.209	41.600		12.000	
575	Sửa chữa trụ sở Lũng Cải, Tả Van Chư, Tả Cù Tỷ, Hoàng Thu Phố, Thái Giàng Phố, Thị trấn Bắc Hà	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	178 ngày 10/5/2024	14.980	14.980		14.200	
576	Sửa chữa trụ sở Cốc Ly, Na Hối, Lũng Phình, Nậm Mòn, Cốc Lầu, Nậm Đét	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	178 ngày 10/5/2024	14.980	14.980		14.200	
577	Sửa chữa trụ sở Bản Qua, Quang Kim, Cốc Mỹ, Mường Hum, Bản Vược, A Mú Sung, Dền Thàng	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	178 ngày 10/5/2024	14.980	12.480		11.900	
578	Sửa chữa trụ sở Cam Cọn, Xuân Hòa, Tân Dương, TT Phố Ràng, Kim Sơn, Minh Tân, Vĩnh Yên	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	178 ngày 10/5/2024	14.980	14.980		14.200	
579	Sửa chữa trụ sở TT Phố Lu, Phong Niên, Phú Nhuận, Gia Phú.	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	178 ngày 10/5/2024	12.000	12.000		11.400	
580	Đầu tư cơ sở vật chất, nâng cấp phòng chức năng Văn phòng Tỉnh ủy	Văn phòng Tỉnh ủy	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1475 ngày 14/6/2024	24.900	24.900		23.600	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
581	Nhà Bia tưởng niệm, nhà Truyền thống Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	830 ngày 16/4/2024	11.000	11.000		10.400	
582	Xây mới trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Dương Quỳ, huyện Văn Bàn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	457 ngày 12/3/2024	14.557	13.557		12.900	
583	Cải tạo nâng cấp, Công viên Hồ Chí Minh Phường Lào Cai (Giai đoạn 2).	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	621 ngày 28/03/2024	40.000	40.000		38.000	
584	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	02 ngày 15/01/2024	35.000	35.000		33.200	
585	Trường THCS&THPT huyện Bắc Hà, hạng mục Nhà lớp học	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	732 ngày 09/4/2024	18.500	18.500		17.500	
586	Kinh phí GPMB công trình Xử lý ùn tắc gây mất an toàn giao thông tại các đoạn: Km108+650-Km108+940 và Km109+535-Km109+855, Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	2311 ngày 30/6/2023	14.264	3.000		3.000	
587	Kinh phí GPMB công trình Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình đoạn Km88+727 - Km91+500/QL.279, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	4333 ngày 23/10/2023	67.000	7.000		7.000	
588	Kinh phí GPMB công trình Xử lý cung đường có nguy cơ mất ATGT đoạn Km179+600 ÷ Km183/QL.4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	3946 ngày 10/10/2023	35.000	5.000		3.000	
589	Kinh phí GPMB công trình Xử lý điểm đen tai nạn giao thông đoạn Km174+900-Km175+450, QL.4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	4603 ngày 10/10/2023	7.757	2.000		2.000	
590	Kinh phí GPMB công trình Xử lý sụt lở taluy âm tại Km197+200-Km197+600, Quốc lộ 4, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	4374 ngày 24/10/2023	8.041	1.000		1.000	
591	Quản lý, cải tạo rừng phòng hộ bảo vệ môi trường vùng đệm Kim Thành tại 02 phường Duyên Hải, Kim Tân xã Đồng Tuyển, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	3481 ngày 23/10/2019	72.118	58.613		20.613	
592	Cải tạo, sửa chữa thiết kế không gian trưng bày Nhà du lịch Sa Pa	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1739 ngày 18/7/2023	6.000	6.000		5.700	
593	Xây mới bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	24 ngày 30/5/2024	380.000	130.000		50.000	
594	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	54 ngày 22/8/2024	258.000	33.000		29.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
595	Xây dựng mới Trường THPT chuyên Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2027	54 ngày 22/8/2024	380.000	380.000		372.638	
596	Xây mới trụ sở UBND xã Vĩnh Yên huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1681 ngày 05/7/2024	13.000	13.000		13.400	
597	Cấp điện thôn Bản Giăng, xã Pa Cheo, huyện Bát Xát	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	1507 ngày 18/6/2024	14.130	11.080		9.900	
598	Đường Tả Cù Tỷ, huyện Bắc Hà đi UBND xã Bản Ngò, huyện Sín Mần, tỉnh Hà Giang, hạng mục: Tuyến đường trung tâm xã Tả Cù Tỷ, huyện Bắc Hà đến xã Bản Ngò, huyện Sín Mần, tỉnh Hà Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	81 ngày 13/01/2025	90.000	15.000	3.000	7.000	
599	Cấp điện thôn Suối Chải, Khú Trù, Lò Suối Tùng, xã Phìn Ngan, huyện Bát Xát	Sở Công Thương	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	217 ngày 29/01/2024 1112 ngày 14/5/2024	10.360	5.220		5.220	
600	Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Bàn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	54 ngày 22/8/2024	235.000	20.000		18.000	
601	Bệnh viện Đa khoa huyện Bát Xát	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	54 ngày 22/8/2024	230.000	30.000		27.000	
602	Xây dựng đường chạy dọc sông Hồng kết nối cửa khẩu Bản Vược đến Y Tý, đoạn từ Km4+300 đến km7+500, tuyến nhánh nối và cầu qua suối Ngòi Phát	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2027	02 ngày 15/01/2024	380.000	380.000		72.700	
603	Cải tạo sửa chữa bệnh viện đa khoa huyện Si Ma Cai. Hạng mục hệ thống xử lý nước thải	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	1738 ngày 11/7/2024	5.500	5.500		4.900	
604	Hạ tầng kỹ thuật các tuyến đường ĐH13, ĐH14, ĐH15, ĐH16, ĐH16A, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	1506 ngày 19/6/2024	7.000	7.000		6.300	
605	Xây dựng hàng rào ranh giới, khu vực cửa khẩu Quốc tế đường bộ số II, Kim Thành	BQL dự án ĐTXD Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	2769 ngày 30/10/2024	12.290	12.290		9.500	
606	Đầu tư xây dựng cột anten tự đứng cao 75m	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	414 ngày 18/10/2024	3.100	3.100		3.000	
607	Đầu tư xây dựng mới Nhà ăn + Bếp tập thể Công an tỉnh	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	475 ngày 02/12/2024	18.500	18.500		16.600	
608	Cải tạo, nâng cấp Nhà Hội trường Công an tỉnh	Công an tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	475 ngày 02/12/2024	10.000	10.000		9.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
609	San gạt mặt bằng khu vực đền Đồi Cô, phường Bình Minh, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2027	19 ngày 06/7/2023	350.000	350.000		70.000	
610	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Phố Ràng 2 - Trường chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	557 ngày 06/4/2020	251	171	153	18	
611	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Phố Ràng 1	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	559 ngày 06/4/2020	273	193	175	18	
612	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Hoa Lan - Trường Chính xã Bảo Hà	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2895 ngày 30/10/2020	138	98	72	26	
613	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Mầm non Bông 1+2 xã Bảo Hà	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2897 ngày 30/10/2020	102	72	63	9	
614	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Tiểu học Hồng Sơn - Trường chính xã Bảo Hà	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2880 ngày 30/10/2020	219	149	134	15	
615	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Mầm non Kim Sơn 2 - (điểm trường tại thôn Kim Quang xã Kim Sơn)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1796 ngày 29/10/2018	99	69	62	7	
616	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Mầm non Kim Sơn 2 (điểm trường tại Thôn Bảo Ân xã Kim Sơn)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1797 ngày 29/10/2018	100	70	63	7	
617	Xây dựng nhà vệ sinh Trường Mầm non Kim Sơn 2 (điểm trường tại Thôn Nhai Tền 2 xã Kim Sơn)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1799 ngày 29/10/2018	102	72	63	9	
618	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Kim Sơn 1 xã Kim Sơn	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1796 ngày 29/10/2018	201	141	126	15	
619	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Lương Sơn - Trường Chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	3002 ngày 12/11/2020	100	70	63	7	
620	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Minh Tân - Trường chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	555 ngày 06/4/2020	202	142	126	16	
621	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Thượng Hà 2 (điểm trường tại Thôn Mai Đào 3,4)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1140 ngày 15/6/2020	102	72	63	9	
622	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Long Khánh - Trường chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2843 ngày 27/10/2020	219	159	126	33	
623	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Long Khánh (điểm trường tại Thôn Trĩ Trong)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2838 ngày 26/10/2020	101	71	63	8	
624	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Long Khánh 1	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2841 ngày 26/10/2020	254	174	153	21	
625	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Long Phúc	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2827 ngày 26/10/2020	230	160	144	16	
626	Xóa phòng học tạm tại Trường TH&THCS Cam Cộn	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020	3415 ngày 18/12/2020	4.323	4.000	1.200	2.800	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
627	Xóa phòng học tạm tại Trường TH số 2 Xuân Thượng	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020	3414 ngày 18/12/2020	3.135	2.400	720	1.680	
628	Xóa phòng học tạm tại Trường THCS số 1 Thượng Hà	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020	3416 ngày 18/12/2020	3.987	3.987	1.200	2.787	
629	Trường Mầm non xã Tân Tiến, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3500 ngày 31/10/2018	7.098	7.098	2.160	4.938	
630	Trường PTDT bán trú THCS Nậm Chày, xã Nậm Chày, H.Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	481 ngày 22/12/2020	7.007	4.205	2.250	1.955	
631	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non Liêm Phú	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020	472 ngày 10/12/2020	3.410	3.410	1.080	2.330	
632	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Lê Ngọc Hân thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	4369 ngày 31/10/2018 BBQT ngày 08/01/2021	2.404	2.404	750	1.654	
633	Trường mầm non Hoa Sen, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4550 ngày 14/12/2020	26.829	18.780	17.350	1.430	
634	Trường tiểu học Hoàng Văn Thụ. Hạng mục: Nhà lớp học, nhà ăn, phòng nghỉ bán trú	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	BBQT	14.431	7.216		7.216	
635	Xoá phòng học tạm tại trường PTDTBT THCS Nậm Lúc, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2020	BBQT ngày 18/12/2020	2.569	2.569	600	1.969	
636	Xây dựng mới, sửa chữa nhà vệ sinh cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Si Ma cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	141 ngày 15/7/2020	1.092	414	40	374	
637	Trường Mầm non xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	92 ngày 14/01/2021	7.293	7.293	6.000	1.293	
638	Xoá phòng học tạm tại Trường PTDTBT THCS Gia Phú	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020	2086 ngày 07/06/2021	3.115	2.965	900	2.065	
639	Xóa phòng học tạm tại TH Thanh Kim xã Thanh Kim	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	407 ngày 24/6/2021	3.635	2.400	120	2.280	
640	Trường THCS xã Mường Vi huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	6518 ngày 31/12/2020	2.085	2.085	2.010	75	
641	Làm mới, sửa chữa nhà vệ sinh các điểm trường thuộc xã Y Tý, Nậm Chạc huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2179 ngày 20/4/2021	523	523	492	31	
642	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non Cốc Mỹ 2	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	6519 ngày 31/12/2020	2.306	2.306	750	1.556	
643	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non A Lù	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	240 ngày 27/01/2021	2.291	2.291	750	1.541	
644	Xóa phòng học tạm tại trường MN Bản Vược	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020	2359 ngày 28/4/2021	2.330	2.330	700	1.630	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
645	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non Sàng Ma Sáo	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	243 ngày 27/01/2021	2.887	2.887	750	2.137	
646	Xóa phòng học tạm tại Trường Tiểu học Quang Kim	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	2364 ngày 29/04/2021	2.134	2.134	500	1.634	
647	Trường Chính trị tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	2999 ngày 21/10/2014	98.170	98.170	94.549	3.621	
648	Trường Phổ thông DTNT Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Bảo Yên	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	3796 ngày 31/10/2016 BBQT ngày 11/12/2020	86.916	35.000	27.943	7.057	
649	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trường PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	BBQT	5.294	5.294	1.750	3.544	
650	Nâng cấp trường PTDT nội trú THCS&THPT huyện Si Ma Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	BBQT	7.661	7.661	2.400	5.261	
651	Nhà đa năng trường THPT số 1 huyện Sa Pa	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	BBQT	5.146	5.146	1.600	3.546	
652	Nâng cấp trường THPT số 4 thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2188 ngày 22/7/2019 342 ngày 12/02/2020	7.000	7.000	2.100	4.900	
653	Nâng cấp trường THPT số 2 huyện Bảo Thắng	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	2188 ngày 22/7/2019 107 ngày 15/01/2020	6.000	6.000	1.800	4.200	
654	Sửa chữa, cải tạo 02 nhà lớp học Trung tâm kỹ thuật tổng hợp-HNDN và GDTX tỉnh	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	341 ngày 12/02/2020	3.500	3.500	1.000	2.500	
655	Trường Phổ thông DTNT Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Bát Xát	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	3593 ngày 21/10/2016	84.964	35.000	25.608	9.392	
656	Cụm liên trường, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2023	3284 ngày 18/10/2018	293.033	293.033	250.000	43.033	
657	Cải tạo, sửa chữa trường THPT chuyên tỉnh Lào Cai và Trường THPT dân tộc nội trú tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3790 ngày 11/11/2019	5.216	5.216	4.800	416	
658	Nhà bán trú học sinh và nhà công vụ giáo viên trường THPT số 1 huyện Bắc Hà	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh Lào Cai	2017	1255 ngày 20/4/2017	2.178	2.178	2.139	39	
659	Cải tạo, sửa chữa Cung thiếu nhi tỉnh Lào Cai	Cung thiếu nhi tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3846 ngày 14/11/2019	899	899		899	
660	Trường TH Lò Sừ Thàng - trường chính (thôn Cốc Cáng) xã Dìn Chín huyện Mường Khương. Hạng mục: 08 phòng ở công vụ giáo viên	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017	3513 ngày 17/10/2018	944	944	840	104	
661	Trường PTDTBT THCS xã Cán Cấu (Hạng mục: Nhà công vụ giáo viên 05 phòng)	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017	538 ngày 25/12/2017	565	564	525	39	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
662	Trường Mầm non xã Nàn Sín (Hạng mục: Nhà công vụ giáo viên 05 phòng)	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017	552 ngày 29/12/2017	585	585	525	60	
663	Nhà công vụ giáo viên trường MN xã Tả Thàng	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017	4109 ngày 19/10/2016	227	210	170	40	
664	Nhà công vụ giáo viên trường MN xã Pha Long	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017	1938 ngày 27/7/2017	520	250	170	80	
665	Nhà công vụ giáo viên trường MN số 2 thị trấn Mường Khương	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2017	2289 ngày 21/8/2017	142	105	100	5	
666	Trường THCS xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	3426 ngày 31/7/2017	7.263	7.263	5.700	1.563	
667	Kè trường THCS xã Quan Thần Sán, huyện Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	366 ngày 31/10/2016	1.516	1.516	1.220	296	
668	Xoá phòng học tạm tại Trường MN số 1 TT Phong Hải	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020	3636 ngày 31/10/2019	7.646	6.000	1.800	4.200	
669	Xoá phòng học tạm tại Trường TH số 2 Thái Niên	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020	6121 ngày 30/9/2019	2.565	2.400	720	1.680	
670	Xoá phòng học tạm tại Trường THCS TT Phố Lu	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020	3637 ngày 31/10/2019	6.289	6.000	1.800	4.200	
671	Xoá phòng học tạm tại Trường MN Hoa Phượng đỏ - Phú Nhuận	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020	5998 ngày 23/9/2019	4.060	3.600	1.080	2.520	
672	Trường THCS xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3653 ngày 04/9/2018	4.499	4.499	1.300	3.199	
673	Trường Tiểu học xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	2903 ngày 18/7/2018	4.992	4.992	1.500	3.492	
674	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non Pha Long	UBND huyện M.Khương	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	1009 ngày 10/4/2019	3.600	3.600	2.880	720	
675	Trường TH Trịnh Tường số 2 (Tùng Chín 3), huyện Bát Xát. Hạng mục: Nhà lớp học	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	4740 ngày 18/10/2013	973	853	550	303	
676	Nhà văn hóa kết hợp điểm trường mầm non tổ 5A+5B thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	4833 ngày 30/12/2016	5.085	4.000	3.200	800	
677	Xóa phòng học tạm tại trường Trung học cơ sở thị trấn Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2020	26 ngày 08/01/2020	7.500	7.411	2.200	5.211	
678	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Tà Chải	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	355 ngày 21/11/2018	198	126	124	2	
679	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Bảo Nhai A	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	361 ngày 21/11/2018	247	177	159	18	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
680	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường PDTBT Tiểu học Bảo Nhai B	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	354 ngày 21/11/2018	179	129	116	13	
681	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường PDTBT Tiểu học Nậm Lúc 2	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	352 ngày 21/11/2018	145	115	63	52	
682	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường PDTBT THCS Thái Giàng Phố	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	356 ngày 21/11/2018	186	126	113	13	
683	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường PDTBT THCS Lũng Cúi	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	353 ngày 21/11/2018	189	129	116	13	
684	Xóa phòng học tạm tại trường Tiểu học thị trấn Bắc Hà	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2020	4569 ngày 31/12/2019	6.000	5.700	1.800	3.900	
685	Trường Mầm non Ánh Dương xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	3474 ngày 31/10/2018	5.200	4.100	3.230	870	
686	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Xuân Thượng - Trường chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1815 ngày 30/10/2018	207	200	126	74	
687	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Xuân Thượng 2 - Trường chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1815 ngày 30/10/2018	224	224	139	85	
688	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Vĩnh Yên - Trường Chính	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1819 ngày 30/10/2018	207	200	126	74	
689	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Vĩnh Yên (điểm trường tại Thôn Lò Vôi)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1819 ngày 30/10/2018	102	100	63	37	
690	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Vĩnh Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1819 ngày 30/10/2018	249	240	153	87	
691	Xây dựng Trường tiểu học số 1 xã Xuân Hoà, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3499 ngày 31/10/2018	11.200	10.338	3.360	7.624	
692	Nhà công vụ giáo viên trường THCS Thượng Hà 1	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2017	2702 ngày 28/11/2016	207	207	170	37	
693	Nhà CVGV trường PT DTBT THCS Xuân Thượng	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2017-2017	2698 ngày 28/11/2016	209	209	170	39	
694	Xóa phòng học tạm tại trường TH Phố Ràng 2 huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1147 ngày 07/6/2019	2.750	2.400		2.400	
695	Xóa phòng học tạm tại Trường TH Kim Sơn 3	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2020	1514 ngày 12/7/2019	2.400	2.200	720	1.480	
696	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Minh Lương (điểm trường tại Thôn Minh Chiềng)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	144 ngày 28/3/2019	129	100	80	20	
697	Cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh tại Trường Mầm non số 1 Dương Quỳ - Trường chính	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	143 ngày 28/3/2019	179	179	140	39	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
698	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Văn Sơn (điểm trường tại Thôn Văn Tiến)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	142 ngày 28/3/2019	148	148	120	28	
699	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non và Tiểu học số 2 Nậm Xây (điểm trường tại Thôn Giàng Dứa Chải)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	142 ngày 28/3/2019	129	100	80	20	
700	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Liêm Phú - Trường chính	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	141 ngày 28/3/2019	222	222	180	42	
701	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Nậm Tha (điểm trường tại Thôn Khe Păn)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	145 ngày 28/3/2019	289	100	80	20	
702	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học Làng Giàng (điểm trường tại Thôn Ít Lộc)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	141 ngày 28/3/2019	222	222	180	42	
703	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học số 2 Tân An - (điểm trường tại Thôn Mai Hồng)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	141 ngày 28/3/2019	134	100	80	20	
704	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học số 1 Võ Lao - Trường Chính	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	141 ngày 28/3/2019	214	214	180	34	
705	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Tiểu học số 1 Võ Lao (điểm trường tại Thôn Khe Buôn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	141 ngày 28/3/2019	206	100	80	20	
706	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Hòa Mạc	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	144ngày 28/3/2019	181	181	150	31	
707	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường THCS Liêm Phú	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	144 ngày 28/3/2019	187	187	150	37	
708	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường PTDTBT THCS Sơn Thủy	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2019	144 ngày 28/3/2019	222	222	200	22	
709	Xóa phòng học tạm tạm tại Trường Mầm non và Tiểu học số 2 Nậm Xây, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	387 ngày 01/10/2020	4.983	4.000	1.200	2.800	
710	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non Dân Thàng	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020	418 ngày 09/7/2019	2.400	2.400	720	1.680	
711	Xóa phòng học tạm tại PTDT bán trú THCS Tả Giàng Phìn xã Tả Giàng Phìn	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	947 ngày 06/9/2019	4.232	4.232	1.270	2.962	
712	Xóa phòng học tạm tại PTDT bán trú TH Trung Chải xã Trung Chải	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	962 ngày 10/9/2019	3.272	2.400	720	1.680	
713	Xóa phòng học tạm tại MN Sa Pả xã Sa Pả	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	965 ngày 10/9/2019	3.599	3.600	1.080	2.520	
714	Xóa phòng học tạm tại TH Bản Khoang 1 xã Bản Khoang	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	959 ngày 06/9/2019	4.539	3.600	1.080	2.520	
715	Xóa phòng học tạm tại MN Bản Phùng xã Bản Phùng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	958 ngày 06/9/2019	4.287	3.600	1.080	2.520	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
716	Xóa phòng học tạm tại TH Suối Thầu xã Suối Thầu	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	950 ngày 06/9/2019	4.823	3.200	960	2.240	
717	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Tả Van - Trường chính	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1514 ngày 15/11/2018	183	183	120	63	
718	Sửa chữa nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Tả Van (điểm trường tại Thôn Tả Van Mông)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1514 ngày 15/11/2018	42	40	27	13	
719	Sửa chữa nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Tả Van (điểm trường tại Thôn Giàng Tả Chải Mông)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1514 ngày 15/11/2018	37	37	24	13	
720	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Tả Van (điểm trường tại Thôn Sáo Mý Tỷ 1)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1514 ngày 15/11/2018	175	100	63	37	
721	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Tả Van (điểm trường tại Thôn Sáo Mý Tỷ)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1514 ngày 15/11/2018	42	40	27	13	
722	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường TH&THCS Tả Van (điểm trường tại Thôn Dền Thàng)	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	1514 ngày 15/11/2018	223	200	126	74	
723	Xóa phòng học tạm tại TH Tả Phìn xã Tả Phìn	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	964 ngày 10/9/2019	4.989	4.800	1.440	3.360	
724	Xóa phòng học tạm tại MN Thanh Kim xã Thanh Kim	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020	949 ngày 06/9/2019	4.920	4.200	1.260	2.940	
725	Xóa phòng học tạm tại Mầm non Tả Giàng Phìn, xã Ngũ Chỉ Sơn, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3611 ngày 26/10/2020	7.200	7.200	2.160	5.040	
726	Xóa phòng học tạm tại Mầm non San Sả Hồ, xã Hoàng Liên, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3609 ngày 26/10/2020	5.400	5.400	1.620	3.780	
727	Xóa phòng học tạm tại Mầm non Lao Chải, xã Hoàng Liên, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3610 ngày 26/10/2020	6.300	5.400	1.620	3.780	
728	Mở rộng, sửa chữa, nâng cấp cơ sở hạ tầng trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3537 ngày 31/10/2018	13.400	9.400	7.500	1.900	
729	Nhà đa chức năng , ngoại thất trường tiểu học Lê Văn Tám thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	2713 ngày 30/7/2021	9.744	6.821	4.500	2.321	
730	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm chính trị thành phố Lào Cai thành trụ sở Đảng ủy HĐND-UBND phường Kim Tân, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	1642 ngày 04/6/2020	6.417	6.417	2.000	4.417	
731	Trường tiểu học Lê Ngọc Hân, thành phố Lào Cai (Hạng mục: Xây mới 01 nhà lớp học kết hợp phòng học chức năng)	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	4501 ngày 30/10/2019	6.236	4.550	2.000	2.550	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
732	Mở rộng, nâng cấp trường tiểu học Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai. Hạng mục Nhà lớp học kết hợp phòng bộ môn và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1392 ngày 29/4/2021	9.500	6.650		6.650	
733	Trường THCS Bắc Cường, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai. Hạng mục: Xây mới 01 nhà lớp học kết hợp phòng học chức năng và phòng làm việc, 01 nhà đa năng	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3680 ngày 31/10/2019	13.000	7.350	2.250	5.100	
734	Xóa phòng học tạm tại Trường THCS thị trấn Tăng Lỏong	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3652 ngày 31/10/2019	6.000	6.000		6.000	
735	Cải tạo sửa chữa trường tiểu học Pom Hán, thành phố Lào Cai hạng mục: Xây mới nhà đa năng, nhà lớp học, phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1382 ngày 19/5/2020	11.300	7.910		7.910	
736	Xóa phòng học tạm tại trường MN Xuân Thượng huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2094 ngày 17/9/2019	4.500	3.600		3.600	
737	Xóa phòng học tạm tại PTDT BT THCS Nậm Sài, xã Nậm Sài (xã Liên Minh)	UBND thị xã Sa pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3617 ngày 31/10/2019	7.200	4.000		4.000	
738	Xóa phòng học tạm tại TH Tả Giàng Phìn (xã Ngũ Chỉ Sơn)	UBND thị xã Sa pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	961 ngày 10/9/2019	4.371	4.371		4.371	
739	Xóa phòng học tạm tại TH Hoàng Liên xã Bản Hồ	UBND thị xã Sa pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	956 ngày 6/9/2019	3.767	3.600		3.600	
740	Kè trường Tiểu học Sáo Mý Tỷ 1, xã Tả Van, thị xã Sa Pa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2242 ngày 30/6/2021	2.800	2.075		2.075	
741	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình của Trường Cao đẳng sư phạm (cũ) sau khi sáp nhập vào Đại học Thái nguyên	Phân hiệu ĐHTN tại tỉnh Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	3860 ngày 11/11/2020	9.000	9.000		9.000	
742	Nâng cấp trường THPT số 3 huyện Bảo Thắng (Hạng mục: Nhà đa năng và san gạt mặt bằng)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	1423 ngày 04/5/2021	5.600	5.600		5.600	
743	Trường PTDT Nội trú tỉnh	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1573 ngày 13/5/2021	100.000	100.000		100.000	
744	Trường PTDT Nội trú THCS&THPT huyện Bảo Thắng	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	4895 ngày 30/12/2020	90.000	90.000		90.000	
745	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật Trường Trung học Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh Lào Cai và vùng phụ cận	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3027 ngày 09/9/2020 3373 ngày 05/10/2020	120.900	120.900	1.000	119.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
746	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trường THPT số 1 huyện Bát Xát	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3136 ngày 26/8/2021	7.700	7.700		7.700	
747	Trường PTDTBT tiểu học Bảo Nhai A, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà.	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	2252 ngày 30/6/2021	5.000	5.000		5.000	
748	Xóa phòng học tạm Trường THCS Bảo Nhai	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	473 ngày 9/2/2021	4.500	4.500		4.500	
749	Xóa phòng học tạm tại trường Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 2	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	472 ngày 9/2/2021	3.000	3.000		3.000	
750	Xóa phòng học tạm Trường MG Lùng Cải	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	474 ngày 9/2/2021	1.800	1.800		1.800	
751	Xóa phòng học tạm tại trường MN Na Hối	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	471 ngày 9/2/2021	4.800	4.800		4.800	
752	Mở rộng diện tích và xây dựng Trường liên cấp tiểu học và trung học cơ sở xã Tung Chung Phố, huyện Mường Khương	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2629 ngày 23/7/2021	13.000	13.000		13.000	
753	Nhà đa năng trường THPT số 1 huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1921 ngày 07/6/2021	4.700	4.700		4.700	
754	Trường THCS thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1447 ngày 05/5/2021	14.900	14.900		14.900	
755	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường PTDTBT THCS số 3 xã Thái Niên, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3353 ngày 16/9/2021	14.600	14.600		14.600	
756	Trường TH số 1 TT Phố Lu, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	2413 ngày 09/7/2021	4.200	4.200		4.200	
757	Mở rộng, nâng cấp trường THCS Bắc Lệnh. Hạng mục: Nhà đa năng kế hợp nhà lớp học bộ môn và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1949 ngày 09/6/2021	9.000	6.300		6.300	
758	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp Trường THPT số 1 huyện Bảo Thắng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1381 ngày 20/6/2022	24.000	24.000		24.000	
759	Sửa chữa, nâng cấp Trường Mầm non Xuân Thượng, xã Xuân Thượng huyện Bảo Yên (điểm trường chính)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	405 ngày 15/2/2022	9.600	9.600		9.600	
760	Sửa chữa, nâng cấp Trường Nội trú thành Trường Mầm non Hoa Hồng, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	129 gày 20/01/2022	14.895	14.895		14.895	
761	Trường Mầm non Thượng Hà 1 huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1514 ngày 04/7/2022	16.100	14.637		14.637	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
762	Trường TH Phố Ràng 2 huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1516 ngày 04/7/2022	8.000	5.800		5.800	
763	Trường THCS số 1 Kim Sơn huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1512 ngày 04/7/2022	6.150	5.971		5.971	
764	Trường TH số 1 Điện Quan, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1513 ngày 04/7/2022	9.750	9.684		9.684	
765	Trường THCS số 1 Cam Cọn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1515 ngày 04/7/2022	8.000	7.435		7.435	
766	Trường MN Điện Quan, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1517 ngày 04/7/2022	16.800	15.600		15.600	
767	Trường MN Hoa Sen, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1519 ngày 04/7/2022	20.600	17.000		17.000	
768	Trường THPT số 1 huyện Si Ma Cai; hạng mục: Nhà lớp học + bộ môn; nhà ký túc xá số 1, số 2; ngoại thất và các hạng mục phụ trợ; phòng cháy, chữa cháy	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	16 ngày 15/7/2022	46.050	46.050		46.050	
769	Trường THPT số 1 huyện Bắc Hà; hạng mục: Nhà lớp học, nhà lớp học bộ môn, khu ký túc xá, công vụ, bếp ăn và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	16 ngày 15/7/2022	47.200	47.200		47.200	
770	Trường THPT số 2 Mường Khương; hạng mục Cải tạo, sửa chữa nhà lớp học + nhà hiệu bộ; kê chống sập lờ; khu vệ sinh cho học sinh bán trú.	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	871 ngày 27/4/2022	10.000	10.000		10.000	
771	Trường THPT số 1 Sa Pa	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	867 ngày 26/4/2022	18.000	18.000		18.000	
772	Trường THPT số 3 Mường Khương; hạng mục: Nhà lớp học bộ môn + khu vệ sinh bán trú	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	872 ngày 27/4/2022	14.300	14.300		13.478	
773	Trường THPT số 4 TP; hạng mục Nhà hiệu bộ kết hợp phòng học bộ môn 4 tầng + cải tạo 02 nhà lớp học + ngoại thất	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	986 ngày 16/5/2022	20.500	20.500		20.500	
774	Trường PTDTBT Tiểu học Trịnh Tường, huyện Bát Xát	Ban QLĐA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1123 ngày 01/6/2022	23.900	22.500		22.500	
775	Trường PTDTBT TH Sàng Ma Sáo, huyện Bát Xát	Ban QLĐA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	991 ngày 16/5/2022	26.500	25.000		25.000	
776	Trường Mầm non, Tiểu học và THCS Bản Xèo, huyện Bát Xát	Ban QLĐA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	956 ngày 10/5/2022	19.250	18.100		18.100	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
777	Trường mẫu giáo Dền Thàng, xã Dền Thàng, huyện Bát Xát	Ban QLĐA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	972 ngày 12/5/2022	15.850	14.350		14.350	
778	Trường Tiểu học số1 Xuân Quang (sáp nhập giữa Trường Tiểu học số1 với Tiểu học số 4 Xuân Quang), huyện Bảo Thắng	Ban QLĐA ĐTXD huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	04 ngày 19/4/2022	28.900	25.000		25.000	
779	Xây mới phòng học bộ môn và nhà đa năng Trường THCS số 2 xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1756 ngày 12/8/2022	18.000	18.000		18.000	
780	Trường Mầm non số 1 xã Kim Sơn, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1511 ngày 04/7/2022	10.950	10.400		10.400	
781	Trường THCS & THPT huyện Bát Xát	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2015-2016	1805 ngày 21/6/2019	43.530	43.530	30.432	6.998	
782	Khắc phục, sửa chữa thiệt hại Trường THPT số 1, huyện Bảo Thắng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3162 ngày 27/8/2021	900	900		782	
783	Nâng cấp trường THPT số 2 huyện Si Ma Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	1590 ngày 31/5/2018	10.000	10.000	3.000	6.292	
784	Xóa phòng học tạm tại trường PTDTBT THCS Dền Thàng	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020	7681 ngày 15/12/2021	2.777	2.777	900	1.877	
785	Xóa phòng học tạm tại trường Mẫu giáo Nậm Pung	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020	5703 ngày 17/9/2021	3.482	3.482	1.000	2.482	
786	Xóa phòng học tạm tại trường TH Nậm Pung	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020	5704 ngày 17/9/2021	2.305	2.305	700	1.605	
787	Trường THCS Kim Tân, thành phố Lào Cai, hạng mục xây mới nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2507 ngày 27/10/2022	14.000	9.800		9.800	
788	Trường THCS Tăng Lông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2684 ngày 10/11/2022	14.829	13.000		13.000	
789	Trường MN số 2 thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2687 ngày 10/11/2022	9.627	9.000		9.000	
790	Trường TH số 2 thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2690 ngày 10/11/2022	25.088	23.500		23.500	
791	Nhà đa năng cụm trường xã Sín Chéng	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2599 ngày 02/11/2022	6.000	6.000		6.000	
792	Trường Tiểu học Hàm Rồng, Phường Hàm Rồng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2823 ngày 18/11/2022	26.328	19.203		19.203	
793	Trường PTDTBT THCS Bản Hồ, xã Bản Hồ	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2826 ngày 18/11/2022	23.850	21.700		21.700	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
794	Trường THPT số 2 thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2781 ngày 17/11/2022	17.000	17.000		17.000	
795	Trường THCS Nậm Cang, xã Liên Minh	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2821 ngày 18/11/2022	8.906	8.510		8.510	
796	Trường Tiểu học Sừ Pán, xã Mường Hoa	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2822 ngày 18/11/2022	14.990	14.840		14.840	
797	Trường TH&THCS Võ Thị Sáu, phường Ô Quý Hồ, thị xã Sa Pa.	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2820 ngày 18/11/2022	19.500	17.000		17.000	
798	Trường Tiểu học Bản Khoang, xã Ngũ Chỉ Sơn	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2825 ngày 18/11/2022	23.158	21.830		21.830	
799	Trường PTDTBT Tiểu học Bản Khoang 1, xã Ngũ Chỉ Sơn	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2824 ngày 18/11/2022	18.013	15.560		15.560	
800	Trường MN Bản Hồ	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	3026 ngày 02/12/2022	18.000	15.600		15.600	
801	Trường mầm non số 2 thị trấn Mường Khương	UBND huyện M.Kương	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2956 ngày 28/11/2022	14.900	13.000		13.000	
802	Trường mầm non số 1 thị trấn Mường Khương	UBND huyện M.Kương	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2955 ngày 28/11/2022	22.000	21.400		21.400	
803	Trường Tiểu học thị trấn Khánh Yên (Mở rộng diện tích sang trường THCS)	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2973 ngày 28/11/2022	9.600	9.000		9.000	
804	Nhà đa năng cụm trường Tiểu học, Trung học cơ sở thị trấn Si Ma Cai	UBND huyện Si Ma Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2801ngày 18/11/2022	5.700	5.700		5.700	
805	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	1830 ngày 18/6/2020	14.600	14.600	4.380	9.832	
806	Trường THCS Lý Tự Trọng, thành phố Lào Cai, hạng mục xây mới nhà lớp học bộ môn, cải tạo nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2154 ngày 27/10/2022	14.800	10.360		10.360	
807	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục công trình trường Cao đẳng nghề đã xuống cấp	Trường Cao đẳng nghề	Tỉnh Lào Cai	2017-2018	3909 ngày 14/8/2017	5.597	5.597	4.480	573	
808	Xây dựng nhà vệ sinh tại Trường Mầm non Thái Giàng Phố	UBND huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	360 ngày 21/11/2018	196	123	122	1	
809	Nhà ở công vụ giáo viên trường MN xã Lùng Khẩu Nhìn	UBND huyện M.Kương	Tỉnh Lào Cai	2017	4192 ngày 02/11/2016	839	839	700	91	
810	Nhà công vụ giáo viên PTDTBT THCS La Pan Tẩn	UBND huyện M.Kương	Tỉnh Lào Cai	2017	2280 ngày 18/8/2017	525	525	450	62	
811	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non Văn Sơn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020	424 ngày 09/7/2019	3.600	3.600	1.080	2.489	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
812	Xóa phòng học tạm tại Trường MN&TH số 2 Dền Thàng	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020	419 ngày 09/7/2019	1.600	1.600	480	1.074	
813	Xóa phòng học tạm tại Trường Mầm non Nậm Xây	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020	428 ngày 09/7/2019	2.400	2.400	720	1.583	
814	Trường PTDT bán trú THCS Dền Thàng, xã Dền Thàng, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	1171a ngày 29/4/2020	6.000	6.000	1.500	3.761	
815	Cải tạo, sửa chữa nâng cấp Trường THPT số 2 huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1730 ngày 18/7/2023	8.793	8.793		8.793	
816	Nâng cấp trường THPT số 3 thành phố Lào Cai; Hạng mục: Nhà đa năng.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	2465 ngày 11/10/2023	4.788	4.788		4.788	
817	Nâng cấp Trường THPT số 2 huyện Bắc Hà (Hạng mục: Nhà lớp học và bộ môn, nhà cầu)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	1278 ngày 20/4/2021	4.200	4.200		3.925	
818	Quy hoạch chi tiết cụm trường PTDT nội trú, THCS và THPT; trường THPT số 1 huyện Sa Pa	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	2307 ngày 22/7/2020	533	533	381	52	
819	Trường MN Phan Si Păng	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	08 ngày 10/3/2023	30.535	17.300		10.000	
820	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cụm liên trường THPT, THCS và mầm non, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2927 ngày 19/9/2019	900	247	179	68	
821	Xây dựng mới xưởng thực hành sửa chữa ô tô, xưởng cơ khí, điện tử, điện lạnh	Trường Cao Đẳng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	833 ngày 14/4/2023	14.701	601		601	
822	Cải tạo, sửa chữa hạng mục nhà xưởng thực hành xây dựng, ngoại thất tại trụ sở Bắc Cường	Trường Cao Đẳng Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2175 ngày 29/9/2022	4.773	273		273	
823	Nâng cấp Trường THCS và THPT huyện Bát Xát (Hạng mục: Nhà hiệu bộ và nhà cầu)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	404 ngày 15/02/2022	6.500	6.500		6.039	
824	Bổ sung đường D3 (đoạn từ B4 - B5), Khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường, thành phố Lào Cai.	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	2061 ngày 01/7/2020	98.865	72.581	66.149	943	
825	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm hành chính mới huyện Sa Pa. HM: Tuyến đường giao thông HCI, san gạt mặt bằng, hệ thống thoát nước	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4832 ngày 30/10/2017	85.125	65.125		35.125	
826	Trụ sở làm việc các cơ quan hành chính huyện Sa Pa	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	3496 ngày 31/10/2018	197.850	177.850		100.850	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
827	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường DM3 (đoạn từ đường DN3 đến B9), phường Bình Minh, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	399 ngày 04/2/2021	6.200	6.200		5.787	
828	Phân hiệu đại học Thái nguyên tại Lào Cai, hạng mục Nhà ký túc xá, nhà bếp ăn phục vụ sinh viên Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	04 ngày 09/4/2021	45.000	45.000		44.073	
829	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài, TP. Lào Cai, đoạn 1 từ Km0+00 - Km1+544; Hạng mục: Bổ sung mặt bằng hai bên và các đường nhánh	Sở XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4795 ngày 28/12/2020	472.622	472.622		115.960	
830	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới tổ 11 phường Bắc Lệnh, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	4282 ngày 09/12/2021	35.000	35.000		30.000	
831	Cải tạo, sửa chữa, chống thấm dột tại trụ sở Bảo Tàng tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	2583 ngày 02/11/2022	2.200	2.200		2.076	
832	Cải tạo, nâng cấp công viên Hồ Chí Minh, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	3024 ngày 02/12/2022	25.000	25.000		23.870	
833	Hệ thống đường nội bộ, hạ tầng kỹ thuật trung tâm hành chính mới thị xã Sa Pa	Ban QLDA ĐTXD thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2026	614 ngày 05/3/2025	100.000	100.000		16.000	
834	Xây dựng cầu Bến Cóc kết nối tỉnh lộ 160 với Quốc lộ 70, huyện Bảo Yên	Ban QLDA CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2020-2023	3651 ngày 31/10/2019	55.000	40.000	400	30.834	
835	Đường giao thông nông thôn xã Sơn Hà, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2016-2017	975 ngày 03/4/2018	12.602	6.653	2.860		
836	Bồi thường GPMB thực hiện Dự án Khu công viên và vui chơi giải trí huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2017-2019	5366 ngày 30/11/2017	120.000	120.000	112.938		
837	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Đảng ủy-HĐND-UBND xã Khánh Yên Hạ, huyện Văn Bàn	UBND huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2022	903 ngày 30/10/2019	1.568	1.568			
838	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2923 ngày 25/11/2022	14.986	14.986		8.000	
839	Đường liên xã từ thôn Bản Mỏ xã Bản Qua đi thôn lâm Tiến xã Mường Vi, huyện Bát Xát	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2016-2018	3804 ngày 30/10/2015	13.662	13.662	11.000		
840	Cải tạo, sửa chữa Nhà thi đấu đa năng tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	992 ngày 26/4/2023	39.000	39.000		36.000	
841	Đền bù, GPMB dự án Khu Trung tâm hành chính mới huyện Sa Pa	UBND Thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	246a ngày 27/8/2018	550.000	402.782		150.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
842	Xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước, chiếu sáng lần dân cư tuyến đường T5 kéo dài, khu đô thị mới Lào Cai – Cam Đường	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1494 ngày 21/6/2023	1.180	1.180		933	
843	Xây dựng mới nhà khách, cải tạo nhà khách A, B và các công trình phụ trợ tại trụ sở tỉnh ủy, phường Nam Cường, TP Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	02 ngày 15/01/2024	65.000	65.000		42.100	
844	Công viên văn hóa Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	02 ngày 15/01/2024	14.208	14.208		12.500	
845	Trụ sở Đảng ủy – HĐND – UBND xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	2635 ngày 16/10/2024	14.500	14.500			
846	Cơ sở làm việc Công an phường Sa Pa thuộc Công an thị xã Sa Pa.	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2814 ngày 17/11/2022	24.000	9.000		100	
847	Cơ sở làm việc Công an phường Phan Xi Păng thuộc Công an thị xã Sa Pa.	UBND thị xã Sa Pa	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2813 ngày 17/11/2022	14.000	9.000		100	
848	Trường THPT số 2 Si Ma Cai ; hạng mục: Nhà lớp học bộ môn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1092 ngày 27/5/2022	12.200	12.200		10.067	
849	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu vực đồi Đài Truyền hình tỉnh cũ, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1824 ngày 31/5/2021	10.000	10.000		2.332	
850	Đường nhánh XT25 (đoạn từ XT10 đến XT14), phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2015-2018	2117 ngày 10/7/2015	7.297	7.298	5.297	796	
851	Xây dựng bãi đỗ xe xuất khẩu KB2	Ban Quản lý dự án xây dựng Khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	887 ngày 28/4/2022	50.000	50.000		40.000	
852	Đường nhánh XT20 (đoạn từ XT10 đến XT14), phường Xuân Tăng, TP. Lào Cai	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2015-2018	3040 ngày 20/11/2024	15.530	15.530		352	
853	Cải tạo sửa chữa trường THCS Kim Tân thành phố Lào Cai hạng mục: Xây mới nhà đa năng kết hợp phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1048 ngày 20/5/2020	13.000	9.100		10.200	
854	Trường Tiểu học số 1 Bảo Hà, huyện Bảo Yên (giai đoạn 1)	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2950 ngày 28/11/2022	12.000	11.000		11.300	
855	Trường MN Hoa Lan, huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	1518 ngày 04/7/2022	14.500	12.000		12.400	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
856	Trường Mầm non Cốc mỹ	Ban QLĐA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1004 ngày 17/5/2022	9.450	8.900		8.900	
857	Trường TH số 1 thị trấn Nông trường Phong Hải, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2691 ngày 10/11/2022	14.852	13.000		11.600	
858	Nội thất và thiết bị nhà khách, hội trường tại Trụ sở Tỉnh uỷ	Ban QLĐA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	2494 ngày 03/10/2024	14.900	14.900		10.000	
859	Kè bảo vệ biên giới sông Hồng khu vực mốc 96(2) đến 97(2) (giai đoạn II) xã Cốc Mỹ và xã Bản Vược huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2025		104.983	82.983		50.068	
860	Kinh phí GPMB Dự án Xử lý các vị trí tiềm ẩn tai nạn giao thông trên đoạn Km183-Km188, Quốc lộ 4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	2887 ngày 31/07/2024	25.000	4.000		4.000	
861	Kinh phí GPMB Dự án Sửa chữa đột xuất khắc phục sụt trượt nền, mặt đường tại Km 198+650/ QL.4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	2526 ngày 18/6/2024	9.833	3.000		3.000	
862	Kinh phí GPMB Dự án Sửa chữa đảm bảo ATGT cầu Thác Bạc Km91+870; Xử lý ngập úng đoạn Km135+198 - Km135+393, QL.4D, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	2772 ngày 19/7/2024	34.000	3.000		3.000	
863	Kinh phí GPMB Dự án Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và công trình trên đoạn Km0 - Km7+500; Chinh trang, bổ sung hệ thống báo hiệu đường bộ, an toàn giao thông trên QL.4E, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	2772 ngày 19/7/2024	51.297	3.000		3.000	
864	Giải phóng mặt bằng dự án Khẩn cấp khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông, xử lý cung trượt taluy dương tại Km112+026 Quốc lộ 4D (cầu cạn Sa Pa), tỉnh Lào Cai (do mưa lớn gây ra từ ngày 12/4/2025 đến ngày 14/4/2025)	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2025-2026	6 515/QĐ-CĐBVN ngày 29/4/2025	16.600	2.000		2.000	14,6 tỷ NSTW (SN chi hoạt động kinh tế đường bộ)
865	Dự án cải tạo, nâng cấp khu xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 1)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	2018-2024	2020,27/7/2014; 4213,29/9/2017; 224,06/2/2025	21.701	2.298	21.348	353	
866	Dự án cải tạo, nâng cấp khu xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 1)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tỉnh Lào Cai	2016-2023	4535,11/12/2015; 846,28/03/2025	21.132	99	21.033	99	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
867	Hạ tầng sau kè suối ngòi đum đoạn từ cầu Kim Tân đến cầu Bắc Cường phường Kim Tân	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2013-2016	1989,06/06/2017; 3141,13/7/2020	23.207	23.207	23.155	40	
868	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường T2 trong Khu công nghiệp Tăng Loỏng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1902,16/06/2025	20.000	20.000		3.000	
869	Sửa chữa, Nâng cấp, mở rộng tuyến đường T12, T19 trong Khu công nghiệp Tăng Loỏng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1902,16/06/2025	50.000	50.000		3.000	
870	Nhà ký túc xá 2 Phân hiệu đại học Thái nguyên tại Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2028	1883,14/06/2025	110.000	110.000		3.000	
871	Trường Cao đẳng Lào Cai hạng mục: Nhà lớp học và Văn phòng làm việc các khoa	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2028	1902,16/06/2025	115.000	115.000		3.000	
872	Mặt bằng + Đường giao thông nội bộ + Hạ tầng thiết yếu Khu cửa khẩu bản Vược, huyện Bát Xát	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2028	1388,03/05/2025	400.000	400.000		9.000	
873	Kè biên giới sông Hồng khu vực mốc 97(2) xã Bàn Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	Sở Xây dựng	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	12a,05/01/2021	66.563	66.563	66.563	1.808	
874	Cải tạo, sửa chữa, khắc phục hậu quả bão số 3 trên tuyến đường tỉnh lộ 161	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025	72,11/01/2025	8.057	8.057		7.000	
875	Cải tạo, xây dựng một số hạng mục của Đồn biên phòng cửa khẩu quốc tế Lào Cai cũ thành Trạm kiểm soát biên phòng Cửa khẩu quốc tế đường bộ	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025	1681,28/05/2025	13.500	13.500		4.000	
V	Các công trình hoàn trả Quỹ Phát triển đất	15				1.464.349	1.440.888	143.341	580.179	
1	San gạt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1)-Km9+353 (Nút giao đại lộ Trần Hưng Đạo) Tp Lào Cai	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2016-2023	1840 ngày 15/6/2016	325.272	325.272	2.000	110.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật phía sau trụ sở Khối II, khu đô thị mới Lào Cai - Cam đường	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2015-2022	3735 ngày 25/8/2017	81.283	81.283	2.000	10.000	
3	San gạt mặt bằng và xây dựng các tuyến đường BM2; BM3 (nối từ BM2 đến XT1) và các tuyến đường ngang phường Bình Minh Tp Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	600 ngày 10/3/2015; 1545 ngày 31/5/2019	236.285	236.285	14.364	65.605	
4	Tiểu khu đô thị số 13 khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2025	128/ ngày 18/01/2016; 661 ngày 17/3/2020	222.851	222.851	67.000	75.607	
5	Đường Trần Hưng Đạo kéo dài, thành phố Lào Cai, hạng mục: Mặt bằng hai bên đường Trần Hưng Đạo kéo dài, đoạn từ Km0+00 - Km1+544	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2022	1149 ngày 26/4/2019	178.586	178.586	20.000	121.538	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
6	Hạng mục sắp xếp dân cư tại chỗ phục vụ GPMB dự án cải tạo, nâng cấp QL 4E đoạn Km0-Km44+600 (Bắc Ngâm- TP Lào Cai)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2019	1277 ngày 29/4/2016	7.156	7.156	5.000		
7	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Sơn Mãn xã Vạn Hòa TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	3220 ngày 12/10/2018	69.199	69.199	1.000	20.946	
8	Khu TĐC phục vụ GPMB dự án đường tránh QL4D đoạn qua TT Sapa và dự án đường nối cao tốc HN-LC	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	66 ngày 20/5/2019	35.800	35.800	1.000	18.219	
9	San gạt mặt bằng và HTKT khu dân cư bên phải đường B12	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	1037 ngày 22/4/2019	29.377	29.377	1.000	15.220	
10	San gạt mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật tổ 23 phường pom Hán, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2022	3753 ngày 03/11/2020	24.287	24.287		19.845	
11	Đường B6 kéo dài, đoạn từ B10 đến D1 và mặt bằng hai bên , TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2020	1572 ngày 29/5/2020	48.932	48.932		18.000	
12	San gạt MB hạ tầng kỹ thuật và XD các tuyến đường M6,M7,M8,M9 Phường Bắc Cường, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	271 ngày 02/02/2021	60.000	60.000		22.000	
13	Đường giao thông B9, khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường. HM San gạt MB bên phải đường B9, đoạn từ đường B10 đến B12	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	3615 ngày 21/10/2015; 3221 ngày 12/10/2018	29.016	29.016	21.977	806	
14	Đường B10 khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường - HM: Mở rộng đường B10 và cấp điện, cấp thoát nước đoạn từ đường B6 đến đường D1.	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2016-2020	2061 ngày 21/8/2023;	108.305	84.844	8.000	76.811	
15	Di chuyển hệ thống cáp ngầm KV Trạm biến áp 110KV và hoàn thiện hạ tầng tạo quỹ đất, Phường Bắc Cường, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020-2021	3310 ngày 14/9/2021	8.000	8.000		5.582	
VI	Hoàn trả Quỹ Đầu tư phát triển	I				32.295	31.302		31.302	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên quỹ đất Bệnh viện sản nhi cũ, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai	Quỹ đầu tư phát triển	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	2975 ngày 25/9/2018	32.295	31.302		31.302	
C	NGUỒN THU TỪ HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ KIẾN THIẾT NGÂN SÁCH TỈNH					222.330	212.150	59.000	170.000	
I	Các dự án xây dựng cơ bản					222.330	212.150	59.000	152.354	
1	Phòng khám đa khoa khu vực Cốc Lếu, thành phố Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2014-2019	5026 ngày 10/11/20171092 ngày 21/4/2020	65.167	61.967	59.000	2.967	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
2	Trường THCS xã Minh Tân huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2021-2023	3449 ngày 21/10/2019	24.500	24.500		24.500	
3	Trường PTDT nội trú THCS&THPT Si Ma Cai; hạng mục Nhà đa năng, nhà công vụ giáo viên và sinh hoạt cộng đồng	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	959 ngày 11/5/2022	8.580	8.580		8.580	
4	Trường THPT số 2 Bảo Yên (Bảo Hà); hạng mục Nhà ký túc xá học sinh và công vụ giáo viên + bếp ăn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	994 ngày 16/5/2022	13.803	13.803		13.803	
5	Trường THPT số 3 Văn Bàn; hạng mục Nhà đa năng + ngoại thất	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	984 ngày 16/5/2022	5.600	5.600		5.600	
6	Trường THPT số 1 Bảo Yên; hạng mục Nhà ký túc xá và phòng ăn + bếp.	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	974 ngày 13/5/2022	10.000	10.000		10.000	
7	Trường THPT số 3 Bảo Yên; hạng mục Nhà đa năng, nhà lớp học bộ môn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	985 ngày 16/5/2022	12.800	12.800		12.800	
8	Trường THPT số 2 Sa Pa, hạng mục nhà công vụ + nhà bán trú kết hợp bếp ăn	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	1003 ngày 17/5/2022	18.000	18.000		18.000	
9	Xây mới khu ký túc xá, nhà bếp, nhà ăn, nhà xưởng Trung Tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Bảo Yên	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1091 ngày 27/5/2022	12.000	12.000		12.000	
10	Trường MN Hoa Mai thị trấn Phố Ràng	UBND huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1510 ngày 04/7/2022	21.000	19.000		19.000	
11	Trường MN số 2 Thượng Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1130 ngày 15/5/2024	11.880	10.800		10.304	
12	Xây mới trạm y tế xã Thượng Hà huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1130 ngày 15/5/2024	6.000	6.000		5.700	
13	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	150 gày 24/01/2022	13.000	9.100		9.100	
II	Nguồn chưa phân bổ chi tiết								17.646	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
D	NGUỒN THU ĐÓNG GÓP TỪ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐỂ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG VÀ KHẮC PHỤC MÔI TRƯỜNG					10.064.961	3.089.464	820.333	1.400.000	
I	Các dự án xây dựng cơ bản	33				10.064.961	3.089.464	820.333	1.204.703	
1	Cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 156 đoạn Ngòi Phát - A Mú Sung, huyện Bát Xát	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2010-2018	4318 ngày 5/10/2017	597.638	58.605	47.000	11.605	
2	Sửa chữa mặt đường đảm bảo giao thông ĐT 151, tỉnh Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2019	846 ngày 17/03/2021	2.639	739	450	289	
3	Sửa chữa mặt đường đầu cầu Khe Léch, xã Sơn Thủy, huyện Văn Bàn	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2018-2020	4538 ngày 14/12/2020	3.170	3.170	2.700	470	
4	Đường Sơn Hà (huyện Bảo Thắng) - Cam Cọn (huyện Bảo Yên)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2010 - 2019	904 ngày 22/3/2021	131.011	33.263	20.000	13.263	
5	Nâng cấp đường Dương Quỳ-Nậm Chày, huyện Văn Bàn	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2017-2020	4204a ngày 29/9/2017	43.867	12.034	6.000	6.034	
6	Kết nối tỉnh lộ 152 với đường Cao tốc Nội Bài-Lào Cai (Nút giao Phố Lu)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020 - 2023	2542 ngày 05/8/2020	150.000	150.000	25.000	116.000	
7	Nâng cấp tuyến đường Tỉnh lộ 151 (đoạn từ Km5+600m đến Km10+300m), thị trấn Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng	UBND huyện Bảo Thắng	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3830 ngày 29/10/2021	35.500	35.500		35.500	
8	Nâng cấp và mở rộng đường từ tỉnh lộ 151 qua Khu công nghiệp Tăng Loóng đến đường từ xã Xuân Giao đi cầu mới Phố Lu.	Ban Quản lý khu kinh tế	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1012 ngày 17/5/2022	44.100	44.100		44.100	
9	Nâng cấp và mở rộng đường từ tỉnh lộ 151 qua Khu công nghiệp Tăng Loóng đến đường từ xã Xuân Giao đi cầu mới Phố Lu.	Ban QLDA CTGT	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	993 ngày 16/5/2022	30.000	30.000		30.000	
10	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 160 đoạn từ thủy điện Vĩnh Hà đến Quốc lộ 279 (Km29-Km34), huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA CTGT	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	992 ngày 16/5/2022	30.000	30.000		30.000	
11	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 151B đoạn Chiềng Ken - Nậm Tha (Km23-Km47)	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2027	16 ngày 15/7/2022	144.000	144.000		98.200	
12	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 151B đoạn Nậm Tha - Phong Dụ Hạ (Km47-Km50+890)	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1028 ngày 20/5/2022	23.340	23.340		23.340	
13	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 161 cũ đoạn từ Km7+350 (Tỉnh lộ 157) - Km5+031 (đường Phố Mới - Bảo Hà), huyện Bảo Thắng	Ban QLDA ODA tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1029 ngày 20/5/2022	25.000	25.000		25.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
14	Xây dựng một số cầu và tràn trên tỉnh lộ 151	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2020 - 2022	3650 ngày 31/10/2019	35.000	35.000	16.500	10.934	
15	Cầu Ngòi Đường tại Km35+500 trên Quốc lộ 4E cũ, TP Lào Cai	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3457 ngày 31/10/2018	71.500	71.500	23.000	15.000	
16	Nâng cấp Tỉnh lộ 151 đoạn từ ngã ba Xuân Giao đến tỉnh lộ 152 (Km0-Km3+170)	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2020	3674 ngày 31/10/2019	60.215	60.215	15.333	21.380	
17	Cải tạo, sửa chữa Tỉnh lộ 151 đoạn từ Tầng Loòng đến giao với QL.279 (Km10+300-Km28)	Ban QLDA CTGT	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	16 ngày 15/7/2022	83.000	83.000		83.000	
18	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã ba Cơ điện (giáp đường sắt mỏ Apatit) đi Ngã ba Phân Lân, xã Tả Phời, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3933 ngày 05/11/2021	14.700	10.300		10.300	
19	Tuyến đường từ thôn Làng Dạ, xã Cam Đường đi khu tái định cư khai trường 7, thôn Sơn Lầu, xã Cam Đường, thành phố Lào Cai	UBND thành phố Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	3934 ngày 05/11/2021	7.500	5.250		5.250	
20	Nâng cấp tuyến đường kết nối Quốc lộ 70 với Quốc lộ 279, huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2024	1475 ngày 30/6/2022	31.000	26.000		26.000	
21	Đường Quý Xa, huyện Văn Bàn - Tầng Loòng, huyện Bảo Thắng	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2014-2018	656 ngày 21/3/2019	842.386	682.386	654.000	19.018	
22	Nâng cấp Tỉnh lộ 151 đoạn nối đường Quý Xa - Tầng Loòng với Tỉnh lộ 152	Sở GTVT-XD	Tỉnh Lào Cai	2019-2021	3555 ngày 31/10/2018	54.200	54.200	10.350	16.970	
23	Cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT156B đoạn từ Km28+400 đến Km30+100 (Đoạn từ ngã 3 xã Quang Kim đến công chào thị trấn Bát Xát) (giai đoạn 1)	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2924ngày 25/11/2022	38.600	24.052		24.052	
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến ĐT158 đoạn Km 40+500 đến Km 41+500 (Trung tâm xã Y Tý – Ngã 3 Phìn Hồ)	UBND huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	2925ngày 25/11/2022	16.000	16.000		16.000	
25	Nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 153 qua xã Nghĩa Đô đến Quốc lộ 279 huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	524 ngày 20/3/2024	30.000	30.000		28.500	
26	Cầu Phú Thịnh nối Quốc lộ 4E với khu đô thị Vạn Hòa, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	16 ngày 15/7/2022	450.000	196.000		80.000	

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án			Lũy kế vốn đã bố trí hết 2020	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh			
27	Đường Cao tốc Nội Bài-Lào Cai đoạn Km244+155-Km262+353 (Từ điểm cuối giai đoạn 1 đến cầu Kim Thành) tỉnh Lào Cai	Sở Giao thông vận tải	Tỉnh Lào Cai	2008-2021	2135 ngày 13/11/2020 1384 ngày 13/6/2012	4.893.595	206.882		154.046	
28	Cầu biên giới qua sông Hồng tại xã Bản Vược và hạ tầng kết nối Dự án thành phần 2: Nâng cấp tỉnh lộ 156 (Kim Thành - Ngòi Phát) đoạn từ cầu Quang Kim đến nút giao với đường BV32 và BV 28 và san Gạt mặt bằng hai bên đường chiều sâu 50m	Ban QLDA ODA và ĐTXD	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	1416 ngày 22/6/2022; 4027 ngày 15/11/2021; 1743 ngày 26/5/2021	780.000	218.928		113.000	
29	Cầu biên giới qua sông Hồng tại xã Bản Vược và hạ tầng kết nối Dự án thành phần 1: Xây dựng cầu biên giới qua sông Hồng; nâng cấp tỉnh lộ 156 đoạn Kim Thành - Ngòi Phát đoạn từ nút giao với đường BV32 và BV28 đến giao với đường BV19	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	1415 ngày 22/6/2022	670.000	53.000		22.700	
30	Đường kết nối từ nút giao IC18 đến cụm công nghiệp Thống Nhất 1, thành phố Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2028	1955,19/06/2025	210.000	210.000		35.000	
31	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 156 đoạn Bản Vược - Ngòi Phát (Km12+000-Km17+000)	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2028	1851,12/06/2025	427.000	427.000		62.752	
32	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 157 đoạn từ nút giao đường Làng My - Đồng Ân đến giao QL.4E (Km39+100 - Km43+000)	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1851,12/06/2025	30.000	30.000		9.000	
33	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 154 đoạn Tả Thàng - Ngã ba Cốc Ly (Km90+000 - Km95+500, tương ứng Km88+000 - Km93+500 ĐT.154 cũ)	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1851,12/06/2025	60.000	60.000		18.000	
II	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện								195.297	

BIỂU SỐ 13
BIỂU KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN XÃ HỘI HOÁ

Kèm theo Nghị quyết số: 14/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó:			
							NSTW	NS tỉnh và vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG NGUỒN	25				1.726.175		587.928	424.378	
A	Đóng góp của các doanh nghiệp thủy điện nộp vào ngân sách tỉnh								15.490	
B	Đóng góp của Tập đoàn than khoáng sản - TKV nộp vào ngân sách tỉnh	4				673.000		170.000	160.000	
1	Xây mới bệnh viện đa khoa tỉnh Lào Cai (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	1066,09/04/2025	380.000		130.000	70.000	
2	Bệnh viện đa khoa huyện Bảo Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2023-2025	1091,10/04/2025	58.000		25.000	25.000	
3	Bệnh viện Đa khoa huyện Văn Bàn	Ban QLDA ĐTXD huyện Văn Bàn	Tỉnh Lào Cai	2021-2024	1239,22/04/2025	235.000		15.000	15.000	
4	Nguồn còn lại chưa phân bổ								50.000	
C	Nguồn thu đóng góp từ Quỹ cứu trợ tỉnh	21				1.053.175	652.127	417.928	248.888	
*	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện	21							96.670	
*	Phân bổ chi tiết đợt này	21				1.053.175	652.127	417.928	152.218	
I	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	6				382.000	231.800	150.200	82.250	
1	Xử lý sụt lở đường tỉnh 156B đoạn Bản Vược - Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2026	1066,09/04/2025	40.000	27.000	13.000	6.000	
2	Khắc phục ùn tắc do mưa lũ đường tỉnh 157 tại Km23+500	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2026	1091,10/04/2025	25.000	20.000	5.000	2.000	

STT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó:			
							NSTW	NS tỉnh và vốn khác		
3	Xử lý sụt lở đường tỉnh 162 đoạn Quý Sa - Tầng Loỏng	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2026	1239,22/04/2025	26.000	14.800	11.200	7.500	
4	Xử lý sụt lở đường tỉnh 158 đoạn A Mú Sung - A Lù	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1219,21/04/2025	70.000	50.000	20.000	10.000	
5	Cải tạo, sửa chữa, khắc phục hậu quả bão số 3 trên tuyến đường Nậm Tông - xã Nậm Lúc, đường Nậm Kha 2, đường Cô Tông, Bản Vàng	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025-2027	1240,22/04/2025	216.000	120.000	96.000	55.000	
6	Hỗ trợ khẩn cấp nhằm khắc phục thiệt hại và phục hồi sau cơn bão số 3, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD CTGT tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2025	3367,15/12/2024	5.000		5.000	1.750	
II	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1				95.000	40.200	56.800	40.468	
1	Xử lý sạt lở và ổn định mái taluy sau Trường Chính trị tỉnh Lào Cai (đoạn phía sau làn dân cư tổ 12, phường Nam Cường)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	Tỉnh Lào Cai	2024-2026	1020, 04/4/2025	95.000	40.200	54.800	40.468	
III	Huyện Bát Xát	3				310.235	264.181	60.934	15.500	
1	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Bản Xèo - Dền Sáng - Y Tý, huyện Bát Xát	Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	2972,18/8/2021; 209,27/01/2022; 2335,17/9/2024; 1259,23/4/2025	211.373	189.091	22.282	10.000	
2	Đầu tư xây dựng phân khu du lịch Y Tý (huyện Bát Xát), thuộc khu du lịch Quốc gia Sa Pa	Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	2225,03/10/2022; 2159,23/8/2024; 1132,14/4/2025	82.292	73.834	8.458	5.000	
3	Đường từ Km2+200 Tỉnh lộ 158 đến đường tuần tra biên giới, đoạn từ thôn Bản Pho đến thôn Lũng Pô, xã A Mủ Sung, huyện Bát Xát	Ban QLDA ĐTXD huyện Bát Xát	Tỉnh Lào Cai	2020-2025	3606,31/10/2019; 1670,09/6/2020; 885,28/4/2022; 1238,22/4/2025	16.570	1.256	15.314	500	
IV	Huyện Mường Khương	4				67.135	8.340	58.795	1.400	
1	Xây dựng tuyến đường ĐT154 - Ma Cái Thàng, xã La Pán Tẩn, huyện Mường Khương	Ban QLDA-ĐTXD huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2017-2025	855,28/03/2025	16.613	1.482	15.131	300	
2	Đường liên xã từ thôn Pạc Trà xã Tả Gia Khâu đến thôn Na Cồ, xã Dìn Chín, huyện Mường Khương	Ban QLDA-ĐTXD huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	857,28/03/2025	20.300	4.280	16.020	600	
3	Nâng cấp đường từ Trung tâm xã Pha Long đến cửa khẩu phụ Lò Cò Chín, xã Pha Long, huyện Mường Khương	Ban QLDA-ĐTXD huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2019-2025	853,28/03/2025	15.300	1.440	13.860	250	

STT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/BCKTKT/Dự án				Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư				
						Tổng số	Trong đó:			
							NSTW	NS tính và vốn khác		
4	Nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 4D đi xã Cao Sơn, huyện Mường Khương	Ban QLDA-ĐTXD huyện Mường Khương	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	856,28/03/2025	14.922	1.138	13.784	250	
V	Huyện Bắc Hà	6				173.277	105.186	68.091	10.100	
1	Đường Tả Cù Tỷ, huyện Bắc Hà đi UBND xã Bản Ngò, huyện Sín Mần, tỉnh Hà Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	1092,10/4/2025	105.600	92.480	13.120	5.000	
2	Cầu Nậm Kỳ nối thôn Sả Mào Phố - thôn Nậm Sôm, xã Tả Cù Tỷ, huyện Bắc Hà	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	45,07/3/2025	13.000	2.800	10.200	2.000	
3	Nâng cấp đường liên xã từ thôn Nậm Giá, xã Cốc Ly đến thôn Phéc Bùng, xã Bản Phố, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	1069,09/4/2025	17.195	2.560	14.635	450	
4	Đường liên xã từ thôn Nậm Đét, xã Nậm Đét đến thôn Cốc Đàm, xã Nậm Lúc	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2021-2025	1030,06/4/2025	15.782	4.786	10.996	450	
5	Đường liên xã từ thôn Nậm Đét, xã Nậm Đét đến thôn Cốc Đàm, xã Nậm Lúc, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai (Km0+00-Km2+600)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	46,07/03/2025	17.700	2.560	15.140	400	
6	Khắc phục bão lũ tuyến đường liên thôn từ thôn Sông Lằm đến thôn Sín Chải xã Tả Cù tỷ	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	2024-2025	67,12/04/2024	4.000		4.000	1.800	
VI	Huyện Bảo Yên	1				25.528	2.420	23.108	2.500	
1	Đường Tân Dương - Thượng Hà, xã Tân Dương, huyện Bảo Yên	Ban QLDA-ĐTXD huyện Bảo Yên	Tỉnh Lào Cai	2022-2025	3655,31/10/2019; 2472,24/10/2022; 1218,21/4/2025	25.528	2.420	23.108	2.500	